

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Trần Vũ (I)

#### Tiểu sử

Sinh năm 1962 tại Sài Gòn.

#### Tác phẩm

Hiệp hội tương tế Bắc Việt Nghĩa trang,  
Buổi sáng sinh phần, Thượng Uyển bỏ hoang.



*Nude - Tranh Khánh Trường*

tranh Khánh Trường  
(xem *Làn da Kim Khánh* – tr 96)

### Mục Lục

Hiệp hội tương tế Bắc Việt Nghĩa Trang – 2
Nhà văn Trần Vũ – Văn Học – 18
Buổi sáng sinh phần – 19
Trường hợp Trần Vũ - Thụy Khuê – 31
Cánh đồng mùa gặt khô – 36
Nhà văn Trần Vũ – Nguyễn & Bạn hữu - 41

#### Phụ đính I

Lưng trần - Pháo thuyền trên dòng Yang Tsé  
Thượng uyển bỏ hoang - Nhánh sông sao thử bước vào...

#### Phụ đính II

Khánh Trường và Hợp Lưu - 74  
Làn da Kim Khánh - 96

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Hiệp hội tương tế Bắc Việt Nghĩa Trang

*“Hiệp hội tương tế Bắc Việt Nghĩa trang” kể lại chuyến trở về Việt Nam đầu tiên của tác giả sau 15 năm xa quê hương. Đây là một bút ký hay, xúc động với văn phong giàu cảm xúc. Thời gian, không gian trong truyện hoán chuyển liên tục, phản ánh tâm trạng xao động dữ dội của tác giả khi trở về Việt Nam nhớ lại tuổi thơ và những năm tháng đã qua của mình. Đọc để thấu hiểu về một thế hệ “chưa kịp hình thành đã vội tan vỡ” trong một giai đoạn đầy biến động của đất nước. - Ban Mai giới thiệu.*

\*\*\*

Tôi mang gương mặt của đứa trẻ trong hình bước chân vào Bắc Việt nghĩa trang lần cuối buổi sáng tháng 5. Buổi sáng K vươn cánh tay khẳng khiu múa máy trong không khí. Tôi đếm một, hai, ba, như tôi vẫn hay đếm trước những ngôi mả xanh mướt ánh mắt người chết. Hành lang sáng. Thứ ánh điện trắng lạnh lẽo. Tôi đếm một, hai, ba, như tôi luôn tránh những ánh mắt người chết đăm chiêu, có khi trong vạt dưới mưa, như thể trong trắng hầy còn sống long lanh giặn dữ. Tôi mang gương mặt đứa trẻ đến chào dòng họ lần cuối. Buổi sáng có mưa, nắng rải rác, thứ mưa nắng thất thường nhiệt đới. K đạp xe phía trước, anh chưa hoá quỷ. Hai anh em gọi xe trước cổng. Bà cụ bán nhang vẫn chít khăn nhiễu, hàm răng đen, mà mỗi lần trông thấy tôi vẫn cảm giác kỳ lạ.

- Bác mua hộ nhà cháu bó nhang.
- Sao bà già vậy mà xưng cháu hờ Thầy?

Tôi ngược hỏi. Thầy luôn nghiêm khắc, trong trí não tôi không sao có thể gọi bằng Bố, dù suốt quãng thời niên thiếu tôi không hề gọi bằng Thầy. Có một phiến kính vô hình ngăn trở giữa tôi với Bố Mẹ. Mỗi tháng, tôi theo Bà vào nghĩa trang, gió vòng lên hai vạt áo dài của Bà phát bay phía trước. Tôi luôn dụi mặt vào ngấn cổ chị ở thiêm thiếp giấc ngủ chập chờn giữa những ngôi mả. Đôi lúc tôi lăm chằm bước theo Thầy, vẫn giữa hai hàng mả quen thuộc với những đôi mắt không bao giờ khép.

Buổi sáng bước chân lên trung học đệ nhất cấp, Thầy dẫn tôi vào nghĩa trang cúng bái. Tôi bắt đầu trông rõ xã hội vây quanh mình. Xã hội nhỏ bé, giới hạn từ ngôi nhà mặt tiền trên đại lộ Hai Bà Trưng đến trường Taberd có chiếc cổng sắt sơn xanh to lớn, nặng nề, đóng sầm ở mỗi tiếng keng và bóng các sư huynh thướt tha trong tấm áo dòng che dấu ác độc. Xa hơn nữa, làng Đại Học Thủ Đức, nơi Bà cho chúng tôi về tắm piscine mỗi cuối tuần, trong villa gia đình lặng lẽ.

Ngôi biệt thự ở số 221 đường Yersin làng Đại Học Thủ Đức cũng im vắng như nghĩa trang, không bóng người ở. Chỉ chú Lễ mở cổng và tiếng sỏi rạo rạo dưới bánh xe. Bao giờ bà cũng cho chúng tôi tắm hồ bơi hai tiếng rồi chú Lễ đánh xe về. Hai tiếng, bằng khoảng thời gian tôi với K ở nghĩa trang. Bà cụ chậm chạp rời lớp ny lông với mấy ngón tay héo úa, tôi còn nhớ như in ngón cái bẻ quặp vào trong khó khăn lôi mấy bó nhang đã bạc thếp. Lần nào Thầy cũng mua, dù ở nhà Bà đã dặn đem theo nhang thắp. Tôi biết Thầy mua giúp. Tôi chỉ không hiểu vì sao bà cụ già lẩm, nhăn nheo, khô khốc, chiếc khăn nhiễu không che hết quắt queo đã xưng Cháu với Bác. Thầy bằng tuổi tôi bây giờ. Thầy cũng chết trẻ, như tất cả đàn ông trong họ chết trẻ, nhà này chỉ có phụ nữ sống lâu, Bà bảo vậy.

- Người Bắc những nhà nghèo xưng thế.

Thầy đưa tiền cho bà cụ, giải thích. *Người Bắc?* Tôi hay nghe thấy hai chữ này, suốt thời niên thiếu. *Người Bắc?* Thứ người tôi vẫn chưa sao phân biệt giữa những khuôn mặt khách thăm viếng lễ Tết, chỉ trông thấy rõ rệt họ nằm đây, trong nghĩa trang này.

- Con là người gì?

- Con là người Bắc di cư.

Thầy trả lời. Tôi hiểu, tôi thuộc về thế giới của người chết, đang nằm đây, và chỗ của tôi bên cạnh họ. Ngôi chùa có mái tủa cánh sen, rộng lớn. Thầy luôn lễ ở chùa, rồi ra miếu Thổ Thần, Thành Hoàng. Mùi nhang khói in đậm suốt tuổi thơ, phải hát ở bậc tam cấp. Thứ hơi u uất, mà chỉ người, tôi biết ngay mùi của người chết. Khu đất mênh mông, mộ lập san sát trùng điệp kín mít. Tôi đã nghĩ, tất cả người Bắc chôn ở đây. Suốt tuổi hoa niên, nắng phủ trùm lên những dãy bia không chấm dứt.

- Phú Thọ, Nam Định ở đâu Thầy?

Tôi chạm tay lên vách đá. Những chữ khắc trên văn bia ghi những địa danh xa lạ, cũng đầy xa lạ như tấm bình phong chắn xa cừ thô nhám. Tôi chưa bao giờ trông thấy những kiến trúc nhà ở thu hẹp hiu hắt đến vậy. Rõ ràng là một ngôi nhà, có cổng uốn, rào sắt, tường vây, một hồ nước với sân bãi đường lung linh nắng. Dăm gốc hoa dâm bụi, một rặng giấy buông lay lắt, rõ ràng một cảnh đời tiếp tục trong chờ đợi.

Tôi đọc mấy chữ Chánh quán Phủ Nho Quan, sinh quán Móng Cái, Quảng Ninh hưởng dương, thất lộc... không hiểu, những nơi chốn tôi chưa hề nghe thấy.

- Phú Thọ là chỗ ông nội mở hiệu thuốc Bắc, Nam Định ông chú có hiệu bánh ở đấy. Thầy kiên nhẫn giảng giải. Tôi khám phá đất Bắc trên bia mã.

- Bác mua hộ nhà cháu bó nhang.

Bà cụ chít khăn chữ nhất, răng đen suốt, mòi. Vẫn bà cụ tháng trước, năm trước, mười năm trước. Vẫn túi xách phủ ny lông, luôn ở đó từ khi tôi biết đến chỗ chôn người Bắc. K mua bó nhang. Cừ chỉ K y hết Thầy, từ cách móc ví, trả tiền, nhận tiền thối, đến lời cảm ơn, cũng là lời cảm ơn Thầy dạy chúng tôi cách cư xử với người lớn. Bà cụ rờ ny lông rồi bao lại dưới mưa, không khác. Thầy đã vào nằm trong nghĩa trang bốn năm trước. Ngày đưa ma, tôi nhớ bà cụ ngồi đó, sao bà cụ không nhớ? Buổi sáng tháng 5, mưa lất phất, Sài Gòn vừa thất thủ 13 ngày, đám ma không kèn trống, tôi lếch thếch đi sau áo quan Thầy, K ôm ảnh, tôi cầm bát nhang, hương khói ràn rụa. Cô Lìn khóc hết nước mắt. Cô Cẩm, cô Sin ngắt xiu, chú Hối, chú Ôn, chú Hênh tắt tả, anh cả mất rồi. Tôi không khóc, tôi quay nhìn bà cụ vẫn ngồi ở đó. Bà không đi đưa. Theo tục lệ người Bắc, chồng chết vợ không đưa ma, Bà bảo vậy. Tôi không khóc, tôi được 12 tuổi, gió phát tấm khăn xô tôi đội đầu tiên trong đời. Đám tang Ông, tôi 4 tuổi, Bà dấu tôi trong bệnh viện bác sĩ Nguyễn Duy Tài ở đường Duy Tân, sợ tôi ám ảnh cái chết. Đám tang chị Zính tôi chưa sinh ra, tôi đưa ma lần đầu với cái chết của Thầy ngày miền Nam sụp đổ. Tất cả gia đình tôi chôn ở đây. Tôi muốn hỏi bà cụ có biết? nhưng K đã kéo đi.

Buổi sáng. Bàn tay K lạnh. K nắm tay tôi qua những ngôi đất. Cũng như lần chót tôi nắm tay anh. Không. Đứng hơn anh nắm tay tôi, lạnh cứng. Tôi thở ra khói, những tấm rèm rũ, tôi cúi xuống để không trông thấy mặt K. Tôi đếm một, hai, ba, ước ao có ai đó ở bên cạnh, có ai đó đứng cưỡi ở cửa, có ai đó đốt hộ điếu thuốc, và có Bà để tôi ngã vào lòng khóc oà.

- Con phải thuộc lối đi để sau này vào thăm gia tộc.

Thầy vừa đốt vàng mã, vừa dặn. K thừa vâng. Bao giờ K cũng có hiểu, nghe lời. K không giống tôi, luôn thắc mắc. Buổi sáng nắng trì chiết khói nhang, thứ nắng nặng nề, phải sau này tôi mới hiểu, chỉ có ở Việt Nam. Hai anh em bước qua dãy mã. K không kiếm ra lỗ đất, tôi phải hướng dẫn. Tôi không thuộc lối, nhưng thuộc những mặt người. Những ông lão trai tơ, những cụ bà vợ hiền lập mộ, đến đó phải quẹo. Trịnh Thu Thủy, có đôi mắt sáng, môi tươi, nằm ở đầu lối rẽ vào mã chị. Buổi sáng K phát cỏ, tôi bắt đầu khám phá những người khác phái có sức thu hút kỳ lạ, ngay cả sau khi chết. K quét mã. Tôi rờ mấy bánh oản, giấy bóng kính xanh đỏ. Chị Zính mất năm 7 tuổi, tôi chưa biết mặt. Bà nói chị rất thiêng. K van vái xin chị phù hộ cho chuyển đi sắp tới. Tôi chưa hiểu tính cách trầm trọng của cuộc ra đi, chỉ biết mình sẽ

không bao giờ được chôn trong Bắc Việt nghĩa trang. Hôm đó, tôi đã hỏi K, vì sao gia đình mình người Tàu nhưng chôn trong nghĩa trang Bắc Việt? K không biết tại sao, chỉ trả lời có lẽ do thói quen, không thiếu một ai, từ đời ông cho đến đời chị, cả Bà còn sống nhưng cũng đã mua sẵn cho mình một kim tĩnh bên cạnh chỗ Thầy. Chỉ thiếu có tôi và K, những đứa cháu đích tôn của một giòng họ chỉ mới lưu lạc từ Trung Hoa sang Việt Nam chưa quá một trăm năm. Một giòng họ Quảng Đông đã chọn nghĩa trang của người Bắc làm nơi an nghỉ.

\*\*\*

Tôi mang gương mặt của đứa trẻ trong hình 15 năm sau trở về. K vươn cánh tay lên múa máy. Đôi tay anh khẳng khiu như cánh tay vũ công ballet chấp chới, cổ nắm nít sự sống thay cho đôi chân đã bất động. K đang hoá quỷ. Tôi sợ hãi đếm một, hai, ba, mong cho hành lang không chấm dứt. Tôi đếm một, hai, ba, sợ hãi hành lang hun hút, muốn tắt cả biển đi, đừng bao giờ hiện diện. Hơi nóng dồn lên ở cửa. Tấm kiếng mở ra hắt dội tiếng động vỡ bùng. Âm thanh hỗn loạn. Tiếng la hét. Chưa bao giờ tôi rơi vào chuỗi âm thanh hỗn độn đến vậy. Thứ âm thanh của những ngày cô nhi viện đứng trên nóc chuông nhà nguyện trông xuống cánh đồng mệnh mỏng vàng cháy, im phất, tựa một bức tranh tĩnh vật vô hồn, vô cảm, tôi đã thêm quay quắt nhớ rã rời tiếng súng AK trong đêm tối, tiếng M-16 bắn trả, và tiếng xích sắt của thiết vận xa M-113 quần nát mặt đường. Tôi mặc áo mới, buổi chiều mừng 2 Tết, ống tay là thẳng như tuổi thơ ngăn nắp. Tôi đứng trên sân thượng đếm tiền lì xì, phong bao đỏ phẩm, tôi trốn K, sợ K biết tôi nhiều tiền hơn. Tôi bất chợt trông thấy lính Mỹ ở building đối diện đặt súng đại liên bắn xối xả xuống lòng đường chỗ hiệu phở Bình góc Yên Đỗ, nơi đặc công Bắc Việt xuất phát. Những đường đạn reo kinh dị. Súng nổ inh tai như pháo sáng mừng một hầy còn đó thẳm trước cửa nhà. Tôi say mê tiếng súng như đã mê đốt pháo, cùng lúc sợ hãi, bưng lấy tai, Bà hét gọi chị Ni bế tôi xuống. Chị Ni chạy quỳnh quáng. Tôi quắp lấy chị ở như vẫn hay quắp lấy chị những sáng tảo mộ trốn những gương mặt người chết. Thầy không cho vận đèn, ngôi nhà bốn tầng tối om. Tôi vít lấy Bà, cố đoán trên gương mặt Thầy những âu lo từng chập theo tiếng súng an nguy râm ran, thấp thỏm rồi đứt quãng dưới chân cầu thang nơi cả nhà tùm tùm đầy sợ hãi. Khi có tiếng trực thăng phản phật muốn thổi bay mái, gương mặt Thầy rạn vỡ, Phía mình thẳng rồi, Thầy nói trong hơi thở. Tôi ngừng lên trông thấy hân hoan trong mắt Thầy. Tôi ngừng lên trông thấy chiến thắng trong phim Cao Bồi. Tôi thiếp vào giấc ngủ khi Thủy Quân Lục Chiến dọn dẹp khu phố. Tôi thiếp vào giấc ngủ với ý nghĩ Phía Thầy thẳng rồi, với giấc mơ trẻ thơ, tôi làm kỵ binh áo xanh bắn rụng từng tên mọi da đỏ dưới chân cầu Kiệu.

K bơi trong vũng nước đen. Cánh tay anh vốc lên rồi thả xuống, chậm rãi, đều đặn. Tôi bơi theo K trong giấc ngủ. Mặt nước loáng loáng trong suốt. Tôi trông rõ cả thân anh đang hoá quỷ. Da thịt đen xạm và tóc rụng trắng. Nước lùa những lọn tóc trắng trôi nhấp nhô, giữa đầm lạnh toát. Tôi gạt tóc, bơi trong nước đen sẫm. K bơi phía trước. Hai vách đá hai bên thẳng đứng, những mỏm đá nhọn hoắc, chúng tôi bơi ra cửa biển. Tất cả xám tuyệt vọng, tựa những fjord Phần Lan buổi tối băng giá. Nước lạnh buốt. Tôi cất tiếng gọi, nhưng anh vẫn bơi mãi miết, về phía trước, hững hờ thăm thẳm cứ mỗi lúc một lớn dần trôi hút cả hai anh em về một phía. Tôi nhận ra cõi chết. Tôi muốn đuối, nước vỗ mang tai hắt dội tiếng đập của lòng ngực. Hai chân tôi tê cóng, tựa liệt, tôi cảm giác bị liệt, cảm giác rõ rệt sự chối từ của thân xác, nước tiếp tục chảy xiết đẩy K xa dần. Tôi mơ giấc mơ đó nhiều lần, giữa đêm, khi về sáng, trên cả chuyến bay trở về.

Cánh cổng mở ra. Nắng hực lên lưới kiểm soát đứt đôi người mà tôi không kịp nhận biết. Nắng phùng lửa như lúc Thầy hắt rượu tống đạt vàng mã.

- Quê con ở đâu Thầy?

Tôi hỏi, say mê ánh lửa xanh phả phất mùi rượu đế. Lửa cuốn lên tro của mỗi mùa tựu trường tôi luôn ngạc nhiên nghe đám bạn kể chuyện về quê. Đưa về Cần Thơ, đưa xuống Sóc Trăng,

đưa đi Long Xuyên hay ra Đà Nẵng. Ông tao có cặp trâu trắng hết xẩy. Bà tao nuôi ong lấy mật cho tao uống. Tất cả hương quê và ông bà dậy lên câu chuyện. Tôi không đi đâu chỉ biết Sài Gòn, xa lắm xuống Ô Cấp một hai tuần tắm biển. Tôi không có quê hay đúng hơn quê tôi ở trong nghĩa trang.

- Quê nội con ở Vĩnh Phú, có sông Thao, quê ngoại con ở Sơn Tây.

Thầy trả lời chậm rãi. Thầy hay kể về những danh lam thắng cảnh miền Bắc mà tôi không bao giờ trông thấy, không bao giờ có thể thăm viếng, nhiều lần chạm tay lên vách má, mừng tượng sau những chữ khắc, trong đôi mắt người chết, một chút thôn quê, những cánh đồng đất Bắc thổi lướt mưa phùn, những bãi rươi tháng 5 ở Hải Phòng, khu Tam Đảo mù sương, mái chùa Hương chót vót hay mái chùa Thầy tịch liêu, quê tôi thật sự ở trong Bắc Việt nghĩa trang.

Nắng loá mắt. Tôi đẩy xe khó khăn. Mọi người chen lấn. Tôi nghe tiếng Bà gọi, thất thanh mà rất nhỏ, chìm lẫn trong hỗn độn của phi trường. Nhưng tôi nghe thấy, tiếng Bà tôi không sao quên, tôi nghe mỗi đêm, từng đêm của cô nhi viện một mình tôi trần trổ trong dortoir lạnh buốt hoang vắng.

- Vũ, Mẹ đây. Anh đâu?

Bà ngồi bẹp ở hàng rào sắt cổ lùa cánh tay xương nắm niu. Cánh tay bà cũng khẳng khiu như cánh tay K, muốn nắm lấy tay tôi lần nữa. Bà ngồi bẹp giữa đám đông xô đẩy. Dáng Bà y dáng bà cụ bán nhang ngồi trước cổng Bắc Việt Nghĩa Trang. Hàng rào sắt ngăn cách như phiến kính vô hình suốt tuổi thơ đã ngăn trở tôi với Bà. Bà quất queo, nhăn nheo y bà cụ nghĩa trang. Tôi gọi Mẹ. Cánh tay bà chới với. Phi trường Tân Sơn Nhất như một chợ cá. Bà nắm lấy tay tôi như K đã nắm lấy tay tôi lần chót.

- Vũ, Mẹ đây. Anh đâu?

Giọng Bà khản, hốt hoảng. Tôi không kịp suy nghĩ. Tôi không thể suy nghĩ. Nắng chói chan như nắng ở nghĩa trang. Hơi nóng, hơi người lấn đầy. Tôi vẫn chưa ra khỏi hàng rào sắt. Tôi bực bõ, tại sao tổ quốc không xây nổi một nhà đợi cho những bà mẹ Việt Nam đợi con đợi cháu, trong bóng râm, trên ghế nệm? Tại sao tổ quốc bắt Bà ngồi bẹp trên lề đường như ăn mày? Bà không ăn xin, Bà chỉ đợi tôi, mười lăm năm. Sân bay khinh người. Sân bay chỉ biết tính thuế phi trường.

- Vũ, Vũ, chị đây.

- Vũ, Vũ, cô đây.

Chị N khóc. Chị léch thếch, quần áo xốc xếch, nhàu nát. Tôi nhìn chị ngỡ ngàng. Chị hoa khôi Thiên Phước, hoa khôi Les Lauriers, Marie Curie, nữ sinh trường Đầm, bé bé Nhí, mặc chiếc áo đầm cũ nát tôi gọi về 10 năm trước. Cô Lìn xanh tái hơn ngày đưa tiễn Thầy.

- *Chời ơi* máy bay đến trễ đợi em quá *chời*, tưởng cháy rồi.

Anh T đỡ valise. Anh cao lớn đẹp trai trong trí nhớ, nam sinh Marie Curie, gia đình Bắc di cư lấy chị 15 năm bằng thời gian tôi vượt biên, bây giờ anh mặc áo công nhân lam lũ, nói giọng Nam, như một từ chối đất Bắc. Tôi không hiểu. Nắng chói lòe. Nắng gay gắt như tuôn lửa. Bé Vinh khóc. *Bố, con sợ*. Bé Vinh níu tay tôi, như tôi đã nắm vít lấy Thầy buổi chiều Mậu Thân đặc công tấn công building Mỹ. Bà khóc. Anh đâu? Bà hỏi. Tôi muốn khóc. Tôi muốn nói anh đang hoá quỷ, nhưng tôi không thể nói, bãi xe như ong vỡ, tài lô kéo, chụp giật, Việt kiều đi xe này bảo đảm, đời mới, xe cá mập có máy lạnh, đồng hồ cây số, anh tránh ra tôi có xe nhà, đừng nghe tụi nó anh thuê xe rồi, coi chừng mất cắp, đứng gần cô, cháu Vinh đâu? đứng gần mẹ, đếm đủ hành lý chưa, bao nhiêu valise? Tôi rời phi trường lúc nào tôi không rõ. Gia đình đẩy tôi lên xe. Tôi cố quay nhìn một lần nữa, chưa bao giờ tôi được vào Tân Sơn Nhất, giác mơ của tuổi thơ. Tôi cố kiếm con đường nhỏ dẫn vào Bắc Việt nghĩa trang bên hông, chỉ trông

thấy tấm bảng lớn Ga Đi Quốc Tế Tân Sơn Nhất. Tại sao tiếng Việt làm than đến mức này? Tại sao không viết Phi Cảng Khởi Hành Quốc Tế Tân Sơn Nhất? Tất cả vỡ oang hỗn loạn, tất cả chông chát, quá khứ, thực tại, âm thanh của 15 năm trước trộn lẫn 15 năm sau, con người 15 năm trước sống sót biến hoá 15 năm sau. Bé Vinh im thin thít, lần đầu tiên trông thấy quê bố. Tôi gắng hỏi khi xe qua Bộ Tổng Tham Mưu.

- Đi đường Chi Lăng hở cô?
- Không đường Trường Sơn cháu.
- Sao không đi đường Trương Minh Giảng cho gần cô?
- Phía Lê Văn Sĩ kẹt xe lắm cháu.

Cô Lìn lấy chú Chúng sĩ quan hải quân hoa tiêu VNCH nhưng cô đã quên hết. Tôi nhớ tất cả, nhà thằng Đỗ Hoàng Phượng rằng khềnh trong lớp kêu Miêu Khả Tú bán bàn ghế ở Võ Di Nguy, xe chạy qua, tôi còn ngoái nhìn xem mẹ nó còn bắt ghế ngồi ngoài cửa hay không. Hiệu bún bò Tân Thanh đặc công núp ở đó bắn lên building Mỹ khiến ông Tân Thanh bị cảnh sát Dã Chiến còng đi tình nghi che dấu Việt Cộng. Tôi bước xuống xe cố tìm bà bán cóc ổi, me chua, tầm ruột, tôi ăn quà mỗi chiều cần xoaì ngâm đến ê răng, nhưng chỉ có cô gái nhỏ ngồi nhòen miệng cười.

- Bác có Việt kiều về thăm hả bác? Cô gái hỏi.
- Việt kiều gì, con tôi đấy. Bà trả lời.
- Chú Việt kiều biết ăn tầm ruột không?

Cô gái đơn đả. Anh T đang khuân từng chiếc valise xuống. Bà chào tổ trưởng, hàng xóm đứng bu quanh. Tôi nhìn thúng trái cây, vẫn những quả me ngâm đường hoá học thuở trước vàng lẳng nổi bập bênh trong thau nước, những rễ tét đứt cọng, những lá chuối tươi lót cóc ổi và đàn ruồi xanh bay toả dưới nắng. Vạn vật không khác, từ lè đường xi-măng đứt khúc, cao thấp, trời sục, cả tấm che nắng sơn trắng của cảnh sát Cộng Hoà bây giờ xẩy lờ ở cột đèn. Chỉ có Dì Sáu không còn ở đó. Dì trôi lạc phương nào tới tôi không biết. Tôi mở mắt chào đời Dì đã ở đó, trước sạp cóc ổi. Những trưa nắng Dì dúm cho tôi những củ ấu lúc đứng đợi ông xích lô chờ đi học mẫu giáo. Những chiều tiểu học ở trường Lasan về, tôi nhảy ùm khỏi xe chú Lễ, Dì cho tôi miếng xoaì ngâm chấm ruốc cay chua mặn chát. Tôi khám phá trái cây miền Nam trên sạp Dì Sáu. Không trái nào tôi không biết, từ trái cerise ta bé tí, quả cà na nhọn, lát măng cầu xiêm, trái bòn bon, đến quả sim tím ngắt lưỡii.

- Ngó chi dữ? Dì Sáu cười tươi, xoa đầu.
- Hôm rày học tới đâu?
- Onzième. Tôi trả lời hãnh diện.
- Cái gì? Lớp mấy?
- Onzième!

Tôi la. Thuở nhỏ tôi sớm khó chịu, tôi là hoàng tử, Bà bảo vậy.

- Ủ, ôn dèm. Ăn cóc không?

Tôi gật đầu. Dì cấm cho tôi quả cóc to nhất, xanh mướt, khía xoè như những cửa sổ của ngôi nhà tí hon có nắp. Không phải vì bán trước lè nhà Bà nên Dì cho tôi ăn miễn phí. Tôi luôn thấy trong ánh mắt Dì những triu mến, mỗi khi Dì vuốt má, nắn tay, xem tôi mập ốm.

- Đừng nói Bà nghe nhe, Bà la chết.

Dì dặn. Tôi vừa cắn quả cóc vừa gật đầu. Bà mà khám phá tôi ăn quả vặt, sẽ la Dì chết, và thế nào Bà cũng sai chị Ni ra trả tiền mấy quả me, quả cóc Dì cho tôi. Con trai không ăn vặt, không ăn hàng ngoài đường. Bà luôn nghiêm khắc.

- Chú Việt kiều biết ăn tầm ruột không?
- Việt kiều gì, con tôi đấy. Bà trả lời.
- Con Lài con dì Sáu. Con ăn cóc không?

Bà hỏi. Tôi lắc đầu. Tôi không nhận ra nét nào của Di Sáu trên gương mặt cô gái, nhưng tôi nhận ra lè đờng chỗ tôi đang đứng. Giống cuốn album cũ ai vất xuống mặt đất tung toé. Tôi nhận ra khúc xi-măng bẻ, còn phản chiếu nổi bồng hoàng của buổi sáng Bà cho U Đào về quê. U ở cho gia đình tôi lâu lắm, Thầy nói từ đời Ông, năm U mười bốn. Tôi đã chào đời trên cánh tay U ấm bồng, đã ngủ trên cánh tay U thay cho Bà bận bịu buôn bán. Mỗi khi tôi thức giấc, chiếc quạt nan trên tay U phe phẩy gió. Mỗi khi tôi khóc U dỗ dành, tôi không sao có thể hình dung có ngày U sẽ biến đi, đột ngột, như một chiếc bóng. U giống một thành viên trong gia đình, dù im lặng, không tiếng nói. Tôi đi học, U mở cửa. Tôi về nhà, U đun nước tắm. Tôi ăn sáng, U mua xôi. Tôi đói khuya, U đi mua hủ tiếu. U tập cho tôi ăn sầu riêng dù Bà không ăn. U tập cho tôi ăn mì Quảng dù nhà chỉ ăn món Bắc. U già lắm, già hơn bà lão bán nhang trong nghĩa địa. U chăm cho chị N, đến K, rồi đến tôi. U không bao giờ nói chuyện, làm như cuộc đời U không có gì để kể. Đôi bạn, tôi hỏi quê U ở đâu? U không biết. Tôi hỏi U có chồng không? U cười.

- U lấy chồng ai trông cậu.
  - Thế U không có nhà cửa cha mẹ chi hết?
- Tôi thắc mắc. U lắc đầu.
- Vậy quê U cũng ở trong nghĩa trang à?
  - Nói bậy. Cậu ngủ đi, thức mãi Bà thấy Bà la.

U quạt gió, lùa những ngón tay già nua vào trong áo gãi trên lưng tôi đang hâm hấp cơn sốt vỡ da có những hạt mụn li ti vừa nhú. Tôi thiu thiu giấc ngủ mộng mị về một vùng đất nào đó xa xôi mà U đã sống, đầy bí ẩn.

Về quê, trong tiếng Bắc, lúc nhỏ tôi đã sớm biết mang nghĩa cho nghỉ việc. Tôi đã trông thấy thằng Thành giúp việc, chị Hoa đầu bếp, chị Hương sổ sách, cả chú Lễ tài xế, chị Ni Bà cho về quê. Về quê, có nghĩa biến mất vĩnh viễn, không bao giờ hiện ra trở lại. Sau 75, gia đình tôi sa sút, Thầy mất, cửa hiệu xuất nhập cảng xe gắn máy bị đánh tư sản, villa Thủ Đức bị tịch biên, Bà lần lượt cho về quê tất cả, kể cả chị Huệ Bà tin cẩn, chỉ trừ mình U. Cho đến một buổi tối tôi nghe Bà nói với cô Cẩm, nếu U chết trong nhà không có tiền ma chay. Cô Cẩm nói thấy U còn mạnh. Bà lắc đầu trên 70 chết lúc nào không hay, U về quê đỡ một miếng ăn. Sáng hôm sau U tắt tả bị gói ra xích lô máy đi ra bến xe nào đó đưa U về Quảng Ngãi. Chị em tôi khóc. Tôi giận Bà nhưng không dám hỏi, không dám nài nỉ, tôi biết nhà nghèo lắm, cảnh nhà thê thảm ở từng mỗi bữa ăn chỉ còn mì sợi và đậu đỗ. Buổi tối U còn gãi lưng tôi lần cuối, tôi khóc rầm rức trên gối, U thức suốt đêm phơi quần áo cho K, ủi nốt mấy chiếc sơ mi cho K ngày mai đi thi, lau chùi bếp núc sạch sẽ, rửa hết nồi niêu soong chậu cho chị kể từ mai phải thay U vào bếp. Suốt tối tôi ngồi xem U xếp mấy bộ bà ba, vài chai lọ cho vào bao, dọn dẹp mọi thứ, U làm nhanh như con gái, như thể U chưa già, như thể U muốn trở ngược thời gian để Bà đừng cho về quê. Trong giấc ngủ nửa mơ nửa tỉnh, tôi thấy hình như U muốn ôm tôi, hình như U muốn hôn lên trán tôi, những ngón tay U xoa lưng suốt đêm cho đến lúc có tiếng Bà hỏi sao U chưa ngủ, để cho cậu ngủ, mai cậu còn đi học, U còn đi sớm.

Buổi sáng U ra đứng chỗ tôi đang đứng, đợi xe. Mắt U đỏ hoe. U cố gắng không khóc, sợ tôi khóc. Tôi hỏi U đi đâu? U về quê. Sao U nói U không có quê? U có quê. U chùi nước mắt.

- Cậu ở lại học giỏi cho Bà vui.
- U nói dối! U không có quê. Quê U ở trong nghĩa trang!

Tôi khóc, nín áo không cho U đi. U cũng khóc.

- Cậu buông U ra kéo Bà la.

Xe xích lô máy đến. Tôi nhớ Bà chỉ đủ tiền cho U bảy mươi đồng Giải Phóng. 70 đồng cho một đời ở đợ. Tôi cố gắng không khóc, con trai không được khóc, Bà luôn nói, nhưng nước mắt tôi





Giáo sư Nguyễn Huệ Chi cười nhỏ nhẹ. Ông thương tôi như đứa em nhỏ. Tôi sinh ra để được mọi người thương mến. Tôi là đứa trẻ viết truyện được cưng chiều hết mức. Vợ chồng chủ hiệu bất ngờ cãi lộn, tôi với giáo sư Chi ngồi trước màn ảnh truyền hình, trên tấm chiếu trải giữa gian buồng vừa làm phòng khách, quán ăn, phòng ngủ. Chủ quán tát vợ toé lửa.

- Các anh cứ dùng vô tư!

Ông chủ đã dẫn tôi đi xem chó, quay lại cười.

- Thêm bia nhé. Chủ hiệu Cây Tơ Bốc Lửa hỏi.

Tôi nhìn ông ngỡ ngàng, chị vợ khóc trong góc. Giáo sư Chi gấp cho tôi miếng chả chó tím lột của Vũ Bằng ngày xưa thơm ngào ngạt. Tôi nhậu thịt chó suốt đêm, 5 giờ sáng tôi bước chân ra phố Kim Mã, hút 300 đồng thuốc lào ở chiếc điếu cày của hàng nước vôi đen dứa. Cả triệu người đã đặt môi vào ống điếu. Tôi nhìn vành điếu đen quánh, bắn thỉu, xẩy mẻ, lở như chứng ung thư trên da thịt K đang hoành hành. Tôi do dự rồi ghé môi để cùng hút với đất nước thứ khói sấy bằng nắng gió quê nhà, cùng chia tiếng rít thiết tha đứt hơi của đất nước khi ban mai đang ửng hồng trên bãi xe khách của phố Kim Mã vừa thức giấc. Người tôi tê đi trong làn khói sớm. Người tôi tê đi khi nghe gã tóc vàng nạt:

- No need, get away!

- Oát xu, oát xu!

- I don't need you to wash my shoes, get away the fucking kids!

Bãi Cháy dấy động. Đàn ruồi bay tăn. Nắng đỏ lửa. Đám trẻ đánh giày bu lấy gã da trắng đang ngồi ghé bố, đứa nắm tay, đứa sờ chân, đứa giằng lấy giày, ngay trên bãi biển 120 năm trước Francis Garnier và thủy binh Tây đỏ bộ.

- Fucking kids, let me be!

- Oát xu, oát xu!

- Don't take off my shoes, fuck you!

- Oát xu, oát xu!

- No need, sons of the bitch!

Gã da trắng sừng cò, như đám xin đều đã sừng cò chiều hôm trước, cuối cùng bắt lực chìa chân cho lũ trẻ đánh giày. Tôi dẫm chân lên lớp cát vàng mịn của đất Bắc. Lớp cát vàng óng, mịn tơ, thoải thoải duỗi dài. Cát của Sầm Sơn, Đồ Sơn của Nhất Linh có êm như cát ở đây? Đất Bắc của hùng thiêng sông núi, của Ngô Quyền, Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Trần Quốc Toản, Ngô Thời Nhiệm, đất Bắc của chiến công oanh liệt chống ngoại xâm, Bạch Đằng, Chi Lăng, Điện Biên Phủ, tôi đứng trước thắng cảnh kỳ vĩ của đất nước, nơi con rồng thiêng đã hiến thân tìm cái chết chỗ này, đập đuôi trầm mình trong sóng nước Âu Lạc, những mảnh đuôi vỡ toé làm trăm ngàn hòn nhô lên như chứng tích của một thời thiêng mà cả đất nước kiêu hãnh. Xác rồng thu hút du khách, đem đến lợi nhuận. Nhưng tổ quốc không biết, ở Phang Ngà Thái Lan cũng nhiều cù lao như vậy, cảnh vật in hệt, không ăn cắp, không đánh giày, không bãi giữ xe vì không ai lấy, người Thái không bu bám Tây Phương, và du khách đông gấp vạn. Tôi đã đến Phù Két, Phang Ngà, Ao Nàng, Trang, Sa Mùi, Kra Bi, đã sừng sốt trước lịch sử của dân tộc nổi tiếng hải tặc này. Sừng sốt trước giá vé duy nhất Thái Lan, Việt Nam, Tây, Mỹ. Sừng sốt trước cô gái Thái trẻ xách chổi đi quét bãi biển sau mỗi khi khách rời ghé bố. Sừng sốt trước giá của chỉ 38.000 đồng một con ăn ở xe hải sản tươi sống dành riêng du khách. Sừng sốt vì đi điểm tràn lan công khai nhảy múa trần truồng. Sừng sốt vì ở Thái cũng có cà pháo, mắm tôm và phở cắt bằng bánh cuốn trung rau muống. Sừng sốt khi nghe bé gái nhỏ oằn người gánh thúng đu đủ chào mời bằng tiếng Việt.

- Chú người Việt Nam hả? Chú ăn giùm con đĩa tầm sùm. Bố mẹ con từ Vinh qua đây sống mấy năm rồi, con đi bán ở Chợ Long nhớ nhà quá.

- Em tên gì?

- Dạ, con tên Bim. Chú ăn giúp con đĩa tầm sùm.

Tôi nhìn cô bé xót ruột. Tôi muốn nói tôi chỉ hơn tuổi em ngày xưa khi phải rời tổ quốc, vì người Bắc không cho phép người Nam sinh sống, triệt tiêu hết tất cả, và tôi phải tha phương cầu thực như em. Nhưng sao em sinh quán Vinh, cũng người Bắc mà em phải tha phương cầu thực bây giờ? 15 năm rồi mà? Bây giờ tôi hiểu vì sao mỗi khi người Thái hỏi Where are you from? Tôi trả lời From Viet Nam, không ai chào mời tôi nữa. Tôi ăn đĩa gỏi đu đủ ở Chalong Bay chiều đó, đĩa gỏi mặn như nước mắt, còn mang tất cả đậm đà của quê hương, ba khía, mắm tôm, rau muống và đu đủ. Bim bây giờ trôi giạt nơi nào? Cô bé chỉ có tương lai đi điểm của Patong town chờ đợi trước mắt.

- No dollars, no money!

Gã tóc vàng tươi tốt đứng phắt dậy, đám trẻ dẫn ra.

- I don't want you to wash my shoes. You do it by yourself, so I don't pay. Get off!
- Công an, kêu công an, nó giật tiền!

Bãi Cháy vỡ ãm trong tiếng động, ruồi bay tán loạn, mấy bà cho thuê ghế xúm vào chen chúc, bạn hàng rong ở đâu xô đẩy bu bám, lũ trẻ vẫn trì kéo, giật lôi, gã da trắng vùng vẫy. Fuck you, fuck you, tiếng Anh nghèo vậy sao? Tôi đứng nhìn, muốn can thiệp, muốn chửi vào mặt thằng da trắng ăn quýt, tôi đã trông thấy chúng nghèo đói thế nào ăn xin, ăn mày dưới hầm métro, subway, tôi đã trông thấy đám da trắng bần tiện mất dạy lỗ mảng trên đất nước của chính họ, được tôn sùng Thượng Đế ở đây, tôi đã biết trị giá của phục vụ Âu Châu mắc gấp trăm lần trên bãi cát này. Một cuộc đánh giày 5.000 đồng chưa bằng 40 cents. Nhưng tôi đứng đó, không cử động, tôi tự bào chữa mình yếu tiếng Anh, nhưng tự trong thâm tâm tôi biết, tôi e ngại gã da trắng cao gấp rưỡi, nở nang, khoẻ mạnh, lực lưỡng phơi trần mình cuộn cuộn bấp thịt trên mảnh đất Rồng.

- Chú công an xử lý, chúng cháu đánh giày nó không trả tiền!
- Tránh ra để làm việc. Đã bảo tránh ra! Anh công an nạt tất cả mọi người.
- They took off my money, I don't pay. They are the thieves. No money, robbers!
- Giải tán, giải tán!

Công an xua tay đuổi tất cả. Anh công an không làm việc hay anh cũng e ngại như tôi đã e ngại trên mảnh đất Rồng? Hay anh cũng yếu sinh ngữ? Gã da trắng đã ngồi lại ghế, thông dong đọc báo, duỗi đôi giày đánh cire bóng, trang nhất của tờ Wall Street mở rộng loan tin chỉ số kinh tế lên xuống, Liên Hiệp Quốc thanh sát Irak, khủng hoảng Nam Hàn, Nam Dương, không một dòng nào nhắc đến Việt Nam.

Tôi lên chuyến xe Xuyên Suốt Tốc Hành về trước. Tôi lên chuyến xe Xuyên Suốt Tốc Hành lao băng băng giữa đất cát. Xuyên Suốt: Direct, Tốc Hành: Express, nhưng xe ngừng đón khách suốt dọc đường liên tục không ngớt. Tôi không còn khả năng hiểu tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ mang tất cả nếp sinh hoạt xã hội mà tôi chưa hề tham dự. Nhà sư ngồi cạnh tôi già lắm, sư cụ mang nếp nhăn của những câu kinh kệ suốt đời lằn một chuỗi hạt.

- Trả tiền đi!

Gã lơ đánh vào hông xe thùng thùng. Gã lơ trẻ măng chưa biết đến cái chết. Tôi đã trả vé ở bến. Sư cụ đón xe dọc đường lấy trong tay nải mấy tờ giấy cong queo.

- Cậu thông cảm, tôi tu hành chỉ có từng này.
- Một xuất hai chục nghìn, trả liền đi.

Gã lơ quát. Xe băng băng lao giữa vùng đất cát cằn cỗi, những doanh trại quân đội nhân dân trôi lướt, những đụn đất rơm rạ chất đống, nắng chói chan, nắng thả lửa trên mặt đường bùng cháy như rải xăng. Tôi cảm giác lửa Napalm vẫn hãy còn cháy ở đây trên khúc đường này.

- Cậu thông cảm, tôi tu ở chùa chỉ có ngần này.
- Một xuất hai chục nghìn, có thì đi, không có thì xuống.

Gã lơ đập ghé. Nhà sư lúng túng. Sư cụ chỉ có 13 ngàn, thiếu 7 ngàn. Tôi muốn trả, trong túi tôi có 2 triệu bạc Việt Nam và một ngàn dollars đem theo. Tôi muốn lấy tiền, nhưng tôi sợ, chung quanh toàn những người xa lạ. Túi trái tiền Việt bọc trong gói nylon, túi phải tiền đô quần hai lần giấy bọc trong bao thư. Tôi cúi gầm mặt trên túi xách Adidas ôm trong lòng.

- Địt mẹ, từ sáng giờ gặp toàn thứ gì đâu.

Gã lơ đập vào hông xe thùng thùng. Xe thắng gấp, tay nải nhà sư bị ném tung ra đất. Xe rồ máy, tôi còn quay lại trông thấy sư cụ đứng lom khom giữa trưa nắng trên bãi đất cằn khô, không một bóng râm, lui cui nhặt nhanh ba chiếc dép, mấy chiếc khăn, một bi đồng nước. Tôi quên đi rất nhanh hình ảnh đó, chỉ nhớ lại nhiều tháng sau, nhiều năm sau mỗi khi ai đó đi Hạ Long nhắc đến bãi Cháy. Không phải hình ảnh của tấm áo cà sa gầy gò rũ đứng giữa trưa ngập nắng, nhưng hình ảnh của một thằng hèn ngồi chết cứng trong lòng xe đồ chạy xuyên suốt tốc hành về một bến đỗ nào đó của cách sống hôm nay, bây giờ. Trong xe có tiếng cười khan: Cứ ba cây số bị đuổi xuống, đốn mười lần là về đến Hải Dương.

\*\*\*

Tôi mang gương mặt đứa trẻ trong hình 15 năm sau trở về. 15 năm sau thức giấc giữa Hà Nội lẽ ra tôi phải sinh ra, lớn lên và kiếm sống. Chuyển ra Bắc như liều thuốc đắng. Phải 31 tuổi ra tới Bắc, đứng trước Chùa Một Cột tôi mới biết tôi là người Nam. Bắc từ huyết thống, trong máu huyết, nhưng không ai chấp nhận. Buổi chiều tôi đứng trước Quốc Tử Giám lạ lẫm, xe Giác Mơ chạy âm ỉ, trong truyện Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu tôi đã tả nơi đây, nơi tôi chưa hề viếng buổi chiều con đường Hàng Cháo im ắng lặng lẽ như tờ. Buổi sáng tôi đứng trước ngôi nhà của Ông ở Phú Thọ, bây giờ đã trở thành ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phú. Tôi không nhận ra gì hết, mặc dù đã xem bao nhiêu lần những bức ảnh đen trắng chụp gia đình dòng họ trong sân ngôi nhà này. Tôi cố mừng tượng năm U mười bốn tuổi bước chân qua ngạch cửa, U phải lo lắng lắm, vết chân U dường còn in ở phiến gạch Tàu trứng, U đâu biết 60 năm sau U sẽ lãnh 70 đồng Giải Phóng về quê, không thân bằng quyến thuộc, bán ve chai rồi chết dầm dúi ở một xóm nào trên đất Quảng. Đứa trẻ U ẵm bồng trên tay đã trở về, đứa trẻ U gãi lưng mỗi tối đã về đây, đứng trước ngôi nhà U đã vào ở suốt thời con gái, đàn bà rồi già lão. Buổi trưa tôi đi khắp phố Hàng Đào, cố tìm ngôi nhà của Bà. Hiệu bán vải hẹp chơé bề ngang, sâu thông thoáng, một tầng xiêu vẹo, treo mắc lụa tơ tằm, đôi mỗi lưu niệm, quần áo.

- Hello, hello, welcome!
- Không, cháu người Việt. Cháu muốn vào tham quan nhà.
- Nó có đổi đồ không? Cô gái ngồi quỳ trong gióng hỏi.
- Không, nó muốn xem nhà.

Bà chủ hiệu vải phe phẩy quạt, nói vọng. Tôi nhìn bà kỳ lạ, tôi nhìn cô gái trẻ đã quên bằng tôi đang đứng ở cửa. Mấy con rùa thần làm giả đòi mời nhìn tôi ghé mắt. Mấy điều bát cổ đời Lý đề giá 100 đô, dăm bức chèo Phố Phái, tượng Phật bằng mã não ghi giá không rõ.

- Mẹ cháu sinh ở đây, cháu muốn vào tham quan vài phút rồi đi ngay.
- Giá tham quan du lịch nhà cổ quận Hoàn Kiếm 50 nghìn, tôi lấy cậu 30 nghìn thôi.

Bà chủ hiệu vải trả lời. Tôi nhìn bà kỹ càng. Tôi nhìn bà như thể tôi muốn trông thấy Bà ngồi đây, nếu không di cư vào Nam, Bà sẽ ngồi đây với quạt nan, Bà sẽ bảo tôi đưa tiền để vào thăm ngôi nhà nơi chính Bà đã sinh ra, lớn lên rồi bỏ đi như tôi đã sinh ra trong ngôi nhà Bà ở Sài Gòn, lớn lên và bỏ đi. Tôi ngắm bà chủ hiệu vải kỹ càng để khắc ghi trong đầu hình ảnh một bà Bắc. Tôi ngắm bà chủ hiệu vải kỹ càng để đối chiếu với Bà, đã sinh thành ra tôi. Bà không phải là Bà. Bà, một người khác.

Tôi mở cửa. K đưa tay cào không khí. Anh ngồi ở giữa, trên chiếc xe lăn không ai đẩy. Tôi hỏi K ăn chưa? Anh nhướng mắt, con số 403 trên cửa phòng phản chiếu. Tôi trông thấy lại trong mắt anh hình ảnh đất Bắc phai mờ hoang phế. K thở khò khè đứt quãng. Tháng trước anh còn làm bài thơ Ký Thác đăng báo, tháng này anh mờ trùng trùng mắt nhìn tôi, vô hồn. Tôi ngồi giữa căn phòng giá buốt, không phải K ngồi ở giữa phòng mà chính tôi ngồi chỗ K nhìn ra cảnh trời âm đạm trông thấy thần chết.

- Kêu Vũ nó vào thăm anh.

K nhướng mắt. Lâu lâu từng chập anh trở nên tỉnh táo, như vụt thức giấc khỏi chiêm bao, phát âm rõ rệt từng chữ. Tôi biết anh sắp hoá quỷ. Tôi biết anh đang hoá quỷ.

- Em là Vũ.

Tôi bóc mấy nem cuốn, chả cốm, các món Bắc.

- Kêu Vũ nó vào thăm anh. K tiếp tục nhướng mắt.

- Nhưng em là Vũ.

Tôi đáp. Chiều tối nào K cũng hỏi câu đó. Chiều tối nào tôi cũng trả lời từng ấy chữ. Trong thâm tâm tôi khổ sở vì sao K không biết sống sót, vì sao anh không chiến đấu? Vì sao trí não anh ung thối? Anh đã học thật giỏi ở trường Lasan. Tôi nghĩ đến đám táng sắp đến, đến ma chay phải đứng ra làm chủ tang, trong đời tôi chưa biết cái chết. Tôi nghĩ đến các tra vấn của Bà, giọng họ, những câu hỏi hóc búa đạo đức dấy lên một mình tôi hứng chịu. Tại sao K hoá quỷ? muôn đời tôi thắc mắc. Tại sao anh không giống tôi thẳng tắp một con đường thuần Việt. Con đường mê đắm những cô gái, yêu đam mê những người đàn bà, say mê, hết mình và không hối tiếc. K chọn con đường khác.

- Vậy Vũ là Vũ đóng giả Vũ?

K bỏ cuốn nem, ngơ ngác. Tôi nhìn trí nhớ K mục rữa.

- Lát nữa mẹ ngủ dậy, nói mẹ hâm cho anh.

- Mẹ còn ở Việt Nam.

Tôi đưa nước cho K uống. Anh nhìn tôi kinh ngạc. Làm như K khám phá lần đầu sự chia cách đứt đoạn đột ngột không ai có thể hiểu.

Buổi chiều Âu Châu mau rụng tối. Nắng rơi không tiếng động khuất sau mấy dãy nhà bệnh viện. Tôi lau mặt mũi cho K, cả chiếc bóng quỷ của anh cũng biến mất trên tấm kính đen đặc. Tấm kính chỉ còn phản chiếu lờ mờ duy nhất chiếc bóng của một đứa bé vương ánh điện loay hoay tháo gỡ những sợi điện muốn chạy trốn.

Giống trong giấc mơ, khi tôi đỡ K lên giường, hai chân anh nặng trĩu, luồng nước đen thăm cứ kéo chìm đi, K chới với nắm níu không khí, thân xác rũ rệ lê trên đất, tôi muốn gọi cấp cứu nhưng nhớ đến gương mặt lạnh lẽo của đám y công chung chạ mỗi ngày với thần chết, bệnh nhân chỉ là những thân ma nằm phòng riêng hay phòng chung. K ngã chúi xuống đệm nhưng anh mở mắt, trần trối.

- Anh mắt rời chôn trong Bắc Việt nghĩa trang.

Tôi nắm tay K khi ấy. Không, anh nắm tay tôi, ghì chắc. Như lần cuối trong áo quan anh còn đưa tay nắm lấy tay tôi khi sư bà vẽ bùa bảo tôi dúi vào trong tay anh đi đồ xuống âm phủ. Rồi ràng anh chụp lấy tay tôi lúc đó. Ghì lấy. Tôi hoảng sợ rụt bần, nắp áo quan còn mở. Gương mặt K đen sạm, tóc rụng hết, K đang hoá thạch, cả bộ veste turquoise anh mặc giáng sinh cuối cùng cũng hoá đá. Tất cả lạnh cứng, đông lạnh, y khúc thịt tôi lồi từ trong tú đá những chiều làm về muộn bỏ vào micro-onde. K nằm yên không rên rỉ, đã thôi vươn cánh tay co giật, đã thôi giắt tôi đi làm lúi trong Bắc Việt nghĩa trang, tôi muốn nói nghĩa trang không còn nữa, tôi đã chứng kiến tất cả biến mất, không còn gì nữa, đất nước là một đất nước khác, không nghĩa

địa, chỉ những lò thiêu và nghĩa trang liệt sĩ. Không còn chỗ nào cho tôi với anh, không còn chỗ nào cho người Bắc di cư đang biến mất. K nằm im, nhắm mắt, không nghe gì nữa, tôi đeo kính cho anh, nhưng rồi tháo ra, bỏ trong hòm. Tôi cố mượn tượng đến hoá thân của Kafka, buổi sáng cũng biến dạng quái dị nhưng không chết. Tôi cố nghĩ chỉ là một chương tiểu thuyết, không ai có thể chết trong tiểu thuyết, từ tám bé tôi đã chìm đắm trong truyện, không biết đánh đáo, bắn bi, tạc lon, tôi tiêu tán tuổi thơ trong những chồng sách. Tôi đọc ngẫu nhiên và tin cuộc đời diễn ra trong tiểu thuyết. Rồi đến phiên tôi tưởng tượng tất cả, nhưng không hề ngờ chúng có thật.

Lửa phục lên. Tôi mở cửa. Lửa phùng lên nuốt tất cả mọi người. Lửa phùng phùng rất mặt. Tôi sợ hãi căn phòng địa ngục. Tôi chứng kiến tận mắt địa ngục. Hai thước ngang, lửa hàn xì như lửa gaz thui chó ở Quảng Bá. K hoá thân không ai đi đưa, người ta chỉ thui anh như thui chó. Các bạn tôi im lặng. Các bạn tôi cũng viết tiểu thuyết. Cả một đám hiện hữu bằng cái không có thật tiễn đưa một sự thật: Lửa gaz thui chó. Nina Mc Pherson, Đỗ Kh im lặng. Chị Phan Thị Trọng Tuyến khóc tím tím. Anh Lê Tất Luyện, chị Thụy Khuê mắt đỏ hoe. Anh Phan Huy Đường lặng lẽ. Một mình Dương Thu Hương bình tĩnh nhất lúc lửa bùng lên đẩy lùi mọi người. Tôi thèm muốn lúc đó được chôn trong Bắc Việt nghĩa trang, thèm muốn nằm trong lòng đất của Bà, bên cạnh Thầy, bên cạnh Ông, bên cạnh chị Zinh, thèm muốn nằm dưới gốc dâm bụt thắm lá, có rặng giấy lay lắt, một hồ nước, bức bình phong, sân bái đường. Tôi ý thức rõ ngày K hoá quỷ, hạnh phúc lớn nhất của kiếp thuyền nhân là được chết chôn ở Việt Nam trong một nghĩa trang của đất nước.  
K bất hạnh không có may mắn đó.

\*\*\*

- Lương, lên thang lấy cho chú đây coi hũ cốt Việt kiều con.

Sư bác mập mập phốp phốp, nhận ra tôi một năm trước. Chỉ mới một năm mà chùa Vĩnh Nghiêm thay đổi, trai phòng các sư dọc hành lang có máy lạnh hai cục, màn ảnh vi tính truy cập internet. Tôi ngỡ ngàng nhìn qua cửa các thầy đang lên mạng. Không khí ngày Tết huyền ảo, những sắc áo chen chúc với lồng chim phóng sinh phước thiện, khách thập phương lên xuống vào ra chánh điện, mùi nhang trầm theo gió phả phát từng chập dọc kinh Nhiêu Lộc. Tôi tìm lại không khí chùa ngày mới lớn theo Thầy lên tháp. Những mặt người chồng chất lên nhau. Gia đình tôi không có ai trong tháp, nhưng Thầy vẫn có thói quen vào tháp một nén nhang. Ngần ấy năm và bây giờ quá nửa dòng họ đã bị đuổi ra khỏi nghĩa trang phải cải táng di dời lên tháp.

- A, bữa hôm anh có về mà.

Chú Lương mau mắn chào. Chú Lương mảnh khảnh nhanh nhẹn, hoạt bát, thoát nói, thoát cười.

- Kiếm cho anh ấy chỗ tốt lắm, ở từng hai trông xuống bàn thờ Phật nhưng không cách chi gom về chỗ gia đình. Anh thông cảm bây giờ chết nhiều quá, dân số mỗi năm gấp đôi gấp ba năm trước, lại thêm cốt Việt kiều gởi về ai cũng muốn gần Phật mà Phật chỉ có một, Việt kiều thì đông.

- Sao kêu cốt Việt kiều? chết rồi mà.

- Dạ thói quen thôi anh, nhưng cốt Việt kiều gia đình thường ân cần hơn.

Chú Lương xách đèn bấm, lên thang. Chú đi thoăn thoắt, thành thạo mỗi nấc thang cuốn ốc, vừa kể lai lịch gốc gác từng cốt vào tháp lúc nào, thâm niên bao lâu, con cái thành đạt ra sao. Tôi nhìn lưng áo nhật bình của chú là thẳng, lấm tấm mồ hôi dợn sóng. Làm sao chú tỳ kheo có thể biết hết ngàn ấy chuyện? Từ những cốt con đàn cháu đống đến quá khứ tung tích, tên tuổi từng thân quyến, cả những vụ đánh ghen cốt ngay tại tháp? Làm như chú đã ăn ngủ trong

tháp, thì thắm chuyện trò với từng cốt. Đòi tự ai khổ sở, tâm sự cốt nào tự tử, cốt nào linh, cốt nào hui hắt không bao giờ có người thăm viếng, hay cốt nào ưạ cục cựa là có người đến cúng.

- Có nhiều chuyện hay lắm anh a, như cụ Thân này vào năm 81 đến 86 thì hết người thăm, chùa lâu lâu nhắc xin chút công đức gia đình không trả lời, đến bữa hôm có Việt kiều dẫn cả họ vào cúng đốt mấy xe vàng mã sau đó tự nhiên tháng nào gia đình cũng vào lễ bái. Cô Thu đây tự tử chỉ sao đó, mà mỗi lúc chồng vào thăm cứ bắt đem lên lầu ba không cho để chung với thân nhân, chị này thì khác, lúc chết có chữa, vô cốt rồi cả năm sau nhà gái đến bắt khai ra chia xương về thờ riêng. Anh trai này sinh 67 nhập tháp ba hôm mới hay khai sinh giả, chừng bây giờ cũng không biết tên tuổi là gì, thầy chưa vô sổ bộ.

Chú Lương đem hũ cốt xuống. Tôi nhìn gương mặt K trên nắp. Hũ cốt do đích thân tôi mua ở Pompes Funèbres Convention bằng đồng còn sáng. Tôi lấy giẻ lau gương mặt K như tôi đã lau trong bệnh viện. K mang gương mặt mệt mỏi ở Phi Luật Tân buổi chiều hai anh em đói là. Hải trình 21 ngày, 13 ngày tàu chìm ngấm nước giữa biển, 103 người chết đuối. Tôi lê lét khắp các ngõ ngách bằng làng Phi xin ăn. Hải đảo Liminancong quá nhỏ mấy chuyến giang đĩnh PCF của hải quân Phi không đủ sức nuôi 308 thuyền nhân, chỉ phát ba thìa cháo mỗi ngày trong lúc chờ đợi cao ủy liên hiệp quốc đến nhận hàng. Tôi theo đám ma đói tự nạn gõ cửa từng túp lều. *Chấp chấp là ăn cơm, pù tăng ki na mô là ĐM mà.* Tôi chỉ biết hai chữ đó, không nhớ ai dạy. *Chấp chấp khi cửa mở, pù tăng ki na mô khi người đàn bà Phi tóc quăn, địu con quán sà rộng đóng sầm cửa.* Tôi lùng sục khắp các hẻm rưng, K kiệt sức nằm thiêm thiếp dưới gốc cây đợi. Tay chân tôi mừng mủ những vết cắt của san hô, da dẻ tôi nhăn nheo như các bà lão quắt queo, tôi mang cơn sốt bùng bùng của 13 ngày đứng biển, mặt đất trông chành như trôi trên sóng. Tôi lấy vạt áo học sinh còn dính phù hiệu trường Lê Thị Hồng Gấm mừng quỳnh đựng cơm ông lão chài lưới bốc cho. Miếng tôi ngậm miếng cá khô, hai tay tôi bụm áo chạy về gốc cây K đang đợi. Tôi mừng quỳnh muốn kêu Anh ơi, có cơm rồi, tôi mừng quỳnh quên gan bàn chân rách nát vết cắt đá ngầm, tôi mừng quỳnh vấp ngã xấp mặt, miếng khô cá lăn lông lốc. A Hủ đi chung tàu lao đến giạt, tôi giăng nhưng A Hủ xỉ mặt:

- Lụ Mệ buông ra tao động một cái bề mặt.

Tôi buông miếng cá, hốt cơm rơi vãi trên đất, hứng trong áo những nắm cơm lẫn đất cát mang về cho K vẫn thiêm thiếp. Tôi nguyện rửa người Tàu, tôi đã chứng kiến họ ăn ở bần thiêu ở Mỹ Tho trước lúc xuống bến, ích kỷ dành giạt trên thuyền. Tôi đã chứng kiến A Hủ rút dao chém A Dềnh dành ba lượng vàng những ngày ngấm nước ở san hô. Tôi nghĩ Thầy không thể là người Tàu, tôi không bao giờ là người Tàu. Hai anh em không biết nói tiếng Tàu.

- Chụ, chụ cho con tiền ăn cơm chụ.

Đưa trẻ chia tay. Tôi đang đứng trước Quốc Hội cũ, cổ mừng tượng ra tượng Thủy Quân Lục Chiến đối diện passage Eden đã bị đập.

- Chụ, chụ cho con tiền ăn cơm chụ.

Rõ ràng đưa trẻ mang gương mặt tôi ở Phi Luật Tân. Rõ ràng đưa trẻ đang chia tay nói Chấp Chấp. Đưa trẻ đang kéo oằn anh nó nằm co quắp quán bông băng thuốc đỏ mắt lò đờ trên miếng ván có đóng bốn bánh xe đi dọc đường Đồng Khởi. Đưa trẻ nhếch nhác y tôi ở hải đảo Liminancong đi kiếm cơm cho anh nó. Nếu tôi không cho tiền chắc chắn nó cũng sẽ nói pù tăng ki na mô. 16 năm rồi mà tuổi trẻ của đất nước này vẫn còn đi xin ăn? 16 sáu năm xây dựng con người mới, xã hội mới, làm chủ tập thể, vẫn còn xin ăn? Ở đâu các bà mẹ Tổ Quốc? Ở đâu hội phụ nữ Việt Nam? Ở đâu Thành Đoàn? Tôi đã biết cái nhục bị người Phi xua đuổi, tôi đã biết cái nhục ăn khoai thí trong cô nhi viện Pháp. Bây giờ em biết cái nhục đi xin ăn như tôi ngày xưa? Xin ăn Nhật kiều, Hàn kiều, Úc kiều, Mỹ kiều, Pháp kiều và tôi là ai đứng đây, trước lòng bàn tay em đang chìa ra chờ đợi? 5 phút trước tôi còn là đứa trẻ Sài Gòn, 5 phút sau tôi đã là Việt kiều em đợi bố thí, 5 phút trước tôi là người Hoa, 5 phút sau tôi là người Việt, 5 phút trước tôi là người Bắc, 5 phút sau tôi là người Nam, 5 phút trước tôi còn trặc ản mũi lòng

vì cảnh đất nước cố gắng vươn lên, vượt thoát số kiếp nghiệt ngã, 5 phút sau tôi khám phá dân tộc mình ăn vất và không bao giờ sử dụng thùng rác. Tâm linh tôi thay đổi, tâm thức tôi hoá chuyển, tâm hồn tôi biến thiên, linh hồn tôi dao động như quả bóng vự những đứa trẻ đang chơi ném ra đường xoay tít trong công trường Lam Sơn.

- Vậy Vũ là Vũ đóng giả Vũ?

K nhìn tôi bằng đôi mắt trừng trừng thú vật của thần chết. Tại sao thần chết tinh đến như vậy? biết hết giả dối của kiếp người, lúc sống, cũng như lúc chết? Có phải vì đã chung chạ quá nhiều với người sống mà hắn biết tất cả? Tôi là ai? Năm phút nữa tôi sẽ thành Tây biến mất ở phi trường Tân Sơn Nhất.

- Chụ, chụ cho con tiền ăn cơm chụ.

Đứa trẻ chìa tay, đôi mắt đục mờ, còn chút nào kiêu hãnh giận dữ của Trần Quốc Toàn trong đôi mắt đờu? Còn chút sức vóc nào ở bàn tay Phù Đổng này?

Tôi bước chân qua cánh cổng bằng sắt sơn xanh. Cánh cổng nặng trĩu thép im lìm nặng nề suốt quãng trời thơ ấu. Sư huynh Emmanuel Oai hay đứng sau chiếc cổng này kiểm soát phụ hiệu, áo bỏ trong quần, quần tây đen, sandale hay bata trắng, bata xanh sẽ bị đuổi cổ tức khắc. Sư huynh Athanase Mạng đứng dưới gốc cây, đôi mắt rình rập nghiêm khắc, một chút thiếu giáo dục sẽ bị trừng trị. Tôi đã đi không biết bao nhiêu lần lối sỏi giữa các tượng thánh. Ngôi trường nam sinh lớn nhất Đông Nam Á, với mười một ngàn học sinh của hai xuất sáng chiều, mỗi cấp tiểu học 20 lớp, mỗi cấp trung học 12 lớp và mỗi lớp 73 học sinh. Tôi tên Vũ luôn đứng số thứ tự 72 trước thềm Hoàng Xuân YẾN. Lasan Taberd thành lập năm 1873 cùng năm Francis Garnier đánh thành Hà Nội. Hiếm ai biết trường Taberd đỡ đầu sư đoàn Nhảy Dù, đơn vị tinh nhuệ nhất của quân lực miền Nam. Tôi đã khám phá những người lính Cộng Hoà không xa lạ gác cầu, gác chợ, nhưng thân mật dạy cách đánh tay khi diển hành qua khán đài ngày lễ 100 năm thành lập trường. Tôi đã đứng ở đây, trong sân trường này, tập hát quốc thiều, khám phá lá cờ thiêng liêng tổ quốc. Màu vàng phát phới đẹp như một dải cát, cuộn cuộn không tỳ vết, không nếp rữ, trong gió ban mai của tuổi hoa niên bay thẳng tắp một định hướng. *Các em là tương lai rường cột của đất nước*, sư huynh hiệu trưởng Lê Văn Nghiêm đã nói như vậy, tôn huynh tổng quyền dòng La San Charles Henry đã đọc diễn văn như vậy. Và tôi đã tin, tôi là tương lai của đất nước.

K luôn xếp hàng ở phía hội trường đầu lưng đường Gia Long. Tôi học đệ thất, anh đã học đệ tam. Giữa tôi và K luôn có một khoảng cách, chung trường, chung giáo dục, chung gia đình, nhưng anh luôn chọn con đường khác, con đường không thuần Việt. K sợ hãi chiến tranh từ lúc nhỏ, K năn nỉ Thầy cho đi du học sau Tú Tài toàn phần trong lúc tôi chuẩn bị tham chiến. Phan Nhật Nam đã nhồi vào đầu tôi hình ảnh kiêu hùng của người lính Cộng Hoà ở An Lộc. Dương Nghiễm Mậu đã nhồi vào đầu tôi những hình ảnh khổ đau của nạn nhân chiến cuộc với trận đánh chống chiến xa Bắc Việt T-54 ở miền Trung. Đại úy Trương Duy Hy viết hồi ký Tử Thủ Căn Cứ Hỏa Lực 30 Hạ Lào quá oai hùng. Thiết giáp Bắc quân PT-76 tràn lên sườn đồi, pháo 155 ly hạ thấp nòng bắn trực xạ thối tung từng khối sắt trong lúc thiếu tá Mạnh tiểu đoàn phó tiểu đoàn 2 Dù dẫn lính bung ra phản công chỉ đánh bằng lựu đạn. Đồi Charlie, cơn mưa sắt thép, rặng Chu Moong Ray chờ trời sáng, tiểu đoàn 11 Dù qua đêm trong chập chờn sắc buốt. Phan Nhật Nam viết chi những giòng này, đài truyền hình chiếu chi những hình ảnh Mậu Thân từng cụ bà đi bốc xác con bị chôn sống ở bãi Dâu ngoài Huế? Tôi chuẩn bị tham chiến. Tôi chờ đợi cuộc chiến thiếu kiên nhẫn. Xả thân, bảo vệ tổ quốc, hiến thân dưới cờ, chống đỡ quốc gia đang nguy biến. *Các em là người tổ quốc mong cho mai sau*. Tôn huynh giám tỉnh phụ quyền Bruno Trần Văn Bằng khẳng định như vậy. *Đây thiếu sinh trường Lasan, vui sống trên đường đời, lòng ta nhất quyết nên người, theo gương sáng bao bậc đàn anh...* Tôi là sản phẩm của nền đệ nhị Cộng Hoà, thứ sản phẩm thuộc lòng Lasan hành khúc, quốc ca, khẩu hiệu và tiểu thuyết.

- Anh làm gì ở đây?
- Tôi học ở đây.
- Lớp mấy? Ôn thi bên kia kia.

Thanh niên chỉ bộ đoàn đang giăng biểu ngữ có kẻ khẩu hiệu Sông có thể cạn, núi có thể mòn... hất hàm. Tôi mang gương mặt đứa trẻ nên anh nghĩ tôi vẫn còn đi học? Tôi không rõ, nhưng tôi biết, anh là sản phẩm của một nền Cộng Hoà Xã Hội khác.

- Chụ, chụ cho con tiền ăn cơm chụ.

Đứa trẻ chia tay, đôi mắt đỏ kè, tôi nhìn kỹ vào trong đôi mắt đó cố tìm chút hy vọng ngày mai. Đã có ai nói với đứa trẻ ăn xin Em là tương lai của đất nước?

Tôi bước chân lên các bậc thang gỗ. Tôi đã bước chân lên các nấc thang này bao nhiêu lần suốt tám năm theo học trường dòng này? Thờ gỗ đã không còn láng bóng, đen kịt, phát ra những âm thanh thời nhỏ, không phải âm thanh vui tươi nhưng thứ âm thanh sợ hãi mỗi khi sư huynh giám học Sébastien Huyền, sư huynh Albert Tiên, sư huynh Marcien Thiện rình rập ở trong bóng tối nhào ra tát lấy tát để vào mặt đứa học trò đã ngu dại nói chuyện trong lúc lên thang. Tại sao các sư huynh đánh đập tương lai của đất nước? Tôi không hiểu, nhưng các bạn tôi đã bị đánh những trận đòn thâm tím mình mẩy. Sư huynh Martial Trí ám danh Martel cổ lùn, có lối trừng phạt kỳ lạ, bắt nam sinh tụt quần lấy roi tết bằng giấy điện tháo vỏ bọc cao su quất vào mông, sư huynh Fortuna Phong tổng linh hoạt ám danh Hủ Lô bắt hít đất lấy chân mang giày Tây đè lên lưng cho thêm nặng, sư huynh phó hiệu trưởng Jourdain Thiện cao trên thước tám luôn xoắn lỗ tai học trò nhấc cao quá đầu rồi thả rơi xuống đất đánh bịch như mít rụng.

Tôi ngồi ở bàn học tôi đã ngồi thời bé, cố tìm trên mặt bàn những hình khắc bằng compas thời nhỏ. Nền trời nhiệt đới xanh biếc. Sắc xanh đùa giỡn vài cụm mây trắng. Ngô Trọng Thắng, con trai đại tá Ngô Trọng Oánh đặc khu trường đặc khu Một than:

- Ê lão Hải Việt Văn sắp Hồ Zénh nữa rồi kìa mày.
- Hết ba con chó con mèo của Tô Hoài rồi đến con gà trống của Hồ Zénh, kim văn gì chán thấy bà nội.

Lâm Ngươn Tuyền, cháu đề đốc Lâm Ngươn Tánh phun nước miếng.

Tôi cũng thấy chán, không hiểu tại sao thầy Hải không bình giảng Z-28 Bí Mật Hồng Kông, Bắc Kinh 72 Giờ Nghẹt Thở hay Kinh Nước Đen của Nguyễn Thụy Long hấp dẫn hơn nhiều. Tôi nhìn qua cửa sổ, nền trời xanh đến lạ lùng. Bóng chiếc phi cơ đang bay nổi ửng trên mái bệnh viện Grall vẽ chữ thập đỏ. Tiếng nổ ầm khùng khiếp sau đó. Tiếng nổ chát chúa vỡ oang làm vỡ kiếng hất cả đám ngã chúi. Sức gió muốn thổi bay mái trường, bảng đen tượng Chúa rơi xiêu vẹo. Tiếng nổ thứ nhì chói tai bật tung các cánh cửa, cả lớp nhón nháo hỗn loạn, thầy Hải bỏ chạy khiến cả lớp ùn ra như ong vỡ. Cả đám xô lấn chen giẫm chạy xuống thang đã đặc nghịt học sinh của các lớp khác. Tiếng đại liên cao xạ lúc này bắn lên như mưa, như có ai đốt nhiều bằng pháo đại cùng một lúc. Tôi hoảng sợ xanh tái, chiến tranh tôi chờ đợi, chuẩn bị đã đến. Các sư huynh cố gắng xếp chúng tôi dưới chân thang, còi hụ khắp nơi, xe quân cảnh chạy qua đường Nguyễn Du rầm rầm. Thầy xuất hiện lúc đó, Thầy lo âu lặng cứng đến đón tôi đang ngồi bó gối sợ hãi dưới gầm cầu thang. Tôi ngã vào tay Thầy tìm che chở. Chiến tranh của Thầy đã thành chiến tranh của tôi. Nỗi lo sợ của Thầy đã thành nỗi lo sợ của tôi. Buổi sáng tháng 3 nền trời cũng xanh như bây giờ, vẫn những cụm mây trắng trôi bành bồng, tiếng lá me reo rụng đầy đất, vẫn lối đi này, cầu thang gỗ đó, nhưng Thầy không bao giờ còn đến đón tôi nữa. Tháng 3-75 khi đánh bom dinh Độc Lập, người phi công bội phản Nguyễn Thành Trung có biết ông đã phá nát một tuổi thơ? Tất cả vỡ tan từ lúc đó.



\*\*\*

Tôi trở về nhà tìm chỗ trú ẩn. Cột giấy vát lên bức tường trắng K đã xây cho Bà sau khi hóa quỷ. Cột giấy đỏ thắm sáng rực khi tôi về tới. Rặng giấy bao lấy ngôi biệt thự um tùm cây cối. Bà như người đánh cờ tướng mất hết xe pháo mã, mất hết sĩ tượng, nhưng gỡ gạc chiến thắng bằng cách chiếu mặt. Tướng vồ Tướng. Sau mười năm đơn từ khiếu nại, sau thuế siêu ngạch, đánh tư sản, tịch biên, Bà đòi được villa Thủ Đức, hay đúng hơn chính quyền đền cho Bà ngôi biệt thự khác, 300 thước vuông đánh đổi villa Yersin 2500 thước đất. K đã hóa quỷ, nhưng anh vẫn giúp Bà trang trí nội thất, lợp lại mái, sơn phết tường vách bằng những đồng quan tiết kiệm dành giết với thần chết. Khi tôi bước chân qua cổng, nắng buổi chiều hắt lên những giò phong lan treo rũ tinh khiết, ánh nắng ửng ở từng cánh, đang hé, như ánh mắt K trong suốt thời trẻ. Bà vẫn ngồi ở ghế tràng kỷ, tuồng không hề đi đâu. Hai vạt áo dài Bắc cổ cao vồng lên trong quá khứ bay chập chờn giữa các ngôi mà buồng rũ chằm tận đỗi hải cẩu trên đất. Bà ngồi ở ghế tràng kỷ yên lặng, giống Bà chưa hề rời đất Bắc. Tuồng Bà đang ngồi đợi Ông bị Việt Minh bắt đi năm 45 không bao giờ có tin tức. Bà không bao giờ quay lại đất Bắc mặc dù biết bao lần tôi mời Bà cùng đi, Bà đã từ chối. Tôi khám phá không chỉ mình Bà, cô chú trong họ, sui gia, không ai còn muốn trở ra Bắc, dầu chỉ một lần thăm viếng, nhìn lại.

Bà ngồi ở ghế tràng kỷ im lặng. Sau lưng cặp liễn, bàn thờ gia tiên, lư đồng đánh bóng. Rõ ràng Bà chưa hề đi đâu, cách bài trí Hà Nội tiền chiến, bức bình phong cần xà cừ, hàng màn trúc lay động, chậu thực được tím, những cành đào dịp Tết dài các, mọi thứ vây lấy Bà hay đúng hơn chính Bà xếp đặt tất cả. Chính Bà đã chuyển hoá chi tộc của Thầy từ Hoa sang Việt, chính Bà giữ nếp nhà Bắc, quyết định không nói tiếng Hoa trong nhà, mặc dầu Thầy vẫn nói tiếng Tàu với chú Hên, chú Xá, cô Mản, viết thư bằng chữ Phở Thông cho chú Ích du học Đài Loan, nhưng Bà nhất quyết gởi chúng tôi học trường Tây, nhất quyết chọn Bắc Việt Nghĩa Trang làm nơi chôn cất gia tộc mà lẽ ra, phải là nghĩa trang của các bang hội Triều Châu, Quảng Đông, Phúc Kiến. Bà luôn kiêu hãnh khi nhắc về bên ngoại thuần Việt. Bà không cho phép gọi Thầy bằng Pá, không cho phép ăn xiu dề mỗi khuya, không cho phép khạc nhổ như Ông Chú thường hay khạc nhổ mà Bà luôn cảm thấy bẩn.

Tôi ngồi xuống ghế. Sạp gụ cắm lai cần mình rỗng thuở nhỏ tôi rất khổ sở khó chịu, mỗi khi ngồi dựa vượt rỗng đâm suốt lưng. Chỉ còn vài tiếng nữa là Giao Thừa. 17 năm tôi chờ đợi phút này, trở về ngôi nhà Bà hưởng đêm trừ tịch của trời đất, trong không khí thiêng liêng, trước bàn thờ tổ tiên. Tôi ngắm chậu quất vĩ đại chi chít trái, dầy cúc bó xôi tròn xoe như mâm cỗ, bát thủy tiên ngậm nước bắt rễ tựa những củ hành nhỏ trổ hoa trắng. Tất cả thay đổi chóng mặt. Lần về đầu tiên tôi kinh hoàng chứng kiến Bà sinh sống trong một ổ chuột, toàn bộ căn nhà đường Hai Bà Trưng cán bộ ở chật cứng, Bà chỉ còn duy nhất mỗi một phòng con, vừa nấu ăn, vừa lễ bái, tất cả bàn ghế đồ đạc Bà phải đem gởi. Tôi trở về, chị N phải cho bé Nhí bú dưới chân thang vì căn phòng quá hẹp không đủ chỗ. Anh T, chồng chị ngồi đợi ở lề đường. Suốt đêm tôi nói dối quanh co về K, nhìn con chuột chui ra từ bàn thờ đánh đu trên giây điện. Suốt đêm bé Vinh kinh ngạc ngắm lũ thạch sùng di chuyển dưới bóng đèn. Bé Vinh chưa biết xếp bì bán như tôi hay bán thời nhỏ rồi nhìn chiếc đuôi thần lẩn rượt theo khúc thân đã quên mất một quả khủ từngácó đuôi. Một buổi trưa tôi ra mua cóc, chị N hỏi bao nhiêu, tôi trả lời 10 ngàn ba quả. Chị dầy nẩy, con Lài con Dì Sáu nó điều, một quả chỉ một ngàn thôi, con Lài nó thấy Việt kiêu nó chém. Tôi cần, nhưng chị đã ra đòi tiền, chị không đòi được đồng nào, con Lài đưa thêm một quả cóc. Một năm sau tôi trở về, anh T mất, anh tai biến mạch máu não, chứng bệnh thời trang của đất nước, anh cũng lên thác. Chị N khăn tang ủ rũ. Tôi đi qua những đường phố không nhận ra phố xá mình đã đi qua, sinh sống 16 năm liền. Tôi đi ngang ngôi nhà tuổi thơ ở phố Hai Bà Trưng-Tân Định mới về năm trước đã hoá mini hotel Đức Huy. Tôi đến tìm Ngọc Mỹ, người bạn gái đầu tiên những trưa nắng tôi ngắm say mê mái tóc màu hạt dẻ buông lửng lơ trên lưng áo dài lấm tấm giọt mồ hôi thiếu nữ. Ngôi nhà gia đình Ngọc Mỹ

ở số 221 Phạm Ngũ Lão cũng đang hóa mini hotel. Tôi cảm giác nguyên đất nước biến thành khách sạn, kể cả tình cảm vụn vặt nhỏ nhoi của chính mình cũng trở thành khách sạn. Khách sạn? Đồng nghĩa phù du, một đêm, một tuần, 24 tiếng. Trên đất nước này còn gì tồn tại lâu hơn nữa?

- Dù không anh?

Cô gái mang gương mặt trắng quen thuộc. Thiếu nữ ngồi dưới gốc đa vậy. Tôi nhìn kỹ cô gái trong chập choàng của bóng cây vươn tàn rộng mênh mông. Tôi nhận ra tức khắc lối vào nghĩa trang. Không sao có thể lầm lạc, vẫn dãy tường vôi vàng này dù đã sụp lở phân nửa. Chỗ này rào kẽm gai phân chia Tân Sơn Nhất, chỗ kia sau bãi cỏ mọc hoang bây giờ dựng lên quán bia bình dân là chỗ tượng Bồ Tát bằng gạch đen. Lô đất phía đó đắt hơn phía bên này, Thầy hay nói. Dáng ngồi thiếu nữ y bà cụ bán nhang của nghĩa trang, cũng túi ny lông phủ mặt, áo mũ che mưa xếp dưới chân, giọng Bắc trong trẻo. Gốc đa chỗ Thầy ngừng mua nhang buồng thông những chiếc rế có lần K đã hù sẽ dùng thắt cổ, những rế ma vẫn còn loằng ngoằng. Thiếu nữ mang gương mặt trắng quen thuộc. Tôi cố nhìn kỹ bàn tay cô gái xem có ngón nào bẻ quặp vào trong.

- Dù thoải mái đi anh, bốn chục nghìn thôi em không tính điều đâu.

Tôi cố nhìn kỹ xem cô gái có còn nhuộm răng, có còn nốt ruồi dưới mí mắt.

- Dù đi anh, em bảo hành khả ái.

Con hẻm không thất hậu nhưng nở phình ra thành bãi đất giống quái thai đầu mọc dưới đất. Tôi trở về nhà tìm chỗ trú ẩn. Tôi trở về nhà trông thấy nắng rơi thẳng thốt lên rặng giầy còn mang ánh mắt K u tối. Bà ngồi ở ghế tràng kỷ. Bàn thờ gia tiên nghi ngút khói. K đã thấp nén nhang cuối cùng trên bàn thờ này buổi sáng vắng lờ lờ Bà ra đi vĩnh viễn. Tôi ngồi xuống ghế. Sạp gụ cắm lai cần mình rồng tua tủa thuở nhỏ tôi rất khổ sở khó chịu mỗi khi ngồi dựa vuốt rồng đâm buốt lưng. Bà ngồi ở tràng kỷ. Tôi mang gương mặt của đứa trẻ trong hình 17 năm sau trở về đối diện Bà. Tôi đếm một, hai, ba, như tôi vẫn thường hay đếm trước những ngôi mả xanh mướt ánh mắt người chết. Tôi đếm một, hai, ba, ngậm chầu thược dược tím bầm trong miệng.

## Nhà văn Trần Vũ

### trả lời Văn Học về sáng tác

(Văn Học số 114 tháng 10 năm 1995)

...Tôi viết truyện trước nhất cho chính mình, giống như chơi nintendo, trước màn ảnh, một mình với thế giới virtuel riêng của mình. Từ đó thêm nhiều người bạn cùng sáng tác, chúng tôi viết truyện như một cách thức trao đổi, khám phá và thân nhau. Tôi theo dõi tất cả sáng tác của bạn bè, Đỗ Kh, Trần Sa, Hồ đình Nghiêm, Sĩ Liêm, Phạm Chi Lan, Phạm thị Hoài, Nguyễn Quang Lập, Phạm thị Ngọc...Còn độc giả? Rất thành thật là tôi không bao giờ nghĩ đến họ. Họ không có mặt, không hiện diện. Người đọc bao giờ cũng chín người mười ý, có nghĩ đến họ cũng không chịu lòng được hết. Hơn nữa ở nước ngoài, khối độc giả quá ít, một tác phẩm in thành sách, bán chạy hay không tác quyền cũng một ngàn đô la chẳng là bao nhiêu, không đáng cho người viết truyện phải quan tâm đến thị hiếu người đọc. Đây là sự khác biệt lớn nhất giữa thể hệ cầm bút trường thành sau 75 ngoài nước và những người viết văn đi trước, lớp người viết sau không chuyên nghiệp và không sống chết vì văn chương.

Anh viết điều gì? Thông thường tôi chịu nhiều ám ảnh: Chiến tranh, lịch sử và tính dục.

Nhưng sau này tôi nhận ra cả ba chỉ là một: Con người. Con người: động vật ăn thịt. Với tất

cả văn hóa vẫn còn tồn tại bản năng săn bắt. Mỗi quan hệ giữa người trong cuộc săn đầy thú tính. Do đó trong các truyện ngắn đã viết, tôi luôn cố diễn đạt những hung bạo giữa người, đặt biệt người Việt. Nếu chiến tranh là phương tiện, tính dục là bản năng, thì lịch sử là dấu vết của hung bạo.

Anh viết như thế nào ? Bao giờ cũng cần một ý chính làm xương sống cho toàn truyện, các nhân vật mọc quanh làm xương sườn cho xương sống đó. Ban đầu là thời gian tạo cốt truyện. Rồi tìm tựa, phân cảnh, thử hai ba lối nhập khác nhau, song song tìm kết, có kết rồi mới viết, như vậy chi tiết đầu và cuối có thể liền lạc. Tôi đặt trọng tâm vào kỹ thuật, kể là giọng văn và cốt truyện. Cuối thế kỷ hai mươi, tiểu thuyết hay truyện ngắn đã khác thời Nhất Linh tin không cần cốt truyện chỉ cần tả thực. Tất nhiên cốt truyện bây giờ không lớp lang như ngày xưa.

Trong khi viết tôi luôn dựa trên hư cấu. Viết về một đề tài nào đó mà mình không sống qua, chưa có kinh nghiệm; chẳng hạn lịch sử hay chiến tranh, tôi tìm đọc sách sử và địa lý nhân văn của thời đại đó. Đọc bốn năm cuốn và đọc đi đọc lại cho đến lúc tất cả chi tiết phong thổ lịch sử thấm vào mình, tưởng như mình đã sống qua, trông thấy, chứng kiến; lúc ngồi vào bàn viết chúng sẽ hiện lên trở lại một cách tự nhiên. Xây dựng truyện trên tưởng tượng còn cho người viết những tự do mà thật sự đã tước đi. Gần đây tôi tin lối thoát của mình là từ bỏ con đường hiện thực. Viết lại sử Việt cận và hiện đại bằng kỹ thuật huyền ảo của Marquez sẽ là một cuộc phiêu lưu kỳ thú.

## Buổi sáng sinh phần

Mưa vẫn còn rơi lai rai khi Diễm vào tới nghĩa trang. Hai ven đường mồ mả mọc đìu hiu nằm men sau dãy tường thấp. Gió thổi bời rời, phe phẩy dăm ba hạt mưa âm ỉ. Chàng trả tiền cho người phu xe dặn ngồi đợi. Diễm còn đau râm ran trong bụng, không đau xẻ ruột đứt gan và ói máu như lúc nằm viện, nhưng là cái đau dai dẳng chậm rãi âm ỉ. Chàng cố dỗ dành viên mụn nhọt thâm sâu trong dạ dày khi bước vào cổng. Bà cụ già ngồi bán nhang chào mời chàng với ham răng nhuộm. Diễm mua lấy một bó đèn thấp ở miếu thổ thần. Mùi nhang đốt, hương đèn xông nghi ngút, khói cay bỏng mắt đột ngột đưa chàng vào hản thế giới của người chết. Bó nhang đập một bén lửa cứ phụt lên làm Diễm phải vẩy mấy lần trước khi lâm râm khấn rồi cắm vào bát sành. Vài ngọn gió lùa tha theo nước mưa vào trong miếu làm chàng gầy gầy lạnh. Diễm lại thấy đau nhói trong phủ tạng, chàng chờ cho khỏe lại rồi mới đi quanh quất giữa những hàng mồ mả. Nghĩa trang hiu hắt, hoang vắng. Thế giới sau lưng con người chỉ phơ phất mấy đường mưa chảy lẩn rờn trên bia đá. Trời mưa ri ri suốt cả một buổi làm bầu trời xám ngắt như đã ngã về chiều dù chỉ mới quá trưa. Hai ba giọt nước luôn qua cổ áo khiến Diễm rùng mình ớn lạnh.

Chung quanh miếu thổ thần mộ lập san sát nên Diễm chỉ nhìn lướt các kiểu bia xây. Nhiều tấm bằng đá hoa chạm đẹp, nhiều tấm cỏn xà cừ, và những tấm đá thạch đơn giản chỉ mài nhẵn. Những bia mộ làm Diễm xúc động. Những đôi mắt người chết nhìn chàng u uất trên dòng chữ khắc mặc niệm. Vợ hiền lập mộ. Em và các con thương nhớ anh hoài. Bố mẹ thương con vô cùng... Lác đác vài vòng hoa cườm bằng nhựa lay lắt trên đầu mộ chí, người ta quên đem về đã phai nước sơn nhưng còn đọc được những chữ Thành kính phân ưu. Đau xót chia buồn. Thương tiếc tiễn đưa... Chàng buồn buồn đi rảo qua lối đi nhỏ, tiếng cỏ tranh lay chạm ào ào như có ai than. Thân phận kiếp người quá là mong manh. Sống gửi thác về, tro tàn bụi cát, hồn phách tiêu tán. Gió thổi nâng đong đưa vài miếng tro nơi đồng vàng mả ai đó vừa đi thăm mộ đốt xong. Phiến tro bay trĩu trĩu theo mùi nhang đưa từ ngôi mả mới cắm. Diễm đi sâu vào trong. Những người khuất mặt còn lưu trữ chút chân dung qua di ảnh vẫn theo dõi chàng. Có người mắt thật trẻ, hưởng dương hai mươi mốt tuổi, kẻ thất lạc ngoài tám mươi. Diễm đi tới

cuối nghĩa trang chỗ có bức tường đồ xiêu trông qua mấy dãy nhà lợp tôn phía Tân Sơn Nhất. Mỏ mả đan kín không còn đất trống. Chàng phân vân nửa muốn trở ra sang khu nghĩa trang bên kia đường, nửa muốn đi tiếp sâu vào hướng ngược lại con đường dẫn ra miếu thổ thần. Điềm còn chần chừ thì nghe tiếng người gọi:

- Cậu kiếm mả ai?

Chàng giật mình quay lại, bắt gặp một cụ già đứng cách mấy hàng bia. Ông cụ đi giày tây nhưng vận áo dài, chít khăn nhiều và cặp ô đen. Trời gió thổi hai vạt áo the rung rung.

- Thưa cháu kiếm đất. Điềm trả lời.

- Cậu cũng người Bắc à?

Ông cụ lại hỏi, nét vui mừng mà phúc hậu.

- Dạ, cháu sinh quán Hải Dương.

- Quý hóa quá! Tôi là Chương, người huyện Tiên Sơn tỉnh Hà Bắc, hân hạnh biết cậu. Nhưng kiếm đất ở đây làm sao có, khu này họ xây choáng hết cả rồi. Nếu cậu không vội, theo tôi sang đằng này họa may.

- Dạ, cảm ơn cụ chỉ đường.

Ông cụ phát tay, chỉ về hướng tượng Quan Âm xây ở đằng xa, ra dấu bảo Điềm đi theo. Trời mưa lâm râm không nặng hạt nhưng ông cụ vẫn giăng ô, hai ông quần lụa giặt trắng phau.

Chàng để ý thấy đôi giày tây của cụ Chương còn mới nguyên chưa mòn đế.

- Cậu kiếm đất cho ai? Cụ Chương bỗng hỏi.

- Dạ, không dấu gì cụ... cháu muốn mua sẵn một miếng đất cho mình.

Điềm hơi ngần ngại, nhưng rồi cái phong thái hồn nhiên của cụ Chương giúp chàng nói thật.

Chàng bỗng thấy mình khỏe hẳn sau khi nói ra mục đích đến nghĩa trang.

- Ôi giờ! Còn trẻ thế mà đã lo xa kia à? Xem như là chúng mình đồng bệnh tương lân rồi nhé! Cứ coi như ta đã là tri kỷ!

Cụ Chương bật cười lớn khoác vai chàng tương đắc. Điềm không hiểu gì khi thấy ông cụ đưa tay làm loa gọi những người khác. Cụ Chương tươi cười:

- Lâu lâu mới gặp một người còn trẻ mà đã cẩn thận biết lo chốn yên nghỉ của mình, chúng tôi quý lắm. Người xưa vẫn dạy cái phần mả bao giờ cũng là trọng, mà tuổi trẻ đời nay họ chỉ ham sống. Thật bụng chỗ đồng hương với nhau, gặp cậu tôi rất cảm kích, sẵn có vài người bạn đồng mả, nếu cậu cho phép xin được giới thiệu.

Điềm còn đang chần chừ do dự không biết tính sao, thì đã thấy mấy người từ dãy mộ phía trong đi ra. Cụ Chương vừa kéo tay chàng vừa vẫy họ.

- Các ông lại đây! Có anh bạn trẻ này hợp với chúng mình lắm!

Người đàn ông đi đầu tuổi trạc ngoài năm mươi, tóc chải kiểu hai thập niên trước, complet cà vạt ùi hồ thật thẳng. Trông ông ta như sắp đi dự đại tiệc. Người đàn ông nói:

- Tôi là Thanh, chủ hãng cưa Phúc Lợi, rất vui được biết cậu.

- Không dám làm phiền bác, cháu là Điềm vừa quen với cụ đây.

Chàng bắt tay ông Thanh. Ba người đi sau cũng vừa tới. Một cô gái mặc áo dài trắng tóc thè, một người lính trong bộ lễ phục sĩ quan Đà Lạt và một người thương phế binh áo nguy trang bê bê bết bùn đất. Người thương binh cụt chân, Điềm nhìn sững họ quên cả chào, lúc này mà còn mặc áo lính Cộng Hòa thì phải có máu mặt.

- Chào anh bạn! Tôi là Trình Văn Khánh! Người thương phế binh phác tay chào Điềm theo cung cách quân đội cũ.

- Mừng anh ghé tham quan! Người sĩ quan võ bị vồn vã ôm hôn chàng, vừa vỗ vỗ vào lưng thân ái. Không quen với kiểu chào này nên Điềm ngượng đỏ mặt. Cô gái chỉ khẽ gật đầu nhìn chàng, không xưng tên, chỉ lẳng lặng đứng nép một bên mả.

- Tôi tên Thìn, sinh đẻ ở phố Kim Mã, quận Ba Đình châu thành Hà Nội, rất hãnh diện được đón tiếp anh hôm nay!

Người sĩ quan Đà Lạt bây giờ mới trịnh trọng tự giới thiệu. Chàng không hiểu gì ngó người ra nghe.

- Thôi bây giờ là người nhà rồi cả nhé, không cần khách sáo nữa. Nếu cậu Điềm không bận thì

ra ngôi mà uống với chúng tôi một ly, chả mấy hôm mới có được chút rượu đế. Ta đi nào! Cự Chương không chờ Diễm trả lời, thân mật nắm tay dẫn ra một chỗ mà tương đối sạch sẽ trống trải. Ông cụ vừa đi vừa kể cho mấy người kia nghe ý định tìm đất của chàng. Hai người lính bật cười ha hả còn ông Thanh thì khen ý hay, chỉ có cô gái vẫn không nói gì chỉ lẳng lặng theo sau. Trưa nghĩa trang gió buồn buồn đưa mưa qua những ngôi mộ vắng vẻ, có được vài người cùng đi kiếm đất chung thì cũng bớt cô đơn, nghĩ vậy Diễm mạnh dạn bước theo họ.

- Nhắm nháp qua loa rồi chúng tôi đưa cậu đi coi đất, trong này thì không có chỗ nào mà chúng tôi không biết. Nhưng chọn đất là việc hệ trọng, cậu không nên hấp tấp, con cháu mai sau nhờ cả vào đó.

Sáu người ngồi dưới một tàn cây nhạc ngựa, chung quanh cỏ lau, mỏ mả im lắng như tờ. Diễm trông thấy một hàng phượng nở hoa đỏ, giữa chiều mưa in hình lên nền trời ướt nước của lối đi chính mãi tận đầu nghĩa trang. Cự Chương không biết lời ở đâu mấy đĩa xôi gấc, loay hoay tháo bọc ny lông phủ mặt. Ông thanh cũng rở mấy bánh oản, lớp giấy bóng kính xanh đỏ đủ màu. Thìn rót nước trà ra tách, Khánh chuyển cho mỗi người một ly đế. Cô gái ngồi im nhìn.

- Làm một ly anh bạn!

Khánh đưa rượu đến chàng, vui vẻ.

- Rượu trắng hơi nặng, nhưng trời lạnh uống vào nóng ran người, thích thật! Cự Chương gật gù khề khà.

Diễm cũng đưa ly lên môi nhấp, rượu đế rỏ tiền cay bỏng lưỡi lại nồng nặc mùi nhang, chắc tro tàn rơi vào ly. Chàng cố chiêu ngậm rượu, lẽ ra Diễm không được uống nhưng trước sau thêm vài tháng thì có khác gì đâu. Nghĩ vậy Diễm nhắm mắt uống cạn ly, chất lỏng nóng như sôi sục trong dạ dày Diễm. Chàng khà một tiếng lớn.

- Bạn chịu chơi lắm! Tôi phục bạn, ít người uống nổi thứ rượu đế này!

Khánh ngồi xuống cạnh Diễm có vẻ thích thú, anh ta nói tiếp:

- Tôi là hạ sĩ quan nháy dù, tiểu đoàn 11 của Nguyễn Đình Bảo, bạn biết chứ? Trận Charlie tôi bị vào đây.

Khánh đưa tay đập đập vào phần đùi còn sót, rồi nói không tải thương được. Khánh nốc hết ly rượu một hơi, rồi phác một cử chỉ nửa đáng tiếc mà cũng bất cần.

- Sống khôn thác thiêng, sống hùng chết vinh, trúng đạn què chân, binh chủng hào hùng thì phải bỏ mạng sa trường, poncho gói thân. Bạn đồng ý không? Ai như thằng này!

Khánh nói một hơi trước khi đưa tay chỉ vào mặt Thìn.

- Cứ phát biểu linh tinh! Thế nào là sống hùng chết vinh? Đi lính thuê cho đế quốc ấy à?

Thìn, người mặc áo sĩ quan Đà Lạt, đeo kiếm và mang găng trắng như sắp đi duyệt binh ngày quốc khánh, đang ngồi chồm hổm trên một ngôi mả bực bội trả lời. Anh ta gỡ cái nón kết lưới trai trên đầu xuống cầm tay quạt.

- Rắm thổi nhà anh! Cứ có tí rượu đổ vào là chết vinh hơn sống nhục!

Thìn nói thêm câu nữa, trước khi xúc miệng ồng ọc bằng trà. Chờ cho Thìn nhổ toẹt bãi nước xuống đất rồi Khánh mới dần mạnh ly.

- Đù mẹ mày! Đội đồ đi bộ từ Bắc vào Nam gia tài có mỗi đôi dép Bình Trị Thiên, bây giờ đeo găng, mặc kiếm, mang anh dũng bội tinh Việt Nam Cộng Hoà không biết xấu hổ! Giải phóng cái con mẹ mày!

Khánh chửi lại:

- Này, đừng có chạm vào thành quả đấu tranh của nhân dân Nam bộ! Việc tôi mặc áo sĩ quan đeo quân hàm ngụy thì không phải do tôi muốn. Người ta lộn, đem tôi về tắm rửa cho mặc áo lính ngụy đành chịu. Lúc đó ngoài Trung tình hình găng quá, thân nhân của cái thằng lộn không ra nhận được, chờ lâu họ phải hàn xì vì sợ xông mùi. Thật tình là như thế anh ạ!

Thìn quay lại phân bua với chàng. Diễm không hiểu họ muốn nói gì, chàng cho là cả hai chóng say đâm ra dở hơi. Nhưng Khánh thì vẫn cứ hùng hổ:

- Đù mẹ! Cứ coi là mày bị cầm nhầm, nhưng đồ ăn của gia đình thằng bị lộn vào cúng mày cứ xơi là thế nào? Còn giấu ăn riêng thì quân đội giải phóng chúng mày tệt thật!

- Đói thì phải ăn! Chứ thân nhân có biết tôi ở đâu đâu mà thăm nuôi! Sự đời nó có nhiều cái oái oăm, không biết thăng lộn bây giờ nằm đâu. Hôm ấy tắm ở suối lên chậm một chút thì chưa chắc đến nổi, mình lại bò lên trước các đồng chí ấy, chưa kịp chòng cái áo thì bị biệt kích nó bắn. Đi không mang theo được một món kỷ niệm. Tiếc hoài cái áo trấn thủ anh Điềm à. Cái áo tự tay cô Miến may lấy cho tôi có thêu cả tên họ chữ lót của hai đứa. Tiếc quá. Bây giờ nước nhà thống nhất, người ta xum họp còn tôi không biết đến khi nào mới gặp lại...

Thìn thở dài thườn thượt, nhìn đăm chiêu ra cổng nghĩa trang, nhưng lối ra bị mấy hàng tranh cao che khuất. Điềm lạ lùng theo dõi cuộc cãi vã giữa hai người lính, chàng ngờ ngợ một chuyện gì mà chưa dám tin vội. Điềm thấy tay chân mình bủn rủn cả.

Từ nãy vẫn có vài người đàn bà đi tảo mộ ngang qua chỗ họ ngồi. Mỗi lần Điềm đều để ý thấy mấy người đàn bà chỉ nhìn một mình chàng. Mưa lâm râm gần tạnh hẳn, mùi đất xông lên ngai ngái cả một khu mả điêu hiu thê thiết. Điềm cứ ớn lạnh từng chập, chàng nhìn mấy người ngồi quanh thấy họ tự nhiên như không. Chàng muốn bỏ đi mà không nhấc nổi chân. Ông Thanh bóc một bánh oản mời chàng.

- Cậu xơi miếng bánh! Còn hai anh kia thôi cho tôi can, nể mặt cậu Điềm với chứ. Xin lỗi cậu Điềm nhé, ngày xưa họ đánh nhau chưa chán nên bây giờ cứ gặp nhau là kiếm chuyện thù oán.

- Này ông Thanh! Không có bọn lính tráng tụi này xả thân bảo vệ lãnh thổ cho ông làm ăn để tụi nó vào đặt chất nổ khủng bố, thì có mueri trại cưa Phúc Lợi ông cũng không mở được. Đừng khi để bọn này chứ!

Khánh quay sang cãi nhau với ông Thanh. Ông chủ hãng Phúc Lợi chưa kịp có ý kiến thì Thìn đã chõ vào:

- Bảo vệ lãnh thổ? Nghe thôi!

- Thôi thôi! Tôi đã bảo hai anh thôi là thôi. Câu Điềm đâu có vào đây nghe hai anh cãi nhau. Chuyện cũ qua rồi, tôi bây giờ cũng không còn điều khiển trại cưa nữa. Cậu thấy tôi nói có phải không cậu Điềm? Họ hăng máu quá, cái thời trẻ của tôi đâu có như vậy, lúc ấy tôi chỉ nghĩ làm sao học một nghề kiếm ăn lương thiện có ích và hữu dụng, có vốn rồi mở một cơ xưởng để của cho con cháu nhờ... Suốt cuộc đời tôi chỉ ước vọng có bấy nhiêu, thế mà tôi không đạt được cậu Điềm à, khi đau bệnh gan không làm việc được nữa, tôi để lại cho vợ con cả một cơ sở phồn thịnh. Vợ chồng thẳng cả đưa nhau trốn ra nước ngoài bị bắt, cơ xưởng máy móc ván gỗ họ tịch biên hết, mẹ chúng nó vào đây than thở, nghe mà tôi cứ khóc ròng, bao nhiêu năm gầy dựng chớp mắt đổ đi.

- Chính sách nhà nước bao giờ cũng đúng đắn, để phurong tư sản các anh lũng đoạn thị trường cạnh tranh vô tổ chức ấy à!

Thìn lại chõ vào câu chuyện, không nể nang. Điềm tưởng ông Thanh sẽ trả lễ ngay, nhưng không ngờ ông ta chỉ nhỏ nhẹ đáp.

- Các anh cứ cho chúng tôi là giai cấp bóc lột, nhưng thật sự nếu không có các cơ sở thương mại của chúng tôi, những hãng xưởng thủ công nghiệp mà các anh gọi là tư sản dân tộc, thì nhiều người dân mà các anh tự hào là chiến đấu cho quyền lợi của họ không có công ăn việc làm đâu. Kinh tế nước nhà cũng không phát triển vì thiếu vốn đầu tư. Xã hội nào, tầng lớp nào cũng có kẻ xấu người tốt, đừng nên vơ đũa cả nắm thế. Tôi nói thế đúng không cậu Điềm?

- Dạ, cháu cũng nghĩ như bác.

Điềm trả lời, chàng bị hút vào các mẩu tranh luận của họ mà bấy lâu nằm bệnh chàng ít khi được tham dự. Chàng ngờ ngợ họ không phải là người sống, một lúc chàng đã ớn lạnh khắp cả người, nhưng rồi Điềm lại thấy họ bình thường quá, thật quá, còn sống động hơn cả người thật. Có thể nào mấy người này đang đóng kịch để trêu chàng. Nghĩ kỹ rồi Điềm thấy không đúng, làm sao đóng kịch tài đến như thế. Nhưng nếu họ là ma thì Điềm lại thấy không có gì để sợ. Trời còn sáng, người phu xe còn đợi chàng ngoài cổng. Hơn nữa... chậm nhanh một vài tháng Điềm cũng vào nằm trong này. Làm bạn với họ trong một vài tháng, hay làm bạn bây giờ thì cũng thế. Nghĩ vậy chàng không còn thấy sợ.

Mấy người trong bọn chia nhau xô gắc. Cũng loại xô bán để cúng. Phẩm đồ loẹt gập mưa

dính nhóp nháp ra tay. Bận ăn, hai anh lính thôi cãi nhau, ông Thanh cũng im lặng. Cụ Chương từ nãy không nói gì cứ lâu lâu nhìn chàng tùm tùm cười. Cô gái thì ngồi xoa tóc, lâu lâu thu vén những giấy rác mấy người đàn ông bày bừa. Điềm thấy thiếu nữ trông mặn mòi, hai con mắt đen láy, tóc óng ả như lụa. Chàng đang định bụng hỏi chuyện nàng thì nghe tiếng xột xoạt ở mả bên. Tiếng cười con gái rúc rích. Tiếng vải quần tuột mau. Giọng đưa con gái nũng nịu rinh rích.

- Anh trả tiền em trước đi!

- Thì xong rồi đưa, có mất đi đâu.

- Thì đưa tiền em liền đi, nghe!

- Ừ, thì đưa. Bộ em hay bị quýt lắm hả?

- Cũng có bị, nhưng có tiền trước em mới phấn khởi!

- Rồi đó. Bây giờ thì phu với cho ngon coi!

Giọng đàn ông cười hình hịch dâm dăng. Đưa con gái vẫn cứ cười rúc rích. Thấp thoáng sau mấy cành lau sau lưng mả Điềm trông rõ cái bụng trắng tươi của đưa con gái làng chơi. Cánh tay nó lúc đưa lên níu cổ gã đàn ông, khi buông để giữ vạt áo bà ba cho khỏi rớt xuống đùi làm vướng víu. Gã đàn ông làm hùng hục như trâu kéo cày. Điềm chợt thấy Khánh và Thìn nhảy leo lên nóc mộ chỗ cặp trai gái đang làm tình để nhìn. Thìn cười hồ hồ chỉ trở mỗi khi gã đàn ông đổi kiểu, còn Khánh huýt sáo khi nghe đưa con gái rên ư ử. Kỳ cục là họ đứng ngay trên mả ngay chỗ cặp trai gái đang chơi mà gã đàn ông với đưa con gái vẫn tiếp tục làm tình. Bất chợt đưa con gái ngẩng đầu ngược nhìn bốn phía, nó chợt thấy Điềm ngồi ở bên này.

- Chết rồi có người! Anh!

- Đâu? Ai?

- Dậy đi anh! Mặc đồ vô! Đi!

Gã đàn ông cũng vừa trông thấy chàng, hấn hối hả kéo quần dắt đưa con gái chạy đi. Khánh và Thìn cũng nhảy xuống đất chạy theo coi.

Đưa con gái chòng được cái quần lãnh đen nhưng còn chưa kịp cài nút áo tất tả chạy theo gã đàn ông. Đưa con gái vừa chạy vừa nói léo nhéo:

- Đừng vô miếu thổ thần tội lắm anh! Qua bên kia kia, mà coi như xong một cối rồi nghe anh! Phải trả em thêm đó!

- Xong cái gì! Người ta chưa ra mà! Sao em chơi đều vậy?

- Chứ còn gì nữa, chẳng lẽ này giờ chùa sao!

Khánh và Thìn chạy đuổi theo sau cười nắc nẻ, nhưng cặp trai gái làm như không thấy hai người lính vẫn léo nhéo vừa chạy vừa mặc cả. Trời tạnh mưa, chút nắng muộn le lói soi khu nghĩa địa. Bốn người cùng chạy nhưng chỉ có hai cái bóng của cặp trai gái phôi trên lối đi đất. Cả bốn xa dần và khuất hẳn. Cụ Chương chờ cho tất cả trở lại yên tĩnh rồi mới lên tiếng.

- Tội nghiệp! Hai anh lính vào trong này giữa lúc đời họ còn sôi động quá. Còn dở dang tuổi trẻ nên họ ham vui, đôi lúc hiếu thắng, có lúc lại bất mãn tất cả. Tôi hiểu họ còn vướng nhiều bụi trần chưa dứt được, nên hay theo khuyên bảo nói chuyện với họ. Cái phần số không do mình định đoạt, cũng không do thượng đế đâu, do ở cái tiền kiếp lúc trước ăn ở thế nào kiếp này chịu vậy. Thượng đế không có bất công với ai, không có quýt làm cam chịu, mà ai làm người nấy nhận. Tôi ở trong này trên hai mươi năm rồi, gặp đủ hạng người, đủ khắp các thành phần nên tôi hiểu rõ con người ta lắm. Con người ta nhiều lúc đáng thương mà nhiều lúc cũng đáng ghét. Không biết ông bạn Thanh với cậu Điềm và cô Thủy nghĩ thế nào, nhưng tôi thì thấy con người ta là nạn nhân của chính mình mà lại thường đổ tội cho trời cao không có mắt.

- Thưa, cháu muốn hỏi cụ một điều không biết có nên chăng?

Điềm ngắt lời cụ Chương. Tự nhiên anh cảm thấy mến cái thần thái ung dung tự tại, phong cách chấp nhận cuộc đời, kiếp người ngay cả sau khi chết của ông cụ.

- Cậu cứ hỏi không việc gì mà ngại.

- Cụ vừa bảo nằm ở đây trên hai mươi năm, sao vong hồn không được siêu thoát?

- Trả lời cho cậu tôi cũng không biết nói thế nào, chuyện ấy ngoài thẩm quyền của chúng tôi, nhưng thời buổi nhiễu nhương của chúng mình bây giờ hồn âm khó mà siêu linh tịnh độ. Lũ

chúng tôi ở đây không có ai được lên cõ niết bàn, mà đều chờ vào vòng luân hồi, chậm hay mau thì tùy thuộc vào ân đức của mình khi sống để lại. Lúc còn sinh tiền tôi không thấy mình có làm điều gì xấu, nhưng biết đâu! Có chuyện mình không cho là xấu mà nó vẫn cứ xấu, mà mình không nghĩ ra thôi. Nhưng cứ chờ mãi rồi mình đâm ra tin mình đã làm chuyện xấu, đành phải thay đổi cách nhìn chấp nhận ở đây vậy. Ở riết lại thấy trong này cũng vui vui cậu Diễm à. Chẳng hạn cái cảnh giang hồ vừa rồi, cái thời tôi còn ở vùng quê mình ngoài Bắc làm sao có. Lúc ấy trai gái gặp nhau thì chỉ hát quan họ. Cậu biết quả đồi Lim không? Chùa Lim, xã Lim bên cạnh sông Tiêu Tương, làng tôi là cái nơi quan họ cổ truyền đấy!

- Lúc di cư cháu chỉ trên mười tuổi nên bây giờ không nhớ gì, thưa cụ.

- Ôi giờ ơi! Hát quan họ thì mê lắm lắm! Âm điệu của nó du dương tỏa khắp cả người mình.

Cái giọng con gái Bắc Ninh mới chết!

Cụ Chương nói rồi liền cất giọng hát:

Em là con gái Bắc Ninh

Em nghiêng vành nón mái đình nghiêng theo

Tòa sen Phật muốn lặng thinh

Nghe em ca bỗng thấy mình trần gian

Quê em sóng, nhịp, gió, đàn

Nắng thêu nên nhạc, trăng vờn nên thơ

Tiêu Tương dấu cũ con đò

Xuống sông nỗi nhớ, ngóng hò nỗi thương...

- Mấy chục năm rồi mà tôi vẫn không quên mấy câu hát ấy, nó như ăn vào hồn mình. Trần Linh Quý làm bài hát ấy nổi tiếng cả vùng Bắc Ninh.

- Cậu Diễm rảnh rang thì vào đây nghe cụ Chương hát quan họ, kể chuyện hội Lim thú lắm.

Ông Thanh nói với chàng.

- Cụ Chương còn biết nhiều thắng cảnh miền Bắc, những đêm trăng bọn trẻ chúng em thường tụ tập nghe cụ kể chuyện đi chùa Hương, chùa Keo, viếng đền Kiếp Bạc, hồ Ba Bè thích lắm.

Hôm nào không bận bịu anh Diễm ghé chơi nhé!

Cô gái tên Thủy này giờ mới lên tiếng. Diễm trông nàng duyên dáng quá. Đột nhiên chàng thấy vui vui, buổi trưa lúc vào nghĩa địa tìm cho mình miếng đất sinh phần, chàng đâu nghĩ có cuộc gặp gỡ kỳ lạ này. Nói chuyện miên man, băng quơ giữa kiếp người, cõ sống, cõ âm, làng quê đất tổ ngoài Bắc, cãi lộn quốc cộng giữa hai người lính, kinh tế tư bản cá thể, kinh tế Mác xít quốc doanh, Diễm nhận thấy cõ âm cũng khác không bao xa với cõ người sống. Đời sống vẫn tiếp tục, kéo dài dù chỉ là những hệ lụy đem theo. Vài tháng nữa vào đây nằm, chàng không đánh mất gì nhiều, vẫn tiếp tục sống dù chỉ còn là linh hồn vẫn vương. Nghĩ thế Diễm thấy chàng thật sáng khoái, không còn sợ hãi buồn chán cho số phần mình chẳng may ngắn ngủi.

- Thế nào tôi cũng trở lại thăm cô với bác và cụ.

Diễm trả lời cô gái. Chàng tiếp:

- Chắc cũng chẳng còn bao lâu thì tôi vào ở luôn, nếu may mắn tìm được miếng đất.

- Thế thì còn gì bằng. Ấy chết! Em nói bậy quá! Ý em muốn nói là chắc bác và cụ đây đã có cảm tình với anh cũng mong gặp lại thường.

Thủy nói lỡ vội chữa, nàng cười xin lỗi câu nói gỡ khi này. Lúc cười, Thủy có hai lúm đồng tiền nho nhỏ và chiếc răng khểnh mà Diễm thấy có duyên lạ.

- Thôi, mình cũng sửa soạn đi tìm đất cho cậu Diễm đi bác Thanh nhỉ?

- Ừ, mình đi kéo muện để cậu ấy còn về cho kịp, chiều hôm ở đây cũng ngại.

Ông Thanh đứng lên theo cụ Chương. Thủy cũng đứng dậy thu vén chỗ ngồi lần chót, nàng không quên liếc nhìn chàng và cứ cười tủm tỉm.

- Mình đi phía đằng này, tôi chắc còn một vài khoảnh trống. Tôi không rành khoa địa lý nên không biết đất tốt xấu thế nào, để tùy cậu định đoạt không dám ép. Mà cậu đã có đi xem ở chỗ nào khác chưa?

- Thưa cụ chưa. Trước khi vào đây cháu có định lên xem nghĩa trang Gò Vấp nữa đã rồi mới



quyết định, nhưng bây giờ được biết cụ, bác Thanh và cô đây thì cháu nghĩ cũng là do ý trời xếp đặt, nếu được một miếng đất đủ nằm thì cháu mua ngay không lên Gò Vấp đâu. Trăm sự nhờ cụ và bác Thanh cho.

- Thôi được rồi, nếu cậu tha thiết như thế thì tôi chỉ cho một miếng đất còn chừa, đúng ra thì họ đã đặt cọc nhưng mình có thể mua lại. Cậu đi xem rồi trở ra thành phố thương lượng với người ta. Mà này, sau này năm có bị kiến với trùn, mối nhiều quá thì đừng có mắng vốn tôi đấy nhé!

Cụ Chương cười thật đôn hậu. Hai người đi trước, Thủy và ông Thanh đi sau. Cụ Chương ghé tai chàng nói nhỏ:

- Cô ấy ngoan lắm, con nhà đàng hoàng, tính tình hiền lành, lần đầu tiên tôi thấy cô ấy vui vẻ dặn dĩ với một người đàn ông là cậu đó. Nếu duyên định cô cậu gặp nhau dưới này cũng hay. Điềm cười theo, chưa dám thổ lộ nhiều, chỉ mới lần đầu, biết Thủy xem chàng ở vai vị nào. Điềm thấy có nhiều đứa trẻ ở đâu chạy chơi trong khu nghĩa trang. Có đứa tụ nhau đánh đáo, bắn bi, có đứa chơi ô quan, và có một đứa chạy ngang khoanh tay chào cụ Chương. Chàng biết chúng là ma, nhưng có cảm tưởng chúng mới vừa ngủ trưa dậy ra sân chơi. Trông chúng cũng hồn nhiên không khác mấy những đứa trẻ trong trường học, chỉ có điều đứa nào cũng mặc đồ mới. Điềm đi xem đất và bằng lòng lắm. Khoanh đất mát mẻ, có bóng cây, không bị mộ nào lấn. Đất cứng không sợ bị xụp, chỉ xa lối vào nghĩa trang nhưng được cái ở gần chỗ Thủy nằm. Nghĩ mai mốt có thể qua lại chỗ Thủy, chàng đã vừa ý.

Điềm ra về sau khi cụ Chương cho chàng địa chỉ của người chủ đất. Lúc bước ra cổng, Điềm thấy bà già bán nhang đang ngủ gật. Người phu xe trông thấy chàng ngồi bật dậy, rời lòng xích lô dầy nẩy:

- Bất đợi cả buổi như vậy ông phải tặng tiền cho tôi!

- Anh cầm lấy tất.

Điềm móc túi còn bao nhiêu tiền trao hết cho người phu xe. Trình giẫy cho người bộ đội gác cổng ngoài rồi chàng bảo người phu đánh xe lên Phú Nhuận. Rời Bắc Việt Nghĩa Trang, trên đường Chi Lăng Điềm lại phân vân nửa muốn về nhà báo tin mừng cho mẹ, nửa ngập ngừng nhớ cái không khí đưa đám ở nhà mình từ khi bác sĩ bảo bó tay. Suy nghĩ một chốc rồi chàng đổi ý, quay gọi người phu xe chở chàng đến thẳng cái địa chỉ cụ Chương vừa cho.

\*

Điềm trở vào nghĩa trang tuần sau, nắng nóng chói chang trên mấy ngôi mộ, chứ không mưa lai rai ướt mặt người chết như hôm đầu. Cả khu mà thiêm thiếp giấc trưa, yên lặng không bóng người. Chàng cũng vào khấn nơi miếu thổ thần, rồi đi rảo tìm khoanh đất trống đã hẹn với người chủ cũ tui nửa đến xem lại và ký giấy thỏa thuận. Trưa nắng chang chang trên mấy lùm cỏ lau gai sắc, không có bóng mây chỉ có mỗi một chiếc bóng của Điềm duy nhất vờn qua vờn lại tìm lối đi. Cỏ mọc che kín nhiều chỗ mà rậm rạp, chàng loay hoay bưng đồ cúng vạch lau lách. Quần hai ba vòng Điềm vẫn chưa tìm ra chỗ đất cụ Chương đã giắt chàng tới, Những kiểu mà lập bảo tháp, long đình, xây uynh thành giông giống nhau nên chàng không nhớ đã có đi qua hay không. Điềm đi tìm một hồi thì mệt, mồ hôi rũ ra ướt đầm sống lưng, cơn đau bụng lại trở lên hành hạ. Chàng ngồi vật xuống ven con đường đất thờ dốc, dạ dày như có ai lấy kim chích đau xon xót. Điềm cố cất tiếng gọi cụ Chương ra đón mình, nhưng tiếng kêu của chàng chạm những thành bia đá dội đi vang vang không có người trả lời. Điềm vuốt mồ hôi chảy ướt cả cổ áo, rút khăn tay đắp lên đầu che nắng, rồi lại gọi ba bốn lượt. Cụ Chương ơi! Cụ Chương ơi! Có cháu đến tìm! Khánh ơi... Bác Thanh ơi! Cháu mang quà vào! Điềm nghe tiếng chàng vọng vang dội trở về lặp lại như có ai đùa. Chàng đứng lên dáo dác tìm rồi lại ngồi xuống thất vọng. Khu mà vắng vẻ quá, mộ lập chùng chùng biết đường nào mà tìm. Chàng tự trách mình hôm nọ đã không nhớ kỹ lối đi, lại để quên ở nhà tờ giấy người chủ đất ghi lô thứ tự. Điềm đành ngồi đợi, lâu lâu chàng ngước mặt nhìn bắt gặp một vài nụ cười hóm hỉnh trên bia đá.

Có cái am chúng sinh gần đó. Điềm chợt nảy ra một ý. Chàng tháo giỏ đồ cúng, bày cau chè, xôi vụn với rượu bánh ra trước am. Điềm đốt ba nén hương khấn vái những âm hồn đi hoang.

Không có gió, khói nhang bay đè trên mặt đất, di di buồn buồn lượn lờ theo bóng nắng. Chàng gấp giấy báo lại làm quạt, mấy luồng hơi gió làm Diễm dễ chịu, như đẩy được chút nắng ra xa. Làn gió cũng đẩy khói hương đi bốn phía.

- Này anh bạn! Sao đem đồ cúng ở đây!

Diễm giật mình quay về phía có tiếng nói, thấy Trình Văn Khánh đang nhảy lò cò với chiếc chân cụt, mặt hốt hơ hốt hải:

- Đẹp đi! Trời ơi! Đây là am chúng sinh, bạn cúng như vậy cô hồn các đảng tội nó ủa tới ăn sao cho đủ!

- Phải đấy! Cất ngay đi, khẩn trương lên!

Chạy sau Khánh là Thìn, vẫn tươi tắn trong bộ lễ phục sĩ quan Đà Lạt. Cây kiếm mẫn khóa Võ Bị, Thìn đeo bên hông chạm vào chân kêu lanh canh.

- Cụ Chương có ra không? Chàng hỏi họ, vừa thương vừa tức cười.

- Có, ra liền bây giờ nhưng ông cụ đi chậm lắm. Phụ tôi khuôn ra đằng mả cô Thủy, có bấy nhiêu mà chia cho cả nghĩa địa thì mỗi người chỉ được một hột xôi!

Khánh quơ quào mấy đĩa đồ cúng, trong lúc Thìn nhanh tay tắt nhang, nhặt chai rượu. Đã có dăm mười bóng người từ mấy ngôi mả xa ùn ùn kéo ra, mặt mũi ai trông cũng phẩn chấn!

- Phát chẩn chúng mày ơi!

- Chẩn cái củ thiêu biu! Không có hộ khẩu thì không được quyền nhận!

Thìn rút kiếm võ bị chống nhau với mấy người tha phương cầu thực. Diễm bị Khánh lôi bắt đi, chạy như ma đuổi.

- Lần sau anh bạn đừng có dại như vậy nữa nhé! Có hảo tâm cúng ai thì cúng một người đó thôi, nhân đạo chung chung như vậy vô bổ lắm!

Khánh lôi chàng phăng phăng băng qua mấy dãy mả liền. Thìn ở đằng sau múa máy đường kiếm rồi cũng chạy theo.

- Các cậu ơi! Chúng nó đeo mình gặng quá!

- Quảng cho họ mấy cái bánh! Khánh hét.

Thìn vừa chạy vừa ném ra sau mấy phong bánh đậu và buồng cau Diễm mua lúc sáng, chỉ giữ lại chai rượu để Hiệp Hòa với cây thuốc lá. Đám cô hồn giành nhau mấy thứ rơi rớt trên đất quên cả đuổi.

\*

- Các anh làm gì mà la toáng lên thế? Lại đánh nhau nữa à?

Thủy từ sau mô cửa nàng bước ra hỏi. Diễm để ý thấy nàng hôm nay bới tóc, xắn tay áo, để lộ cái cườm tay nhỏ đeo hai chiếc vòng ngọc thạch và một ngấn cổ ngọc sen. Hai má lúm đồng tiền vẫn duyên dáng như hôm nọ, còn có phần xinh hơn.

- Anh bạn Diễm đến dâng cau chạm ngõ cô em mà bị chúng nó lột rồi!

Khánh cười hềnh hếch đắc chí với câu pha trò của mình.

- Nói tầm bậy nào! Thủy nhìn chàng đỏ mặt, không quên liếc một cái sắc lèm về phía Khánh. Bốn người bày mấy món còn đem theo được trên mả Thủy.

- Xem nào, còn một con vịt luộc, hai đĩa xôi, cây thuốc và chai rượu, tốt chán! Chỉ mất có buồng cau, năm phong bánh với nải chuối để quên trong am. Cứ xem như thắng lợi về vang! Thìn khoái trá đếm đi đếm lại mấy món đồ cúng, trịnh trọng rót rượu ra ly bày sẵn. Khánh vội vã mời thuốc rít từng hơi, ếm sâu vào phổi rồi mới từ từ thở ra bằng lỗ mũi:

- Phê quá!

Người hạ sĩ quan Cộng Hòa tiểu đoàn 11 Dù ngồi tựa tấm bia của ngôi mả bên cạnh lim dim mắt. Thủy từ lúc này đến giờ vẫn đứng nhìn chàng ngượng ngùng, lên tiếng hỏi băng quơ:

- Anh Diễm tiết tiết chuyện gì vậy?

- Hôm nay tôi ký giấy mua đất nên muốn ăn mừng với Thủy, cụ Chương, bác Thanh và hai anh Khánh, Thìn.

- Cứ coi như anh bạn đãi tân gia!

Khánh lại mở mắt pha trò.

- Vậy là nhập hội tương tế với bọn mình rồi nhá!

Thìn vui vẻ cười mở. Thủy cười ngặt nghẽo với mấy câu đùa của hai người lính.

- Anh đã nhất quyết vào với chúng em?

Một lúc nàng chậm rãi hỏi.

- Tôi đã quyết định từ hôm đầu gặp cô.

Điềm nhìn nàng khi trả lời, chàng đọc thấy sự bối rối mà sung sướng ẩn trong đôi mắt Thủy đen láy. Chàng muốn nói đã yêu Thủy ngay hôm đầu nhưng không dám.

- Sao cụ Chương với bác Thanh lâu đến?

Thủy lắng chuyện, không dám nói chàng nữa.

- Chúng tôi đây!

Bốn người quay ra, thấy cụ Chương và ông Thanh đang đi tới. Khánh cần nhân:

- Chờ hai cụ cấp ô tới thì con người ta đói rã ruột!

- Anh em chúng tôi phải chiến đấu căng lắm mới bảo vệ được thành quả của nhân dân lao động là mấy món ăn này do anh Điềm đem vào.

Thìn kể công.

- Chúng tôi biết! Xin lỗi các bạn trẻ vậy. Nào ta dùng cỗ đi chứ, chắc cậu Điềm có mấy lời ngỏ đầu?

- Dạ, thật ra cũng không có gì trọng đại, hôm nay cháu mua được cái sinh phần cho mình hẹn với người ta đến ký giấy lát nữa, được như vậy cũng là do cụ, bác Thanh, hai anh Khánh, Thìn và Thủy đây giúp đỡ, nên cháu muốn báo tin vui cho tất cả, nhân thể có ít xôi rượu mời mọi người đánh chén.

Mọi người vỗ tay khi Điềm dứt lời, chàng cảm động thấy mọi người đều thành thật chia vui với mình. Họ ngồi bệt xuống đất, Thủy chặt vịt, ông Thanh bới xôi, Khánh và Thìn rót rượu tiếp mọi người. Cụ Chương châm điếu thuốc hỏi chàng:

- Đã sắm cỗ hậu quan quách gì chưa?

- Dạ chưa, nhưng chắc cũng phải đi mua nay mai. Điềm đáp.

- Ừ, liệu trước vẫn hay hơn, mua loại gỗ vàng tâm thì mới không sợ bị mục nước sau này.

- Sợ thời buổi khó khăn lúc này không tìm được thứ gỗ quý đó.

Ông Thanh vừa nhần xương vịt nói. Cụ Chương gật gù đồng ý, bảo thôi thì gỗ lim cũng được.

- Anh đã chọn kiểu mộ chưa, anh Điềm?

Thủy hỏi thêm.

Chàng còn đang suy nghĩ, Khánh đã ồn ào:

- Mộ lập cho ngon thì phải xây ít ra cũng giống mồ cụ Chương với ông Thanh. Có bình phong, sân bái đường, hồ nước, hương án, thành mộ trồng hoa giấy, hoa dâm bụt, bên ngoài xây viên thành có cổng uốn. Người sống đi qua nhìn mới dễ nể!

- Trong Nam các anh cứ quen thói tư sản! Xây cho đẹp vào chỉ tốn tiền của thân nhân mình chứ ích gì. Ngoài Bắc lúc tôi lên đường cứu quốc năm 73, người ta chỉ đắp đất hình nấm, không có xây gạch xây gung như trong này.

Thìn, tương phản trong bộ lễ phục võ bị, vừa nhồm nhoàm ăn vừa phát biểu.

- Bị bắt lính thì nói bị bắt lính, lên đường cứu quốc! Nghe không giống ai!

Khánh ực một hơi cạn ly rượu, rót thêm rồi lại ực. Mặt người thương phế binh đã đỏ gay. Thìn bị nói móc, cũng buông cái chân vịt, tộp một ngum rượu.

- Ừ, không giống ai mà chúng tôi chiến thắng các anh lấy lừng!

- Đù mẹ! Chớ tấp phải ruồi! Bộ đội anh hùng, chỉ đạo đứng đắn, thi đua lập chiến công... tới Xuân Lộc chết như rạ!

- Ừ, chết đấy, nhưng nguy quân nguy quyền thì bị bắt sống cả bây!

Thìn hất mặt thách thức. Khánh toan chồm lên phang chai rượu Hiệp Hòa vào đầu Thìn nhưng ông Thanh đã kịp thời can họ.

- Thôi thôi cho tôi xin, lại cãi nhau nữa. Cứ lần nào có rượu vào là các anh lại đánh nhau. Hai anh thoi nhau vì rượu chứ có phải vì chính nghĩa của hai bên đâu! Hôm nay là ngày vui của cậu Điềm, người ta làm tiệc đãi thì phải biết giữ tư cách một chút chứ. Các anh làm sao mang tiếng người chết chúng mình, không khéo cậu Điềm đổi ý không mua sinh phần ở đây nữa.

Ông Thanh bắt họ mỗi người ra ngồi một góc. Như hôm nọ, cụ Chương không nói gì chỉ tùm tùm cười. Ông Thanh chiêu ngụm rượu rồi mới lên tiếng nói về cách thức xây mộ.

- Lập mộ có nhiều kiểu, Bảo Châu, Bảo Tháp, Trúc Cách, Long Đình, đó là những kiểu đất tiền xưa chỉ có triều thần hoàng tộc hay các nhà quyền quý mới được xây. Sau này trong Nam ai có tiền, muốn xây sao thì làm. Nhưng những kiểu mộ đó đòi hỏi đất rộng, ít ra cũng rộng bằng cái âm phần của tôi hay của cụ Chương. Chỗ đất của cậu mua thì hơi chật, không làm được sân bái đường đâu. Tôi đề nghị cậu xây kiểu trúc cách tam cấp, có bình phong với một ao nước nhỏ trước mặt là đủ đẹp. Cậu Diễm thấy thế nào? Còn hoa giấy, hoa dâm bụt thì tùy người nhà mình giồng, nhưng cũng chỉ được ít lâu rồi héo cả thôi mà.

- Dạ, cảm ơn bác đã chí tình chỉ bảo, nhưng đời sống bây giờ đắt đỏ quá, cháu không rõ gia đình có đủ tiền lập mộ khang trang như lúc trước hay không? Cháu đã định bụng xây kiểu mộ liếp thường, đơn giản mà cũng thơm tất.

Diễm nói với ông Thanh. Cụ Chương nghe thế thì chen vào câu chuyện.

- Ủ, cậu Diễm nói cũng đúng, tôi thấy từ sau bảy mươi năm mấy người vào đây mò mả ai cũng xoàng xoàng, hẳn là vật liệu bây giờ đắt kinh lắm. Thôi thì cậu cứ xây theo khả năng của mình. Nhưng nếu vẫn thích tối tối ngồi sân bái đường, trồng sao uống chè, ngắm hoa, ngắm trăng soi hồ nước thì lại đăng tôi và ông bạn Thanh. Cửa mà chúng tôi lúc nào cũng mở rộng đón cậu.

- Cảm ơn cụ đã có lòng xem cháu như con cái.

- Nhưng tôi chắc anh bạn đây thích ngắm sao đêm với cô em Thủy hơn là với cụ!

- Thích mê đi chứ lì!

Khánh và Thìn đã thôi cãi nhau, mỗi người một câu đùa làm người thiếu nữ đỏ bừng mặt.

- Cảm hai anh không được nhắc đến em nữa! Sàm sỡ vừa vừa chứ!

Mọi người bật cười ròn. Cụ Chương trịnh trọng nâng ly mời:

- Nào, ta nâng ly chúc mừng cậu Diễm sắp xây kim tĩnh.

- Mừng anh bạn!

- Mừng anh!

\*

Tàn tiệc, cụ Chương và ông Thanh cáo từ đi ngả lưng. Khánh và Thìn rủ nhau đi rình mấy cảnh bán tình của những ả giang hồ làm ăn trong nghĩa địa. Chỉ còn lại một mình chàng và Thủy. Thủy dợm đứng lên đi dọn dẹp, nhưng Diễm kéo nàng ngồi xuống.

- Thư thả, lát nữa anh phụ Thủy một tay.

Thủy nhìn chàng do dự, rồi ngồi xuống kế bên không nói gì. Diễm nhìn cánh tay nắn ôm ngang khuỷu, lấp lánh trên những bia đá như có dát vàng. Yên tịnh quá, không có tiếng trẻ nít đùa giỡn như hôm nào. Có lẽ chúng đang ngủ trưa. Thế giới trong nghĩa trang im vắng khác hẳn cái cuộc đời trần tục xô bồ ở ngoài thành phố, chỉ cách nhau có con đường lộ. Diễm phân vân tự hỏi, không hiểu Thủy có hay biết những thay đổi biến động kinh khủng của xã hội người sống? Chàng thầm mong là nàng không hay biết gì hết, vẫn giữ trong đầu những hình ảnh vui tươi của miền Nam trước đây. Diễm nhìn tấm bia khắc trên mộ nàng. Phạm Thị Thu Thủy, hưởng dương mười bảy tuổi, thương con lập mộ. Dưới tấm hình nàng là hai câu thơ của bố mẹ Thủy thương tiếc con: Nụ cười đã tắt trên môi thắm, hình bóng con yêu đã khuất mờ. Chàng thấy thương cô gái đang ngồi cạnh mình, nàng đã ở trong này mười mấy năm rồi, một thân, một mình cô độc lẻ loi. Trông Thủy không khác trong hình bao nhiêu, có lẽ âm hồn nàng giữ lại hình ảnh của thể phách lúc chết.

- Có thật anh quyết định mua sinh phần vì em?

Thủy bắt ngờ hỏi, hơi cúi mặt không nhìn chàng. Diễm gạt đầu.

- Tôi không hiểu vì sao, nhưng thấy mình có cảm tình nhiều với Thủy.

Chàng do dự rồi nắm lấy bàn tay nhỏ trắng nõn, mấy ngón tay thon búp như những đọt măng non. Thủy để yên không phản đối, hai người không nói tiếng nào nữa, nhưng họ xúc động lắm. Mãi Thủy mới dám ngừng mặt. Nàng bắt gặp khuôn mặt Diễm ở sát mình, nghiêng nghiêng cúi xuống gần ở ngang tầm mắt.

- Có phải anh sắp hôn em?

Nàng đỡ khuôn mặt Diễm, hơi hốt hoảng. Chàng lại khẽ gật đầu.

- Âm dương chạm nhau không tốt đâu, bây giờ anh còn xác phàm.

- Chẳng bao lâu nữa là anh vào đây rồi, tốt hay không tốt thì cũng như nhau.

Diễm nói và nâng cằm nàng. Thủy nhìn sâu trong mắt chàng thật lâu, Diễm đọc được trên khuôn mặt nàng tất cả bản khoăn lo lắng chen lẫn tình yêu bối rối. Nhưng rồi nàng nhắm nghiền mắt, ngửa mặt chờ đợi. Diễm cúi xuống đặt nụ hôn khẽ vào giữa đôi môi thơm thơm hồng. Cảm giác lạnh khô và nhạt nhạt. Người Thủy mềm nhũn đi, đôi tay cũng lạnh mát níu lấy vai chàng. Diễm thấy nàng lấy bầy run rẩy đánh rơi một chiếc guốc xuống đất. Chàng cũng đê mê sung sướng, người con gái hiền quá, ngoan quá, đẹp quá, ngán cổ thơm ngọc lan thoang thoang. Chàng hôn tiếp không muốn rời...

- Ê! Anh làm cái gì vậy? Tôi tìm anh từ nãy!

Chàng và Thủy lật đật buông nhau ra. Người đàn ông mặc áo ôm vạt bầu, cổ lười mèò đứng nhìn chàng chăm chăm. Người chủ miếng đất trở mắt nhìn mấy đĩa đồ cúng lầy lắt trên mặt đất, rồi lại ngó chàng, hiển nhiên là ông ta không trông thấy cô gái.

- Một mình anh ăn hết chửng này à?

- Buổi sáng quên ăn sáng, nên hôm nay tôi đói quá!

Diễm lúng túng, không biết phải giải thích làm sao. Người đàn ông ngó vô chai rượu Hiệp Hòa mà Khánh vất chổng trơ trên đất. Ông ta hất mặt.

- Uống nguyên lít để thế này, không ung thư dạ dày cũng ung! Nhưng sao lại ăn toàn đồ cúng không thế?

Người đàn ông nhìn quanh quất mấy ngôi mả bên cạnh như có ý nghi ngờ chàng lấy trộm thức ăn. Gã lấy chân đá mấy cái xương vụn rồi nói:

- Thôi đi xem đất nào, tôi còn phải về áp phe. Như vậy là anh đã thỏa thuận giá cả với vợ tôi?

- Bà ấy bảo tôi thương lượng với anh.

- Không thương lượng gì ráo, tôi có giá của tôi, anh không mua thì thôi. Tôi không thích mặc cả.

Gã đàn ông đi xăm xăm về khoảng đất trống còn chừa nằm cách mộ Thủy hai dãy. Diễm cùng bước với nàng theo sau người đàn ông. Ông ta mặc quần gin Mỹ, có thêu nhãn hiệu Levis, đôi dép sabot đế cao, đồng hồ vàng Oméga và tám lác bụi lủng lẳng ở cườm tay. Gã đàn ông tỏ ra là dân làm áp phe chuyên nghiệp. Thủy đi theo Diễm, chốc chốc lại nhìn chàng lo lắng. Diễm chỉ biết ra dấu trấn an nàng và đối đáp cầm chửng với gã đàn ông. Đến chỗ ngôi đất, gã móc trong túi một sợi dây thước đo nói giọng chắc nịch.

- Hai thước ngang, hai thước dọc, vuông vức như vậy mới vừa đẹp. Năm bảy mươi tư tôi mua ngôi đất này ngót hai trăm năm chục ngàn tiền cũ, bây giờ thì giá lên gấp trăm. Giá thị trường sao thì tôi để anh vậy, không bớt, không tăng giá!

Diễm biết chàng gặp phải tay buôn chợ trời thứ thiệt. Sau bao kỳ đánh tư sản, truy quét tàn dư, dẹp chợ trời mà gã vẫn ung dung sinh sống, phát phì mỡ màng như vậy, tay này hẳn phải có bản lãnh hơn người. Và hiện giờ hẳn đang nắm đằng chuôi, chàng là người cần đất, hẳn không cần bán, trừ phi giá hời.

Gã đàn ông nhăn mặt nhìn đám tranh mọc rậm rạp kín mít ngôi đất.

- Tiên sư chúng nó, trả bao nhiêu tiền cũng không bao giờ chịu cắt cỏ. Tiên niên liếm hàng năm mình đóng cho hội không biết chúng vứt đi đặng nào! Cỏ xanh um thế này thì có ỉa vào đấy cũng không ai thấy!

Gã đàn ông lấy chân đạp cỏ, càu nhàu, nhưng rồi như nghĩ ra chuyện gì có lợi, ngoảnh ngay mặt lại nhìn Diễm vênh vác:

- Người ta nói khi nào cỏ quanh mả khô héo chết hết, hay đất nứt thành đường thì con cháu phải cải táng. Cỏ chỗ này xanh tươi tức là đất tốt có sinh khí, xem này có nứt chỗ nào đâu! Lẽ ra tôi phải tăng giá, tìm được đất tốt không phải dễ, anh may mà không biết!

- Tôi ứng tiền trước cho anh một nửa, khi nào tôi qua đời người nhà sẽ trả nốt phần còn lại, anh bằng lòng không?

Điềm lên tiếng, chàng biết trận chiến mặc cả bắt đầu.

- Không đưa trước đưa sau gì ráo, biết chừng nào anh mới chết!

Gã đàn ông quay phắt lại, rõ ràng là phản ứng của gã trở nên quyết liệt gấp bội khi đụng tới tiền.

- Tôi chỉ còn sống nữa năm sáu tháng, anh không phải chờ lâu.

- Anh chết tuần sau mặc xác anh, tôi bán đất tiền trao cháo múc, sống nhờ bát cơm, chết nhờ đất cát, anh chết anh cần đất, tôi sống tôi cần tiền. Không mua thầy kệ anh, tôi không vội bán.

- Được, tôi bằng lòng trả ngay bằng bạc mặt, nhưng anh phải bớt cho tôi một phần ba cái giá mà vợ anh đã nói với tôi. Cái giá đó anh đã nhân gấp đôi giá thị trường.

- Bớt? Trong tự điển Việt Nam quốc âm tự vị của tôi không có chữ này! Anh muốn mua đất rẻ thì đến mấy chỗ họ đào kinh thủy lợi mà mua, đất ở đó người ta xúc cho không, đổ đi không hết!

Gã đàn ông như bức tường thép, không tài nào lay chuyển. Thủy nhìn chàng lo ngại, Điềm thấy mình đã hơi quá vội vui mừng khi làm tiệc đãi mọi người lúc này. Chàng không dễ dàng mua được miếng đất mà không bị cửa cổ.

- Tôi tên là Thế, mua đất xây kim tính cho mình nhưng mấy năm nay bận quá chưa có thì giờ làm. Bây giờ tôi có giấy bảo lãnh của ông anh ruột không cần nữa, tôi đi Pháp nay mai, nhưng nếu anh không đủ tiền trả thì tôi để lại cho người khác. Người chết bây giờ không thiếu!

Gã đàn ông tên Thế, tự giới thiệu rồi rút dây thước ra đo đạc. Điềm không hiểu tại sao gã chỉ mua đất để sẵn cho mình mà không mua cho vợ. Gã đàn ông vừa đo đất vừa nói như rao hàng.

- Dài hai thước đúng, không thiếu một phân. Tôi nói đâu có sai, tính ra rẻ chán, chỉ có mấy chục đồng một mi li mét!

Gã lại cầm cúi đo đạc chiều ngang, đến chân ngôi mà mới xây bên cạnh gã chọt đứng dựng lên la bài hải:

- Thôi chết tôi rồi! Tiên nhân cái thằng nào xây lán qua đất của mình ba mươi cen ti mét! Sư cha nhà nó! Quân ăn cướp!

Gã Thế lồng lên, chòm người nhìn xuống ngôi mà còn tương đối mới. Gã đọc lầm nhầm tên họ người chết, nhìn vào tấm bia trưng trừng như đang đối diện người lấy cắp đất của gã.

- Nguyễn Văn Nhâm... sinh 1761, một ngàn bảy trăm sáu mốt...! Chắc là khắc nhầm! Đồ đều nhà nó, không biết dạy con cháu, xây lán qua đất người khác!

Gã đàn ông văng tục, vừa chưởi thề vò đầu bức tai, vừa đá vào hông mà mấy cái. Giận quá mắt khò gã đập luôn hai cái bình bông để trên mộ. Điềm chụp vội ngay cơ hội.

- Thiếu ba mươi phân đất, như vậy anh phải bớt cho tôi một phần ba giá.

- Cái gì? Tôi bán đưa đủ giấy tờ cho anh, anh lên mà kiện với công an quận, không thì cho người tới cào bả má nó lên. Đất này của mình, mình có quyền đào xới!

Chàng nhận ra gã đàn ông đã dùng chữ "đất của mình". Điềm lắc đầu.

- Tôi không biết, việc kiện tụng là việc của anh, chỉ có một mét bảy ngang và hai mét dọc, anh không thể đòi giá cao được. Chặt thế này, ai nằm cho vừa!

- Tôi gần đi Pháp, không muốn giấy tờ lồi thối, nếu anh không muốn kiện thì thôi, nhưng tôi không thể bớt được.

- Tùy anh, tưởng đất rộng tôi mua, ai ngờ đất hẹp thì thôi, tôi lên nghỉ trang Gò Vấp vậy.

Điềm nhún vai. Mặt gã đàn ông đỏ gay, mồ hôi chảy nhót trên mặt. Gã thờ phỉ phò mặt nhăn như táo bón.

- Thôi được, tôi bớt anh một phần ba giá.

- Bây giờ không phải một phần ba nữa mà là phân nửa!

Điềm thần nhiên, như việc xuống giá thật bình thường. Gã Thế hét lên:

- Anh bảo sao? Một nửa giá thôi ấy à? Anh cút đi tôi không cần bán nữa!

- Anh có ông bà cụ thân sinh cũng chôn trong này phải không?

Chàng từ tốn hỏi, trong lúc gã Thế biến sắc.

- Ai nói với anh?

- Vợ anh có nói với tôi là cả gia tộc anh chôn trong này. Anh nghĩ sao nếu tôi nói với thân nhân của cụ Nguyễn Văn Nhân nằm đây rằng anh đã đá vào sườn ông cụ và đập bể hai lọ hoa. Anh nghĩ họ sẽ phản ứng như thế nào, nếu tôi chỉ mả của ông bà thân sinh ra anh? Dĩ nhiên là tôi sẽ nói luôn là anh muốn chạy tiền công an cào mả ông cụ lên chắc họ không hài lòng đâu!

- Anh, anh... dám làm điều đó?

Gã Thế lặng người nhìn Diễm, mồ hôi chảy vũng trên mặt. Gã hung hãn bao nhiêu khi mới vào, lúc này xanh mướt hiền lành chẳng khác một kẻ buồn chui bị bắt.

- Dĩ nhiên là tôi không làm chuyện thất đức đó rồi, nếu anh chịu để cho tôi phân nửa cái giá chỗ đất này.

Diễm đưa tay chỉ chỗ mấy lùm cỏ um tùm. Chàng biết gã Thế đã giao động lắm và mình đã thắng cuộc mặc cả. Buổi chiều ôm nắng qua vòm nghĩa trang. Gió thổi hiu hiu những lọn tóc Thủy bay bay nhẹ đong đưa. Nàng nhìn Diễm mỉm cười ranh mãnh, đan năm ngón tay nhỏ vào tay chàng. Bầu trời vẫn xanh biếc không gợn mây, nhưng nghĩa trang đã mất đi cái âm u rờn rợn lạnh lẽo, thế lương của nơi cúng tế. Bên cạnh người yêu, Diễm có cảm tưởng chàng đang đứng trong một khu an phúc, nơi cuộc đời tàn bạo là gã con buôn kia đã chịu thua. Chàng xiết tay Thủy tin tưởng. Nàng gật đầu khuyến khích. Diễm trông thấy thấp thoáng bóng của Khánh và Thìn đứng ngoài rình nghe. Diễm mạnh dạn lên tiếng:

- Anh suy nghĩ lẹ lên chứ! Chiều rồi tôi còn phải đi, nói tôi một tiếng anh có bằng lòng hay không? Bớt phân nửa giá, anh vẫn còn lời mà!

## Trường hợp Trần Vũ Thụy Khuê

*Cần phải nhắc lại với người viết truyện rằng: không phải tác giả viết nên tác phẩm mà tác phẩm tự xác định qua người viết, và cho dù sáng suốt đến đâu người viết cũng trải qua một kinh nghiệm vượt quá sức mình.*

*Maurice Blanchot*

\*\*\*

Một câu hỏi thường hay đến với người đọc: Truyện là gì? Viết như thế nào? Đối với những nhà nghiên cứu văn học thì văn chương, ngoài tiểu luận, có hai thể loại chính: Hư cấu và thơ. Todorov đã có dịp trình bày một cách khoa học những định nghĩa và phân loại này trong *Les genres du discours* (Thể loại văn bản). Nguyễn Công Hoan thiết thực và bình dân, tuyên bố: "*Tiểu thuyết là một truyện bịa y như thật. Nhà tiểu thuyết là người biết bịa truyện*"(1). Làm thế nào để bịa y như thật? Nguyễn Công Hoan cho thêm bí quyết: muốn bịa y như thật thì phải bịa bằng sự thật, nghĩa là, viết gì thì viết nhưng tất yếu phải dựa trên kinh nghiệm sống thực, kinh nghiệm đã trải qua. Dường như không chỉ một Nguyễn Công Hoan nghĩ như thế, mà hầu như nhà văn nào cũng dựng truyện xoay quanh "chân lý" đó. Trần Vũ là một trường hợp: *Bịa không giống thực* và phải nói ngay: anh thành công trong cái "sự bịa đặt hoàn toàn" ấy.

\*\*\*

Trần Vũ sinh ngày 2/10/1962 tại Sài Gòn. Vượt biển sang Pháp từ năm 1979, hiện sống tại Paris. Tác giả hai tập truyện ngắn: *Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu* do Thời Văn xuất bản năm 1990 và *Cái Chết Sau Quá Khứ* do Hồng Lĩnh xuất bản năm 1992, cũng tại California, Hoa Kỳ. *Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu* mới là bước đầu tìm kiếm. *Cái Chết Sau Quá Khứ*, bước thứ nhì, xác định một phong cách, một giá trị. *Cái Chết Sau Quá Khứ* gồm chín truyện ngắn với những thể dạng khác nhau: *Mùa Mưa Gai Sắc*, viết về Nguyễn Huệ và Ngọc Hân. *Gia Phả*: Linh Từ Quốc Mẫu Trần Thị và Trần Thủ Độ. Cả hai thuộc loại giả sử. Giả sử chứ không phải dã sử. *Cánh Đồng Mùa Gặt Khô*, hồi ức, tâm ký. *Những Bông Cầm Chương Đại*: Đòi giảng

hồ. *Pháo Thuyền Trên Dòng Yang-Tsé*: loạn luân. *Benhur và Messela*: vấn đề hồi hương và hội nhập xứ sở. *Buổi Sáng Sinh Phần*: người nói chuyện với ma - đối thoại tâm giữa hai miền Nam-Bắc. *Phố Cổ Hội An và Cái Chết Sau Quá Khứ*: ám ảnh dục tình, tội ác, ảo giác, quá khứ ù lên hiện tại.

Trong toàn tập chỉ có *Cánh Đồng Mùa Gặt Khô* dựa trên thực tại, phần còn lại hoàn toàn hư cấu. *Cánh Đồng Mùa Gặt Khô* là một tâm ký rất hay, cái hay cổ điển, hay với phần đồng mọi người. Các truyện khác, còn tùy quan niệm đạo đức, chưa chắc đã hay, nhưng mạo hiểm và có chất sáng tạo.

\*\*\*

Trần Vũ dùng kỹ thuật làm sờ trờng, gạt bỏ phần cảm tính, bút pháp khô, lạnh, plastique và ác. Nhịp văn nhanh và lôi cuốn. Trực tiếp đi vào tác phẩm, chúng ta có thể đọc một vài trích đoạn. Về Ngọc Hân công chúa, Trần Vũ viết:

"Những ngón tay tí mỉ kẻ viền mắt, đánh thật sắc khóe mắt vốn đã sắc lẹm bén như nước lam, nhìn ai thường hớp hồn người đó [...] Ngọc Hân sai thị tỳ cùng nô tài kiêu kiêu đưa nàng ra cửa Tuyên Vũ xem bêu xác Trịnh Khải [...] đầu mắc một nơi, xác phanh một góc [...] từ cặp mắt trợn ngược, nốt ruồi dư mà lúc sinh tiền Khải thường hay vân vê, đến lỗ dao sâu hoắm ở cổ họng và những sợi gân còn vướng mắc đơng đưa lòng thòng bên dưới. Ngọc Hân cảm thấy hả dạ, cúi xuống lần lần khăn san cầm ở tay ra về xúc động nhưng kỳ thực là để che nụ cười thỏa mãn, cực sung sướng. Lần đầu tiên nàng khám phá ra hiệu quả của những xác chết có thể giải bày mọi uất ức trong người mình" (trang 13-17)

Và đây là chân dung Nguyễn Huệ:

"Huệ chỉ nghĩ tới việc giết người để lấy phần của người chết [...] Vai to bè hơn vai tê giác, mặt vuông vắn gỗ. Huệ cất tiếng nói. Giọng ồ ề vỡ ra như tiếng thác đổ vào giữa khuya [...] Khắc nhỏ, lằm bằm chửi rủa, đống mạnh rương, rồi trở ra bàn gục mặt vào thau rượu. Huệ uống tới lúc ngủ quên trong thau." (trang 11-26)

Cảnh chào đời của Linh Từ Quốc Mẫu Trần Thị, vợ Trần Thủ Độ:

"Cuống rón nắm trong tay mù đờ hiểu được số mệnh, vùng vẫy, cựa quậy, tháo thân, cuống rún như con rắn nước liềm lĩnh kháng cự trước lúc bị chặt đầu. Miếng chai xắn xuống, cửa mả, cửa mả, thịt rách, gân đứt, máu phụt, vợ Trần Lý căng, đập, thét la oán oại gào trong mắt mát [...] Máu tiếp tục phun. Nước mắt tôi chảy cho Trần Thị: Vào đời giữa máu mê hung bạo." (trang 118).

*Cái Chết Sau Quá Khứ* không chỉ chứa chất những trang bạo lực máu mê, mà còn có những đoạn ngoạn mục như tiếng nước chảy:

"Tiếng nước rỏ xuống sâu, nghe vẳng âm hắt dội giữa trưa vắng tịch mịch, chọt vang vang thành bước chân của những tên khổng lồ đuổi bắt thời gian." (trang 119)

Quái gở như cảnh Trần Thủ Độ phi ngựa:

"Chiều đó, bầu trời bần lảm [...] Độ thúc ngựa như điên như dại. Nắng ruổi theo sau, hót hải [...] Lúc vó ngựa của Độ rầm rập dẫm vào trong sân thì mặt trời đã trở nên cực hung hãn, mặt trời như có đúc vàng đặc cứng chặt căng trên da mặt Độ phùng phùng lửa giận." (trang 123)

Trong sáng như đôi mắt của u già:

"Đôi mắt u buồn lảm. Đôi mắt u nhìn kỹ trong veo như đáy sông Thao." (trang 132)

Chúng ta có thể nhận lên những ví dụ tương tự. Những trích đoạn trên đây lạ lùng và không phản ánh hiện thực. Kể cả hình ảnh sống động như "*cuống rón vùng vẫy, cựa quậy, tháo thân*" đến thơ mộng như "*mắt u già trong veo như đáy sông Thao*" đều không dựa trên một thực tại bình thường. Nếu nói là bịa thì đúng là bịa: Ngọc Hân công chúa làm gì biết vẽ mắt? Ai biết diện mạo tính tình Nguyễn Huệ? Nước sông Thao làm sao mà trong được?

*Sông Thao nước đục người đen*

(ca dao)

*Sông Thao nước đỏ như son*



*Người đi có nhớ nước non quê mình*  
(ca dao)

Ai không biết sông Thao thì hỏi sách, sách mách: "*Sông Thao, dòng trên Nhị Hà, chở nặng phù sa nên màu nước đục, đỏ như màu son*" (Địa Chí Vĩnh Phú). Vậy thì có bịa. Biết rằng bịa nhưng những câu văn kia vẫn lôi cuốn chúng ta bởi lối viết chặt chẽ, cục đọan, có nghệ thuật, có chất thơ nhờ những ẩn dụ hung dữ phóng ra bất ngờ "thối hồn" -chữ của Hoàng Ngọc Hiến- vào cái cuống rốn, mặt trời, tia nắng, giọt nước... bắt chúng đầu thai làm người với một tâm hồn mãnh liệt, một sức sống cuồng nhiệt. Cái mãnh liệt, cái cuồng nhiệt đó, có thực. Trần Vũ dùng chân dung giả tưởng của Ngọc Hân, Nguyễn Huệ để diễn tả một hiện thực không giả: sự bạo tàn trong chiến tranh, trong các nhân vật lịch sử, trong thiên nhiên, vạn vật và con người.

Trần Vũ là hợp kim một thế giới giả tưởng. Văn chương Trần Vũ có bóng ma Marquez vánh vất với kỹ thuật hỗn hợp sách hình, phim chưởng, khoa học giả tưởng, hoạt họa và máy vi điện toán... để sáng chế ra cái gọi là *tout est possible* -gì cũng làm được- kể cả việc *chết sau quá khứ*, nhị hóa nhân cách (dédoublement du personnage). Nhưng "cái bịa" của Trần Vũ không phải là thứ bịa đặt tầm thường mà là bịa có tâm hồn, có ý thức sáng tạo và nghệ thuật, ngoài tác dụng ảo hóa và thi hóa văn phong, còn làm tăng nồng độ ma quái trong lòng người.

\*\*\*

Trần Vũ rời xa đất nước lúc 17 tuổi. Ngôn ngữ của anh là tiếng Việt, nhưng tiếng mẹ đẻ ấy, Trần Vũ không được xài cho đã. Trong công việc hàng ngày, 80% sử dụng tiếng Pháp, tiếng Việt may lắm chiếm 20% thời gian còn lại nói với người thân, còn thì chỉ dùng trong giấc ngủ, trong độc thoại với chính mình. Ngôn ngữ của Trần Vũ là thứ tiếng "giả tưởng", tiếng tưởng mình nói, nhưng thật ra mình chỉ tưởng tượng đang nói.

Trần Vũ kể: "*không viết được những gì đang sống vì đi làm với Tây, có gì mà viết!*" Vậy là không hội nhập. Không hội nhập đồng nghĩa với từ chối thực tại -thực tại đời sống- để cấu tạo một thực tại khác, "thực tại bịa" của riêng mình.

Tuổi trẻ của Trần Vũ nhìn những diễn biến trên đất nước trong hai, ba thập niên vừa qua khác với những người làm nên giai đoạn lịch sử đó, ở cả đôi bờ. Những giá trị mà thế hệ già dùng sinh mạng để mua hay chuộc, đối với thế hệ trẻ chúng vô nghĩa, giả trá, đáng ngờ. Do đó, có sự từ chối lịch sử, từ chối đạo đức rút ra từ lịch sử, để viết nên "giả sử", bộ mặt trái của sử thật và sự thật.

\*\*\*

Nếu hư cấu là khía cạnh thứ nhất trong văn chương Trần Vũ, thì bạo lực và dục tính là bộ mặt thứ nhì trong tác phẩm Trần Vũ. Muốn giải thể khía cạnh này, có lẽ cần phải tìm hiểu bản chất và tương quan giữa bạo lực và dục tính trong đời sống con người.

Bạo lực và dục tính kết hợp với nhau trong thế liên hoàn: Sade là một trường hợp mà Blanchot cho là thành quả của niềm cô đơn tuyệt đối. Thống kê Kinsey cung cấp những con số: trong giới anh chị (la pègre, underworld): 49,4% cần thỏa mãn thể xác cao độ (haute fréquence), tỷ lệ này giảm hẳn đối với người lao động bình thường. Giới trí thức, mộ đạo còn giảm hơn nữa. Phân tích sâu hơn tương quan giữa dục tính, bạo lực, thế quyền, sức lao động, sự sống và sự chết, Jean Baudrillard và Georges Bataille(2) dùng hai luận điểm:

*Điểm thứ nhất:* Quyền lực xây dựng trên sức lao động của con người, tức là xây dựng trên cái chết chậm (mort lente). Làm việc là đem sinh lực của mình để đổi lấy đồng tiền, nói khác đi, đồng lương mỗi tháng chúng ta lãnh được chẳng qua chỉ là giá bán sinh lực của mình để tiến dần đến cái chết. Lao động đối lập hai khái niệm chết dần (mort lente) và chết bất đắc kỳ tử (mort violente). Từ xã hội du mục đến bây giờ, dưới hình thức này hay hình thức khác, các thế

quyền luôn luôn *dùng bạo lực cưỡng bách con người lao động để sinh sống*: tức là ngăn chặn sự *chết ngay bằng sự chết chậm*. Vậy bạo lực và cái chết nằm trong sự sống.

*Điểm thứ nhì*: Dục tính được phân biệt dưới hai khía cạnh: khía cạnh tận hưởng khoái lạc và khía cạnh sinh sản. Khía cạnh sinh sản lại diễn biến trên hai đẳng độ: Sự kết hợp giữa trứng và tinh trùng tạo nên một sinh thể mới, đồng thời kéo theo sự hủy diệt hằng hà sa số tinh trùng khác.

Vậy phần đất của dục tính cũng là địa hạt giao tranh khốc liệt giữa các tinh trùng, là lãnh vực của bạo lực (violence) và xâm lấn (violation). "Anh hùng" chẳng qua chỉ là một tinh trùng đã tiêu diệt được các tinh trùng khác để chiếm hữu đối tượng trứng và trở thành kẻ chiến thắng. Nguyễn Văn Trung đưa ra một luận điểm khác: Bản chất con người là chinh phục thiên nhiên để sống còn. Chinh phục cũng là sáng tạo. Bạo lực là một hình thức sáng tạo; bạo lực nằm trong sáng tạo(3)

Chúng ta sinh ra là những thực thể cá biệt, chia cắt nhau, gián đoạn nhau, và chết đi trong cô đơn, không chia sẻ. Động tác dục tính -cơ nguyên của sinh sản- giết chết cô đơn, gián đoạn, cho chúng ta cảm giác liên tục (trong chốc lát) qua sự hợp kết hai thể xác, hai linh hồn, gắn bó hai tế bào: tinh trùng và trứng -tự hủy- để tác thành một sinh vật mới. Con người vào đời trong bối cảnh máu me hung bạo: sinh con người mẹ phải đón đau, xuất huyết, đôi khi phải bước qua cửa tử. Vì sự chết, và từ sự chết mà thoát thai sự sống, nhưng khát vọng giết người làm đảo lộn tất cả các hình thái xã hội dựa trên lao động và lẽ phải. Từ đó nảy sinh những cấm kỵ (interdit) và đồng thời những vi phạm cấm kỵ (transgression): chiến tranh, săn bắn, loạn luân, cuồng âm (orgie), tế thần... đều thuộc vào lãnh địa vi phạm cấm điều.

Chúa dạy "đừng giết người" (tu ne tueras point). Phật dạy "từ bi hỉ xả" nhưng xưa nay chiến tranh tôn giáo là những chiến tranh tàn bạo nhất. Nguyên tắc "từ vi đạo" giải thích những cái chết rùng rợn nhất: Tự thiêu bên cạnh những "Phật tử" bình tâm tụng kinh chứng kiến, trợ giúp, quay phim và chụp ảnh ở những nước "có văn hóa" thật ra chỉ là hình thức biến dạng của sát sinh tế thần nơi những bộ lạc dã man "vô văn hóa".

Thế liên kết, liên hoàn giữa bạo lực và dục tình, bạo lực và tín điều, bạo lực và cấm kỵ, bạo lực và sáng tạo, xuất hiện thường xuyên trong tác phẩm Trần Vũ. Tại sao?

\*\*\*

Viết lại những vi phạm cấm điều của con người, Trần Vũ là một trường hợp phức tạp loạn tri năng (anarchiste), chống lại mọi tính cách bài bản của đạo đức xã hội. Trần Vũ bày ra những hình ảnh, ẩn dụ, chữ nghĩa "giết người":

"Mắt chị không nhìn ai mà cũng như lấy dao lia tứ phía." (trang 63)

"Yêu nước không vụ lợi, bán mình cho tổ quốc không lấy tiền." (trang 61)

"Lửa té tát lên mặt, lửa đổ kè hai con mắt lão, lửa phà cả vào mồm vào miệng lão, bắt lấy hơi rượu cay lão đương tợp lấy tợp để, tu uống ừng ực như con vắt thềm máu." (trang 195)

"Đợi cho tất cả dã man ngấm hết vào mình Loan." (trang 181)

"Thịt da lão đã mọc trở lại. Thịt mọc trên xương, mỡ bao lấy thịt, da bao lấy mỡ." (trang 211)

"Giọng cười khé khát hằng hắc như nước sôi quá độ, tiếng cười luộc bồng tim tôi." (trang 203)

Những hình ảnh trên đây làm sững sốt quần chúng bình thường, được viết bằng ngòi bút lạnh lùng ráo hoảnh, tán tậm lương tâm, bất bình thường. Có gì cắt, cứa, khiêu, khích, châm, chích, gai, sắc, hoắt, nhọn trong bút pháp ấy: bạo lực không chỉ đến qua những xen bạo tàn mô tả, qua lối sắp ngửa trinh thám, qua bố cục dồn dập xen kẽ dục tình và tội ác, biến thiên những bất ngờ cực kỳ thác loạn. Mà còn ngấm trong chữ nghĩa, thấm vào chúng ta như độc dược uống nhằm khiến "*tất cả dã man ngấm hết vào mình*". Khảo sát ngôn ngữ nhà văn, người đọc có thể cho rằng Trần Vũ bị bạo lực ám ảnh, nhưng không ngờ rằng chính cái văn phong bạt mạng, ma quái ấy "*hợp hồn*" chúng ta -phản ứng giao thoa- hai chiều.

Bản chất hiền lành, nhút nhát, không làm nát một con ruồi, Trần Vũ chống trả những độc ác của cuộc đời bằng những fantasmes, tựa như Sade, chống lại sự cô đơn tuyệt đối trong ngục tù, oan ức trọn đời bằng ý niệm bạo dâm, hoang tưởng, triệt hạ tất cả đối tượng không phải là mình, ngoài mình.

\*\*\*

Nhiều người cho rằng Trần Vũ bắt chước Nguyễn Huy Thiệp. Rất có thể. Mà lại không chắc đúng. Trần Vũ và Nguyễn Huy Thiệp không giống nhau, ngoại trừ việc dùng lịch sử làm tay sai cho những điều muốn nói. Ngoài sự khác nhau về tài năng, bản sắc, chỉ riêng việc dùng lịch sử họ cũng đã khác nhau. Nguyễn Huy Thiệp đánh đổ thần tượng quá khứ để duyệt y bù nhìn hiện tại, dùng chổi quá khứ để quét hiện tại và dọn tương lai. Nguyễn Huy Thiệp dùng lịch sử với chủ đích nhân bản, cải tiến xã hội. Nguyễn Huy Thiệp tin vào con người.

Trần Vũ không có chủ đích đó và không tin vào con người. Anh dùng lịch sử vì bản năng đập phá của mình, muốn tiêu diệt những ảo tưởng tốt đẹp về con người: ảo tưởng về nhân vật lịch sử, ảo tưởng về một thứ phụ nữ nét na, hiền hậu, đẹp và sang, phục vụ tổ quốc như Ngọc Hân công chúa... Làm gì có thể? Đằng sau bộ mặt đẹp, hẳn phải có một "thú tính" nào đó - hoặc đanh ác, chua ngoa, hoặc lừa lọc, dâm dăng - nếu không xuất đầu lộ diện trong cách xử sự, thì cũng sống ngầm trong tiềm thức, trong vô thức. Cái vô thức ấy, Trần Vũ đẩy cho nó lộ ra và tư chất của Ngọc Hân, của Nguyễn Huệ mà Trần Vũ mô tả là cái ác, bị dồn ép, cấm kỵ, nhưng vẫn nằm chờ trong vô thức của con người. Trần Vũ chỉ táy máy xi cho nó thoát thai thành nhân vật tiểu thuyết.

\*\*\*

Trần Vũ mô tả bộ mặt ngầm ấy để làm gì? Anh viết để đập phá cái phi nghĩa của chính nghĩa, của đạo đức, của tôn giáo... do con người đặt ra để che dấu phần ác ngầm của chính mình. Mà cũng có thể anh chỉ viết để chơi thôi. Dù sao lá bài của Trần Vũ cũng là con dao hai lưỡi: Khơi bộ mặt bạo tàn có thể quậy lên động lực thúc đẩy bạo tàn. Trong môi trường đông đặc vi trùng, một xúc tác có thể khơi động muôn vàn ô nhiễm..

Ngoài ra, việc sử dụng lịch sử trong văn học là chuyện rất bình thường. Có nhiều thái độ sử dụng lịch sử: có thể dùng lịch sử để viết tiểu thuyết ly kỳ, có thể dùng lịch sử để tuyên truyền cho một chính nghĩa nào đó, có thể dùng lịch sử để rút tĩa bài học quá khứ cho hiện tại, và còn có thể dùng lịch sử để đập phá ảo tưởng thực tại như trường hợp Trần Vũ. Dùng cách nào chẳng nữa, khi người viết đạt được trình độ nghệ thuật chín chắn, thì có thành công.

Chuyện bôi nhọ lịch sử là một cách nói dễ, nói vội. Bởi lịch sử của một dân tộc, ở đâu, và trong thời điểm nào -không cần bôi- cũng đã nhọ nhem, phản trắc và đầy tội ác. Hamlet, Le Cid... những anh hùng ca lớn của nhân loại chỉ phản ánh sự bạo tàn của con người trong tình cha con huyết thống, trong oán thù truyền kiếp: giết nhau nhân danh tình yêu, danh dự, tổ quốc... Lịch sử nước ta: nhà Trần lấy việc loạn luân làm quốc sách, tôn thất nhà Nguyễn dùng cách giết vua làm thượng sách. Nguyễn Huệ, cha đẻ những chiến công oanh liệt và Nguyễn Ánh tác giả kỳ công thống nhất đất nước còn là thủ phạm những cực hình phanh thây xé xác (Nguyễn Hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhậm...), xử giáo, voi dầy (Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân...), đẩy là những cái chết có danh, "có tội". Ngoài ra, họ còn là tác giả của bao nhiêu cái chết vô danh, vô tội?

Diện mạo anh hùng của các nhân vật lịch sử mà người ta thần tượng hóa, tiếc rằng chỉ mới có một nửa: Phơi ra áo giáp trạng nguyên rực rỡ huy hoàng và cất đi bộ mặt sát nhân tàn ác. Lịch sử còn quên nhìn kỹ hậu trường, đến bản chất của chiến tranh: một dịch vụ giết người có tổ chức, được chính thức công nhận, tổ quốc ghi ơn. Điều đó đúng cho cả người chinh phục -tức kẻ ngoại xâm- lẫn người chống chinh phục - là những vị anh hùng dân tộc.

Ai viết nên bộ mặt tàn bạo ấy, tức là đã đi xa hơn lịch sử, để xâm nhập vào lãnh vực con người.

Paris 18-10-1993

Chú thích

(1) *Đời Viết Văn Của Tôi*, Nguyễn Công Hoan, NXB Hội Nhà Văn, Hà Nội, 1994.

(2) Jean Baudrillard, *L'Echange symbolique et la Mort*, Ed. Gallimard, 1989.

Georges Bataille, *L'Erotisme*, Editions Minuit, 1992.

(3) Nguyễn Văn Trung, *Ca Tụng Thân Xác*, Nam Sơn xuất bản, Sài Gòn, 1967.

## Cánh đồng mùa gặt khô

(tựa đề khác: *Bữa rượu sân si*)

Cách đây không lâu, một lần tôi nhờ Tam đến nhà làm hộ bữa tiệc. Tam đi vượt biên từ miền Bắc, ngoài giọng nói phát âm nặng hơi của vùng núi đá vôi Ninh Bình, anh còn đem sang đất Pháp cả thuật nấu ăn kỳ diệu. Tài bếp núc của Tam không chỉ ngon ở miếng dồi tiết băm sả, lúc đem nướng tỏa bốc thơm ngào ngạt, hay trong món mớ ở bát canh cải có ngâm gừng, nổi xanh non nõn từng cọng cải tươi che giấu miếng giò gà trắng mịn. Cái khéo của Tam là ở chỗ làm cho thức ăn trở nên thật bắt mắt, quyến rũ, lôi cuốn đến điên người. Quả tình có đứng ở bên cạnh, trông thấy anh làm bếp thì mới triệt thấu rõ hết những tài hoa điệu nghệ trở vờn đăm ra từ mười ngón tay phù thủy của Tam không ngớt vung vẩy, múa may thoăn thoắt, lúc anh nhồi vào thân mực ống nào thịt băm, nắm hương, hành tỏi xắt vụn trộn với miến. Xong món mực ống là Tam bắt đầu thái thịt. Cả một đèo thịt bò cứ thế lụn dần rồi biến mất. Con dao to bản tôi mua ở chợ Sắt được dịp hoa vun vút. Trông xa Tam như người thuật sĩ đương múa kiếm. Chẳng vậy mà từ khi biết Tam, tôi vẫn thường có thói quen thích lượn lờ bên cạnh mỗi khi anh làm bếp, bởi tôi vốn có nhiều thiện cảm với món mực ống nhồi làm theo kiểu Hải Phòng, lẫn cảm mến đức tánh rất mực hiền hòa của Tam. Bữa đó, tôi nhớ có hỏi Tam: Vì sao anh hay làm các món ăn miền Bắc, mà ít khi chịu cho chúng tôi thưởng thức nghệ thuật bếp của quê hương anh? Ninh Bình chắc hẳn có nhiều món ngon vật lạ như trên khắp các miền đất nước? Hôm ấy tôi chỉ hỏi đùa, ai ngờ câu hỏi của tôi lại làm Tam mất hẳn sinh khí của một người đầu bếp đương hăng. Anh ngừng hẳn tay, thông cho lưỡi dao hơi xuống đất, dáng vẻ của Tam giống dáng dấp của một người viết văn bỗng nhiên khựng lại vì bị ai hỏi xoáy vào tận cùng chốn tư duy giấu kín. Bản dao chênh chếch, lóe chút sắc kim lạnh phản chiếu lên mặt, xuất nắng hiu hiu của Paris đầu hè càng làm cho vẻ mặt Tam thêm tiêm ần. Tôi nhớ lúc ấy, ánh kim loại bật lên làm mặt anh như bị chẻ đôi. Mà là thứ vết cắt từ trong ra ngoài. Cặp mắt Tam hấp háy, anh ngập ngừng chùi tay vào quần, rồi mới rút vội điều thuốc tôi mời. Tam rít vài ngụm khói, trước khi phả ra ngoài cửa sổ. Lẫn trong màn khói làm như cũng có chất suy tư nặng sền sệt, dày đặc len vào những bụi cây. Lần nào đến nhà tôi, hình như Tam cũng chỉ làm có ngần ấy cử chỉ: thái thịt, xắt hành, băm sả, nhồi mực, đánh vẩy cá, pha tiết, rồi thổi cho khói bay qua ô vuông cửa. Đến lúc điều thuốc cháy gần hết, anh mới quay lại, giọng buồn buồn: Ninh Bình quê anh nghèo lắm, chỉ có vôi và núi đá. Núi, Vôi, Đất, Đá là quê hương, nhưng những thứ đó không ăn được. Muốn ăn ngon thì phải đi xa, thật xa, càng xa bao nhiêu thì vật lạ của ngon càng nhiều chừng ấy. Ở đời thường có nhiều chuyện ngược ngạo, chính những kẻ nghèo khó, không may mắn, cơ cực ở đời lại là những người dám bán mạng vì miếng ăn, là những kẻ khó ăn, sành ăn, và thích ăn. Tam nói là anh ở trong số những con người ấy. Tam bỏ Ninh Bình ra Hải Phòng vì những lưới cá tươi, cách hấp cá, làm bún, rang cua, nhồi mực của những phu phen ven bến cảng. Hải Phòng thì có gì mà đẹp. Thô lậu bỏ cha! Tam chắc lưỡi mỉa. Chỉ được nước bạo phổi, bạo ăn, bạo đàn đúm, chẳng thế mà phát sinh ra điệu hát Đúm Hải Phòng, tương tự như hát quan họ Bắc Ninh, nhưng giản dị và bình dân, ít rườm rà,

“nhộn” hơn nhiều. Nhưng cậu đừng tưởng bỏ là bọn Hải Phòng hiểu khách! Tam lên giọng bắt chợt. Anh lấy cán dao gỗ gõ đập đập vào mặt bàn như muốn nhấn mạnh, hù dọa kẻ chưa bao giờ trông thấy miền Bắc là tôi. Hải Phòng là đất thảo khấu! Dân anh chị có, bọn buôn chui chém mướn có, đảng viên thoái hóa có, cán bộ nòng cốt đi đêm có, tàn dư phong kiến địa chủ tái sinh cũng có, tất cả mọi người hội tụ về chỗ điểm nóng ấy để giành nhau chút khoáng bề nhỏ neo cho tàu rời nước. Kỳ quặc là ở chỗ đó. Ở miền Bắc sau này ăn là lẽ sống, được ăn nhiều, uống nhiều... thoải mái, tức là có thực thi dân chủ! Dĩ nhiên cái ngon ở Hải Phòng không thể nào sánh bằng miếng ngon Hà Nội. Bánh đúc, bánh tôm, cốm vòng, tiết canh vịt... từ thời Lý Công Uẩn cho tới đời Lê mặt ở Hà Nội thì vẫn tuyệt sắc. Nhưng ở Hà Nội, ăn giữa khung cảnh sừng sững của lịch sử, nhấm nháp bát bún chả mà cứ khổ não vì chung quanh chứng tích công đức của tiền nhân nhiều quá, công khó oai hùng ngày xưa nhiều quá, rục rờ là thế mà thời đại mình thì cứ tàn lụi, tâm thần ray rứt thì còn bụng dạ đâu mà thưởng thức. Bốn bề tiền nhân, văn hóa bao đời, từ cái cổng Văn Miếu, đến ngôi đền Quan Thánh, tượng Trần Võ... sao mà lắm! Cửa ngon có dâng đến miệng cũng chả nuốt được. Nghẹn! Phải nói là mình bị nghẹn!

Tam uống bia, lý giải cái phần tâm linh nhàu nát trong anh những ngày còn ở quê nhà. Cách kể chuyện, lối so đo của Tam có vẻ hơi cường điệu, giống lối kể chuyện của những người Bắc vào Nam sau năm 75, khiến tôi đâm ngờ ngờ, nghĩ là anh nói quá. Ăn ở đâu thì ăn. Có gì phải sợ hãi lịch sử? Ngày trước tôi vẫn thường hay ăn dồi chó bên hông Lăng Ông Bà Chiêu, mà có mặc cảm bao giờ đâu? Chừng như đoán ra được ý nghĩ trong đầu tôi, Tam chắc lười: Cậu không tin thì cứ về du lịch nước mình một chuyến. Ra Hà Nội vào ăn chả cá ở quán Lã Vọng thì sẽ thấy, chan mắm tôm lên bún mà sao mùi mắm với mùi rau thì là cứ xông lên đến là bẽ bàng. Mở xối lên cá kêu xèo xèo cũng không đánh thức được những rạo rục trong bụng mình. Chỉ vì không khí, khung cảnh, con người, cuộc sống ở Hà Nội nó nhếch nhác thế nào, không giống ở Hải Phòng.

- Nhưng ở Hải Phòng thì khác ra sao ?

Tôi nóng nảy, bộp chộp hỏi.

- Khác chứ!

Tam chìa ly cho tôi rót thêm bia. Những sóng bia vàng óng ánh, tưởng là sóng biển xanh ngoài vịnh Bắc Việt còn đọng trong mắt Tam lẫn tẩn. Khác lắm. Bát bún tàu xào cua bề ăn ở Hải Phòng không chỉ có nắm mè, thịt cua, hành ngò, mà còn trộn lẫn mây trắng, ước mơ của thuyền bè đến từ biển lớn. Sau này Hải Phòng là trung tâm xuất khẩu người đi Hồng Kông. Ăn ở Hải Phòng, là ăn với tâm trạng nắm bắt được tương lai trước mắt. Bát miến cuối, ngày mai đời nở hoa! Mình sống với ý nghĩ không còn vương bận, trách nhiệm gì với 4000 năm lịch sử đang vây kín chung quanh mình nữa. Thoải mái ăn, tự do ăn, hạnh phúc dân chủ mới được tới nơi... ! Tam cười ha hả, giọng Bắc đậm đà hào sảng. Cười đã đời rồi anh vụt im lặng, trở lại làm bếp, như thể anh chẳng còn liên quan gì đến câu chuyện nữa. Tam nhấn nạt thái da heo ngâm vào nước nóng, rồi giã gừng lấy tinh chất, chế vào thau nước lạnh, cho thêm rượu trắng, thả bóng bóp nhẹ... Không trông thấy mặt, song tôi biết anh xúc động lắm, bởi cử chỉ Tam không còn nhịp nhàng, đứt quãng, như anh phải thù người suy nghĩ để nhớ ra mình đang làm gì. Chén rượu trắng pha nước lã trong tay Tam cứ chao nghiêng ngã như chỉ chực đổ. Cách “hãm”, lối kèm chế những tình cảm vui buồn, thất vọng, khổ não, bất ngờ dậy dâng trong lòng Tam khiến tôi cũng buồn lây. Những thống khoái, há hê, tin tưởng vào cuộc đời ở những con người như Tam, sang đến trại Cẩm Hồng Kông bỗng nhiên bị đập vỡ, đập vụn, tan thành từng mảnh. Có là con vật cũng phải chua xót.

Bữa tiệc chiều đó, tôi ăn không ngon, nuốt không vui. Miếng rượu cay cắt mưòi hai năm trong chai đục, nút có đóng sập, mua với giá một ngày lương mà rót vô miệng vẫn thấy đắng.

\*\*\*

Hình như tôi có duyên với Tam. Tuổi rượu tôi thua tuổi rượu anh, thế giới của tôi khác xa thế giới của anh, tôi sinh trưởng trong một gia đình tiểu tư sản thành thị miền Nam, không biết thế nào là đói, khổ, là oằn oại nhão người. Song giữa tôi và Tam hình như còn có một cái gì khác, phải lâu lắm sau này tôi mới nhận ra trong anh là cái phần thẳng người miền Bắc trong tôi không được sống. Nó ở đó. Chờ đợi. Cầm nín và chờ đợi. Nhưng chờ đợi điều gì ? Bao nhiêu đêm tôi thức trắng tự hỏi ? Tôi cần gì ? Kiếm gì ? Và tìm gì ở cái đất nước này ? Đất nước ba trăm sáu mươi lăm ngày thuế má. Đất nước đi rửa chén cũng phải có bằng. Đất nước ăn ngủ mỗi tình đầu không thấy người yêu nhỏ giọt nước mắt khóc cho phần tình tiết đánh mất.

Một lần khác, tôi rủ Tam đi dạo phố. Phố xá ở đây thì chỉ có hàng quán. Sang ra khu Khải Hoàn Môn, nghèo lắm lủi trong những con đường hầm ngun ngút mắt. Không có thành phố nào tôi tệ, sống chui rúc dưới đất bằng Paris. Mồ hôi, thuốc lá, son phấn, bọt rận chen chúc nhau trong những toa tàu cáu bẩn. Bên trên sự cáu bẩn đó là quán Fouquet. Trời mùa hè, nắng phơi bên trên những tầng dù lấp phấp. Tam gọi một ly để William Bon Père. Tôi kêu hai chope bia vàng ngậy. Lúc tôi uống hết chope thứ nhất, một tên Ả Rập đi ngang, giọng hát nghìn lẻ một đêm vang từ máy cassette trên vai hấn đong đưa rên rỉ thiếu não chảy vào giữa dòng người cuộn cuộn khắp mặt lộ. Tiếng hát Ả Rập nghe trước quán Fouquet, đối diện tiệm nhảy Lido tương phản đến lạ lùng. Tôi có cảm tưởng phải nghe cải lương trong Cafeteria Rex. Song Tam lại tỏ vẻ thích thú. Anh bảo tôi thẳng này khá đấy. Ngày xưa có lần đi Tunisie, dẫm chân vào khu sa mạc cát vàng, tôi cũng có lần bắt gặp thứ âm thanh nỉ non, rung nhiều ở đầu lưỡi, và “láy” bằng cổ họng vang vang trên mặt đất. Quả tình, chỉ có trên sa mạc, nhạc Ả Rập mới cất hết sức chuyên chở kỳ bí của nó. Âm thanh cứ kéo dài ra mãi. Nhạc Ả Rập lạ ở giọng ngân, một thứ ngân gần như khốn khổ đứt hơi, mà cứ phải ngân hoài hử. Chuyển autocar bỏ chúng tôi xuống bách bộ, chỉ có một máy transitor nhỏ của người tài xế mà tiếng ngân như đi suốt sa mạc. Đi hết cả một nền trời đỏ cát lừng lững nắng. Có tiếng nhạc mắc võng trên đầu những trụ điện tồi tàn của Tunis, luồn lách trong chợ Souk, băng ngang cổng đèn cấm đàn bà, và bám trên những mảng thịt cừu đỏ tươi treo bằng móc đen đặc ruồi bu, thì mới thấy hết cái hay của nhạc. Nhưng ở đây, trong khu Khải Hoàn Môn sang trọng, âm thanh trở nên lạc lõng kỳ dị, gần như một thứ quái thai. Vậy mà Tam lại bảo khá! Tôi nhìn Tam không mấy hiểu. Tam chiêu một hơi đế, hỏi ngược:

- Cậu có dám vác máy ra đây phát nhạc hồ quảng, cải lương không ?

- Anh khùng à! Tây nó cười cho.

- Thế thì cậu thua thằng Ả Rập rồi. Niềm tự hào dân tộc của hấn mạnh hơn cậu.

- Tự hào không đúng chỗ!

- Ừ, đúng. Tự hào không đúng chỗ. Nhưng vẫn cứ là tự hào.

Tam uống cạn ly đế. Không nói gì nữa. Như đã rời xa, trở về đất nước. Cái con người ham sống, thích ăn, thích uống ở anh như biển dâu mất. Cả cái kẻ làm bếp tài hoa sống động cũng không còn ngồi đó nữa. Tam có lẽ đã trở về với những khoảng sân thượng chìm trong màu lam đục của buổi chiều tắt nắng Hà Nội. Tam có đôi mắt mệt mỏi, khuôn mặt mang nhiều vết tích cuộc đời, ở nhân dáng anh hình như chỉ đội chiếc mũ phờ là hợp nhất. Mà Tam có lẽ cũng chỉ hợp với vị trí anh hàng phờ, tự hào về nồi nước gia truyền, về thế đứng chỗ đậu của chiếc

xe kéo thơm lừng nước dùng. Nếu lụi được nửa thế kỷ, Tam sẽ là anh hàng phở Sứ. Chạm nửa thế kỷ, anh ngồi đây, dưới chân Khải Hoàn Môn vĩ đại, nhưng vô dụng. Ngồi quán chán, tôi với Tam về nhà. Nắng sắp tắt, còn phải lo bữa chiều.

\*\*\*

Tam mở chạn bếp, lấy vỉ sắt, bật ga cho nóng rồi mới thả một chân giò heo lên trên. Đùi heo sẵn ngay lại, bắt đầu đen cháy. Bao giờ mùi thịt nướng cũng khơi dậy hình ảnh trong trí óc tôi. Miếng dồi chó tím lợt, hay miếng chả nướng bằng than tàu đỏ rục chảy nhều mỡ ròn ròn cứ ám ảnh đeo đuổi tôi hoài. Tôi mở tủ tìm rượu. Bản nhạc Ả Rập lúc này đã tan mất, chỉ còn mùi vị quê hương thơm lừng ngầy ngậy giữa gian bếp. Tam vừa giã giềng, trộn với yaourt thay mỡ, vừa kể chuyện những năm sống dưới thảm bom B-52, chỉ có thịt cày là bán chạy nhất. Hình như ai cũng sợ chết trước khi kịp thưởng thức. Anh đương dở tay, nên nhờ tôi trở thịt. Cả một mảng đùi heo đen rần bốc ngào ngạt. Tam nhấp một ngụm Rhum, khà trong tiếng reo:

- Úi chà ! Cái thằng Rhum này tuyệt! Hấn là cái thằng hay gắt gỏng, mà chịu nằm yên trôi lừ lừ qua cổ họng mình thì khá! Năm nào ?

- Một chín bảy tám.

Tam ngừng vội nhìn tôi, vẻ mặt anh có nét sững sờ. Tam nhấp thêm ngụm nữa rồi sang sang kể: Năm bảy tám cậu ở đâu? Ngoài Bắc chuẩn bị chiến tranh chống Bá Quyền, mình hùng hục đào hầm ở biên giới, ai ngờ bên này có thằng nấu rượu vô chai đợi mình sẵn... kỳ diệu! Quả thật đúng là kỳ diệu. Năm bảy tám gia đình tôi bị đánh tư sản, kiếm kê từ cây đình đến con ốc. Thuế siêu ngạch, nghĩa vụ quân sự rình rập. Mối tình đầu tan vỡ. Bằng phổ thông cấp ba hụt thi. Trốn chui trốn nhủi sau những cồn cát Phan Thiết đợi đi chui... Chai Rhum với bèn đi quá nửa. Chết thì thôi, nhưng sống phải uống cho bằng hết cái thứ nước kỳ diệu này. Có chất đốt, tôi với Tam thi nhau nổ chuyện. Tam kể ở Hà Nội có thứ rượu sen cất ven hồ Tây, trời chiều mưa lạnh uống vào nóng ran mình lắm, mà hương sen còn đọng ở đầu lưỡi. Tôi không chịu kém, kể ở Củ Chi có thứ rượu hạ thổ chỉ mới nguội qua đã nóng bừng mặt. Tam cười ha hả, bảo cậu rời Việt Nam còn thơm sữa biết thế quái nào là hạ thổ! Sợ nhà thổ cậu cũng chưa biết ?

- Ừ thì biết qua sách vở.

Tôi cứng lưỡi, chống chế. Tam càng cười lớn. Giọng cười của anh tôi để ý bình sinh ròn rã, chỉ có những lúc tuyệt vọng thì nghèn như cái kèn đồng bị đổ nước.

- Nay, bán đi.

Cái kèn đồng chiều nay trơn tru, với tay lấy gói thuốc lào ba số 1, nhãn đề bán ở cửa hiệu Lý Thái Tổ, vo, se nhồi rồi đưa tôi đốt. Tôi bắt chước Tam tập hút từ hơn một năm nay. Từ khi "chạm" thuốc tã, tôi đắm mê mẩn, hút thuốc điếu không còn thấy ngon. Đóm thuốc xòe lên, ngọn lửa vừa tắt thì gót chân tôi cũng tê rần. Trong cái bài hoài rã rời của tứ chi, mạch máu nở ra, tôi loáng thoáng nghe tiếng riu rít như chim hót từ chiếc điếu cày trên tay Tam. Tiếng kêu của điếu cày nghe thật hay, khi buồn nghe như giọng thút thít của người con gái nức nở đêm tân hôn tấm tức khóc cho mối tình đầu, lúc vui vẻ nghe như con gà trống gân cổ gáy, khi giận thì chẳng khác máy mụ nà dòng đang rít qua kẽ răng. Thuốc lào không chỉ là thuốc, mà là cả một nền văn minh! Tam mạnh mẽ phát biểu trong lúc tôi lơ đãng. Bao nhiêu sáng tạo, thử thách, kinh qua để rồi mới chiêm nghiệm phải châm bằng đóm mới ngon. Đốt thuốc lào bằng quẹt ga thì hỏng. Bằng diêm quẹt cũng hỏng nốt. Châm bằng Zippo thì chẳng khác mọi rợ mán mường. Đem thuốc ngoại, thuốc tẩu mà nhồi thì hút không thấy hơi, bã bèn bẹt chả ra đâu vào

đâu. Bồi thuốc Lào sấy nắng, bao nhiêu gio' sương nắng nôi của đất nước làm thành.

- Cậu ém cả nắng gió quê nhà vào buồng phổi thì thấy, không có cái say nào bằng say quê hương!

Tam thờ khói. Tôi gạt đầu, còn lơ đãng trên những cánh đồng ruộng lúa ở nơi đâu, chưa đứng dậy được. Tam đã giở đũa heo đem xuống cạo, chặt thái hình quân cờ, rồi bóp riêng mẻ mắm tôm. Nồi thịt tím ngắt hoa cà. Cậu đem hầm đi, mình chuẩn bị thức ăn chơi. Tam rửa tay, lại sục vào chạn bát. Tôi lễ mễ bụng nồi thịt đặt lên bếp, lửa ga phừng phừng đến nóng mặt. Mười đầu ngón chân tôi hầy còn tê. Chỉ có một chút khói quê hương sao mà say.

Cái bàn sắt tôi với Tam khệ nệ khiêng ra sân sau. Đêm hè gió mát rượi làm khô những giọt mồ hôi chỉ mới rịn trên da vụt tan ngay. Tôi đi đốt đèn dầu, không phải cúp điện, nhưng tôi với Tam vẫn ưa thứ ánh sáng tù mù vàng vố băng khuâng, chấy èo uột của những đêm mưa, hay những đêm ngoại ô bắc ghé đầu gối tán chuyện. Ánh đèn Hoa Kỳ hắt loang xuống thềm. Tôi khui rượu. Tam bày hai đĩa tiết mới đánh. Không có tiết vịt, đành đánh tiết heo. Tiết heo bán đông chai, một lít pha được không biết bao nhiêu đĩa. Tôi vắt chanh, ngắt rau thơm, cắn một miếng mẻ, nhai một quả ớt, rồi nhấm thêm một mẩu gan, bao nhiêu chất ngọt của tiết hòa vào mạch máu mát mẻ đến sáng khoái. Tôi rót rượu liền tay. Chiếc bóng của Tam ngả hẳng người ra bàn, mặt anh ửng đỏ trông như mặt Quan Công về hưu. Tam bắt đầu ngà. Ở Hà Nội lạ lắm. Mai một cậu về chơi sẽ thấy. Có những ngôi nhà cũ không tưởng tượng, rêu ẩm bám đen từ mặt trong ra mặt ngoài. Ngủ đêm cứ rờn rợn. Miền Nam mới quá, không dấu ấn của lịch sử. Nhưng ở Hà Nội, lắm lúc lịch sử cứ sờ sờ ra đó, bình thường mình không để ý, nhưng đêm nằm có lúc thảng thốt chợt nhận ra đầu ngõ là chỗ Chiêu Thống đón Tôn Sĩ Nghị chứ đâu xa, có khi cả cái nhà mình cũng là nhà của Nguyễn Hữu Chỉnh lúc trước. Nằm cứ toát mồ hôi. Mới hôm qua chứ bao lâu! Cái đất Thăng Long lạ. Đi xa như Nguyễn Hữu Chỉnh rồi cũng phải về chết ở đó. Mà chết tan xương nát thịt mới đau.

- Nguyễn Huệ không biết dùng người! Tự chặt tay chân mình thì sống với ai?

Tôi vét nốt đĩa tiết, tự nhiên thấy mình nóng nẩy vô lý. Tam đang đơm bún vào bát, ngắt rau húng, chan xâm xấp giã cà, ngừng nhìn tôi ngạc nhiên :

- Ai bảo cậu thế?

- Chẳng ai bảo, nhưng thâm kịch của đất nước là từ khi Nguyễn Huệ tự ý đại cử Bắc phạt đấy thôi? Nồi da xáo thịt tự đó mà ra.

Không phải!

Tam đập mạnh ly xuống mặt bàn, rượu sánh cả ra ngoài. Những vũng rượu vang đỏ thẫm. Tôi cũng biết rượu vào lời ra nhưng không ngờ Tam cáu kính đến thế. Anh nhai ớt ròn rột :

- Bi kịch của đất nước này xảy ra ở làng Hạ Lôi, cậu biết chưa? Cái làng ấy có tay Lý Trần Quán làm Thiêm Sai, lúc Chúa Trịnh chết thì tự chôn mình, chết ngu xuẩn thế mà người đời cứ xem như bậc nghĩa khí!

- Trung thế thôi anh còn đòi ?

Tôi cắn một miếng riêng, nhất quyết không chịu thua. Gì chứ chuyện lịch sử, tôi thuộc lầu lầu, lúc còn đi học trả bài bao giờ cũng được điểm cao. Trời sụp tối hẳn. Cái bàn sắt của hai chúng



tôi nhô ra vườn trông như boong tàu thấp sáng lên đèn trời dập dềnh ngoài đêm. Mà chúng tôi cũng lên đèn dập dềnh thật. Mấy tàng lá xum xuê trên đầu cứ ngả nghiêng chòn vòn, lất phất đong đưa như chỉ chực rớt xuống bàn. Bữa rượu đã lên tới tột đỉnh. Tam ném vỏ chai vào một góc vườn, khật khưỡng khui thêm chai nữa. Nắm tay anh xoay theo cái vụn quả quyết

- Trung với ai, chứ với cái nhà chúa Trịnh thì mình ngờ lắm!

Bọn viết sớ khen chê không đúng chỗ! Sao không nhắc cái công tôn phò nhà Lê hai trăm năm? Bằng chứng: Chúa vong thì Lê mất!

-Ừ thì Lê mất. Nhưng Hiền Tông, Chiêu Thống là cái gì ? Nhà Tây Sơn mới là cuộc cách mạng đích thực! Tay Lý Trần Quán đồ tiến sĩ néh. Mẹ chết thì ở nhà mồ ba năm, không ăn thịt cá? Hấn làm thế để làm gì? Sao không ra giúp Nguyễn Huệ lại tự chôn sống mình? Làm màu à? Thảm kịch của đất nước là bởi bọn “trung trinh tiết tháo” kiểu ấy. Cho ăn học phí đi! Hai trăm năm rồi mà ở Hà Nội lẫn Saigon cứ còn đường Lý Trần Quán, người ta theo tấm gương ấy đến độ đất nước lụn bại!

Tam nói một hơi. Chắt rượu trong người anh bốc ra như giông gió. Tôi cũng say lắm, miệng lúng búng bấn lẩn giả cầy. Vài miếng măng thái, ít củ chuối, hai ba miếng da lợn cháy vàng nổi lên mặt bát. Tôi và cho hết chén, làm cạn ly rượu, rồi phản pháo :

- Thiết tha, trần trở cho bi kịch đất nước, thế sao anh còn qua đây làm gì?

Sắc màu hồng đỏ au trên da mặt Tam vệt trở nên xám lại. Tôi chỉ hỏi câu châm biếm, ai ngờ, ai ngờ cả thân mình anh cứng lại. Vai Tam nhô lên cao lắm, như thể anh muốn rứt đầu trốn tránh. Trông anh như bức tượng tội nghiệp hôm nào, và cái vệt cắt trên da mặt – cái vết chém từ bên trong – Tôi đã trong thấy một lần ở sau bếp khi hỏi Tam về trại Cẩm Hồng Kông, cái vết chém đó như bất ngờ mọc ra trở lại, năm ngón tay Tam cũng cứng lại làm rơi đôi đĩa. Tam ngồi bất động, như trớ lười, trông mắt anh vừa ngượng nghịu, nửa xấu hổ, nửa giận hờn tại sao tôi lại hỏi như vậy? Về mặt Tam lúc đó tôi không quên được, song tôi không dám ngó anh lâu, không khí đang hăng của bữa tiệc bỗng chùng hấn xuống. Tam bắt chợt cười ngúc ngắc, tiếng cười như khóc của cái loa kèn nghẽn nước.

- Qua thì sao? Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu cũng lưu vong mà?

- Các cụ có làm được gì đâu ?

Tam im lặng. Biết anh không muốn trả lời, tôi lảng chuyện bằng cách rót thêm rượu vào ly. Tam nạp liên tục như muốn khóa lấp. Một, hai, ba, rồi bốn, năm ly, chẳng mấy chốc anh đổ kèn ra ghé.

Tam “lật” rồi tôi mới thấy mình lạc lõng. Khu vườn rộng hấn, dài mệnh mông gấp bội. Một đồng vỏ chai, thau bún rỗng, nồi giả cầy cạn, nhưng còn rượu. Giá tôi đừng hỏi điều ấy, chắc bữa rượu hãy còn vui. Lần đầu, tôi trông thấy tận mắt đau khổ của một kiếp người. Tôi khui hết những chai rượu còn sót. Uống một mình. Từ năm 78, tôi đã uống hết bao nhiêu chai rồi?

**Nhà văn Trần Vũ  
Nguyễn & Bạn hữu**

Nhà văn Trần Vũ nổi tiếng từ hai chục năm nay tại hải ngoại (và cả trong nước) với lối viết văn táo bạo, thách thức, kết hợp giữa bạo lực và tình dục, mà nói như nhà phê bình văn học Thụy Khuê, “làm sững sốt quần chúng bình thường, được viết bằng ngòi bút lạnh lùng ráo hoảnh, tán tận lương tâm, bất bình thường”. Ông từng đứng chủ biên tạp chí Hợp Lưu giai đoạn từ 2003 đến 2005.

Về tiểu sử và văn nghiệp của Trần Vũ, Bách Khoa Toàn Thư Mở Wikipedia ghi nhận như sau:

### **Tiểu sử**

Trần Vũ sinh ngày 2 tháng 10 năm 1962 tại Sài Gòn. Ông theo học tiểu học và trung học đệ nhất cấp tại tư thục Lasan Taberd. Sau khi trường giải thể năm 1976, chuyển sang Trường Trung học Phổ thông Bùi Thị Xuân (trung học Nguyễn Bá Tòng cũ).

Từ năm 1979, ông vượt biên đến Philippines và định cư tại Pháp, sau một năm ở trại tỵ nạn Palawan, Puerto Princesa City. Từ năm 1990, ông làm phân tích viên điện toán cho Quỹ Hưu Trí Pháp Quốc rồi Liên Bang Tương Trợ Y Tế tại Paris. Từ năm 1999, ông làm quản lý dự án tin học cho Liên Hiệp Quốc Gia Bảo Hiểm Pháp.

Trước ông sống ở Paris, nay dời về Dallas, Texas.

### **Văn nghiệp**

Trần Vũ bắt đầu viết truyện năm 25 tuổi. Tác phẩm đầu tiên là truyện ngắn Đồng cỏ miền đặng trên nguyệt san Làng văn tháng 5/1988, lập tức gây được tiếng vang. Các truyện ngắn tiếp theo đều gây được sự chú ý. Đến Ngôi nhà sau lưng văn miếu và Bên trong pháo đài đăng trên tạp chí Văn Học, Trần Vũ trở thành hiện tượng của văn học hải ngoại hai năm 1988-1989 và là người viết trẻ tuổi nhất lúc đó.

- Giai đoạn 1991-1993 Trần Vũ lại gây xôn xao báo giới, bị công kích gay gắt vì loạt truyện lịch sử về các anh hùng như Nguyễn Huệ, Trần Thủ Độ với văn phong và cách nhìn táo bạo, bị cho là đi ngược lại với quan niệm truyền thống.

- Năm 1994, truyện vừa Giác mơ Thổ kể về cuộc hành trình ngược dòng quá khứ, với những hình ảnh đầy bạo lực, câu văn như ứa máu cùng cảnh ăn thịt rồng đã gây không ít phẫn nộ, ở một số độc giả.

- Năm 2002 truyện vừa Giáo sĩ lại gây phản ứng dữ dội vì đụng chạm đến tôn giáo.

Sáng tác của Trần Vũ tập trung vào một số thể loại cơ bản: truyện ngắn, tiểu luận, tùy bút, ký. Ngoài ra, anh còn dịch thuật.

- Về truyện ngắn – đây là thể loại sở trường của Trần Vũ, cho đến nay anh đã viết trên 50 truyện ngắn đăng trên các báo, tạp chí văn học như Làng văn, Văn học, Hợp lưu và các websites văn học như Talawas.org; Tienve.org. Các truyện ngắn của Trần Vũ tập hợp lại in trong hai tập là:

- Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu (Thời Văn xuất bản năm 1988, Hồng Lĩnh tái bản năm 1994 tại California, Hoa Kỳ)

- Cái Chết Sau Quá Khứ (Hồng Lĩnh xuất bản năm 1993, California, Hoa Kỳ).

Những truyện ngắn của Trần Vũ cũng được tuyển chọn dịch và in thành sách tiếng Anh, tiếng Pháp:

- The Dragon Hunt (NXB Hyperion xuất bản năm 1999), do Nina McPherson và Phan Huy Đường dịch.

- Sous Une Pluie d'Epines (Paris: NXB Flammarion, năm 1998) [4], Phan Huy Đường dịch. Và Terre des Ephemeres (1994), Au Rez de Chaussée du Paradis (1994) và En traversant Le

Fleuve (1996).

- Về tiểu luận có: Lịch sử trong tiểu thuyết bàn về sáng tạo văn chương và một số tiểu luận về lịch sử dân tộc dưới cái nhìn của riêng anh, gồm một số tác phẩm như:
- Đông Dương 1993, Sát thát, Quân đội Việt Nam – con đường canh tân; Quân đội Việt Nam – 1979 cơ hội đánh mất.

Về ký có:

- Hiệp hội tương tế Bắc Việt nghĩa trang, Di vật, Lưng trần...
- Tác phẩm đã xuất bản:
- Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu, Thời Văn 1988, Hồng Lĩnh tái bản 1994
- Cái Chết Sau Quá Khứ, Hồng Lĩnh xuất bản 1993
- Sous Une Pluie d'Epines, nxb Flammarion 1998
- The Dragon Hunt, nxb Hyperion 1999

Các tuyển tập nhiều tác giả:

- The Funerary Association of Northern Viet Nam Cemetery, bản dịch Đỗ Lê Anh Đào 2004
- Au Rez de Chaussée du Paradis, nxb Philippe Piquier 2004, bản dịch Đoàn Cẩm Thi
- The Other Side of Heaven, nxb Curbstone Press 1995, bản dịch Thái Tuyết Quân
- Night Again, Seven Stories 1996, bản dịch Nina Mc Pherson
- Terre des Ephémères, nxb Philippe Piquier 1994, bản dịch Phan Huy Đường
- En traversant Le Fleuve, nxb Philippe Piquier 1996, bản dịch Phan Huy Đường
- Tuyển tập truyện ngắn 20 năm văn học Việt Nam Hải Ngoại 1975-1995, Pen Club 1995
- Truyện Hay Hải Ngoại, nxb Phù Sa 1991
- Tổng Tập Văn Học Việt Nam Hải Ngoại, nxb Đại Nam 1995
- Khi Tan Nắng, nxb Hội Nhà Văn 1993
- Và nhiều tuyển tập Việt Nam khác xuất bản tại Pháp, Gia Nã Đại và Hoa Kỳ, v.v...

**Nhận định của một số nhà văn/phê bình gia:**

Thụy Khuê:

*“Trần Vũ là một trường hợp: Bịa (hư cấu) không giống thực và phải nói ngay: anh thành công trong cái “sự bịa đặt hoàn toàn” ấy... Nhưng “cái bịa” của Trần Vũ không phải là thứ bịa đặt tầm thường mà là bịa có tâm hồn, có ý thức sáng tạo và nghệ thuật, ngoài tác dụng ảo hóa và thi hóa văn phong, còn làm tăng nồng độ ma quái trong lòng người... Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu mới là bước đầu tìm kiếm. Cái Chết Sau Quá Khứ, bước thứ nhì, xác định một phong cách, một giá trị... Trần Vũ dùng kỹ thuật làm sờ trường, gạt bỏ phần cảm tính, bút pháp khô, lạnh, plastique và ác. Nhịp văn nhanh và lồi cuồn. Trực tiếp đi vào tác phẩm,... Nếu hư cấu là khía cạnh thứ nhất trong văn chương Trần Vũ, thì bạo lực và dục tính là bộ mặt thứ nhì trong tác phẩm Trần Vũ. Muốn giải thể khía cạnh này, có lẽ cần phải tìm hiểu bản chất và tương quan giữa bạo lực và dục tính trong đời sống con người... Những hình ảnh trên đây làm sững sốt quần chúng bình thường, được viết bằng ngòi bút lạnh lùng ráo hoảnh, tàn tạn lương tâm, bất bình thường... Bản chất hiền lành, nhút nhát, không làm nát một con ruồi, Trần Vũ chống trả những độc ác của cuộc đời bằng những fantasmes, tựa như Sade, chống lại sự cô đơn tuyệt đối trong ngục tù, oan ức trọn đời bằng ý niệm bạo dâm, hoang tưởng, triệt hạ tất cả đối tượng không phải là mình, ngoài mình....”*

Nguyễn Hạnh Nguyên:

*“Truyện ngắn của Trần Vũ được viết theo hai khuynh hướng: khuynh hướng Hiện thực và Phi*

*Hiện thực... Trần Vũ đã mạnh dạn lựa chọn một lối đi không ít thử thách để có thể thu về những ấn tượng lạ lùng. Cùng xây dựng trên những đối ảnh, Ngôi nhà sau lưng Văn Miếu và Mùa mưa gai sắc đều sử dụng kỹ thuật đồng hiện để làm nổi bật lên hình tượng những con người bị bủa vây bởi nỗi cô đơn vì những khát vọng và tham vọng của chính mình. Khước từ lối khắc họa thông thường, kỹ thuật viết này của Trần Vũ tạo nên sự bất ngờ đối với sự tiếp nhận của độc giả. Không nhiều truyện ngắn đồng hiện hay nhân vật ẩn trong truyện ngắn Việt Nam, ít tính lặp trùng nhân vật và thường rất hiện thực. Ngôi nhà sau lưng Văn Miếu và Mùa mưa gai sắc do vậy, khác lạ.”*

*Đạo sau này, Trần Vũ viết chậm lại. Người đọc vẫn đang chờ đợi những tác phẩm mới của ông.*

\*\*\*

### Phụ đính:



## Lưng trần

Thập niên 80 âm u giọng hát Khánh Ly «Ai trở về xứ Việt, nhấn giùm tôi người ấy ở trong tù...», không mấy thuyền nhân tin có thể trở về xứ Việt. Thập niên 80, tôi ước ao trở về Huế. Về Huế! Chỉ có hai chữ này thôi mà sao âm vang cả hồn mình. Âm vang như tiếng ngâm của Võ Đình. Giữa đêm khuya, tiếng ngâm của người họa sĩ già trên 60 tuổi, cất cao, khỏe, mà buồn bã. «Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay», chữ «thiu» buồn tênh. «Hoa bắp lay», tức là cảnh vật còn, còn gọi, còn nhắc, mà sao anh không về?

Võ Đình không ngâm cho tôi. Ông ngâm cho kiếp lưu dân hieu quạnh. Đêm thâu, tiếng ngâm của Võ Đình vang xa như tiếng hò khuya của người Huế xưa, trên sông Hương. Chúng tôi nhớ Huế. Đọc *Một món Tết thật mặn mà* của Võ Đình mới biết ông nhớ Huế chừng nào. Ông lấy pate d'anchois, một thứ cá muối dầu thật mặn của Tây đánh nhuyễn ra làm mắm, rồi luộc thật chín mì ống làm bún, rồi chan, rồi chấm, để có chút chất quê trong mình. Tết ở Tây, cuối tháng Giêng, lạnh cứng người. Võ Đình sinh ở Huế, nhớ Huế đã đành, nhưng tôi cũng nhớ Huế, dù chưa từng đến, mà vẫn nhớ hàng rằm thượng, bức màn vàng chanh, hàng đậu dâm bột, với những hồn âm đi qua cầu Tràng Tiền về phía thành Nội, trong truyện Võ Đình.

Ra, tôi nhớ Huế của người khác.

Nhiều khi, tôi nhớ sự kinh dị của Huế. Các thước phim đen trắng chiếu cảnh khóc than của người Huế đi tìm xác, rồi đào xác thân nhân mang về hàng đồng xương, đầu lâu, ba sườn... Mậ Thân kinh dị. May là Huế còn những trận mưa trên cây sấu đông của Nhã Ca, còn những mùa ngô cũ của Trần Dạ Từ. «Đuổi bắt trên đồi cao, trượt chân bàng hoàng mãi.»

Người Bắc di cư không có quê, vì chiến tranh, không thể về. Nên tôi si quê của người khác. Si quê của Phan Nhật Nam. Si quê của Túy Hồng. Si quê của Bình Nguyên Lộc. Si quê của Nguyễn Thị Hoàng. Tháng 5-1975, Vòng tay ôm của Nguyễn Thị Hoàng giúp quên nhà có tang. Tang vì bại trận.

Rồi tôi về Huế.

Đầu thập niên 90, Phú Bài ngoài lớp xi-măng, không có gì khác. Chỉ có khói, nắng và đất đá. Nắng lờng lờng giữa cát bụi phi trường. Tôi ngắm Huế. Ngắm giấc mơ trở về của mình. Và Huế bật lên xanh lục. Màu lục đậm. Sức sống âm ỉ dưới lòng đất. Vì mồ mả chập chùng. Tôi chưa chứng kiến thành phố nào nhiều mồ mả trong phố, giữa phố, trong vườn, giữa vườn, trong sân, ngoài sân, nhiều như ở Huế. Bên Ai Cập cũng đầy mả, nhưng là mả xưa, mả sang, mả di tích, mả danh thắng. Ở Huế, mả tươi leo lét tìm dầu, đây đó chân nhang, chập chờn như ma trôi. Khi đêm xuống, tôi khám phá, người chết chưa chết ở Huế. Đêm xuống, người chết mờ mắt.

Tôi ra khỏi Phú Bài. Về nhà khách Lê Lợi, gần ga xe hỏa. Ngồi trên xe, tôi vâng vát, vì biết, đang sống ước mơ của mình. Bao nhiêu trang sách cũ, chỉ một chữ Huế. Bao nhiêu trang viết tay của những người bạn muốn về Huế. Vậy mà mình về đến Huế. Đất xanh tàu lá. Đất thấm bất chợt cơn mưa không đủ dội tắt nắng, nhưng đủ làm hiện lên cầu vồng và xông mùi đất.

Mùi oi, hăng, nồng của đất mẹ. Da thịt mẹ.

Hoàng Phủ Ngọc Tường không giống nhân vật Tường trong *Mùa biển động* của Nguyễn Mộng Giác. Hoàng Phủ ở Phú Bài điềm đạm, hòa nhã. Hoàng Phủ ở Phủ Cam thân mật và tự nhiên. Tôi nhìn ông, tự nhiên tôi muốn quên hết. Bất hạnh và khổ đau. Hãy về đất mẹ. Gặp. Đừng thắc mắc. Và tôi gặp Hoàng Phủ. Ông không giống chút nào những ngày oan nghiệt. Ông là một Hoàng Phủ khác. Hoàng Phủ của tạp chí Cửa Việt, cố gắng thoát kiểm duyệt, cố gắng lách một cánh cửa, sau khi Sông Hương đình bản.

Hoàng Phủ tôi gặp, là một người viết tùy bút.

Nhiều khi nhớ Huế, tôi đã nhớ Huế của Hoàng Phủ. Mà Huế của Hoàng Phủ đẹp vô cùng: Huế phát óng tay áo, làm thành khúc sông Hương trôi qua chùa Thiên Mụ, như cánh tay áo của thiếu nữ thanh tân đánh khúc quanh về phía Tuần. Huế tráng ngọc. Lãng đàng sự dịu dàng. Huế mang sắc tím ẩn hiện của lớp vải điều lục tràm lờng lờng lên một màu đỏ kín đáo, của các cô dâu đem phơi áo cưới sau tiết giáng sương... Những trang viết diễm ảo. Đẹp đến nhẹ hẫng. Những trang tùy bút về núi Bạch Mã cũng nhuyển thể lạ lùng. Đọc mà giống uống văn, rồi say. Tôi không biết Hoàng Phủ ngày xưa. Nhưng tôi biết Hoàng Phủ ngày đi lãng. Một Hoàng Phủ khác, còn biết cảm nỗi cô độc của chú rồng con phải uốn thân trên sân, làm vật trang trí cho nhà Chúa, trên bậc tam cấp, trên mái điện vàng. Khó hình dung một Mậu Thân của thi sĩ. Tùy bút của ông không nhiều quá khứ cũ. Tùy bút thăm vườn bà Lan Hữu, là một tuyệt bích. Vườn An Hiên đầy cây trái mà mỗi sắc hoa, mang vết bút tỉ mỉ. Hoàng Phủ đạt đến sự an nhiên tự tại của tĩnh vật trong tùy bút *Hoa trái quanh tôi* này. Tôi biết, chính văn chương giúp ông tìm sự bình thản.

Nguyễn Quang Lập đưa tôi ra cô thành. Xe máy qua Phong Điền, Hải Lăng, Thạch Hãn, bao nhiêu trang sách cũ hiện lên. Bên kia có thể là dãy đồi nơi tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến của Cao Xuân Huy đánh những trận cuối cùng. Dưới kia là chi khu Mai Lĩnh nơi tiểu đoàn 7 Nhảy dù của Lô *lọ rọu* cầm cự. Trên kia là chỗ Lữ đoàn Dù «chạm» Quảng Trị. Tôi ý thức rất rõ, đang đi trên Đại lộ Kinh hoàng. Lập không biết, không chú ý, hay nghĩ chuyện khác. Hai ven quốc lộ, nghĩa trang liệt sĩ san sát. Quốc lộ thừa dân, những đứa bé tròng mắt trong veo không ký ức và những cụ già mắt đục mờ ký ức. Tôi ở giữa. Giữa đứa bé và ông lão. Giữa dải cát đang đổi màu trắng, xám, thâm. Ký ức rồi sẽ thâm.

Cổ thành ban trưa đìu hiu. Cũng chẳng còn thành. Chỉ còn một khối đá duy nhất, bự bằng nửa căn nhà. Mà nhà cửa ở Quảng Trị thừa vắng. Năm 94, tôi đếm được vài đường ngang, thành phố chạy dọc theo quốc lộ 1 thẳng tắp. Có căn phố còn găm đầy đạn, xác con chuột chết ruồi bu kín và xe nước mía duy nhất thẳng bé đang quay tay. Giấc trưa, Lập ngủ trưa. Tôi mượn xe Lập ra nhà thờ La Vang. Tôi muốn đến đây, năm 72 xem tivi, tôi trông thấy lần đầu khu La Vang đổ nát. 22 năm sau, vẫn vậy, hoang tàn đến lạnh người. Cả khu nhà thờ chỉ còn mỗi tượng Đức Mẹ lồ lộ chỗ đạn. Gạch, ngói, mái, tường tan hoang. Có ra đến La Vang mới thấy khốc liệt của chiến tranh, tiêu hủy, phá hủy, tàn phá không chừa một thứ gì. Những người lính Cộng hòa chết ở đây. Chết cho tôi lành lặn đi học, cho gia đình tôi bình an buôn bán. Nhà thờ La Vang sập mái hiu hắt, không bóng người, chỉ vài chân nhang còn cháy. Giống ma thấp.

Trông mà bù ngùi. Khu La Vang lạnh tanh, gió rì rào, từng chập. Tôi khấn mấy người lính, rồi về.

Về Huế, tôi đi tìm những gì mình nhớ.

Trong *Tháng Giêng đưa đám*, Nhã Ca tả một Huế lạnh băng. Nước sông dâng lên lụt lội, mưa dầm dề mùa Đông. Hàng đoàn người lội nước đi tìm xác. Nhưng xác không ở chỗ người sống tìm mà trôi ra từ những hốc vườn bị nước lũ kéo ra. Người sống chết trong chỗ núp, bị giết khi đang núp, còn người chết bị nước đẩy ra khỏi chỗ núp. Chết bó gối mà không ai hay, đến khi trôi ra vườn mới sinh thú. Tôi sợ hãi năm lên đệ thất, đọc mà giật thót người vì xác chết đột ngột chui ra từ trong một xô xính của căn nhà vườn. Đọc mà tay chân lạnh ngắt. Người Huế tản cư sau Mậu Thân trở về, bước vô nhà, xác chết cùng khắp, hoặc nhiều khi phải đi tìm, phải kiếm vì biết chết, mà chưa thấy xác. Đứng trước các am miếu vô số ở Huế, tôi biết người ta đã chết ở đây, nhiều lắm.

Ra đến chân cầu Tràng Tiền, tôi mừng tượng ra cảnh Cao Xuân Huy đang ngồi tắm bia, như anh viết trong *Tháng Ba gầy sùng*, khi tiểu đoàn anh từ Mỹ Chánh rút về. Về đến chân cầu vớ được két bia, khai tức khắc, rồi tắm, tắm bia, cho đã những ngày cơ cực. Tôi chần chừ vì muốn sống với cảnh tắm bia lâu thêm chút nữa. Sống với Cao Xuân Huy mà mình quen thân.

Tôi mừng tượng ra những người lính, họ trẻ trung yêu đời, xem chuyện sống chết bình thường. Số đông bị bắt, rồi làm than, số khác vượt biên... chỉ còn lại bãi đất trống.

Một vai cầu Tràng Tiền bị giạt sập đêm mừng 9 Tết Mậu Thân. Tôi nhớ hình ảnh nhịp cầu chìm dưới sông, vai còn vồng trên mặt nước. Tôi có ý nghĩ lạ là tôi thấy những hình ảnh mà người Huế không còn thấy. Bước chân lên cầu sắt, tôi chờ đợi những hồn âm của Võ Đình, những hồn âm đã «va», đã «chạm» vào vai Võ Đình sau Mậu Thân khi ông về Huế. Trong truyện *Chiếc vòng*, Võ Đình kể xảy ra thật, ông không tưởng tượng mà cảm nhận rõ rệt giữa ban ngày, dưới cơn mưa mỏng, những hồn âm vừa chết đi ngược chiều, «chạm» đến giạt người. Khi kể lại ở Ba Lê, giọng Võ Đình đầy tâm linh. Khi băng qua cầu, không ai va chạm vào mình tôi. Chỉ có tôi qua hết cầu Tràng Tiền như ma. Không phải người Huế là ma, mà là tôi, kẻ không thực sự hiện diện ở Huế, kẻ ở xa về đôi ngày rồi đi, chính tôi mới là chiếc bóng thoáng qua cầu Tràng Tiền rồi biến mất.

Tôi ra cửa Thượng Tứ, tìm kỷ niệm khác của Võ Đình. Vũng nước mưa mà năm 17 tuổi, Võ Đình trông thấy trước cửa Thượng Tứ, ven đường. Vũng nước mưa phản chiếu ánh mắt ông, trong buổi sáng cuối cùng trước khi ông rời Huế. Đó là một buổi sáng tinh sương của năm 1950. Cậu trai họ Võ sẽ trôi băng băng vào đời. Đến khi Võ Đình trở về Huế, ông ra lại cửa Thượng Tứ bấy giờ vừa trúng pháo xập một phần, trông như gã khổng lồ cụt đầu. Võ Đình đi qua chiếc cầu nhỏ, rồi ông bắt gặp lại vũng nước mưa năm xưa, rõ ràng là nó, chính nó, vũng nước mưa năm nào, và nó cũng nhận ra ông. Cả hai nhìn nhau rưng rưng thân thương. Nó chưa quên ông. Võ Đình tả giống như ông đang khóc với nó. Tôi cũng «trở về» sau thật nhiều năm xa cách. Tôi cũng 17 tuổi ngày ra đi. Tôi tìm ra vũng nước mưa không khó khăn. Tôi nhận ra vũng nước mưa ấy. Vũng nước mưa của Võ Đình, không thể lẫn với vũng nước mưa nào khác. Nó cũng nhận ra tôi, chuyên nhớ Huế của người khác. Nó phản chiếu ánh mắt tôi còn quuyền luyến quê. Vũng nước mưa lớn hơn xưa, lớn hơn trong truyện Võ Đình nhiều lắm, nó lan ra một khoảng lớn, phản chiếu phân nửa cửa Thượng Tứ đã xây lại, đắp lại. Vũng nước mưa đã lớn lên, như tôi. Tôi đứng ngắm nó cho đến khi chạng vạng và nó thu mình lại dưới sắc ám.

Tôi không còn nhớ rõ là buổi sáng nào nữa, những ngày ở Huế đầy mộng mị, nửa thiêng liêng, nửa phù du, vừa quá khứ, vừa thực tại, với ý thức tất cả sắp biến mất. Chỉ cần tôi thờ, thời gian sẽ thu ngắn lại và tôi sẽ phải rời khỏi Huế để sẽ phải sống lây lất, vật vạ bằng ký ức của người khác. Buổi sáng ở lăng Khải Định, bừng lên sắc xanh của Huế mà đứng từ trên lăng nhìn xuống, thấy núi đồi trùng điệp với tượng Phật Bà Quan Âm. Trông thấy Ngụ Ngữ, tôi nhận ra tức khắc: Ngữ của *Mùa biển động*. Ngụ Ngữ cao, gầy, xương, trầm mặc và suy tư. Đúng Ngữ của *Mùa biển động*. Không thể sai. Ngữ, tác giả *Con thú tật nguyên* và *Vòng hoa cho lãnh tụ*. Ngữ của gia đình ông Văn mà Diễm yêu da diết, yêu si mê, trong cảm lạng mỗi khi

mang thau nước cho Ngủ rửa mặt trong xưởng vẽ của Ngô gần cầu Gia Hội. Diễm mà ngân cổ trong vắt giọt mồ hôi ẩm của Huế ban trưa, yêu dữ dội, mà dứt cũng quyết liệt. Đúng Ngủ của Diễm. Về sau, khi sang Cali tôi hỏi có phải Ngủ Ngủ là Ngủ trong *Mùa biển động*? Nguyễn Mộng Giác không phủ nhận: Một nửa của Ngủ Ngủ cộng một nửa của ông. Khi ấy, ngắm Nguyễn Mộng Giác, tôi mới nhận ra ông cũng cao, và chắc phải gầy ngày xưa, tất nhiên rất «thao thức».

Chúng tôi đi lăng. Lăng Gia Long đẹp nhất trong các lăng. Đẹp ở nét tịch liêu, cô quạnh. Ở lớp sương dâng lên từ sông Hương phủ vào các pho tượng. Con ngựa thui chột mắt mà trong *Dựa lưng nổi chết*, Phan Nhật Nam kể chuyện người lính trẻ lấy súng M-16 bắn vỏ chai bia đặt trên đầu con ngựa. Viên đạn trệch, làm chột mắt. Tôi ngồi ở lăng Gia Long, nhớ Phan Nhật Nam vô cùng. Tôi theo anh bao ngày, từ khi còn học trường Lasan, qua đến sau «giải phóng», đọc chui những trang sách, những thước đất, những thước lộ anh và bạn bè anh đi qua. 35 ký lô quân trang, quân dụng, mùng mền, nón sắt, botte de saut, 6 trái lựu đạn, súng phóng hỏa tiễn M-72, và cả tâm tư của tuổi trẻ trong *Những ngày dài trên quê hương*, phải lội xuống sông, xuống ruộng, cố giữ đừng cho chìm, đừng ướt súng để có thể chết lát nữa trong tư thế người lính, lính Cộng hòa, để tôi có thể tiếp tục tuổi hoa niên trong yên ấm. Tôi nhớ đại úy Hồ, đại úy Thừa mà Phan Nhật Nam kể đã cùng ngồi uống bia không đá ven sông Hương, trên sườn đồi nhìn xuống lòng sông lam đục mờ sương khói. Hai ông Thừa, Hồ «nghỉ phép» vĩnh viễn, chết không kịp trần trời. Phan Nhật Nam cho tôi rất nhiều, ý thức quốc gia và cả sự kiêu hãnh Cộng hòa, không có anh, tôi sẽ thất lạc.

Tôi ngồi cạnh Hoàng Phủ. Ông kể chuyện: Cả hai lần làm lễ tưởng niệm 30 tháng 4 ở Quảng Trị, lập đàn tế liệt sĩ, mà mình tham dự, cả hai lần đều không thành vì gió lớn thổi lên, thổi sập hết cả cờ quạt, cả hình chủ tịch... Hiện tượng này ngày xưa đã có, vì vậy thơ xưa mới có câu «Hồn tử sĩ, gió ú ù thổi» ...tức là vong những người lính bên kia về, và họ không bằng lòng. Cả hai lần mình đều tận mắt chứng kiến. Hoàng Phủ kể. Đêm trong ngôi nhà ở Phủ Cam, chúng tôi cùng ngậm ngùi. Tôi muốn nói với ông thật nhiều nhưng rồi lại thôi. Mà không thể. Chúng tôi quá khác nhau. Khác đến mức, ông kể «vong những người lính bên kia» mà lỗi tai tôi nghe thành «vong lính mình không bằng lòng.»

Khác. Giống như ban sáng, khi Hoàng Phủ trở cửa vòm hông của cổng vào Hoàng thành, lỗi cho voi vào, ông kể: «Tết Mậu Thân, em mình, Hoàng Phủ Ngọc Phan và biệt động nội thành trú bom dưới vòm nì...» Tôi im lặng, vì không thể góp chuyện, vì đang nghĩ đến tiểu đoàn 9 Nhảy dù của Phan Nhật Nam bị phục kích tan nát ở cửa Thượng Tứ mà vẫn phá được chốt. Vì đang nghĩ đến những người lính của Sư đoàn 1 Bộ binh đang cố gắng chống trả ở Mang Cá, ở sân bay Tây Lộc, ở cửa An Hòa. Nghĩ đến những người lính quân cụ của đại đội 811 Quân Cụ bị bắn chết trong trại Lê Lai và những người lính địa phương quân chết ở cầu Bạch Hổ, vì cố giữ cầu... Sao chúng tôi khác nhau đến vậy. Ông không biết là tôi nhớ Huế bằng ký ức của người khác. Trong đó có ông. Nhưng tôi không nhớ *Ngôi sao trên đỉnh Phú Văn Lâu* mà nhớ *Ai đã đặt tên cho dòng sông*.

Chắc ông không biết tôi khác. Chúng tôi vẫn uống bia, vẫn uống đế Kim Long, đế Làng Truồi. Ánh mắt ông dành cho tôi nhiều cảm mến. Ngày ông bán thân bất toại, tôi về thăm, ông vui. Nhìn bàn tay ông quắp lại chưa cầm được bút, tôi biết ông buồn. Một người viết tùy bút, mà không viết được nữa, lấy gì trút hồn? Khi chưa liệt, ông hay kể cho tôi nghe về di tích lịch sử Huế. Còn tôi kể cho ông nghe chuyện Tây. Nhưng giữa những câu chuyện, giữa hai cái Huế bây giờ và Pháp bây giờ, là một khoảng trống. Trống rỗng. Không tiếng động, không tâm sự. Chúng tôi không nói về nội chiến Nam-Bắc. Tôi chưa kịp tham chiến, ông đã tham dự. Một cách lý trí, tôi từ chối bút ký *Chế ngự cát*. Một cách bản năng, tôi thích nhìn ông khề khà, kể gặp Jane Fonda xinh xắn. Nhưng mỗi khi tôi ngồi cạnh ông, lý trí và tình cảm đánh nhau liên tục, lần nào tình cảm cũng thắng. Chiến thắng này là của ông.

«Lối đi nhỏ lẫn trong đám hàng rào lá chè xanh dày kín. Dọc trên đường về sân bay Tây Lộc, hào bên phải bay ngát hương sen. Mùa hè đẹp nhất xứ Huế, mùa của đêm trăng nhỏ giọt qua cành lá... Qua một quán nước, ánh nến vàng mịt, cô gái bán hàng rạng rỡ giữa một đám lính

trẻ, Quán Lưu Khách...» Khi Hoàng Phủ đến nhà khách, đón tôi ra Phú Bài, những dòng chữ xưa của Phan Nhật Nam như còn chảy qua mình. Chúng tôi chạy dọc sông Hương. Tôi đưa mắt tìm Quán Lưu Khách, đưa mắt tìm những hạt cườm đỏ chấm đen mà Phan Nhật Nam cúi nhặt ngày xưa. Xe qua trường Quốc học gạch son, tôi ngắm bầy chim phụng chạm nổi lộng lẫy trên bức bình phong to vẽ hoa văn sát bờ sông. Tôi nhớ màu hỏa hoàng rực rỡ trong truyện ngắn G. của Võ Đình. Có lẽ là màu chim phụng Huế. Tôi ngắm các nữ sinh Huế, nhớ Tương Giang, Hoa Trang, Dung Nghi của Nhã Ca, những thiếu nữ yêu rất vội, và ngắm cầu Tràng Tiền lần cuối. Tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến của Cao Xuân Huy không còn ở đó, chắc đã ra Cửa Việt hay rút về Thuận An. Tôi nhớ mái tóc bạc của Trần Vàng Sao, nhớ cây đa trắng trong vườn nhà ông, thỏm sâu trong thôn Vỹ Dạ. Tôi bắt đầu có ký ức. Sân bay Phú Bài cam tuyền. Hoàng Phủ vẫy tay. Cuộc chia tay nào cũng bịn rịn. Tôi chỉ kịp nói với ông: Sông Hương giống sông Nil ở Ai Cập, cùng nhịp chảy chậm, một bên lắng tằm đèn đài và một bên khách sạn, cùng ru giấc ngủ những vì vua... Tôi chỉ kịp nói ngần ấy, và chia tay.

Những ngày ở Huế, tôi đem theo quyển tiểu thuyết *Chuyến xe lửa đến đúng giờ* của Heinrich Böll. Buổi tối ở nhà khách Lê Lợi, tôi đọc sách tìm giấc ngủ, theo thói quen. Nhưng càng đọc, càng cảm thấy kỳ lạ, giống Heinrich Böll viết cho Phan Nhật Nam và Hoàng Phủ Ngọc Tường. Nhân vật chính, Andreas, binh sĩ quân đội Đức, về phép nhưng rồi hết phép phải đón chuyến xe lửa ra đơn vị trên mặt trận Nga. Andreas tìm đủ cách để trốn, nhưng đến thành phố nào chuyến xe lửa ấy cũng chờ sẵn trên sân ga. Nhảy tàu, bỏ ngũ, thậm chí lấy một cô gái vừa quen biết, hòng xin thêm ít phép, tìm cách hoãn, Andreas vẫn bị bắt lại, vẫn bị dẫn ra sân ga và trông thấy chuyến xe lửa túc trực. Anh hiểu ra có hẹn với Thần Chiến tranh. Không thể chạy, không thể trốn. Tuổi trẻ của nước Đức không thể thoát chiến tranh vì chiến tranh là định mệnh khốc liệt mà dân tộc này phải gánh, vì đã đi tìm. Tôi chưa kịp kể cho Hoàng Phủ về *Chuyến xe lửa đến đúng giờ*, chưa kịp nói với ông: Hoàng Phủ và Phan Nhật Nam là Andreas. Lưng trần là khoáng thân đẹp nhất của phụ nữ. Còn lưng đàn ông? Lưng đàn ông thường mang vết chém của người khác. Đôi khi do tự mình chém lấy. Lưng đàn ông Huế mang đầy thương tích của nội chiến. Còn lưng tôi? Viết ký, là trực xuất linh hồn. Nhưng tôi chỉ dám trực xuất dè sẻn. Giống vén áo, phơi một khoảng lưng và viết trên da lưng này. Lưng trần là vậy. Võ Đình chết ngày 31 tháng 5, ông đã về Huế.

Paris 31 tháng 7-2009



Trần Vũ 1996

## Pháo thuyền trên dòng Yang-Tsé

Một hôm, Toàn bất ngờ đến từ sau lưng, phủ một làn vải đen trùm xuống đầu tôi và nói :

- Nhiều khi người ta có thể nhìn xuyên qua màn đen.

Câu nói lửng lơ và Toàn rời ra. Tôi quay lại, trông thấy làn vải đen lúc nãy đang vung vẩy lên xuống trong tay Toàn, gần như một điệu múa

- Cái gì không trông thấy mới thật kích thích.

Toàn lại nói, vẫn lửng lơ không rõ nghĩa. Mẩu vải đen cứ phát phơ, lùng phùng từng lúc tung xòe ra như cái nan quạt, khi chấp chới tựa một cánh dơi chấp chới rồi rũ xuống như một mình rắn. Loài rắn hổ. Có ý nghĩ cực mạnh chạy qua đầu tôi, là Toàn là một con rắn hổ chỉ chực mổ



vào người mình, nhưng Toàn đã bước tới, phe phẩy mẩu vải như một tay matador thiện nghệ. Toàn xếp hẳn mẩu vải thành một giải băng và dùng nó để bịt mắt tôi.

- Chị trông thấy gì không ?

Khuôn mặt Toàn xấp gần đến nỗi thổi phà từng con hơi thở nóng hực vào má tôi.

- Không thấy gì hết.

Tôi trả lời.

Toàn xiết thật mạnh băng vải rồi lại hỏi.

- Đã thấy gì chưa?

Tôi vẫn lắc đầu. Lần này Toàn xiết chặt hơn nữa làm tôi bỗng rớt ở mắt.

- Người ta chỉ chịu khó suy nghĩ khi đau đớn.

Toàn nói với hai bàn tay ghệt chặt với hai đầu vải, không trông thấy nhưng tôi hình dung ra bắp tay Toàn nổi lên gân guốc và mồ hôi ở cổ tay nó chạm vào mặt tôi rườn rướt, nhóp nhòn.

Băng vải căng cứng đến đau hai bên thái dương. Tôi quát :

- Đủ rồi.

Tiếng thét của tôi, trong một giây, bức phá khoảng không khí nặng nề hơi ẩm của căn phòng.

Toàn bỏ đi, tôi loay hoay gỡ dây vải. Mảnh vải đen rơi xuống, thông thượt, nằm chết như cái xác rấn vất vẻo lên thành phố. Tôi còn nhúc ở mắt, Toàn đã ra góc nhà ngồi dạo bản đàn mà nó ưa thích. Tiếng đàn đại vĩ cầm trầm trầm, từng điệu, từng thanh, từng nhịp, từng cung, lên bổng rồi lại trầm trầm liên tục gần như bút rứt.

Toàn ngồi hơi cúi, liếc nhìn tôi bằng đôi mắt vô hình. Cánh tay mặt của Toàn mãi miết kéo mã vĩ, tay trái ôm lấy thùng đàn như một người đàn ông say mê ôm một người đàn bà. Năm ngón tay Toàn bấm xuống dây đàn, nhấc lên, rồi lại miết xuống. Thanh mã vĩ đưa tới, kéo lui, đưa tới, rồi lại kéo lui. Tiếng đàn cò cựa phùng phùng không đều luyện, giống tiếng một lưỡi cựa cùn trên dây thép chùng nhão. Thứ âm thanh chùng nhão bỏ trườn, lê lét, oằn oại lẩn dần trong phòng, nuốt từ cái bàn ăn qua tủ sách đến tận chỗ tôi.

- Đủ rồi !

Tôi quát lên lần nữa, không chịu nổi sự lì lợm tai quái ở dáng nhìn trừng trừng nhưng vô hình dạng của nó, Tiếng đàn đột ngột dứt quãng. Thanh mã vĩ rời ra và cái thùng đàn tròn lẩn đầy đủ hình dạng một người đàn bà thô nhúc nhích. Toàn cất tiếng:

- Cầm đàn hay cầm nhìn chị ?

- Cả hai.

- Đúng rồi, cả hai đều là gỗ đá vô tri.

Toàn cười sặc lên, đứng dậy biến mất vào buồng riêng.

Tôi còn lại một mình, sợ.

Từ lâu Toàn đã sống trong sự bất thường của thế giới màu đen vây lấy nó, nhưng buổi tối nay, sự bất thường đó đã trở thành nghiêm trọng. Nghiêm trọng hơn nữa là tôi hiểu căn do của sự bất thường ấy. Tôi quẹt tay lên má, chùi giọt mồ hôi nhòn nhòn lúc nãy như đã bám sâu vào da. Khi tôi trở vào buồng ngủ, những tiếng động của Toàn từ buồng bên vọng sang kêu lịch kịch. Tôi kéo chăn trùm kín đầu, trốn thứ tiếng động giã giũa của một thân mình dằn vặt cô đơn. Nhưng dưới lớp chăn, trong bóng tối bao trùm, tôi lại bắt gặp cái màu đen mà Toàn đã muốn tôi đối diện, nhìn và trông thấy.

\*

Ngày đến, tôi thức giấc muộn, bản thân vì cả đêm không nhắm mắt. Tôi nhớ đã nhìn thao láo suốt đêm vào tấm màn đen căng cứng, trong tư thế nằm ngửa với hai tay ôm lấy đầu trốn tránh. Buổi sáng chủ nhật xác xơ, hình ảnh Toàn hẳn lên bên hông cửa sổ. Những tàn cây bên ngoài gầy guộc trơ xương, như đang đưa những cánh tay khăng khiu lên trời van xin thượng đế một ân phước. Tôi đến bàn ăn lấy phần ăn sáng của mình, một ly cà phê đen với một viên

đường vỡ duy nhất. Toàn là người lo điểm tâm trong nhà, mỗi buổi sáng nó đặt bên tách cà phê của tôi một viên đường vỡ, và tôi hiểu.

- Chị nói sang đây sẽ không bỏ Toàn, chỉ sống cho Toàn và một mình Toàn. Nhớ không ?  
Toàn nói, khi nhận ra tôi đã hiện diện trong phòng.

- Chị nhớ.

Tôi đáp.

Nghe tôi nói “Chị nhớ”, Toàn đứng phắt dậy.

- Nhớ sao không làm ? Ai hy sinh cho chị ?

- Toàn hy sinh cho chị.

Tôi trả lời, lặp lại, không dám ngừng lên. Toàn bước đến chậm chạp, như hôm qua, từ sau lưng lừa bàn tay bịt lấy mắt tôi.

- Đừng !

Tôi cố gỡ tay Toàn với tách cà phê đang cầm, mười ngón tay Toàn đè mắt tôi đen tối. Hơi thở Toàn sau tóc chậm, nặng, đứt quãng.

- Đừng, cho chị xin ...

Mười ngón tay Toàn nói lỏng dần dần, ôm lấy thái dương, ve vuốt lấy má, lần xuống cầm rồi đưa với ngón cổ. Tôi rùng mình, hai bàn tay Toàn như hai gong kèm kẹp cứng, không buông.

Toàn tiếp tục động tác mạnh bạo, khi mơn trớn cho đến lúc tôi nổi gai phải hất tay nó ra.

- Thôi đủ rồi.

- “Đủ rồi”. Lúc nào cũng đủ rồi.

Toàn day tôi lại, lấy ngón tay trở lần theo sóng mũi tôi xuống môi, và ngừng ở môi. Tôi thấy mình như rụng bộ và đáp ứng tất cả những trò chơi của Toàn. Để làm gì ? Để Toàn đừng tuyệt vọng đi đến tự hủy ?

- Chị biết hôn không ?

Khuôn mặt Toàn bắt ngờ rơi xà xuống, vết thẹo ăn sâu giữa môi hiện ra sâu hoắm. Tôi hốt hoảng chống hai tay đỡ lấy ngực Toàn, tách cà phê đổ xuống ghé bành ầm ướt. Hai bàn tay Toàn đã chụp vội, nâng khuôn mặt tôi lên hôn.

- Chị xem phim thấy người ta hôn nhau thì phải biết hôn.

- Đủ rồi !

Cặp môi mang vết sẹo trờ tới, tôi nghiêng mặt tránh nên đôi môi Toàn rơi vào má, gai gai, cảm giác vừa mềm, vừa khô, vừa ướt. Cặp môi Toàn ở trên da mặt tôi, đầu Toàn gục trong khoảng cổ không chịu rời đi. Tôi thôi chống trả, để nguyên thân người ướt cà phê, vươn hai tay ôm lấy khuôn mặt đó. Tôi không thấy ghê sợ sự tiếp xúc của da thịt mình với cái khuôn mặt lồi lõm những chỗ thịt phồng trồi trũng không liền da. Tôi chỉ thấy thương Toàn.

- Đủ rồi, đi đánh đàn đi.

Toàn nhìn tôi lạnh lùng như tất cả bao lần tôi cự tuyệt, nhưng tia nhìn vô hình đã dịu đi. Tiếng đại vĩ cầm vọng lên, cũng giống hôm qua, trầm trầm không điều luyện và thất vọng. Toàn nghe thấy gì trong điệu nhạc dạo mãi từ ngày này qua tháng khác ? Tôi không biết, nhưng tôi đã rõ cái hình ảnh mà Toàn muốn tôi trông thấy trong tấm màn đen.

- Toàn phải có một người bạn gái.

Tôi nói, lúc Toàn không ngờ nhất, đang cầm cúi với cây mã vĩ. Tiếng đàn vụt im, nhường cho ánh mắt nhìn không có hình dạng, hướng về chỗ tôi không mấy chính xác.

- Chị nói gì ?

- Toàn phải có bạn gái.

- Ai dám yêu thằng này ?

- Chị sẽ tìm cho Toàn.

Toàn im lặng một lúc rồi đứng lên mở cửa sổ. Hơi gió lạnh ulla vào, hai lớp màn cửa thổi tốc lên, rơi xuống rồi lại rung động dập dình như đôi cánh bướm bị nghẽn. Toàn quay lại, cố tình hướng mặt nhìn ra cửa, cho ánh sáng soi rõ những vết sẹo chẳng chịt ngang dọc trên khuôn

mặt. Những vết sẹo mà tôi đã chứng kiến, đã thấy chúng bầm dập vì khâu dối, đã thấy chúng chai nám vì nắng hải đảo cháy lửa. Khuôn mặt đầy sẹo của Toàn kỳ dị kinh khủng dưới ánh sáng ngày.

- Chị nhìn kỹ tôi, ai yêu được khuôn mặt này. Bộ chị tưởng Toàn không biết mặt mũi mình như thế nào hay sao ? Chỉ cần sờ vào là biết !

Toàn đưa mười ngón tay lên sờ nắn lớp da tật nguyên, đột nhiên những móng tay cong lại cào mạnh như muốn lột tróc cái hình thù kinh tởm.

- Đừng, Toàn !

Tôi hét lên, chạy tới, giằng lấy những đầu móng đang cào cấu trầy trụa khuôn mặt nó. Thân hình Toàn giật lên, cả tấm lưng co giật vùng vẫy muốn chạy trốn. Toàn cất tiếng hú đau đớn, tôi ghì cứng lấy Toàn, áp mặt nó vào mặt tôi, vít lấy đầu, xoa xoa lớp da sần xùi, hôn vào từng chỗ sẹo vỡ về, an ủi.

- Đừng bao giờ làm vậy nữa nghe Toàn, đừng bao giờ, nghe chị, đừng bao giờ...

- Chị đâu có yêu Toàn.

- Chị không thể, chị không có quyền...

Toàn ôm lấy tôi, vòng hai tay ôm lấy lưng tôi. Đợi cho tất cả người ngoại, bình tĩnh, tôi gỡ tay Toàn, nói trong hơi thở kiệt sức.

- Chị sẽ tìm cho Toàn một người bạn gái, chị hứa, chị hứa ...

Toàn bỏ ra ngồi ở bàn ăn, cầm lấy cuốn sách cố quên sự xúc động quá mạnh vừa qua. Ngón tay Toàn sờ soạng những mặt chữ nổi, lần từng mẫu tự, cố tìm một ý nghĩa trên trang giấy. Cái hình dáng Toàn ngồi chịu đựng, mệt nhọc đè lên tôi. Không có gì đau đớn bằng phải chứng kiến một đời sống thân thuộc chết dần mòn, thoi thóp ở bên trong. Những khuôn mặt của chúng bạn gái lần lượt lướt qua, những dấu hỏi, phân vân, xét đoán, do dự, sợ hãi lẫn lộn không thành hình thể. Joelle, Kate, Florence, Isabelle ? Ai cũng được, nhưng không thể là tôi, nhất định không thể là tôi.

\*

Kate vào nhà, cởi áo dạ rồi mới tháo mũ. Mớ tóc đỏ tuôn ra từ chiếc nón nỉ rơi xuống thân áo đầm len có đính một hàng khuy nút. Kate nói để cô ta tự nhiên, rồi ngồi xuống sofa. Cô ta đưa mắt nhìn quanh quất, tôi biết Kate kiếm ai.

- Kate uống chút rượu ?

Tôi hỏi vì Kate ít khi uống rượu. Quả nhiên cô ta lắc đầu, nhưng tôi mời thêm lần nữa, cố tình nài ép và Kate nhận lời. Tôi rót Vodka vào ly thủy tinh trao cho Kate. Tôi nhìn đắm đắm vào chất lỏng trong suốt lúc cô ta đưa lên môi uống, như thể tôi mong đó là phương thuốc nhiệm màu làm tăng can đảm cho Kate.

- Trời lạnh uống rượu nhiều khi cũng thú.

Kate đặt ly xuống bàn, xoa hai tay vào nhau để chịu. Kate còn trẻ, trạc tuổi Toàn, hiền lành và biết suy nghĩ. Nhìn cô ta thoải mái, không có vẻ bồn chồn, tôi cảm thấy yên tâm. Tôi đã nói với Kate về Toàn, là Toàn gặp một tai nạn, phải sống cô độc nên rất buồn. Nếu Kate có thể đến chơi với Toàn vào cuối tuần...

Kate chuyện trò vu vơ với tôi về đời sống, hỏi có phải Toàn thích chơi đàn và đọc sách ? Nhà có tủ sách lớn quá. Tôi trả lời là Toàn say mê vĩ cầm, còn tủ sách là của tôi vì Toàn chỉ đọc được một ít sách đặc biệt dành riêng cho những người như Toàn. Kate ngạc nhiên hỏi tại sao, tôi cố giải thích cho cô ta hiểu rằng Toàn rất yếu thị giác, bị thương ở mắt. Tôi muốn chuẩn bị cho Kate nhiều hơn nữa, nhưng cô ta có vẻ tự tin và nói tôi không phải lo.

- Kate hiểu, Kate đã gặp những trường hợp như vậy. Chị đừng ngại, Kate tin mình sẽ trở thành bạn thân của Toàn.

Kate nắm tay tôi trấn an, khuôn mặt cô ta vẫn bình thường và điềm tĩnh.

- Kate đã gặp nhiều người thanh niên, Kate biết xử sự, Kate sẽ không để chị buồn. Chị cho Kate gặp Toàn đi.

Khi ấy tiếng đại vĩ cầm của Toàn từ buồng trong trỗi lên. Tôi thấy mặt Kate có hơi thay đổi. Tôi hiểu vì sao, tiếng đàn chùng nhão, rã rời gần như bệnh hoạn của Toàn, đối với tôi dù đã quen thuộc nhưng mỗi khi tấu lên vẫn mang một thứ âm thanh lạnh lẽo kỳ quặc. Song Kate đã đứng lên, nói cho cô ta vào gặp Toàn. Tôi đưa Kate đến trước cửa buồng Toàn, gõ tay nói có khách. Toàn không trả lời, tiếng đàn vẫn cò cưa ở một điệu duy nhất. Tôi và Kate đẩy cửa vào, Toàn đang ngồi quay lưng, hai vai rung rung với thân đàn và thanh mã vĩ kéo qua lại. Tôi nghe Kate nói chào Toàn, cô ta bước hẳn vào buồng. Toàn dấu mặt mãi miết kéo mã vĩ như không nghe thấy gì hết. Tôi nhìn Kate đứng sau lưng Toàn, với tiếng đại vĩ cầm xoáy tròn trong buồng. Tự nhiên tôi hối tiếc đã đưa Kate tới đây, thấy giận hờn ghen tuông trong lòng. ý nghĩ sắp mất Toàn làm tôi hơi buồn, dù biết mâu thuẫn. Kate vừa đặt tay lên vai Toàn.

Những gì xảy ra kế tiếp ngoài dự đoán của tôi, của Toàn, của Kate. Lúc Toàn quay đầu lại, khuôn mặt từ từ quay sang phơi bày những thớ thịt nhăn nheo, trồi trũng ghê tởm với hai lỗ hổng ở mắt, một nửa cánh mũi không còn hình thể, và một rãnh theo chạy từ nhân trung ngang môi xuống quá cằm, thì Kate vụt rú lên. Khuôn mặt Kate khiếp hãi, sự điềm tĩnh biến thành kinh hoàng tột độ. Thứ tiếng rú của một người đàn bà sợ hãi quá mức làm rũ liệt cả chân tay tôi, rồi Kate bỏ chạy. Cô ta vừa chạy vừa la hét gọi cầu cứu. Lúc Kate đã chạy ra khỏi nhà, những tiếng hú ác quỷ, quái vật hãy còn rớt lại trong hành lang, cây đại vĩ cầm ngã xấp trên đất và tôi thấy từ hai hố mắt Toàn những giọt nước mắt ứa ra. Ở khối thịt ngày xưa là mặt mũi Toàn, toát ra vẻ đau đớn, tủi hổ. Những giọt nước tủi hổ lăn từng hột xuống bờ môi run run hằn theo. Toàn khóc không có tiếng, nhưng tôi thì bật khóc nức nở. Tôi ôm lấy Toàn, ghì xiết lấy mặt mũi tóc tai nó. Nước mắt tôi hòa vào những giọt nước ở hố mắt Toàn.  
- Không ai có thể yêu Toàn, làm bạn gái của Toàn.

Toàn nói với tiếng rên đau đớn, tôi bịt môi nó nói tôi yêu Toàn, sẽ làm bạn gái của Toàn. Tôi nói tôi sẽ làm tất cả những gì Toàn muốn, để Toàn không cô đơn, để Toàn được sống bình thường như tất cả mọi người thanh niên. Tôi chấp nhận hết, chấp nhận tất cả. Toàn hỏi tại sao tôi tiếc, tại sao gìn giữ với Toàn. Tôi nói tôi không tiếc với Toàn nữa đâu, người ta cưỡng bức tôi trên biển, tôi còn gì để gìn giữ.

Hai chúng tôi ôm nhau trên thảm. Toàn úp mặt vào tóc tôi khóc thảm lặng. Tôi vỗ về trên lưng Toàn như ngày xưa, dạo nào tôi thường vỗ về nó. Cách đây đã lâu lắm. Những hình ảnh cũ, những thương yêu máu mủ của quá khứ hiện về, những kỷ niệm dịu dàng khiến tôi nghĩ tôi và Toàn là một. Tôi và Toàn đã thuộc về nhau từ dòng máu, đâu có khác biệt gì nếu tôi thuộc về Toàn hôm nay, lấy máu của hai chúng tôi trộn lại. Tôi không muốn thuộc về một người đàn ông nào khác nữa. Tất cả đàn ông làm tôi ghê sợ, trừ Toàn. Hai chúng tôi nhìn những đám mây trôi tịch tịch lặng lẽ qua ô cửa sổ. Tôi tả cho Toàn nghe màu sắc của những cụm mây, của đường chân trời đuối lịm ngoài xa. Toàn không trông thấy và tôi bù đắp cho Toàn những thiếu sót của thân thể. Hai chúng tôi chia sẻ cái màn tối vây bọc lấy nhau. Nụ hôn của Toàn dài thăm thẳm như chiều sâu của bóng tối. Sau nụ hôn đó, tôi biết chúng tôi không còn thuộc về thế giới luân lý của loài người.

\*

Hôm đầu tiên, hai chúng tôi ăn cơm trong yên lặng. Toàn ngồi đối diện tôi, đầu hơi cúi, chăm chú nhìn bát cơm. Chỉ có tiếng những hạt mưa rơi vỡ rả rích và ánh đèn trần vụn nhỏ, buồng thứ ánh sáng loãng giãng lên bàn. Tôi nhìn ánh điện vỡ li ti trên da mặt Toàn, cố nghĩ đó không phải là những ngấn sọc mà là thứ ánh sáng trở hoa màu vàng. Toàn cầm cúi ăn với trận mưa mỗi lúc một lớn. Hai chúng tôi chờ nhau lên tiếng, nhưng rồi chỉ một bàn tay Toàn trờ tới, trên khăn trải bàn nắm lấy tay tôi, những ngón tay mở rộng, xòe đan vào nhau, áp ủ xúc cảm

và nhục cảm cho nhau. Toàn vẫn cúi đầu yên lặng, nhưng nói với tôi rất nhiều bằng cách tiếp xúc ấy. Sau bữa cơm, Toàn đứng lên kéo tôi vào buồng.

Hai chúng tôi đứng gần nhau trong bóng tối, chỉ có ánh sáng của những hạt mưa, phản chiếu từ trụ đèn đường, hắt dội vào buồng điểm lẩn tẩn lấm tẩm từng hồi nhỏ lóng lánh trên thân thể Toàn. Tôi để yên cho Toàn cởi quần áo, bàn tay Toàn khéo léo, giống như tất cả người mù đều có đôi bàn tay tinh tường. Toàn gỡ từng khuy cúc, hôn vào từng chỗ da thịt tôi vừa thôi hết giam hãm. Đến lúc Toàn tháo làn áo lót, thì đột nhiên bên ngoài có tia chớp chói lòa, lóe đập vào buồng soi vữa một nửa khuôn mặt của Toàn.

Tôi vụt gai người bắt gặp trong thứ ánh sáng xanh điện, một thứ ánh thép sắc lạnh của từng nhát mác chém bổ xuống. Những thanh mã tấu bầm xuống, xối xả, liền tay, từng nhát, từng nhát man rợ lên mặt mũi Toàn. Tôi cũng thấy giữa ánh chớp của cơn giông những hình ảnh tất hiện, tất hiện đau đớn diên đại của thân xác chính mình. Tất cả những hình ảnh đó, gãy vụn, rách nát, hiện lên trên khuôn mặt xấn xùi của Toàn.  
- Đừng, ...

Tôi rụt người lại trong cơn sợ hãi.

Toàn nhận ra sự không tự nhiên, ôm lấy tôi cố truyền hơi nóng từ người nó sang. Toàn thì thầm bên tai tôi những câu nói yêu đương vô bờ bến nhất.

- Toàn yêu chị vô vàn, Toàn không hối hận gì hết. Đừng nhìn mặt Toàn, sẽ làm chị sợ.

Toàn bảo tôi quay lưng lại, nói đừng sợ, đừng nhớ, đừng nghĩ gì hết, sống cho hai chị em thôi.

Tôi gật đầu, tôi sẽ không nhớ ... Toàn bước tới, ôm tôi vào lòng, áp thân mình vào lưng tôi. Tiếng của những giọt mưa bắn lách tách trên mặt kính, tiếng Toàn nói thật nhỏ rằng Toàn muốn yêu tôi từ sau lưng, tiếng của chính tôi đáp lại là tôi cần Toàn và cho Toàn hết. Bây giờ trong nhà chỉ có hai chúng tôi với một tình yêu cật ruột.

Khi Toàn lấy băng vải đen hôm nọ buộc quanh mắt tôi, hơi ấm từ người Toàn cũng đã truyền hẳn sang tôi. Sức nóng tỏa lan, cuộn cuộn và tôi trông thấy xuyên qua tấm màn đen những hình ảnh thật rõ nét. Hai chúng tôi lỏa thể nhập vào làm một, hai cánh tay Toàn ôm vòng quanh bụng tôi, một đôi môi hôn tôi ở cổ, lẩn xuống vai và cắn vào lưng. Một cảm giác chặm, rạt rào tình thương, từ sâu kín dâng lên dần. Những đau đớn từ vết thương ở quá khứ tan vào niềm sung sướng không ngờ, nhịp nhàng ở mỗi cử động của Toàn thật trọng, nhẹ nhàng, từng chút, từng chút, cho từng yêu thương máu mủ.

Tôi và Toàn yêu nhau trong bóng tối, gượng nhẹ, xoa dịu, giúp đỡ lẫn nhau xóa nhòa một vết thương không may mắn của cuộc đời. Rồi Toàn bồng tôi lên giường, rồi tôi úp mặt vào ngực Toàn khóc nức nở vì sung sướng, đã bù đắp, giải thoát được cho nhau. Những giọt nước mắt nhiều xuống chan hòa ngực Toàn nồng ấm. Rồi Toàn mơn man những sợi lông măng ở cằm tôi, hỏi tôi có yêu Toàn, có hạnh phúc hay là hối tiếc? Tôi trả lời là tôi yêu Toàn, rất hạnh phúc và không hối tiếc. Có thể tôi đang phạm tội, nhưng ai hiểu cho rằng một giọt máu đào hơn ao nước lã, và tôi cần giọt máu đào của Tòa biết chừng nào.

Trăng lên, cơn mưa tạnh. Hai chúng tôi nằm kề nhau lắng nghe im ắng của đêm hoang vu như thuở loài người còn tiền sử. Thời hồng hoang, trong gia tộc chị em vẫn thường lấy nhau, tôi và Toàn chỉ lập lại cách sống của loài người ban sơ. Đêm thanh vắng chờ chờ cho chúng tôi, không có con mắt của người ngoài, không có luân lý của cuộc đời, không có chi hết, chỉ có chị em chúng tôi yêu nhau.

\*

Những ngày sau đó, những ngày tôi và Toàn chung sống với nhau thật tuyệt diệu. Tôi là chị, là

người yêu, vợ của Toàn. Toàn là em, là người tình, là chồng tôi. Thật tuyệt diệu khi tất cả những tình cảm ấy gộp lại làm một, thứ tình thương duy nhất gọi là tình yêu. Tôi không thể xa Toàn, những giờ làm việc trong hãng trở nên ray rứt nhớ nhung. Những phút hấp tấp bước như chạy vào nhà để bồi hồi lịm người trong tay nhau. Những nụ hôn trao vội vàng, những ghi xiết hối hả ... Đêm nằm bên gối Toàn thường nhắc lại những kỷ niệm cũ.

- Chị còn nhớ những buổi chiều mình đi dạo ở bãi sau ? Toàn nhớ mãi chiếc áo tím của chị in trên nền cát vàng chạy dài đến chân núi. Tóc chị lúc đó còn dài chấm lưng, gió biển thổi phát bay theo từng gợn mây trắng. Toàn yêu chị từ lúc đó, chị biết không ?

Chị biết không ? Toàn úp mặt vào tóc tôi thì thơm, sống mũi Toàn cọ dùa vào chân tóc. Những lúc ấy hai chúng tôi trở về với quá khứ, sống mũi Toàn hãy còn nguyên vẹn hình hài, chưa gầy nát, tôi hãy còn mái tóc thề con gái chưa tủi nhục. Toàn còn kể nhiều kỷ niệm khác, làm như đôi mắt mù lòa không trông thấy được hiện tại và tương lai của Toàn khi chỉ còn thấy những hình ảnh xưa cũ lúc trước.

- Chị nhớ bắt đầu trang điểm lúc nào không ? Buổi tối sinh nhật anh Thuấn, chị Niệm đem phấn tới đánh cho chị. Toàn núp ngoài cửa buồng lén nhìn vào chắc chị không biết ? Tối đó ba nhốt chị trong buồng cấm không cho đi, chị khóc suốt đêm làm Toàn cũng khóc theo, chị nhớ không ?

Chị nhớ không ? Tôi nhớ. Nhớ Toàn luôn leo đẹo theo sau vôi vỉnh, nhớ Toàn đeo lấy mình từng bước, không rời, không chịu ngủ giường riêng, giận hờn mỗi khi Thuấn đến đón đi chơi.

- Chị còn yêu anh Thuấn phải không ?

Toàn thường hỏi tôi câu đó đầy ghen tuông, hờn mát.

- Anh Thuấn hôn chị rồi phải không ? Nó đã làm gì chị ?

Nếu tôi gật đầu thì Toàn trở nên hung dữ, ân ái mạnh bạo, lấy móng tay cào sướt lưng tôi như để trả thù, để rồi sau đó khóc lóc xin lỗi. Nếu tôi lắc đầu quả quyết Thuấn chỉ là bạn, Toàn có vẻ bằng lòng, không muốn tôi thuộc về ai khác.

- Chị hứa đi, đừng lấy ai khác ngoài Toàn, hứa đi.

- Chị hứa.

Tôi hứa. Tôi biết mình không thể nào bỏ rơi Toàn, không thể nào sống xa nó. Chúng tôi nằm áp người vào nhau cho hơi nóng của cả hai trùn lên thân thể trốn mùa đông bên ngoài dày đặc cơn mưa tuyết. Những hạt tuyết rơi lất phất chạm vào mặt kính, đọng rồi tan, tan rồi đọng. Suốt mùa đông, tôi và Toàn giam kín trong nhà không đi đâu, xa lánh mọi người. Tôi sợ người ta khám phá cuộc tình của mình, tôi sợ tôi bỏ nó ra đi. Chúng tôi có thể ngủ vùi hàng giờ trong chăn ấm bên nhau. Giữa những cơn ân ái, khi trao thân cho Toàn, hai chữ loạn luân thường lớn vồn hiện trên trần nhà. Tôi rúc mặt vào ngực Toàn để không phải nhìn cái chữ loạn luân vô hình, nhưng rần rỏ đậm nét viết thật rõ ràng ở trần buồng. Băng vải đen bịt quanh mắt là phương cách tốt nhất để tôi không thấy nó. Có khi cuối tuần, suốt ngày tôi giữ nguyên giải băng đen quanh mắt chia sẻ thế giới không ánh sáng của Toàn. Chúng tôi chơi trốn tìm nhau trong nhà. Núp sau cánh cửa, trốn trong tủ quần áo, nín thở,... Toàn dạy tôi học những bài học vỡ lòng của người mù. Làm thế nào để di chuyển trong bóng tối ? Từ phòng khách xuống bếp mất bao nhiêu bước chân ? Từ bàn ăn đến đài truyền hình cách mấy sải tay ? Làm thế nào để biết thức ăn vừa chín tới ?

- Thì nếm thử !

Toàn cười ròn tan khi tôi hỏi nó điều đó.

- Chị muốn canh giờ giấc để biết ngày hay đêm thì phải tập kiểm soát cơn đói và sự bài tiết của cơ thể.

- Nhưng làm sao mặc đúng kiểu áo mình muốn ?

- Phải tập sờ nắn sợi vải, tằm vào mỗi kiểu quần áo một mùi nước hoa riêng...

Dần dà tôi bước vào thế giới bóng tối của Toàn một cách lý thú. Mỗi khi tôi vấp ngã, Toàn cười thành tiếng. Mỗi khi Toàn lấy lộn bột mì với bột bắp tôi cười chế nhạo. Những niềm tin vui nhỏ bé mà chỉ từ khi trở thành vợ chồng, tôi mới biết cảm thông chia sẻ với Toàn.

Chưa có bao giờ tôi hạnh phúc như vậy. Hạnh phúc được làm một người đàn bà bình thường, có cuộc sống lứa đôi, thứ hạnh phúc mà tôi tưởng đã mất từ sau tai nạn. Toàn đã chịu khó đến trường mù, chịu khó lãnh hàng từ trường tật nguyện về ráp nối ở nhà kiếm thêm tiền phụ tôi. Những đồng tiền rẻ mạt nhưng lại là niềm vui của chúng tôi. Toàn vui vì thấy hữu ích. Tôi vui vì Toàn đã bớt bất bình thường, chăm chỉ tập luyện vĩ cầm, gắng sức học tiếng Pháp với mặt chữ nổi. Toàn bỏ hút thuốc lá, bỏ uống rượu. Tôi cảm động vì thấy Toàn cố gắng trở thành một người chồng gương mẫu. Nhiều lúc Toàn ngược ngạt một cách trẻ con, cố ý phát âm chữ “Chị” thành “Chi”.

- Chi còn yêu Toàn không ?

- Còn, với một điều kiện phải gọi bằng chị.

- Sao không cho Toàn gọi bằng tên ?

- Chị yêu Toàn, và muốn được mãi mãi làm chị của Toàn, Toàn hiểu không ?

Toàn gật đầu, yên lặng để cho tôi vuốt ve những sợi tóc lòa xòa trước trán. Cũng có những buổi tối, sáng trăng, tôi và Toàn đi dạo bên ngoài. Mỗi khi ra đường, tôi luôn cố gắng ăn vận, trang điểm sao cho Toàn biết rằng tôi làm đẹp vì Toàn, để Toàn được hãnh diện đi bên tôi. Toàn rất nhạy cảm, đứng chờ tôi thay quần áo, rồi với vẻ trịnh trọng khen tôi đẹp với dáng vẻ say mê ngắm nghía. Những lúc ấy Toàn thật tội nghiệp, khi đưa ngón tay mơn qua môi tôi để đoán màu son, khi rờ nắn lớp vải để đoán kiểu áo.

- Đêm nay chị đẹp lắm, Toàn rất hài lòng.

Tôi muốn khóc khi đó, nhưng đè nén được cảm xúc, giữ cho buổi tối được trọn vẹn, thắt lại cà vạt cho Toàn, rồi hai chúng tôi bát phở. Thường thường Toàn nắm tay tôi cho vào túi áo dạ của Toàn, chúng tôi chọn những con đường thật vắng, ít người qua lại, để Toàn không phải nghe những lời xàm xì hay tiếng kêu sợ hãi của các đứa bé đi ngang. Chúng tôi có một quán ăn quen, gần nhà, tôi và Toàn chỉ dám đi ăn tối thứ hai là tối thưa khách nhất. Người chủ quán dành cho chúng tôi một bàn ăn khuất trong góc, có cấm đèn cây và một bông hồng.

- Chị đừng kêu những món đắt tiền, Toàn chỉ muốn ngồi đây với chị, thức ăn không quan trọng đâu.

Tôi và Toàn dùng bữa dưới ánh bạch lạp êm đềm, có nụ hồng nở dịu dàng và những chăm sóc ân cần của người chủ quán già.

- Ông bà dùng bữa có ngon miệng ?

- Vâng, tốt lắm.

Toàn mạnh dạn trả lời thay tôi. Nét mặt rạng rỡ, sung sướng. Suốt bữa ăn đôi chân chúng tôi quấn lấy nhau, không rời.

\*

Rồi mùa đông đi qua trong tình yêu lén lút của hai chúng tôi. Mùa xuân đến làm nẩy chồi những nụ non trên thân cây lặt trước đường. Những cành khảnh khiu tỏa vươn như đôi tay thiếu nữ kết vòng hoa trái. Từng đợt xanh nhú mình tìm sự sống. Tôi đã tưởng, trong nắng sáng dờn dợn, cuộc sống mình tái sinh cùng với thiên nhiên huyền nhiệm đó. Nhưng nào ngờ đột biến vùng thức dậy khi Toàn đòi hỏi tôi một đứa con.

Toàn nói nó chỉ tìm được cuộc sống bình thường nếu được chung sống với tôi như đôi vợ chồng đàng hoàng, sinh con để cái ...

Tôi sợ hãi từ chối. Ý tưởng có một đứa con với Toàn như mũi kim khều phọt giọt máu tội lỗi.

Nó chọc thủng tấm màn đen đui mù mà tôi che dấu sự loạn luân. Những đứa trẻ kết tinh từ huyết thống loạn luân ít khi bình thường. Tôi nói với Toàn làm sao ăn nói với gia đình, với bố mẹ, với họ hàng ? Không lẽ sống cô lập, trốn tránh gia tộc suốt đời ? Tôi sợ. Run rẩy khi nghe Toàn thì thầm muốn có một đứa bé.

- Đừng ! Đừng nghĩ đến chuyện đó, chị sợ lắm !

Tôi hốt hoảng, giọng Toàn rên rỉ khẩn nài, vòng tay ôm mạnh chắc, những ghì xiết ôm tròn xót xa.

- Cho Toàn một đứa bé, một đứa, một đứa thôi. Nó sẽ gọi mình là ba mẹ. Mình sẽ cho nó thật nhiều tình thương.

Toàn van lơn mỗi đêm, thúc hối, ám ảnh, quên mất khía cạnh loạn luân của tình yêu cả hai. Tôi đã phá bỏ lý trí để yêu Toàn, nhưng không đủ can đảm tạo hình ra tội lỗi. Rồi làm sao giải thích cho đứa con về mối quan hệ bố mẹ nó ?

- Không ! Chị không muốn ! Mình không phải là vợ chồng, hiểu cho chị, cho chị... Tôi khóc khi Toàn hôn vùi vào cổ.

- Nhưng Toàn muốn ! Toàn muốn !

Toàn hát đầu, hát đầu, những cái hát đầu ích kỷ, những giọt nước mắt của tôi mặn đắng và không lối thoát.

- Thương giùm chị, giùm chị ...

Nhưng Toàn không hiểu, không xem đó là lời năn nỉ của người chị đã đến ranh giới chót của tình thương em. Toàn cho đó là sự chống đối. Bắt đầu từ hôm đó Toàn thay đổi, trở về trạng thái lầm lì, hung bạo trước đây. Toàn biến dạng, từ từ, chậm chạp, đến dần cực điểm của hung dữ, đàn áp, sai khiến. Toàn cấm tôi uống thuốc ngừa thai, lục lọi khám phá từng chỗ dấu thuốc với một ý nghĩ duy nhất là bắt tôi có con. Ban đêm tôi không dám ngủ chung với Toàn. Ban ngày vùi đầu vào máy truyền hình để tránh trò chuyện. Tôi sống trong sự kháng cự, bị rình mò, chờ đợi sự tấn công.

Hôm đó, tôi ngồi trước máy truyền hình xem một cuốn phim quay lại. Những hình ảnh thoáng qua, rời rạc, hiện lên, biến mất. Tiếng vĩ cầm của Toàn đã từ lâu vọng lên trở lại cái điệp khúc chùng nhão, vô hồn, vô tính. Tiếng đàn cuốn từng vòng dây thép gai, xoáy từng chốt đinh ba chấu trong đầu tôi. Thứ âm thanh sắc nhọn, thủy tinh, cửa vào từng thớt thịt trong lúc trên màn ảnh là một chuyện phim đầy biến động. Tôi chỉ nhớ cuốn phim có cái tên lạ là Pháo Thuyền Trên Dòng Yang-Tsé, có Steve Mc Queen đóng. Chuyện một người thủy thủ phục vụ trên một chiến thuyền Hoa Kỳ nổi liền Hàn Châu và Hán Khẩu. Có những xáo trộn tâm tính con người thật dữ dội. Có những phản ứng bản năng bất thường. Tôi chỉ nhớ chừng ấy, còn bao nhiêu hình ảnh khác không phải là của cuốn phim mà là cảnh một bào thai để non đương sinh nở trong lòng người mẹ. Trên màn ảnh tôi thấy một bọc nước vỡ, một cuống nhau lòng thông, những mũi thuốc giục, những cơn rặn tím bầm thân thể, những tia máu phọt ra theo từng cái quẫy mình. Những tia máu cứ bắn ra, cái đầu hài nhi thậm thụt trôi ra thụt vào. Một kềm gấp, một máy hút, một da con toang hoác ! Và ở giữa cái dạ con toang hoác đồ lòm đó là cái đầu hài nhi mang khuôn mặt của Steve Mc Queen bậm môi trợn mắt khúc cuối đoạn phim bị bắn té ngồi lảo đảo gượng dậy bò bơi trườn lênh bênh trong túi nước. Ánh mắt người lính thủy lạc đi, thất thần khi thấy ở bụng mình một lỗ thủng máu huyết cứ trào ra, trào ra. Tôi nghe được câu nói của người lính sắp chết : mais bon sang! Qu'est ce qui m'est arrivé? J'étais encore chez moi hier! Đứa trẻ vùng vẫy. Mười ngón tay cào cào. Mười ngón chân giầy đạp. Bụng người mẹ rách bươm và tiếng đàn của Toàn cuồng loạn liên tục một điệu chà xát mãi miết trên dây thần kinh tôi căng cứng. Đầu tôi rối chằng với những hình ảnh xếp chồng trong thứ âm thanh ép chặt. Tôi không hiểu nổi câu nói sau cùng của người lính thủy bị bắn trên màn ảnh. Tôi muốn hiểu và muốn trông thấy khuôn mặt thật của hài nhi nhưng tiếng đàn đã đổ ào đứt ngang. Không còn là tiếng đàn nhưng là ly bẻ chai vỡ, cửa đóng máu ngừng, tim thoi đập phối trút hơi và dạ con khép chặt. Tòà đến đứng sau lưng im lìm.

- Cho Toàn một đứa bé.

- Không! Chị không thể!

Toàn không nghe tôi nói, hơi chiếc lưới lam xanh biếc ngời chiếu lên sát mặt tôi. Rồi Toàn vụt cắt mạnh dây đàn đứt phụt. Một. Toàn gằm gừ rồi hơi tiếp lưới lam lên cao trở lại, vung lên múa xuống. Toàn hoa ánh lam xanh ngời như khi múa làn vải đen chấp chới chấp chờn rờn rợn. Hình ảnh cái xác rắn chết thõng thượt hôm nào sống dậy, ngoằn ngoèo trườn trườn quán lấy yết hầu tôi lúc Toàn kẻ lưới lam vào cổ tôi gạch nhẹ. Máu chảy ứa ra bồng xót. Tôi căng người sợ hãi, hai tay chơi với tim sự chống đỡ.



- Dừng!

- Chị đâu yêu Toàn ?

- Chị thương Toàn.

- Không đúng! Thương sao không muốn có con với Toàn!

Toàn hét lên và cắt đứt thêm một sợi dây đàn. Hai rồi.

- Không! Dừng ép chị!

Tôi đẩy Toàn, xô hát bỏ chạy. Toàn rượt theo, tú sách bàn ăn ghé đầu đâm sầm vào người tôi ngã xấp té ngựa. Tôi đứng lên, té ngã, chấu cây níu chân, cửa buồng chấn lồi, hành lang dài thẳm. Phòng tắm, phòng tắm, chốt khóa, tên bố, tên mẹ, tôi hét gọi với tiếng động của Toàn đập phá.

- Trời ơi! Tha cho chị!

Toàn không nghe, phá cửa, chụp lấy tôi xé áo.

- Dừng! Buông chị!

Tôi ngã xuống sàn gạch. Toàn ngã đè lên người. Thằng này tật nguyên, lúc điên lúc tỉnh, phải chị sợ vậy không? Phải chị sợ vậy không? Nói! Toàn tát tôi, lột áo, hai bàn tay mạnh bạo, mười ngón tay hung dữ bẻ quặt tay tôi, bấp đùi đè ngang chân, hơi thở, tiếng la, men gạch lát tường, đèn trần, khăn tắm, thân thể trần truồng, nhể nhại, bả vai, bắp thịt, sức lực, môi cắn, tay cào, móng nhọn, mũi, mắt, ngón se, tinh trùng, bào thai, đứa bé, tôi hét gọi mẹ bị Toàn bịt miệng.

- Nói yêu Toàn! Nói muốn có con với Toàn! Nói! Nói!

Toàn hăm tôi tàn bạo trên mặt đất. Nói thèm muốn da thịt tôi thơm mát, thềm ngực tôi tròn trịa, đùi tôi tươi trắng, con chúng tôi kháu khỉnh. Toàn nói, nói thật nhiều không ngừng trong lúc tôi giãy giụa la khóc hét kêu van nài đau đớn.

Tôi nằm trần truồng trên đất. Phòng tắm tan hoang. Thần kinh xơ xác. Tôi nghĩ đến một điều gì đó mà không nghĩ ra. Một vài giọt máu đập ở môi trong mẩn mẩn. Từ đâu cuốn phim lúc này quay lại, chậm chạp mà rõ ràng. Tôi nằm đó xem lại cuộn phim trong trí nhớ. Cảnh người lính thủy xung đột với thủy thủ đoàn, ý niệm danh dự giằng co trong đầu viên thuyền trưởng.

Những người Trung hoa quá khích. Những pha bạo động. Người phụ máy bị tra tấn. Người nữ truyền giáo thơ ngây. Viên đạn bắn vào bụng Steve Mc Queen trở ra sau lưng, câu nói bình tĩnh trước khi chết. Câu nói? Người thủy thủ nói điều gì tôi không hiểu ? Giống xem phim câm không có tiếng...

Lâu lắm lúc tôi gượng dậy trời vẫn sáng tỏ. Toàn đang ngồi khóc ở bàn ăn. Tiếng khóc thút thít hiền lành. Tiếng khóc của Toàn thời thơ ấu. Cánh cửa sổ mở rộng, không có chút nắng nào. Tôi nhìn bầu trời, màu trời đục lờ lợ. Đột nhiên tôi nhớ lại tất cả, nhớ từng chi tiết thật kỹ càng. Nhớ từ lúc đặt chân xuống thuyền vượt biên gặp hải tặc cho đến lúc Toàn hăm tôi mới đây. Nhớ cả câu nói của người lính thủy bị bắn. Nhưng mà... Trời ơi! Chuyện gì đã xảy ra? Chúng tôi còn ở Vũng Tàu hôm qua kia mà! Tôi gục xuống, Toàn quay lại mặt đầy thẹn. Vết thẹn. Trời ơi, buổi sáng.

## Thượng nguyên bỏ hoang

Trời xé trưa, nắng gay gắt và vàng sậm. Tôi dựa lưng vào vách tường hoen ố phía sau, đổi cách ngồi cho đỡ mỏi. Những người chung quanh cũng vươn vai, đổi chỗ, và xê dịch sao cho thoải mái. Ba bốn tiếng đồng hồ chụp giật làm ai nấy thấm mệt. Lợi dụng lúc thưa khách, mọi người lui vào lè tìm chút bóng râm. Tôi kéo thấp chiếc nón lá che ánh nắng đang nung dòn trên mặt. Nắng từ mái tôn cũ tã tơi, rơi đổ lên đám người lầy lút lúp xúp dưới đất. Màu da mọi người bình thường xanh xám, lúc này pha trộn màu nắng thành màu vàng đặc biệt. Không

phải màu nghệ hay màu vàng lá mạ cổ điển mà là màu vàng úa gần tiếp với màu lá chuối, tựa tựa phân ngựa. Thứ màu ngày xưa tôi thường dùng để đánh lớp đầu tiên cho dày phong. Tôi biết mình cũng giống như những người ngồi đây, đang phát sinh cho xã hội một trường phái mới. Một trường phái thực tiễn sống mà ngoại kiều về nước ai trông thấy chúng tôi cũng đều liên tưởng đến những tranh tập thể, mang hình thù kỳ dị. Thật vậy, nhìn lũ chúng tôi thân thể tiều tụy, màu da vàng tái không ai không nghĩ đến những người mẫu trong tranh, cổ dài ngoằng và chân tay khẳng khiu. Tuy nhiên sáng hôm nay, những bức họa lập thể ấy đều tỏ vẻ hài lòng, ít hẳn học so với ngày hôm qua. Quả tình nếu hình thù chúng tôi có vẽ lập dị, thì đầu óc lại rất đơn giản. Chỉ cần nửa ngày trôi qua bình yên, không phải ôm đồm chạy tháo thân là chúng tôi mãn nguyện.

Giờ mùa bán đã qua, con đường trở lại thưa vắng và yên lặng. Tôi thả rơi tầm nhìn mệt mỏi lên khu phố một thời là đại lộ chính của Sài Gòn. Những buynh đình cũ được sơn phết, nhiều tấm bảng mới sơn, màu hầy còn tươi, bồn nước đang phun, đồng hồ được thay pin tiếp tục quay; một số hàng rào mái ngói được sửa sang phô diễn cổ tình làm đẹp, đập vào mắt du khách. A, thì ra nhà nước đang ra sức kiếm ngoại tệ bằng công trình xây cất của Ngụy ngày xưa. Tia nhìn tôi vừa chạm phải hình ảnh tòa nhà Hữu Nghị. Tòa cao ốc vòi vọi, ngất ngưỡng cho tôi cảm giác đang ngồi dưới đáy vực. Thời trước, mỗi lần đi ngang hotel Palace tôi đâu có mặc cảm thấp hèn như bây giờ. Kể cũng không có gì lạ, thường người ta chỉ biết mình ngã xuống vực khi đã rơi rụng đáy, còn mới trượt chân thì không ai biết mình đang rơi.

Có tiếng lục đục bên cạnh. Ông cụ thuộc diện mất sức lao động, nuôi tuổi già bằng nghề bơn rửa viết máy, lẩy trong bọc ra một gói khoai sắn, chậm rãi đưa bàn tay dính mực lên vuốt cổ họng sau mỗi bận nuốt xuống một miếng sắn. Ông cụ là một trong số ít người còn giữ thói quen ăn nhiều bữa trưa. Đại đa số chúng tôi thường quá quắt, phần vì muốn tiết kiệm, phần vì dạ dày đã quen với khẩu phần ít ỏi thường nhật, qua quýt cũng tạm đủ.

Lê đường lúc này bữa bãi. Những món hàng mà mọi người chất xếp lầy lắt hờ hững. Trong ngày, có lẽ giấc trưa là lúc những kẻ chợ trời như tôi đắm chiêu và ít tha thiết với vốn liếng của mình nhất. Ở cái lúc mà khách mua đã vãn, đã về nhà dùng cơm hay quay về sở làm, người bán chợ trời không biết làm gì hơn là thả rơi suy tư của mình vào khoảng không. Ít ai ngờ những kẻ sống lê lét trên vỉa hè tìm cơm áo qua ngày như lũ chúng tôi lại hay suy tưởng như một triết gia. Từ lâu, tôi đã sớm nhận rõ tính ưu việt của chế độ này là giúp cho con người biết tách rời cái tâm của mình ra khỏi thân xác. Tất cả người dân Sài Gòn “tiên tiến” đều hướng nội, điều khiển tâm thức như một thiền sư. Những khi đói khổ, người ta cho tâm sống với quá khứ dĩ vãng một thời ấm no. Gặp lúc tuyệt vọng tâm sẽ được cho đi trước thời gian để sống với mơ ước về một vùng đất mới hay một đổi thay. Bằng cách này hay cách khác, người Sài Gòn sống ở ngoài không và thời gian thực tại. Họ sống ở hai đầu mốc thời gian, hoặc ở tận cùng quá khứ, hoặc bên kia tương lai, nhưng không bao giờ giữa thì thực tại. Thực tại giản dị đã trở thành một thì của u tối. Chỉ cần ngồi ở lê đường này vài ba tuần lễ, qua những giấc trưa im ỉm như hôm nay là tôi khám phá ra được điều ấy. Những tia nhìn quen thuộc của bạn hàng mà hàng ngày tôi bắt gặp rơi rớt trên vỉa hè, vào giữa trưa như có sức bay bổng chuyên chở cả một phần đời người mang nó. Những tia nhìn ban đầu khởi đi từ tròng mắt luôn ánh màu xanh hy vọng, trôi ra xa mông lung chơi vơi một lúc trước khi hụt hẫng để rồi sau cùng chỉ còn màu xám u uất. Tôi ở trong cùng tình trạng với các đồng nghiệp đang ngáp ngáp dài chờ khách. Nhưng tôi không đẩy tâm thức ra xa, không giết nỗi lo âu buồn bã, đối lạnh của mình bằng cách ấy. Có lẽ vì tôi theo ngành hội họa từ thuở niên thiếu, nên gặp lúc khốn khó, tôi tập nhìn đời như nhìn những bức tranh, không để ám ảnh bởi màu sắc hay khung hoảng bởi hình ảnh. Tôi cố tìm trong mỗi bức tranh, đường nét, góc cạnh và vị trí riêng, để tôi có thể nhìn bức họa của chính mình, của những âu sầu khốn khổ ở góc cạnh tương đối bớt phũ phàng, một góc tiếp thu riêng biệt mà tôi có thể lọc lại màu sắc, làm vơi dịu bớt cường độ mà người thợ sơn mới đã áp đặt. Mấy năm qua, từ ngày rời hội nhà giáo, nếu cái nghề hội họa không còn giúp tôi kiếm sống, ít ra nó cũng giúp tôi chịu đựng, làm vơi dịu màu sắc hằn học của đời khi phải trực tiếp thâm nhận. Lâu lâu tôi vẫn có thể phác họa, vẽ vơi trong trí tưởng tượng...

Mãi suy tư, triết lý vớ vẩn mà Cường đến lúc nào tôi không hay. Gã con trai khóa bánh xe đạp, đến bên tôi cười:

- Cô đang “vẽ” phải không? Từ xa thấy đôi mắt cô mơ màng là Cường đoán liền.

- Vẽ vờì gì, tôi chỉ nghĩ lung tung cho qua thì giờ.

Tôi hơi ngược mặt, đủ để cho tầm nhìn đọng lại trên khuôn mặt Cường mà tôi không bị nắng chói.

- Cô bán được khá không?

Tên con trai hỏi, nụ cười vẫn còn nở trên môi.

- Cũng tạm. Bán được ba ống kem đánh răng và một bịch sữa bột Liên-Xô. Hy vọng chiều khá hơn.

Tôi vừa trả lời vừa đưa tay chỉ mấy món hàng còn lại bày trên tấm ny lông. Kể ra bán chừng ấy là gia đình tôi đủ sống hôm nay, nghĩa là có đủ tiền mua nửa ký mì sợi, chút rau và ít ngô khoai cho hai đứa con tôi và mẹ chồng. Nhưng nếu muốn bữa ăn có thêm chất đạm thì thật tình tôi cần phải bán thêm gấp năm, sáu lần những món đồ vừa bán. Nói vậy để so sánh chứ tôi làm gì có vốn để mua nhiều mặt hàng.

- “Đạt” rồi, cứ coi như cô không bị cháy giáo án hôm nay.

Gã con trai nhìn tôi cười chế diễu, mặt mũi nó sạm nắng, tóc tai chấm ót.

Cường là học trò tôi hồi còn dạy hội họa cho trường Lasan. Tôi tình cờ gặp lại nó năm ngoái, trên vỉa hè thương xá Tam Đa. Cường cao lớn và có dáng thanh niên so với hình ảnh đứa học trò nhỏ năm xưa nên tôi không nhận ra. Cường phải nhắc rõ tên tuổi và lớp cũ tôi mới nhớ.

Lúc đó tôi đã bắt đầu lầy lắt ở chợ trời. Cường khuyên tôi bỏ lều đường Lê Thánh Tôn, dọn về bán ở vỉa hè phố Nguyễn Huệ vì theo Cường, đại lộ Nguyễn Huệ “sang” hơn, có nhiều cán bộ cao cấp và vợ con từ Bắc vào mua sắm. Nguyễn Huệ cũng kém xô bồ và ít náo động hơn các khu khác, lại có nhiều kiosques bán hoa và sông nước Bạch Đằng thơ mộng thích hợp cho tâm hồn một cô giáo dạy vẽ như tôi! Từ đó Cường thường hay lui tới chỗ tôi ngồi, chuyện vãn và cùng “phụ” suy tư với tôi những khi vắng khách. Cường đã thôi học từ năm 77, hành nghề mua đi bán lại đồng hồ cũ mà khách phần lớn là bộ đội miền Bắc. Công việc theo lời Cường rất khả quan, tuy nhiên Cường dẫu nhem địa điểm buôn bán và chẳng bao giờ muốn bàn với tôi về việc buôn bán của nó, vì lý do nào đó thì cho đến hôm nay tôi vẫn chưa rõ.

Gã con trai ung dung ngồi xồm trên đất, lôi trong túi giấy đem theo hai trái bắp nướng và một bọc xôi vò.

- Sáng nay Cường vô mánh, chớp được cái đồng cũ mà bán cho anh bộ đội lờì quá. Cường mua chút đồ ăn cải thiện, cô thưa đôi với em nghe.

Cường chia cho tôi trái bắp nướng sau khi khoe thành tích, nụ cười hình như ít khi tắt trên môi nó. Cường đang ở vào lứa tuổi đẹp nhất của đời người, lứa tuổi mới lớn, hồn nhiên đón nhận cuộc sống bằng tấm lòng cởi mở bao dung. Dù xã hội bây giờ khó khăn và tàn bạo, tuổi trẻ vẫn không than van vì giản dị là chúng chưa biết hận thù. Cái ngày mà Cường biết đến thù hận, chắc sẽ làm tôi đau đớn lắm. Thế hệ chúng tôi đã không cứu vớt được tuổi trẻ hôm nay, thế hệ sinh sau để muộן giữa oán thù, tranh chấp, mà hoàn toàn không hiểu vì sao.

- Sao Cường cho tôi hoài thế? Tôi nợ em nhiều quá biết lấy gì mà trả!

Tôi ngậm ngừng, ngại ngừng khi đón nhận trái bắp từ tay đứa học trò. Nó nuôi tôi bằng cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Không có Cường chắc tôi đã bị lừa gạt, bị bắt hay sạch vốn liếng từ lâu. Và nếu Cường không đến như cơn gió mát làm dịu bao trưa nóng oi ả, chưa chắc tôi đã chịu đựng được một mình gần năm trời, đơn độc không bạn bè, không chút an ủi trên vỉa hè thành phố.

- Sao cô cứ kể lể ơn nghĩa làm em mệt. Sống lúc này có đồng nào mình phải ăn ngay vô bụng đồng đó, để lâu ...nhà nước dám đổi tiền nữa! Cô, ăn đi chứ, dòm Cường chi dữ vậy. Ăn bắp bây giờ là mốt đó cô biết không?

- Ăn bắp nướng mà cũng có “mốt” nữa à?

- Suya! Ăn bắp nướng là phong trào được nhân dân cả nước ưa chuộng. Này nha, bắp nướng có thể để dành hai, ba ngày mà không sợ hư. Khi ăn tập thể, dễ dàng đếm hột chia khẩu phần,

còn lúc nhơi một mình mà muốn cần kiệm thì ăn một hàng thôi, mấy hàng kia để dành ngày mai. Ăn hết còn đói ...mút cái lõi cũng đã.

- Hay quá mà tôi không biết!

- Chứ sao cô. “Nhân dân ta anh hùng luôn có truyền thống phát huy tính thực tiễn Mác-Lê, phổ cập vào đời sống...”

- Thôi đủ rồi cậu nhỏ!

Tôi xoa tay nhắc cho Cường biết đang ngồi ở vỉa hè chứ không phải giữa hội trường kiểm thảo. Đặc điểm của lớp trẻ như Cường là nói năng thuần thực và nhuần nhuyễn những từ mới, những châm ngôn cổ động mà nhà nước không ngừng ra rả trên các loa phóng thanh nơi phường khóm. Riêng Cường thì mỗi bận sửa được một từ mới thì hả hê và thích thú lắm, tự cho rằng đã thấm nhuần sâu rộng tư tưởng cách mạng. Chẳng hạn như hai câu “Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên” và “Bàn tay ta làm nên tất cả, dưới sức người sỏi đá cũng thành cơm,” giới trẻ Sài Gòn sửa lại là “Đâu cần thanh niên trốn, đâu trốn được có thanh niên” và “Bàn tay ta làm nên tất cả, dưới sức người sỏi đá vẫn còn nguyên” mà Cường rất thích, đọc đi đọc lại cho tôi nghe.

- Này cô...

- Gì?

Tôi hỏi, lúng búng những hạt bắp trong miệng.

- Cường vừa sáng tác được một bức tranh mới chiến lắm.

Gã con trai vừa nhai vừa kể. Nét mặt nó thôi tình nghịch, vẻ quan trọng như lúc sắp đem nộp bài thi. Từ lâu tôi và Cường hay trao đổi họa phẩm trong trí tưởng tượng cho nhau “xem.” Một cách giải trí vô hại mà không tốn tiền. Nếu Cường có vẽ bưng chải và hơi du côn ngoài đời, thì nó lại cũng rất nghệ sĩ. Cường đam mê hội họa như tôi, nó lại rất thích vẽ tường tượng trong đầu vì cho rằng dễ dàng bôi xóa.

- Để em kể cô nghe.

Cường nói mà mắt chong lên bầu trời rợp bóng me...

- Cường vẽ bức tranh có bầu trời trên một thành phố. Bầu trời lớn chiếm hai phần ba bề dọc khung. Nền trời hình thang ngược, to hai bên góc và nhỏ dần chính giữa cho bức họa có chiều sâu. Đố cô nền trời em tô màu gì?

Cường chột quay lại, bí mật.

- Xanh lơ hay xanh cẩm thạch?

- Trật lất! Mấy màu đó thường lắm. Cường chơi màu đỏ, đỏ tươi pha chút xíu boọc đô thôi.

- Bầu trời ai sơn màu đỏ, bộ tranh lập thể à?

- VẬY MỚI HAY!

Cường cười sung sướng, đắc chí. Nó lim dim đôi mắt, say sưa:

- Không phải tranh lập thể, em vẽ tranh thường thôi nhưng có ý nghĩa. Màu boọc đô đánh đậm ở giữa chỗ phát xuất chiều sâu, toả dần ra thành màu đỏ đậm rồi đỏ tươi, đỏ lịm, máu...! Cô hiểu ý Cường không? – Tên con trai giương mắt nhìn tôi dò hỏi – Màu đỏ là màu nóng tượng trưng cho bầu trời nhiệt đới oi bức, màu đỏ cũng là... Cường chột thấp giọng, liếc chung quanh, ...là màu của tụi nó. Cái nền trời đỏ rực tỏa rộng bao trùm lên thành phố nhỏ xíu bên dưới nhìn vô là thấy bị đè nén liền!

Từ giọng kể oang oang hãnh diện lúc nãy, Cường nhỏ giọng gần như thì thầm:

- Đố, sáng tác mới của em đó, cô chấm điểm đi.

- Cũng khá.

Tôi gật gù, không quên liếc mắt dòm chừng. Biết cách làm chiều sâu, có tư tưởng, biết sử dụng tông nóng, khác biệt của tĩnh và động. Động là màu đỏ ở trên và tĩnh ở bên dưới...

Nhưng mà Cường định vẽ gì bên dưới mới được chớ? Tôi thắc mắc.

- Thì vẽ thành phố.

Đến lượt nó lúng túng.

- Nhưng thành phố ra làm sao?

- Thành phố vậy thôi! Cô đã chẳng dạy Cường, vẽ ăn thua nhất là ở cái nền à? Mà cái nền đó, đục đục của Cường tới quá mức, coi như bức họa thành công, đâu cần vẽ thêm gì nữa.

Tôi phì cười, đúng là nguy hiểm.

- Nhưng em không vẽ thành phố ở dưới thì ai mà hiểu được ý Cường. Vẽ tranh cũng như làm luận, cần phần nhập và kết thật hay, nhưng cũng phải cần thân bài vì là chỗ để khai triển. Nếu tranh của Cường chỉ có một mảng đồ như thế thì tôi cho ba điểm.

Cường im lặng, mặt tiu nghỉu. Thấy nó thờ phỉ phò, tôi biết anh chàng đang bí.

- Thôi để tôi giúp ý cho em. Bên dưới nếu em muốn vẽ thành phố thì dễ lắm. Thành phố có nhiều nhà, cao ốc hay là trệt. Một là em vẽ mấy ngôi nhà lầu thật cao, cho có vẻ vươn lên, hất đẩy cái nền trời đè nặng. Hai là em vẽ những căn nhà thấp tòi tàn như đang chịu đựng một nhọc, rồi kẻ thêm con đường đậm như một tì vết. Cường thấy sao?

- Tuyệt cú mèo!

Cường bật dậy, ném mạnh cái cùi bắp đã nhai hết lõi. Nó đập tay lên đùi khoái trá.

- Hay thật! Có vậy mà em không nghĩ ra. Cô đúng là giáo sư!

Nắng trưa gay gắt, chói chan trên bóng cây. Những bóng me rợp không đủ làm chúng tôi mát. Con đường ban trưa phơi mình chịu đựng. Riêng hai thầy trò tôi đang chìm vào một nơi khác, một nơi có nhiều màu sắc và hình ảnh.

- Nè cô, sao mình không vẽ luôn con lộ Nguyễn Huệ này vô. Hai dãy cao ốc hai bên làm "sức vươn lên" như cô nói. Còn đại lộ là con đường từ chỗ chiều sâu bắt ra. Cường sẽ chơi màu đen đậm cho thật bị tỳ vết!

- Cũng được, tùy Cường.

Đưa con trai cười mãn nguyện. Nó hoàn toàn quên mất vụ vẽ tưởng tượng, làm như đang đứng trước một họa phẩm có thật.

- Em muốn vẽ luôn đám chợ trời mình vô cho thêm sinh động.

- Coi chừng ôm đồm nhiều quá tranh lại mất ý chính đấy.

Tôi nhắc khéo.

- Đâu có, nhấn mạnh thêm chớ. Cảnh đám người nghèo khó lây lất bán buôn hai bên đường giữa hai hàng cao ốc được người ta sơn phết giả tạo, che mắt...

Tôi kéo Cường ngồi xuống, ra dấu cho nó nói nhỏ bớt. Vẽ tranh tưởng tượng mà phải đi cải tạo thì nguy hiểm quá!

Dưới nền trời mơ tưởng của Cường bây giờ có thêm những gợn mây trắng pha sắc xanh dương, khách mua hàng của giắc ba giờ chiều lần lượt đổ ra từ các ngõ hẻm. Gã con trai nhồm đậy, lấy hai tay phủi quần:

- Mãi chuyện, thôi em về chạy mách để cô buôn bán.

- Gấp thế, tôi có khách đâu.

- Nhưng em cũng phải về kéo tụi bạn trông, còn lo chạy mồi kiếm tiền ăn tối nữa.

Cường chắc lưỡi. Gió lùa xòa trên tóc nó bụi bặm rối bời. Nó đứng lên, chiếc bóng đổ lênh khênh chơi vơi trên hè. Cường ném cái nhìn lên bầu trời lần cuối, tiếc rẻ:

- Giá mà ghi được lên khung vải thì sướng biết mấy. Mà màu mè gì mà mắc quá trời.

Cường nói rồi cúi nhìn tôi còn ngồi dựa lưng vào bức tường chói nắng:

- Biểu cô bọc xôi vò mang về cho hai em.

- Đâu được. Cường giữ lại mà ăn quà lát nữa. Hôm nay tôi cũng bán được, để khi về tôi ghé mua cho chúng nó sau.

- Cô nhận cho Cường vui. Nay bán được nhưng mai biết đâu, cô cất tiền phòng thân. Vả lại em lớn rồi, đâu còn nhỏ nhít gì nữa mà ăn quà. Sao cô khinh Cường thế?

- Nhưng em nuôi tôi hoài.

- Thì Cường là "anh nuôi" chiến sĩ mà. Cô cũng là chiến sĩ trên mặt trận kinh tế!

Gã con trai toét miệng cười. Nắng lốm đốm rơi trên chiếc áo trắng ngả màu vàng của nó.

Chiếc áo trắng của đứa học trò sớm vào đời nổi lên trong chiều nắng trông tang thương, như hình ảnh một thế hệ bị lãng quên, thiếu chăm sóc. Nhưng còn ai chăm sóc chúng khi lớp thầy cô giáo chúng tôi đều đã ra ngoài đời? Không thể trách tuổi trẻ bây giờ, nhỏ mà

sớm biết mánh mung. Lỗi không ở đứa con trai mới lớn đang đứng trước mặt tôi, cũng không phải lỗi ở đám bạn bè hư hỏng đồng trang lứa rủ rê nó. Lỗi chính là ở lớp người lớn chúng tôi, ở thể hệ đi trước đã không biết gìn giữ và bảo vệ một miền Nam châu ngọc.

- Cảm ơn Cường cho các em quà, nhưng thôi Cường về cho kịp, đứng đây chàng ràng tôi hỏi nào không hay. Có bán buôn cũng nên cẩn thận...

Tôi dặn với khi Cường mở khóa xe. Nghe dặn, nó ngẩng đầu lên bốn cọt:

- Cô yên trí, em ở trong ngạch mại đồng có phương án chỉ đạo làm ăn nghề nghiệp lắm!

Tôi định la nó vài câu về tội ăn nói bộp chộp thì có mấy người khách. Loay hoay bán được hai cây viết Bic, lúc ngẩng lên thì Cường đã đi mất.

Con đường về chiều nắng dịu, như cơn sốt đã hạ chỉ còn hơi nóng rã rượi trên thân thể con bệnh. Vài chuyến xích lô đạp qua trong bụi bậm. Dăm người bộ đội nắm tay nhau vung vẩy, họ nói chuyện và cười đùa hồn nhiên. Sài Gòn chùng xuống sau một ngày cơn áo, thêm một ngày đi qua trong chật vật lặng lẽ, mệt nhọc.

Buổi sáng Sài Gòn gầy lạnh. Mọi người co ro trong tinh sương của màn trời tím nhạt, mặt trời lên chậm ngoài xa trên khu Khánh Hội. Đường phố chưa tỏ, lờ mờ chút ánh sáng. Tôi co vai, ôm chiếc nón lá hứng chịu những cơn gió lạnh thổi hắt lên từ bờ sông. Chưa đến bảy giờ.

Giấc này những cán bộ miền Bắc còn đang điễm tâm. Người miền Nam đại đa số trên đường đến xí nghiệp và họ cũng chẳng dư dả để mua sắm. Còn phải đợi một, hai tiếng đồng hồ trước khi nghe tiếng chân của người khách đầu tiên. Tuy chỉ buôn bán từ chín giờ sáng trở đi, nhưng ngày nào tôi cũng dậy sớm ra ngồi ở đây. Không riêng tôi, những bạn hàng thường nhật cũng đều có mặt. Không ai muốn mất chỗ tốt, và bị đẩy lui về khoảng trống trước công an phường.

Ngồi xa có gì còn chạy kịp, chứ ngồi ở đó thấp tha thấp thỏm sợ bị bắt lúc nào không biết.

Gió sông Bạch Đằng thổi lên, mùi sinh tươi tanh nhờn nhờn. Tôi ngồi sát tường nhưng không dám dựa. Tường vừa được sơn quét lại, còn ướt. Từ hai hôm qua chúng tôi không còn bán chợ trời bên khu thương xá Tax nữa, mà di tản qua phía nhà ngủ Hữu Nghị. Dãy thương xá Tax cũng đang được sơn phết và tô điễm lại. Nguyên dãy phố từ chợ Bến Thành ra rạp Rex xuống bên Chương Dương, tất cả nhà cửa bùng binh đều được nhà nước cho chỉnh trang. Để làm gì thì quả tình đang là đề tài cho dân chúng bàn tán.

- Kể ra họ cũng biết sạch sẽ, bỏ thời giờ ra sửa sang chỗ làm ăn cho chúng mình đấy chứ nhỉ?

Ông cụ bươm rữa viết máy nhận xét, rồi như sợ lỡ lời, vớt vát:

- Công tác tập thể của cách mạng thường là có mục đích ...tốt cả.

Câu nói của ông cụ có phản ứng ngay. Một chị đàn bà gần đó đốp chát, không chút nể nang:

- Tốt mẹ gì! Họ đón Liên Xô chớ sửa sang gì cho mình. Nhà tui trên sông, bùn dơ tràn vô nhà mà có ma nào thêm "liên hệ xây dựng" cho đâu!

Ông cụ im lặng, không dám tranh luận trong lúc đám chợ trời nhao nhao, mỗi người một ý:

- Không phải đón Liên Xô đâu. Tụi đó cũng chuyên chính vô sản như mình thì ăn cái giải gì!

Có lẽ là Việt kiều hay phái đoàn Quốc tế, họ muốn khuếch trương du lịch.

- ĐM... Mấy thằng ngu thế, đã sang được bên kia còn mò về!

- Nhỏ chứ. Vạ mồm vạ miệng lại đi cải tạo ở trường phục hồi nhân phẩm thì khốn!

Lời cảnh cáo của một mạng làm đám chợ trời xiu xuống, câu chuyện chìm hẳn đi. Tôi ngồi yên nghe, nhưng không tham dự. Phần biết không đi đến đâu, phần cũng sợ vạ miệng. Thời buổi cuốn theo chiều gió, biết tin ai được!

- ĐM. Dính trầy trét lên hết áo rồi!

Tiếng la thất thanh của một thằng nhỏ cỡ 16, 17 tuổi, ngủ gục dựa lưng vào tường bị vấy sơn làm tôi giật mình.

- ĐM! Tiên cha cái áo vĩa. Tiên sư cha sáng sớm ra chưa bán đã lố. Sơn quốc doanh con c. gì lâu khô quá. ĐM, lựu đạn nó!

Thằng nhỏ tiếp tục chửi đồng, văng tục chán chê mãi rồi mới im. Cái dáng con trai mới lớn, gầy gò vì ăn uống thất thường của nó làm tôi chợt nhớ đến Cường, không biết công việc làm ăn của nó có trôi chảy. Hai ba ngày rồi tôi không gặp nó. Mấy bữa nay không hiểu chích sách mới thế nào mà chúng tôi bị bố ráp liên miên, cứ ngồi bán được mười lăm, hai mươi phút là tắt

tả chạy. Tôi không bán được đồng nào, còn ăn lạm vào vốn, không đủ tiền mua thêm hàng mới. Tôi chỉ còn lại dăm cây viết Bic, một bịch đường Cuba, hai hộp sữa và xấp vải gin Trung Quốc. Đến chiều mà không bán được là gia đình tôi lại húp cháo bo bo.

Tôi thở dài, ngó ra mặt sông. Những tàu hàng quốc doanh và Đông âu đậu trong bến làm tôi mơ một chuyến đi xa đến một vùng trời khác, nhưng mãi mãi tôi biết chỉ là ảo vọng. Vả chăng chồng còn cãi tào, gia đình tôi không thể đành lòng ra đi. Gió sông Bạch Đằng lại đưa lên mùi sinh tanh hôi. Trong lúc đợi khách, nhìn những giấy rách gió lùa qua mặt đường, tôi chợt nghĩ mình cũng đang hóa thành rác rưởi bay vương vãi trên hè phố.

Buổi sáng hôm sau nữa, tôi vừa bày hàng ra thì Cường ở đâu chạy đến, mặt mũi nó xanh tái, tóc bết mồ hôi, hơi thở hổn hển, đứt quãng:

- Cô dọn qua bên này làm Cường kiếm hút hơi.
- Em đi đâu mà chạy dữ vậy, bệnh hay sao mà coi xanh quá?
- Không có bệnh, bị tụi nó truy quét, xem chút nữa là bị chụp...
- Tôi đã dặn em phải cẩn thận...

Tôi thật tình thương nó, thằng nhỏ đáng lẽ bây giờ phải đang ngồi trong lớp học đã phải lăn vào đời kiếm sống.

- Cẩn thận cũng bị. Tụi nó cải trang làm nhân dân, núp bên đường Pasteur đông lắm. Cường nhờ tống hết ga mới thoát.

Đưa con trai ngược nhìn tôi, nụ cười quen thuộc vắng bóng.

- Thế xe em đâu?
- Thằng bạn lấy đi tẩu tán rồi, sợ tụi nó ghi được số xe. Không biết tụi nó có xuống dưới này hay không...

Cường vừa nói một mình, vừa ngó dáo dác. Tôi thấy nó thật sự mắt bình tĩnh. Bình thường Cường vui và hay đùa cợt, chuyện gì nó cũng hiểu được.

- Thôi cứ ngồi yên ở đây một lúc cho qua, chắc họ không xuống tận dưới này đâu. Uống ngụm nước mát cho khỏe.

Tôi rót cho Cường một nắp nước từ bi đông luôn mang theo mình. Lần đầu tiên tôi mới biết Cường chạy máy bằng Honda, trước tôi cứ ngỡ nó quanh quẩn lây lất trên một vỉa hè nào đó như tôi. Cường uống chậm rãi, da mặt đã bớt xanh.

- Chắc cô buôn bán ế ảm? Em cũng ế lắm không được mỗi nào.

Cường chớp mắt, nó nhìn xấp vải và bịch đường hôm nọ nên đoán ra.

- Thì buôn bán ngày được ngày không. Ai cũng phát tài thì thiên hạ kéo nhau ra đường hết.
- Nhưng sao lúc này cán bộ, bộ đội ít đeo đồng hồ quá...

Cường tiếp tục than thở, nhưng hình như nó buột miệng nói không suy nghĩ nên có vẻ ngượng ngập sao đó. Tôi không để ý lắm, nói tránh sang chuyện khác cho nó vui lên:

- Tôi mới vẽ được bức tranh đẹp lắm, Cường có muốn tôi tả cho em “xem” không?

Cường nhìn tôi đăm đăm, đôi mắt một phút rực sáng. Một chút màu sắc tưởng tượng đủ làm nó quên hết cuộc đời nguy hiểm, bắt bớ, và gian truân.

- Cô kể liền đi, Cường mê tranh lắm.
- Cường còn nhớ cái nền đỏ, đục đục trong bức họa hôm nào Cường vẽ cho tôi xem không?
- Nhớ chứ cô, bức “tử” của em mà.
- Tôi dùng cái nền đó và sửa đổi thêm thắt cho bóng bẩy hơn. Tôi đặt tựa cho bức tranh là “Thượng Uyển Bỏ Hoang.”

Gã con trai xuyết xoa và chăm chú lắng nghe. Đồng hồ công viên điểm 10 giờ sáng. Nắng tỏa lan dần, nắng vàng nhẹ nhàng lên tàn me xanh lá. Tôi biết hai thầy trò sắp ra khỏi cuộc đời bằng cánh cửa hội họa.

- Tôi giữ nguyên cái nền với cùng ý nghĩa mà Cường muốn nói. Công nhận là cái nền đỏ hôm đó Cường vẽ thành công lắm. Tôi chỉ thêm màu sắc sáng tươi vào hai dây phố chung quanh con đường tỳ vết cho thành phố có dáng vẻ lộng lẫy của thời thịnh trị...

- Đâu được cô, như vậy khách xem tranh lại tưởng nhờ cái nền đỏ mà thành phố trở nên huy hoàng thì hồng bét!

Cường ngắt lời tôi, phản đối.

- Khoan đã, em để tôi nói hết. Em cứ phát biểu linh tinh như vậy làm sao tôi diễn tả cho xong. Cường có thấy bây giờ bên ngoài thành phố được chỉnh trang cho đẹp để không? Cường nhìn bức tường sau lưng tôi là biết.

Tôi hơi gắt, la cái tạt bộp chộp của thằng nhỏ.

- Rồi, “nhất trí” với cô chuyện “rửa” tường.

- Dưới cái nền đỏ của Cường, tôi muốn ví thành phố như một khu vườn: những dinh thự, nhà cửa là cổng rào khu vườn. Thành phố đã có một thời là hòn ngọc viễn đông nên khu vườn ngày xưa là thượng uyển, cây trồng bên trong tươi tốt nhờ được người làm vườn cũ sốt sắng, tận tình chăm sóc. Trái lại hôm nay, người làm vườn mới nếu chịu khó sơn phết hàng rào thì lại bỏ bê không dòm ngó gì đến cây cỏ. Những loài thảo mộc quý tàn tạ và héo úa. Trong vườn chỉ còn cỏ dại và những hạt giống cũ sót lại vừa nảy mầm, nhưng vì không được vun xới, săn sóc nên đã sớm bị sâu ăn...

Cường mở to mắt, thán phục:

- Hay quá! Phải công nhận là “tranh giáo viên” có khác, sâu sắc. Nhưng cô định vẽ gì trong thành phố chỗ con đường tỳ vết của Cường?

- Tôi vẽ các em.

- Tụi em?

- Ừ, nhưng tôi không vẽ chân dung Cường và các bạn. Tôi vẽ những cây bắp.

- Cây bắp?

Mặt tên con trai đỏ ra, hai mắt tròn xoe và trán nhăn lại suy nghĩ. Những nếp nhăn sớm vì làm than bây giờ biến khuôn mặt nó thành ngộ nghĩnh khiến tôi bật cười. Cường vẫn chưa hiểu.

- Các em là những cây bắp mọc lên từ những hạt giống còn sót lại. Những thân bắp chưa có trái mọc hỗn độn không thành hàng lối, lẫn với đám cỏ dại và gai rùng của người làm vườn đem từ Trường Sơn về. Cường là một cây bắp non, sớm bị sâu ăn.

- Cường hư dữ vậy sao?

- Tôi không trách em hư. Tôi chỉ trách họ không chăm sóc em đúng mức, bỏ bê và xua đuổi các em vào hố thẳm của đời sống.

- Ờ... ờ... có lẽ. Nhưng cô có vẽ cô vào tranh luôn không?

Tôi gật đầu. Cường đâu biết bức họa này là hiện thực của chính chúng tôi.

- Thế cô là cây gì?

- Không là cây gì cả. Lũ người lớn chúng tôi là đất, đất trong vườn ngày xưa có nhiệm vụ bồi bổ, nuôi dưỡng cho cây tươi tốt và đơm hoa kết trái. Bây giờ người làm vườn mới không bón phân, tưới nước nên đất khô cằn thiếu chất bổ, không đủ dinh dưỡng cho cây nảy nở viên mãn. Nếu bên ngoài tôi chọn những màu sắc tươi sáng để tô vẽ dinh thự, làm cổng rào cho vườn thì bên trong vườn phải dùng những màu thật buồn. Chẳng hạn, màu xanh tím trộn đen cho lá ngô, màu vàng “Ấn” pha mạ nhạt cho thân bắp. Đất cũng không thể có màu “thỏ” bình thường mà phải là xám tro.

- Xám tro?

- Ừ, xám tro vì đất đã hết màu mỡ, phai lạt khô cằn, đã hóa tro tàn. Mình chọn những tông lạnh và nhạt tạo vẻ tương phản với sắc đỏ rực rỡ của hàng rào và nền trời trên cao.

- Mình có cần vẽ “thằng” làm vườn đứng gác ngoài cổng không cô?

- Tôi nghĩ không cần thiết. Người xem tranh nhìn cái nền đỏ gay gắt của Cường là họ hiểu. Dưới ảnh hưởng của sức nóng quá độ, thảo mộc héo úa.

- Cường muốn xin cô một điều.

Người nam sinh đã một lần là học trò của tôi, mấp máy đôi môi. Đôi mắt thường khi trong sáng, bây giờ phẳng phát buồn.

- Em nói đi.

- Cường muốn xin cô bức “Thượng Uyển Bỏ Hoang”.

- Em quên rằng mình vẽ trong trí tưởng.



- Cường không quên, nhưng Cường muốn xin cô vẽ riêng cho Cường thôi, đừng diễn tả lại cho ai khác.

Người nam sinh nuốt nước bọt, ánh mắt tối lại.

- Em... sắp phải đi xa, nên muốn có chút gì của cô đem theo mà không bao giờ đánh mất.

- Cường đi đâu?

Tôi vụt nghe chỗ ngồi mình hụt xuống, tòa cao ốc Hữu Nghị cao thêm và vực thẳm sâu hút.

- Lúc này em ghé định báo tin cô biết, nhưng thấy cô đang vẽ nên không tiện nói. Em... bị trúng tuyến nghĩa vụ quân sự rồi. Tụi nó gửi liên tiếp hai ba giấy đến nhà giục khám sức khỏe. Chậm lắm là tuần sau em đi.

Một chiếc Molotova chạy ào qua. Sức gió thổi mạnh, hất tung lớp bụi. Những vụn cát nhỏ bay vào tròng mắt đau xót.

- Cường có định trốn hay không?

Tôi nghe giọng mình nhỏ, lạc hốt hoảng.

- Trốn đâu bây giờ? Mình không có hộ khẩu ai mà dám chừa. Ở chưa hết ngày, công an khu vực và tổ trưởng đã biết mặt rồi.

Cường cúi đầu, tóc lưa thưa như lông một con chim sẽ bị thương dúi mỏ vào cánh.

- Trốn được nhiều lắm vài tháng, làm sao trốn cả đời?

Làm sao trốn cả đời? Đứa con trai nói lên tâm trạng bi đát tuyệt vọng của sáu mươi triệu người Việt Nam. Một đời người sinh ra chỉ là để trốn tránh? Như thế đâu còn là đời sống, chỉ là duy lý sinh thể. Một tập hợp tế bào may mắn giữ được sự sống khi phần tâm linh đã mất.

Tôi nắm lấy tay Cường, bàn tay nhỏ xương, ngón tay trầy trụa và đầy đất: những ngón tay của đứa trẻ họa sĩ không được cầm cọ.

- Đi bộ đội là “qua đời” cô biết không?

Cường tiếp sau thoáng im lặng, cúi mặt.

Tôi cầm tay Cường mà thấy tay mình run theo từng hơi thở của nó. Tôi muốn nói điều gì cho Cường bớt buồn, an ủi gầy dựng lại ánh lửa nhỏ tin tưởng đang tàn lụi trong lòng thế hệ trẻ.

Tôi muốn kể một câu chuyện nhưng không kể được. Cảm giác đang vẽ bức tranh “Thượng Uyển Bỏ Hoang” lúc này chỉ còn lại khu vườn trụi lá. Những thân cây bấp ngã nghiêng, xiêu vẹo vì cơn giông vừa ủa đến. Lần đầu tiên tôi biết, không thể sống chỉ bằng chọn đãi lọc lựa màu sắc. Có thứ màu đen thâm thiết, khủng khiếp mà không phiên lọc nào ngăn được. Tôi nghẹn ngào:

- Bức họa “Thượng Uyển Bỏ Hoang” là của chính em.

Tiếng nói tôi bỗng chìm vào âm thanh hỗn độn vang lên từ ngã tư đường. Bức tranh “Thượng Uyển...” trước mắt tôi còn đó, nhưng đã ngập tiếng huyền ảo. Quanh cảnh náo loạn, bùng vỡ với thác người đổ ngược về phía chúng tôi. “Chạy...chạy...” Tiếng hô hoán của đám chợ trời xô đẩy nhau tìm đường thoát. Cường bật dậy thu dọn đồ hàng tôi bày trên vỉa hè. Ông cụ bơm rửa viết máy cạnh tôi bị những người bỏ chạy hất ngã chúi, thùng đồ nghề rơi vỡ tang hoang.

- Chạy cô ơi!

Cường chụp tay tôi vùng lôi mạnh. Tôi có cảm giác toàn bức họa bị giật đổ, màu sắc bê bết.

Tôi vừa chạy theo Cường vừa chết lặng, sợ hãi của bao lần bị vây bắt bưng bưng trời dẫy trong đầu. Tiếng chân người xô lán chạy huỳnh huých, tiếng công an la hét lẫn với tiếng xe jeep phóng chận. Vườn thượng uyển bị dẫm nát, dày xéo. Đây đó vang lên tiếng la hét chửi bới. Hình ảnh ông cụ già hàng xóm ngã xấp mặt trên hè đường, máu mũi đỏ chan hòa, trộn với mực tím chùng lên bức họa. Ai đó đang lấy một tấm pa lét màu bản cây trét, đập mạnh lên bức tranh tôi vừa vẽ.

Tôi trở lại con đường Hàm Nghi sau một thời gian khá lâu vắng mặt. Lúc còn bán trên đường Nguyễn Huệ, ít khi nào tôi ra Chợ Cũ. Phần không phải chỗ mình buôn bán, phần cũng không có việc gì làm ở đây. Tôi trở lại nghề chợ trời sau khi đi thăm chồng cải tạo ở Bắc. Sau buổi chia tay với Cường trong một ngõ hẻm nhỏ thoát thân, tôi về nhà nhận được giấy thăm chồng. Lần đầu tiên tôi được phép đi thăm chồng nên dầu không có tiền, tôi cũng vay mượn và bán đi

những gì còn chút giá trị. Rồi tôi ở Bắc về, lao đao như người bệnh. Về đến Sài Gòn, tôi vội vàng ra ngay chợ trời kiếm sống, để trả nợ và để quên. Tôi ra chợ trời cũng để kiếm Cường. Một thằng bạn nó mà tôi tình cờ gặp ở ga Hòa Hưng hôm về, cho biết Cường đã đào ngũ và trở lại Sài Gòn. Khi tôi hỏi Cường ở đâu, thằng Tâm không cho biết, chỉ nói Cường không muốn gặp rồi nó vùng bỏ chạy.

Tôi đi rảo từ đường Nguyễn An Ninh cửa Tây chợ Bến Thành qua ngã nhà chú Hòa, rồi vòng xuống Chợ Cũ. Từ khi cao trào quét sạch tàn dư được phát động, song song với việc làm đẹp thành phố, phường đội được tung ra truy quét chúng tôi. Không dám ngồi một chỗ, tôi đành “đứng” chợ trời. Rồi đại lộ Nguyễn Huệ, thí điểm của chiến dịch, tôi lê la trên những con đường khác, cố làm ra vẻ một người dạo mát. Gặp đâu bán đó, vừa đi vừa bán, không dám dừng lâu chỗ nào sợ bị tình nghi. Tôi đi mà dòm chừng để ý kiếm Cường. Tôi biết chỉ có thể gặp nó trên những ngõ ngách chợ trời. Chắc chắn Cường không dám về nhà vì sợ bị bắt. Nó trốn đâu đó và chỉ thò mặt ra chợ để sinh sống. Tin Cường trốn nghĩa vụ làm tôi hoang mang không ít, mặc dù đó là phản ứng rất bình thường và phổ cập của lớp thanh niên trước hiểm nguy của cuộc chiến tranh bên Kampuchia. Cường đã chọn con đường sống ngoài vòng kềm tỏa của chế độ. Tôi cần phải gặp Cường dù chưa biết giúp được gì cho nó. Tôi chỉ biết mình không thể bỏ rơi Cường, tuổi trẻ liều lĩnh nhưng rất dễ làm lẫn.

Tôi đi ngang chợ thú cũ. Những lồng mèo chó đã biến mất. Đây đó vài người dựa gốc cây, ôm trong lòng một con thú ốm. Dưới chân họ là miệng bao bố mở sẵn, chỉ cần một dấu hiệu là họ bỏ “hàng” vào bao ôm chạy thật lẹ. Tôi đang sống trong một xã hội mất trước mắt sau, một xã hội “khẩn trương tranh thủ tình hình” xen lẫn với nghi ngờ, dẫu gièm và sợ hãi.

Tiếng máy một chiếc Honda rú lên, xen lẫn với tiếng the thé của một mụ đàn bà Bắc. Tiếng mụ cán bộ tru tréo mỗi lúc một lớn. Ba bốn bóng công an áo vàng không biết từ đâu xuất hiện chạy về phía ngã tư. Liên tiếp là tiếng súng AK vang lên. Một vài người đứng gần tôi vụt chạy vào các ngõ hẻm. Tôi lùi lại theo bản năng sinh tồn, dáo dác tìm đường thoát. Nhưng tôi tự trấn an ngay. Không phải một vụ truy quét của cách mạng. Thay vì bỏ trốn, người ta chạy về phía có tiếng súng. Đám đông đổ dồn về ngã tư. Có thể là một vụ đánh ghen của các bà Bắc hay một trận ẩu đả giữa bộ đội. Thêm một tính ưu việt của chế độ mà tôi là nạn nhân không ý thức. Sự yếu kém trung thực của phương tiện truyền thông khiến con người ta khao khát, tò mò trước những hình ảnh lạ. Không còn tin vào báo chí, nhân dân chỉ thích nghe và tin vào những điều gì mình tận mắt chứng kiến. Tôi chen vào giữa đám đông, luồn chui qua nhiều cái nách trước khi nhón được đầu nhìn thấy cảnh tượng.

Trên lớp đá sỏi khô cằn của khu vườn, những cây bắp hoang còn sót đã bật gốc. Thay vì xịt thuốc chữa trị, người ta đã thẳng tay dùng rựa phát ngang. Thân cây bắp gãy rạp, mũ tràn ra. Tên làm vườn sau khi làm xong công việc phát gốc bình thân bỏ đi.

Tôi chết lặng giữa đám đông đang tản mát. Bầu trời đen quay cuồng và sắc màu bức họa đảo lộn. Tôi nghe tiếng lịm tê tái khắp mình mẩy, đau như các đốt xương, như chính mình vừa hứng chịu báng súng AK tàn bạo. Hình ảnh chiếc xe máy nằm đổ nghiêng, bình xăng vỡ chổng trơ, xăng chảy ra đường, bánh xe còn quay và mặt mũi đứa con trai bầm dập, máu mũi máu miệng trào ra dưới báng súng làm tim tôi quặn thắt. Chiếc áo trắng học trò bê bết máu, đứa con trai bị còng tay đẩy lên xe, mặt mũi sưng húp. Ai đó thông tin cho những kẻ đến chậm: “Giật đồng hồ bị bắt rồi.”

Tôi biết. Mãi mãi khu vườn xanh tốt của chúng tôi đã chết, không thuộc về tôi, không còn là của Cường. Phải thật lâu sau mới có loài thảo mộc nảy mầm được trên mặt đất đã hóa đá.

**Nhánh sông sao thử bước vào cõi văn chương của Trần Vũ  
Hồ Trường An**

LTS: ...Hò Trường An bằng quan niệm cá biệt của anh về cõi văn chương của Trần Vũ; đặc biệt, một sáng tác mới nhất của Trần Vũ “Làn Da Kim Khánh” được xây dựng trên ba tiêu đề: Dân chủ, hàn gắn vết thương nội chiến và đồng tính, bạn đọc sẽ là những nhà nhận định công bình đối với tác phẩm của anh. Dĩ nhiên, giá trị đích thực của tác phẩm là văn chương và tư tưởng, khi nhà văn viết về tội ác hay chiến tranh không có nghĩa là ngợi ca tội lỗi và tính súc vật của chiến tranh, mà qua đó tính nhân bản sẽ được thể hiện đậm nhạt tùy theo tài năng của người viết. Những tác phẩm lớn của nhân loại đã chứng minh điều đó...

### Tạp Chí Hợp Lưu

Kỷ niệm giữa Trần Vũ và tôi giờ đây chỉ còn lưu lại ở tấm ảnh mà Vũ chụp cho tôi vào cuối xuân năm 1988 và tấm ảnh anh chụp chung với tôi ở nhà chị Thụy Khuê, tôi không rõ ai chụp và chụp vào năm nào? Quên, Vũ còn trang tặng tôi ấn bản tập truyện đầu tay “Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu” của anh và ấn bản tập truyện thứ hai “Cái Chết Sau Quá Khứ” của anh. Mới đây, Vũ gửi cho tôi tấm ảnh Vũ và tôi chụp chung vào năm 1988 vào hôm anh viếng thành phố Troyes.

Tôi đọc văn chương của Trần Vũ lần đầu tiên qua truyện ngắn “Đồng Cỏ Miên” đăng trên tạp san Làng Văn. Tôi lại nghĩ tác giả phải trải qua một thời kỳ đi đánh giặc trên đất Chăm-bu-chia mới viết linh động và sắc bén như vậy. Ít lâu sau đó, khi được hội kiến với Vũ, tôi có đem truyện ngắn ấy ra bàn với anh. Vũ cười thẳng thắn:

- Toàn là tưởng tượng cả, anh ạ.

Tôi chau mày:

- Nhưng ít ra Vũ cũng được ai đó đã từng tham dự thời kỳ qua Miên đánh giặc kể lại cho Vũ nghe chứ. Vũ còn phải tham khảo thêm địa đồ xứ Miên và sách vở nói về xứ Miên chứ.

Vũ chỉ cười mà không nói không ừ. Thật ra là sau khi coi phim “Rambo”, thấy Sylvester Stalone bắn nhau với Việt Công ác liệt quá nên anh khởi hứng viết truyện ấy.

Tôi gặp Trần Vũ vào thuở ký ức tôi hãy còn tinh nhuệ. Tôi viết về Trần Vũ vào lúc ký ức tôi bắt đầu suy nhược lu mờ.

Thuở trước, vào một buổi sáng sau cơn mưa, nền trời cuối xuân 1988 đẹp nắng, Trần Vũ cùng Ngọc Khôi và Sĩ Liêm (cháu họ của tôi) đến Troyes viếng tôi. Khôi và Vũ tặng tôi chậu hoa dương tú cầu (hortensia) màu xanh ngọc saphir (thủy ngọc). Cả ba ở chơi hơn nửa ngày và trở về Paris khi sẩm tối. Lúc đầu, Vũ bắt chước thẳng cháu tôi gọi tôi bằng cậu xưng cháu.

Nhưng tôi lại bảo:

- Bậy nào! Tụi mình cùng cầm bút. Khôi và Vũ hãy gọi tôi bằng anh.

Ba nhà văn trẻ đang sung sức sáng tác. Ngọc Khôi hiền lành, hay trầm ngâm. Sĩ Liêm lém lỉnh. Trần Vũ nghiêm trang và hoạt bát chứ không ba hoa. Tôi rất sợ những nhân vật nổ bậy nổ bạ, bạ đâu nổ đó làm tôi luôn có cảm tưởng mình ở thế kẹt, đang đứng gần bên kho đạn hoặc đứng kề đại lý bán pháo chuột pháo nòi sắp sửa bị kẻ gian châm ngòi. Nhưng tôi cũng không thích những kẻ cẩn tắc quá đáng hoặc những kẻ lười suy nghĩ, không dám phát biểu cảm nghĩ hay ý kiến của mình nên đi tới đâu cũng im miệng hén khép miệng sò, ngồi một đồng thù lù, mặc ai thảo luận cũng chẳng buồn nghe. Trần Vũ không ở trong hai trường hợp này.

Thoạt mới chạm mặt Vũ, tôi bắt gặp ngay cái thần thái sáng lồ lồ của anh. Hai tiếng “sáng đẹp” có thể dùng để chỉ cái sắc diện của anh. Nhưng tiếng “đẹp” thì tùy theo khiếu thưởng ngoạn, tùy theo sự cảm nhận của từng cá nhân. Nhưng ai đó đã gặp Vũ rồi thì khó mà phủ nhận cái dung quang rực rỡ của anh: đài trán băng sương, cặp mắt và khóe nhìn ngời ngời lóa sao, nụ cười rực rỡ chiếu lây lên sống mắt. Vóc vạc Vũ cao ráo, nhưng hơi mỏng. Anh mặc y phục kiểu demi-saison với quần màu beige nhạt, áo veste đậm màu làm tôi nghĩ đến cách ăn mặc mà nam tài tử Gregory Peck ưa chuộng. Ồi, Gregory Peck mà đóng vai nhà văn Ernest

Hemingway trong phim “The Snow of Kilimandjaro” (“Les Neiges de Kilimandjaro” / “Tuyết Trên Núi Kilimandjaro”) hoặc đóng vai nhà văn Francis Scott Fitzgerald trong phim “Beloved Infidel” (“Un Matin Comme Les Autres” / “Một Buổi Sáng Như Mọi Buổi Sáng Khác”) lồ lộ đáng văn nhân tao nhã ra phết, đã làm say mê hàng triệu quả tim các nữ khán giả trên toàn vũ! Và từ đó, hể xem cuốn phim nào đó do Gregory Peck đóng vai chính là tôi nhớ tới bộ y phục của Trần Vũ vào một sáng chớm xuân năm 1988.

Trần Vũ ngoài đôi vành tai khá to (tương trường thọ) còn có chiếc cằm vuông. Lúc ngời đối diện với nhau qua chiếc bàn tròn phủ khăn nâu tím, tôi rà cặp mắt nhìn chiếc cằm của anh. Cằm vuông mà rõ nét là sẽ có hậu vận tốt. Nhưng trong lớp ánh sáng âm u lọc qua chiếc rèm màn cửa sô màu ngà, tôi chợt thấy cằm anh hơi lồi. Chết chưa! Hai nam minh tinh điện ảnh John Garfield, James Dean cùng nhà văn Raymond Radiguet đều có chiếc cằm như vậy, đều nổi danh vào tuổi thanh xuân nhưng cả ba đều yếu tướng đoản mệnh. Tôi cứ ray rứt bàn thần với ý nghĩ đó, nhưng đến khi ánh nắng bên ngoài rục rờ hơn, tôi mới nhận ra cằm anh rõ nét và bằng phẳng. Lúc đó tôi mới yên lòng.

Hôm đó, Trần Vũ nhìn ra bao lơn thấy cái toàn cảnh (plan général) phía dưới bao lơn của căn appartement của tôi có hai cây bạch dương đang tung bưng trở lá non lộc mới nên nảy ý kiến bảo tôi ra bao lơn để Vũ chụp ảnh cho tôi. Nhưng trong ảnh, hai cây bạch dương chỉ còn là những vệt xám lục mờ nhạt lớt nền cho chiếc áo thun cổ lật màu huyết dụ của tôi nổi bật lên. Tấm ảnh đó được tôi cho đăng ở bìa sau của quyển 2 trong bộ “Chân Dung Những Tiếng Hát”, sắp chung với các tấm ảnh của một vài ca sĩ ở hải ngoại. Tấm ảnh ấy còn được đăng trên Hợp Lưu khi tạp san này đăng bài nhận định của tôi về quyển truyện dài “Xứ Nắng” của Lê thị Thắm Vân.

Cũng lần hạnh ngộ đầu tiên, Vũ bảo tôi rằng anh rất thích truyện ngắn quái dị (conte fantastique) của tôi đã từng đăng trên tạp san Văn Học cách đó không lâu (truyện ngắn “Hai Khuôn Mặt”). Vũ cũng bảo rằng anh thích truyện “Bèo Bọt” của tôi cũng đăng trên Văn Học, nhưng truyện này không thuộc loại fantastique.

Lần thứ hai, trong buổi dạ yến thết đãi học giả Nguyễn Ngọc Bích tại quán Đào Viên, Vũ cũng bàn với tôi về truyện fantastique. Và rồi cũng tại quán Đào Viên, trong bữa dạ yến thết đãi nhà văn Viên Linh, Vũ lại cũng đem truyện fantastique ra làm đề tài câu chuyện văn chương. Và thêm một lần nữa, trên nhị cá nguyệt san Hợp Lưu (số đầu tiên), anh vẫn còn nhắc tới truyện “Hai Khuôn Mặt”. Truyện này chỉ có nữ ca sĩ Quỳnh Giao và Trần Vũ có thể giao cảm với ý tình được tác giả đưa vào truyện. Cho đến vào buổi sáng chớm xuân 2007, cách đó 18 năm, trong cuộc điện đàm, Trần Vũ vẫn chưa quên cái đặc sắc của loại truyện quái dị vì chính anh cũng đã viết toàn bộ truyện ngắn fantastique đã đăng rải rác trên tạp san Hợp Lưu. Nhưng Vũ không cho rằng đó là loại truyện quái dị mà là truyện thuộc trường phái siêu thực (le surréalisme). Vũ trách tôi:

- Sao anh An không dùng chữ “huyền ảo” hay “siêu thực” ? Hai tiếng “quái dị” nghe péjoratif (xấu xa, tiêu cực) làm người ta tưởng mình viết chuyện ma.

Chuyện siêu thực! Chuyện huyền ảo! Điều ấy đã quyến dụ tôi vào một ý niệm lạ lẫm khi tôi xem quyển “Demian” (1919) của Hermann Hesse. Đây là câu chuyện một thiếu niên đẹp trai xa lạ như từ một hành tinh nào tới cùng với bà mẹ tên Eve vốn có một nguồn cội huyền ảo, một tung tích mơ hồ. Eve là một mỹ phụ trung niên không theo đạo nào hết, đối đãi với cậu học sinh Emile Sinclair bằng niềm thương mến cảm thông, nửa-như-người-tinh-nửa-như-người-mẹ. Còn Demian dạy cho cậu trai Emile Sinclair đang độ hoa niên bằng những lời khuyên nhủ độc đáo: khuyh đảo cái nhân sinh quan lẫn cái đạo lý cổ truyền bất biến từ trước. Đừng theo gương cha mẹ cậu ta, phải tự chống đối để tìm gặp chính mình, hãy thị hiện cùng một lúc cái thánh linh và cái mầm ác quỷ của chính mình, phải vượt qua cái hỗn mang để tỏ ra xứng đáng mình đã hoàn thành cái định mệnh riêng biệt của mình...

Chương chót quyển sách đập mạnh vào cõi ấn tượng của độc giả: Trong Đệ nhất Thế Chiến, Demian và Emile cùng nhập ngũ nhưng ở hai nơi cách nhau thật xa. Trong một đêm trăng tại doanh trại, Emile ngắm trăng; thỉnh linh trái đạn súng cối từ trên trời nổ văng miêng tung tóe.

Cậu bị thương. Trong cơn mê sảng, cậu thấy chót Demian nằm trên giường kế bên. Demian an ủi cậu và chuyển cái hôn thương mến của bà Eve gửi cho cậu. Khi Emile tỉnh dậy thì giường kế bên không có Damian mà chỉ có một thương binh khác.

Các thức giả nhận định rằng Demian là một “Quỷ Vương bằng hữu” (Lucifer amical), còn nữ nhân vật Eve trong truyện vẫn là “bà mẹ nguyên thủy” (la mère originelle) như bà Eve trong phẩm Sáng Thế Ký của Thánh Kinh Cựu Ước. Cái huyền ảo, cái siêu thực trong truyện là một vũ trụ không biên giới chứa một triết lý viển thâm: Cái thiêng liêng, cái huyền nhiệm của hiện hữu vừa là Đức Chúa Trời Jéhovah vừa là Quỷ Satan. Đức Chúa Trời hiện diện ở một nửa thế giới với tất cả vẻ huy hoàng tuyệt hảo. Nhưng bóng tối vốn là môi trường của Satan chiếm một nửa thế giới còn lại, cũng vẫn đáng cho chúng ta kính mến vì không có bóng tối thì ánh sáng dựa vào đâu mà hiện hữu? Dựa vào đâu mà đưa chúng ta vào cái khái niệm về sự có mặt của ánh sáng? Một khi chúng ta trải qua sự hỗn loạn tâm linh, trải qua cuộc thánh hóa cam go sau khi tẩy sạch thân tâm, chúng ta sẽ hòa nhập vào vũ trụ. Cái vũ trụ đó nào có ở đâu xa mà ở sẵn trong tâm hồn chúng ta, sống tiềm ẩn trong góc sâu kín nhất của nội giới chúng ta, thỉnh thoảng nó hiện vào cơn chiêm bao mộng mị của chúng ta.

Hãy tìm cái vũ trụ nguyên vẹn chính ở nơi ta bằng cách nhìn sâu vào ta qua công việc trầm tư mặc tưởng.

Rất tiếc, trước 1975, bên quê nhà không có ai dịch tác phẩm “Damian” này ra Việt ngữ. Đây là tác phẩm mở màn cho một loạt tác phẩm triết học và tâm linh như “Siddharta” (“Hành giả Sĩ-đạt-ta”, 1922), “Le Loup de Steppe” (“Chó Sói Miền Hoang Dã”, 1927)... Hermann Hesse đoạt giải văn chương Nobel năm 1946.

Như thế, có lẽ Trần Vũ nghĩ rằng chỉ có truyện fantastique mới dung chứa các tư tưởng thăng hoa vượt trội hơn các nhân sinh quan trong các loại tiểu thuyết tân hiện thực. Cái dung chứa của nó như cái vựa bao la mà tiểu thuyết tân hiện thực không thể đào sâu được. Nhân vật hư cấu, cốt truyện giả tưởng dưới ngòi bút một nhà văn lỗi lạc có thể mở rộng một thế giới mênh mông, không cần ba yếu tố Chân, Thiện, Mỹ soi gương cho nhau mới làm nên tác phẩm vĩ đại.

\*

Tôi qua định cư bên xứ Pháp thì đọc giả Pháp ít ai nói tới những nhà văn các trường phái mới mà tôi đã đọc loáng thoáng trong các bài viết của Giáo sư Nguyễn Văn Trung và nhất là trong cuốn “Tiểu Thuyết Hiện Đại” của Tràn Thiên (một bút hiệu khác của Võ Phiến). Đó là nhóm Tiểu Thuyết Mới gồm Michel Butor, Claude Simon, Alain Robbe Grillet, Bernard Henri Levi, Nathalie Sarraute, Simone de Beauvoir, Marguerite Duras... Tài tử điện ảnh Jean Paul Belmondo kịch bản văn chương của Alain Robbe Grillet. Ký giả kiêm văn gia Jean Cau nhạo báng cách viết của Claude Simon. Những nhà trí thức bảo thủ Tây Âu cho rằng văn chương của các tác giả thuộc trường phái mới của Pháp viết quá giả tạo và gây nhầm lẫn phiền nhiễu cho người đọc. Dư luận các nước Tây Âu lúc đó đang xôn xao về người Việt của Miền Nam Việt Nam liều chết vượt biển để tìm tự do. Cho nên các nhà văn nổi tiếng Tây Âu trước đó đã nhúng tay vào cuộc phản chiến với Hoa Kỳ, bắt đầu bị đọc giả đặt lại vấn đề. Chính các người cầm bút này cũng đang đặt vấn đề đối với Cộng Sản. Những bức cầm nang bìa đỏ như son tươi ca tụng chủ nghĩa Mao Trạch Đông (cuốn “Đông Phương Hồng”) bị các dân Pháp theo đuôi ông Mao vứt vào sọt rác. Nữ sĩ Hàn Tố Anh (Han Suyin) trước khi mù Giang Thanh thất thế, ca tụng mù xả lạng, nhưng bấy giờ nữ sĩ lại đứng lên chia môi nhơn mỏ chỉ trích lại mù Hoàng Hậu Đỏ kia mà nữ sĩ đã từng nịnh bợ lúc mù thịnh thời. Can đảm chịu lên hệ thống truyền thông để “nhận tội” chỉ có triết gia André Glucksman và triết gia kiêm nhà văn rất bơ trai là Bernard Henri Levi.

Văn chương Pháp vào hai thập niên 70, 80 không còn chạy theo trường phái hay theo một miết gì nữa, mà chỉ biểu dương sức sống mãnh liệt và thần trí sáng tạo rục rờ. Nhưng không ai gây phong trào sôi nổi cả. Đây là lúc người ta tìm hiểu văn chương Nhật Bản qua tác phẩm của Yasunari Kawabata, của Yukio Mishima. Người ta dịch sách văn chương của Trung Quốc qua các tác phẩm của Lỗ Tấn, Lao Xá, Ba Kim, nữ sĩ Đinh Linh, nữ sĩ Trương Ái Linh. Người

ta (trong đó không có tôi) đọc văn chương của các nhà văn đồng thế hệ với tôi như Michel Tournier, Patrick Modiano, Didier Decoin (con trai của điện ảnh gia Henri Decoin), nữ sĩ Françoise Mallet-Joris... Và dù là thẩm nhàn văn hóa cổ điển, nữ sĩ Marguerite Yourcenar (gốc Bỉ), trước đó là người đàn bà đầu tiên được chọn vào Hàn Lâm Viện Quốc Gia, vào thập niên 80 lại được nói tới nhiều nhất. Người ta coi thường ông Jean Paul Sartre. Người ta nghiên cứu hệ thống tư tưởng của triết gia Michel Serres... Đa số dân chúng các nước Tây Âu đã được giải quyết vấn đề tự do tình dục cùng những tự do tinh thần khác, đồng thời cũng biết rõ chân tướng của chủ nghĩa Cộng Sản.

Tôi không biết Trần Vũ bắt đầu cầm bút vào lúc mấy tuổi. Nhưng tôi biết khi qua Pháp ít lâu, anh bắt đầu cộng tác với các tạp san có giá trị. Lúc đó, anh hãy còn trẻ lắm, chưa tới tuổi 25. Anh sáng tác rất ít, nhưng tên tuổi lại đi sâu vào lớp độc giả có trình độ thưởng thức văn chương cao. Trường hợp của Vũ làm tôi liên tưởng đến nhà văn Raymond Radiguet trong thời kỳ Les Années Folles (Những Năm Cuồng Si / thập niên 10 của Thế kỷ 20) bên Pháp. Cuốn "Le Diable au Corps" (Quỷ Nhập Thân Xác) của Raymond Radiguet không được phổ biến bên xứ Việt Nam chúng ta vì không có ai dịch ra Việt ngữ. Tên tuổi của tác giả lại chìm lìm trong tên tuổi các nhà văn lớn như André Gide, Marcel Proust, François Mauriac, Jean Cocteau, André Maurois, André Malraux... Nhưng vào thập niên 20 của Thế kỷ 20, Raymond Radiguet gây xi-căn-đan dữ dội như cuồng phong bạo vũ, như địa chấn hồng thủy trong văn giới Âu Châu. Raymond Radiguet cho trình làng tác phẩm "Le Diable au Corps" vào lúc anh ta mới 20 tuổi (năm 1921), đoạt giải Nouveau Monde (Tân Thế Giới) vào năm 1923 và chết cũng vào năm ấy. Bảy tháng sau (tháng 7 năm 1924), tác phẩm thứ hai của anh ta nhan đề là "Le Bal du Comte d'Orgel" ("Buổi Khiêu Vũ của Bá tước Orgel") lại được in thành sách. Quyển di cảo này không gây tiếng vang sâu rộng nào.

Trong cuộc tuyển chọn của ban giám khảo chấm giải thì có 4 phiếu (của Jean Cocteau, Bernard Fay, Max Jacob, Jacques de Lacretelle) chấp thuận, nhưng có 3 phiếu (của Paul Morand, Jean Giroudoux, Valery Larbaud) chống đối.

Quyển "Le Diable au Corps" vào năm 1947 được điện ảnh gia Claude Autant-Lara thực hiện thành phim, đưa tên tuổi nữ tài tử Micheline Presle lên hàng ngũ thượng thặng của các nữ minh tinh điện ảnh nước Pháp và thấp thêm hào quang cho nam tài tử Gérard Philipe. Cuốn phim này trở thành phim culte (phim đáng tôn thờ) của điện ảnh Pháp, và khi được chuyển âm qua tiếng Anh và chiếu trên đất nước Hoa Kỳ, cuốn phim này gặt hái thành quả rực rỡ về nghệ thuật cũng như về tài chánh.

Trần Vũ có lẽ xuất hiện trên văn đàn Việt Nam ở hải ngoại cũng lộng lẫy như ở trường hợp của Raymond Radiguet. Nhưng anh cầm bút trẻ hơn nhà văn thiếu niên của nước Pháp này vì từ tuổi 15, Raymond Radiguet đã bắt đầu viết báo rồi. Tác phẩm thứ nhất của Radiguet trội hơn cuốn di cảo của anh ta. Trái lại, cuốn thứ hai "Cái Chết Sau Quá Khứ" của Trần Vũ trội hơn cuốn đầu "Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu". Trần Vũ chỉ cần hai tác phẩm mà trở thành nhà văn có tầm vóc và được văn giới tán thưởng nồng nhiệt. Còn Raymond Radiguet chỉ cần cuốn "Le Diable au Corps" mà đứng ngang hàng với các nhà văn tiếng tăm lừng lẫy vào thời đại Les Années Folles. Cũng vậy, vào thời sơ điệp nhà Đường, nhà thơ Vương Bột với tuổi 17, chỉ cần viết bài phú "Đề Vương Các" mà nổi tiếng trong thi giới, tài hoa vượt hẳn tài hoa của các thi sĩ đương thời.

Hình như tôi đã đọc đâu đó bài điểm sách của Nguyễn Quốc Trụ viết về quyển truyện dài "Cuộc Tình Trong Ngục Thát" của Nguyễn thị Hoàng. Tôi nhớ mang máng anh Trụ cho rằng quý ám thường nhập vào những thiên tài khi họ cầm bút. Riêng tôi, tôi nghĩ rằng văn chương không chỉ cần thánh nhân, Bồ-tát hay La-hán xen vào lúc nhà văn chấp bút. Nhà văn cũng cần cần những con quỷ biết sống chân thành với giấc mộng của chúng và biết sống trọn vẹn với bản ngã của chúng để chúng nhập vào họ khi họ cầm bút sáng tác.

Ở trường hợp của Raymond Radiguet và của Trần Vũ, tôi nghĩ rằng tuy cả hai không giống nhau về phương diện văn chương. Nhưng họ có một điểm chung: họ táo bạo trong việc khai

phá. Họ như những tên đao phủ gan lì dùng mã tấu chém ngã những cánh rừng quy ước đang chặng bít lối con đường khai phóng văn chương trước mắt họ. Những vết chém ác nghiệt, tàn bạo nhưng thật ngon trớn và ngoạn mục. Raymond Radiguet khi tung quyển “Le Diable au Corps” ra thị trường sách ốc cũng vẫn bị những phản ứng mạnh ở phía độc giả và phía các nhà văn bảo thủ. Có kẻ cho rằng đây là một quyển sách tồi bại nhất, dở tệ nhất. Nhưng các nhà văn danh tiếng cũng có nhiều người tán thưởng, xúm lại tạo cho đương sự những điểm tựa tinh thần kiên cố. Trần Vũ ra quân ở lượt đầu cũng có vài người chê, nhưng đa số ủng hộ anh. Cả hai, Raymond Radiguet lẫn Trần Vũ trong cuộc chổi bỏ văn chương ù lì của những kẻ đi trước, song song với cuộc lột xác đau đớn như chim hoàng yến thay lông, như rắn mai hoa cởi bỏ lớp vảy cũ, sau rốt vẫn đoạt một thành quả lộng lẫy.

Trong cuộc điện đàm mới đây tức là vào trung tuần tháng 3 dương lịch năm 2006 này. Trần Vũ bảo tôi:

- Các cây bút phụ nữ đồng thời với tụi em, ít ai dám viết dữ dằn. Tuy nhiên gần đây có Nguyễn thị Thanh Bình với tập truyện “Dấu Ấn”, Lê thị Thắm Vân với truyện dài “Xứ Nắng” viết hay lắm.

Khi làm chủ bút cho tập san Hợp Lưu, Trần Vũ giới thiệu và “lãng-xê” những cây bút mới, trong lẫn ngoài nước. Anh muốn giữ cho tập san cái vẻ tinh khôi của thần trí sáng tạo và mạnh dạn phá bỏ văn chương cũ mèm của những ai tái hồi và phục sinh nền văn chương hiện thực hay tân hiện thực hoặc là thứ văn chương hiền lành và rụt rè, không dám làm nổi bật bản ngã và bản sắc của con người. Cái bản ngã và bản sắc ấy tức là cái chân tướng của mỗi cá thể được nhà văn Romain Gary gọi là “les racines du ciel” (cội rễ của trời). Vũ đi nhanh, nhưng vẫn có nhiều bạn đồng tâm đồng chí đủ mọi lứa tuổi đồng hành theo anh. Vũ không cần lý thuyết dông dài và rườm rà. Anh chỉ chứng minh khuynh hướng và mục đích của anh qua các truyện ngắn mà anh sáng tác. Nhưng qua các văn phẩm của Vũ, một vài cây bút biên khảo bắt đầu khuynh đảo chủ trương của các cây bút tiền phong, đặt lại vấn đề về sự canh tân và sáng tạo trong văn chương. Họ hè nhau xô lui cái quá khứ buồn nản của văn chương sau lưng và cùng khai phóng một chân trời mới, phóng chiếu lên viễn ảnh một con đường mà lớp cây bút thuộc thế hệ thứ hai (trong đó có Vũ) và lớp cây bút thuộc thế hệ thứ ba phải nhắm tới, phải đi đến... Cuộc sống trong đa số truyện ngắn của Trần Vũ là những trận mưa gai trút xuống. Vũ quát tới tấp lên cuộc sống những lần roi độc địa, không phải thái độ của kẻ bạo dâm (le sadique) mà là những trận đòn làm bật sáng những phản ứng chống đối những cái trái ngang phi lý của cuộc đời.

Đó là một thái độ gây ra một sự cay đắng ngọt ngào (“l'exquise amertume”, nói theo André Gide trong quyển “Les Nourritures Terrestres”). Ở văn chương của Trần Vũ thì “l'exquise amertume” lại có nghĩa là cay đắng trong cuộc sống, ngọt ngào trong nếp khổ hạnh thần bí của nghệ thuật sáng tạo.

Nhưng thật ra Trần Vũ đâu đã dừng ở trạng thái cay đắng. Anh còn đi xa hơn nhiều, tàn bạo hơn ở lối diễn tả cùng ở nội dung và cách cấu trúc hơn nhiều. Trong truyện ngắn “Gia Phả”, chúng ta hãy đọc cảnh sinh nở khó khăn của vợ Trần Lý, tức mẹ vợ của Lý Huệ Tôn Hoàng Đế qua lời thuật của bà nữ tỳ già:

« Tôi đi ở cho tộc Trần từ lâu lắm. Từ cuối đời Lý. Lúc Trần Thị chỉ vừa cắt nhau. Đêm tháo thai, sống cảnh sinh nở đầu đời nên tâm hồn tôi ngập kinh hãi. Máu từ cửa mình vợ Trần Lý chảy xối, bắn phun tung tóe như bát canh rau rền rơi vãi trên đất. Thứ canh đỏ thẫm, lộn cợn những nhau, thịt, chất nhờn. Trần Thị giãy, vùng, đôi tay chới với cào cấu vươn tới trong động tác nắm tìm sự sống. Đã biết đi vào đời là đi vào khổ đau, tôi cũng không ngờ khổ đau to lớn tàn phá đến rách bươm cửa mình vợ Trần Lý. Mỗi cái quấy mình là một vũng máu, tràn ra, trào cho đến đầy thau. Máu bê bết chẳng khác một pháp trường. »

Mỗi một câu văn là một nhát chém vào ấn tượng người đọc. Tác giả vốn là một người hiền lành ở ngoài cuộc sống, nhưng một khi nhập vào phút cấu tứ trong lúc sáng tác, Vũ trở nên

hung bạo bất ngờ, Ngòi bút anh vét nạo hết ảo tưởng lộng lẫy của những ai đọc những tác phẩm trữ tình với cảnh mộng cảnh thơ.

Giới yêu văn chương thường cho Trần Vũ viết bạo về sex. D.H. Lawrence, Kiệt Tấn, Hồ Trường An viết những pha làm tình bằng bút pháp âu yếm nâng niu, coi chuyện ái ân như một ân sủng của tình yêu. Trái lại Trần Vũ, Lê Thị Thắm Vân lại viết những cuộc giao thoa giữa hai thân xác, hay viết về cảm ứng động tình của xác thân nhạy cảm bằng một bút pháp trắng trợn, coi ái ân như một hệ lụy. Vấn đề loạn luân giữa hai chị em họ cùng một họ Trần trong “Gia Phả”, giữa hai chị em ruột trong “Pháo Thuyền Trên Dòng Yang Tsé” có thể làm các bạn đọc giả nhăn mặt. Và cảnh cưỡng dâm cũng trong truyện ngắn vừa kể ấy làm cho chúng ta bút rút khó chịu. Nhưng đâu đã hết! Vũ phóng chiếu lên tâm tưởng chúng ta những cảnh bạo dâm trong “Mùa Mưa Gai Sắc”, trong “Phố Cổ Hội An” bằng những hình ảnh sắt máu, bằng bút pháp lạnh lùng và tàn nhẫn làm chúng ta hải hùng khiếp đảm.

« Đem ở phủ Chúa, Huệ bước chân lên lầu Tử Cáo, lòng âm ỉ cơn say. Sống với Huệ hơn tháng, Ngọc Hân đã biết những thói quen chạ của Huệ. Thói quen của chứng bệnh thường thấy đi kèm với bệnh cuồng sát. Lặng lặng, tự nguyện, không đợi Huệ bắt, nàng cởi xiêm áo đến quỳ trước chân giường. Cái liếc mắt của Ngọc Hân ném về phía Huệ sắc đến nỗi gai. Huệ lấy roi, không phải dây đai của đêm hợp cần, mà là thứ roi gai của quân tượng dùng quát voi khi lâm trận. Ngọc Hân uốn lưng đợi, tóc xòa chảy xuống nền đá, không trang sức, không cả chiếc vòng kiềng cổ truyền của con gái Bắc Hà, chỉ dấu thẹn đỏ do sắt nung ở vai. Vết thẹn đã lên da non nhưng đoán được dấu tử ấn của Huệ. Hai ba tấm màn gấm dụ buồng quanh chỗ Ngọc Hân quỳ, Huệ tiến tới một bước, hai bước, rồi vung tay quát. Đầu roi vút tiếng rít như rạch rách tấm màn gấm. Ngọc Hân oằn người bấu cứng lấy trụ giường. Huệ đã say máu, những chấm máu li ti tím bầm nổi trên lưng Ngọc Hân trông như những vết ong đốt, hay những giọt mực son đỏ trên lên vũng sữa. Huệ vung tay tới tấp.

Khác với đêm hợp cần, Ngọc Hân rên rỉ, oằn oại kêu rất lớn. Nhưng nếu Ngọc Hân đau đớn, thì nỗi đau đớn đầy dắc thặng. Huệ quát roi như một kẻ suốt đời hành nghề tra tấn, không được đánh người thì không biết phải làm gì. Huệ bị ràng buộc vào người đàn bà mà mãi mãi từ đây, hằng đêm Huệ phải tìm đến. Khuôn mặt Huệ toát ra vẻ mãn nguyện, thỏa mãn. Huệ chỉ buông roi khi Ngọc Hân đã ngã khụy dưới chân giường. Cảnh giao hoan của Huệ với Ngọc Hân, cũng không là cảnh cưỡng bức ban đầu, nếu dáng ngồi đê của Huệ vẫn in dáng hổ nhai mồi, thì hai cườm tay Ngọc Hân quán chặt lấy cổ Huệ, và trên lưng Huệ đầy những vết cào của một con sư tử cái. »

\*

Về lối viết dữ dằn, hồi tiền chiến có Nam Cao. Về sau, sau hiệp định Genève, ở Miền Nam Việt Nam có Thanh Tâm Tuyền (qua các quyển “Khuôn Mặt”, “Cát Lầy”, “Độc Đường”, “Mù Khơi”, “Tiếng Động”...), Duy Thanh (qua quyển “Cầu Thương”), Dương Nghiễm Mậu (qua các quyển “Cũng Đành”, “Gia Tài Người Mẹ”, “Tuổi Nước Độc”). Ra hải ngoại, có Trần Vũ mở đường lối viết dữ dằn thật hoành tráng... Trước Vũ có Thế Giang (qua quyển “Thằng Người Có Đuôi”). Về sau đồng hành với anh có Nguyễn văn Thà (qua quyển “Người Thích Nhìn Vú”), Hàn Song Tường (qua quyển “Ở Một Nơi Khác”), Nguyễn thị Thanh Bình (qua một số truyện ngắn trong quyển “Dấu Ấn”), Lê thị Thắm Vân (qua 2 quyển “Xứ Nắng”, “Âm Vọng”, “Bóng Gãy Của Thần Tích”)... Tuy nhiên, Thế Giang dù là viết như lia một đường gươm hùng tráng và khốc liệt vào xã hội, nhưng vẫn chưa thoát khỏi cái vòng văn chương hiện thực và chẳng những không đi sâu vào nhân sinh quan đặc thù mà còn chưa vươn lên cái tiềm năng khủng khiếp của những bí ẩn màu nhiệm ở mỗi con người.

Lớp nhà văn thuộc thế hệ trước thế hệ Trần Vũ trên 50 năm, đã từng đọc lối văn chương dữ dằn của Yukio Mishima (qua quyển “Kim Các Tự” mà người dịch bằng Pháp ngữ ban cho cái tựa là “Le Pavillon d’Or”), của Kôbô Abé (qua cuốn “Người Đàn Bà Trong Vực Cát”) (\*). Nhưng chỉ có Nam Cao, Thanh Tâm Tuyền, Duy Thanh và Dương Nghiễm Mậu đã hàm hồ lên



đường và đi suốt cuộc bút trình của mình. Văn chương của họ đi sau văn chương Nhật Bản khá xa, lại không có dấu hiệu nào cho chúng ta thấy có những kẻ nối bước theo họ. Nhưng mà may thay, Trần Vũ trong 5 năm cuối của thập niên 80, đã xuất hiện và khởi sự lên đường. Qua thập niên 90 của thế kỷ 20, chẳng có nhà văn trẻ nào hưởng ứng với anh. Phải đợi sang qua 5 năm đầu của thế kỷ 21 mới có Nguyễn Văn Thà, Hàn Song Tường, Nguyễn Thị Thanh Bình và Lê Thị Thắm Vân khởi sự đồng hành cùng anh.

Nhưng có một vấn đề cần phải đặt ra: Yukio Mishima viết văn để hiển lộ tinh thần Võ Sĩ Đạo và sự phá chấp của Pháp môn Thiên Tông bên Phật Giáo. Còn Dostoievski viết dữ dằn để làm hiển lộ cái Bí Giáo của Thiên Chúa Giáo (Thiên Chúa Chính Thống / Orthodoxe). Ông Dost. phơi bày sự pha trộn Thiên thần và Ác quỷ ở mỗi con người và niềm tin tưởng vô biên của ông đối với kẻ có tín ngưỡng. Cái triết lý và cái sở tri tâm linh của ông Mishima và ông Dost rất sâu sắc theo từng hành động và từng ngôn ngữ của mỗi nhân vật của họ. Trần Vũ chỉ có phơi bày những máu me, tinh khí và ác mộng, không một khái niệm hưởng thượng nào. Tôi xin nhấn mạnh: Vũ không nhắm vào văn chương tư tưởng (triết học và tâm linh). Đó là những điều vượt cái vốn liếng kiến thức của anh. Vũ viết khơi khơi theo đà lồi cuốn của con quỷ bạo dâm và con quỷ loạn luân tiềm ẩn trong anh thôi thúc. Từ bao lâu nay, có vài phê bình gia cho rằng nào là văn chương anh có tư tưởng, nào là văn chương anh siêu việt đối với lớp nhà văn trẻ ở hải ngoại. Nhưng tư tưởng gì đây, nếu không là sự từ bỏ văn chương hiện thực và văn chương tân hiện thực? Do đó, sự đổi mới của Vũ không có nghĩa biến anh thành nhà văn có tư tưởng mà chỉ tạo cho anh chút ít đặc sắc trong cuộc bút trình, thế thôi! Cái đặc sắc đó cũng đủ làm anh hãnh diện rồi. Chúng ta không nên đòi hỏi nhiều ở Vũ và cũng không nên tấn phong anh trên chiếc ngai vua chỉ thép vàng chứ không phải được bọc một lớp vàng thật.

Trần Vũ vốn có tính khiêm tốn. Anh không chịu nổi những lời tâng bốc quá đáng vì văn chương anh như bóng đèn 40 watts không thể chịu nổi như lời tán tụng tùm lum tà la mà không dựa vào tiêu chuẩn nghệ thuật. Những lời tán tụng đó như dòng điện 60 watts hay dòng điện 100 watts có thể làm nổ vỡ bóng đèn, người ạ!

### France

Chú thích:

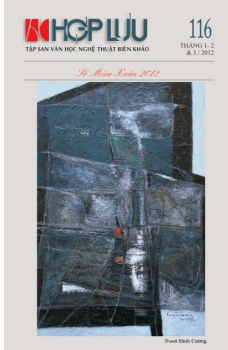
(\*) Tôi không hiểu cái tựa tiếng Nhật của quyển sách ra sao, chỉ biết cuốn phim phỏng theo quyển tiểu thuyết này được người phụ đề Pháp ngữ ban cho cái tựa là "*La Femme des Sables*". Vào 3 năm cuối của thập niên 70, nữ sĩ Trùng Dương dịch là "*Người Đàn Bà Bên Cồn Cát*", nhưng bối cảnh trong truyện và trong phim là cái vực cát sâu thăm thẳm.

(\*\*) Tập truyện "*Cái Chết Sau Quá Khứ*" được dịch là "*La Pluie d'Épines*" / "*Trận Mưa Gai*" do nhà xuất bản Edition Philippe Picquier trình làng. Nhà xuất bản này chuyên dịch các tác phẩm của các tác giả ở các xứ Viễn Đông, nhưng đa số là các dâm thư rẻ tiền của Trung Hoa như "*Si Bà Truyện*" / "*Vie d'une Amoureuse*" / "*Bà Ngọc Si Tình*", "*Les Moines et les Nonnes dans la Mer des Douleurs*" / "*Tặng Ni Nghiệt Hải*" (chuyện bọn dâm tăng và dâm ni trong biển nghiệp chướng) của Đường Bá Hổ, "*Biographie du Prince Ruyi*" / "*Như Ý Quân*" (chuyện anh chàng Tiết Ngao Tào có cái dương vật to khủng khiếp nên được Nữ hoàng Vũ Tắc Thiên sủng ái). Những truyện này xuất xứ từ triều đại nhà Minh, nhà Nguyên nên không dám đề tên tác giả. Riêng Đường Bá Hổ là một danh họa. Bức tranh nổi tiếng của ông là "*Hải Đường Xuân Thụ*" (Giác ngủ mùa xuân của hoa hải đường).

\*\*\*

## Phụ đính II

### Khánh Trường và Hợp Lưu



Cách đây 12 năm, tháng 10-1991 họa sĩ Khánh Trường sang Pháp ra mắt Hợp Lưu số đầu tiên. Đón anh ở phi trường, tôi nhận ra ngay nhân vật Khánh của Có Yêu Em Không. Nhân vật làm tình kinh khiếp trên căn gác gỗ với em gái của đồng đội hầy còn quàn ở nhà dưới trong mùi nhang khói tang tóc luồn qua kẽ hở, nhân vật mỗi chiều say đắm phóng xe lao vào căn hầm miệt Phú Thọ Hòa đi tìm tình yêu và cái chết. Khánh Trường với Khánh là một. Một con người và một nhân vật với tất cả liều lĩnh khinh mạn, nửa hảo hớn, vừa du đãng, chất ngất đam mê nhưng cũng bất cần đời và đôi lúc biết mất dạy. Buổi sáng đó, mái tóc dài *mafia*, Khánh Trường mang hình ảnh Franco Nero trong Miền viễn Tây bước ra khỏi sân bay ngang tàng với ...thùng tạp chí Hợp Lưu trên xe đẩy.

Những ngày sau tôi khám phá anh là type *Django* như tôi ưa thích. Tôi cũng thích có một người anh chịu chơi như vậy, đầy thói hư tật xấu nhưng biết hiên ngang bao che cho đứa em khi cần thiết. Tất cả bắt đầu bằng lá thư anh gửi đến bằng hữu mùa hè năm 91. Lá thư kêu gọi đổi mới cho sinh hoạt văn học VN ngoài nước. Lá thư từ bỏ thái độ qua sông chặt cầu, phong tỏa bao năm của hội đoàn. Lá thư công nhận sự hiện hữu của con người VN sau 75 trên quê hương, cho dù con người đó không Quốc Gia, không Cộng Hoà. Anh chép tay thêm dòng chữ: *Vũ thích gì viết ấy, cứ viết, có anh hứng mũi chịu sào.* Và chỉ với dòng chữ ngắn đơn giản này anh đã quyến rũ được tôi, lôi về mình biết bao người viết trẻ đạo đó. Trần Sa, Lê Thị Thắm Vân, Vũ Quỳnh Nh., Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Thị Ngọc, Phạm Chi Lan, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Hoàng Nam, Hoàng Mai Đạt, Đỗ Kh., Trầm Phục Khắc, Ngọc Khôi, Hồ Đình Nghiêm, Vũ Đình Kh., Vĩnh Hảo... chứng minh sự thành công này.

Hợp Lưu như thế chánh thức ra đời trong hiệu phở Thụ quận 13. Nhưng khác với Võ Phiến khi làm tạp chí Văn Học Nghệ Thuật bộ cũ, buổi chiều tháng 10-1991 khi Khánh Trường bước chân vào hiệu phở gọi một tô chín nạm, văn chương Việt ngoài nước đã bắt đầu một thập niên thương khó. Những năm 78-79, tuy chưa có computer, chưa internet, chưa font chữ Việt, mọi thứ còn chép tay, đánh máy bỏ dấu tay, sách bày chung với thực phẩm, người viết người đọc rải rác, đầy khó khăn - nhưng Võ Phiến đã lên đường với niềm nhớ quê hương mãnh liệt không nguôi vô bờ bến của cả một lớp người di tản. Mọi người trân trọng chữ Việt, yêu quý, ôm ấp gìn giữ chữ Việt, thứ chữ Quốc ngữ của một đám đông vừa đánh mất tổ quốc. Thời điểm 91, chữ «Phở» trên thực đơn phở Thụ viết với dấu ngã. Tiếng Việt đã không còn là quốc ngữ, mất thiêng, không mấy ai quan tâm và rất nhiều pha Anh, Pháp vào trong câu chuyện. Chữ Việt giản dị chỉ là chữ viết của một sắc tộc thiểu số sinh sống ở Âu Mỹ, hay quốc ngữ của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà xa lạ nào mà mọi người bắt đầu du lịch. Chữ Việt in trong số Hợp Lưu ra mắt là thứ chữ không còn có thể dùng để hái ra tiền, một thứ từ ngữ.

Chị Thụy Khuê mời tôi với anh và bác Mai Thảo ăn phở trước để dần bụng tiếp khách. Tôi hỏi Mai Thảo : Bác thấy phở hải ngoại có bằng phở Sài Gòn ngày xưa? Phở bên này ít nước, mau nguội bánh. Mai Thảo âm ừ trả lời. Ông chỉ *hút* một cọng phở duy nhất. Tô phở của chị Thụy Khuê, của tôi, của anh Khánh Trường cũng nguội nhanh. Nguội nhanh như văn chương hải ngoại đang lạnh dần.



Gần 10 năm trước, 1982 năm Mai Thảo quyết tâm tục bản tạp chí Văn, sinh hoạt văn học hải ngoại chưa nguội, ngược lại bắt đầu hâm nóng. Người Việt đã bắt đầu an cư sống tập quần. Tuy các cây viết mới hãy còn hiếm, Mai Thảo đầu đàn của văn nghệ miền nam quy tụ dễ dàng các bạn bè của ông. Con hùm xám Vũ Khắc Khoan, Thanh Nam, Mặc Đỗ, Nghiêm Xuân Hồng, Tuý Hồng, Viên Linh, Nguyễn Đông Ngạc, Trang Châu, Tạ Tỵ, Trần Ngọc Ninh, Hà Huyền Chi, Du Tử Lê, Ngô Thế Vinh, Nguyễn Xuân Hoàng, với Bình Nguyên Lộc qua sau... là những gương mặt nổi tiếng của miền nam một thời. Bằng kinh nghiệm của một chủ bút tài hoa lấy lừng, Mai Thảo nhanh chóng khám phá, thừa nhận và thúc đẩy những ngôi bút nữ: Lê Thị Huệ, Phan Thị Trọng Tuyền, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Trần Diệu Hằng, Phạm Thị Ngọc, Cao Bình Minh sẽ làm nên hiện tượng nữ sau đó. Không chỉ phát hiện những cây bút nữ, mục Người Viết Trẻ mỗi tháng giới thiệu một gương mặt mới, có tháng trong cùng một số báo có đến 4 người viết mới Nguyễn Thạch Giang, Ý Ngôn, Vũ Phương Nam, Đặng Mai Lan. Suốt 6 năm 82-87 tạp chí Văn không thiếu sáng tác, không thiếu người viết lẫn sự trợ giúp đồng đảo của các văn hữu.

Sau Mai Thảo, tạp chí Làng Văn trình làng. Làng Văn thừa hưởng không khí bừng bừng khí thế của một cộng đồng đang độ tăng trưởng chín muồi sung mãn, kèm nỗi nhớ nhà nóng bỏng của lớp người mới vượt biên. Một tạp chí mới, một lớp độc giả mới với một tâm tình mới. Huyền Châu, Tuệ Nga, Hồ Trường An, Ngô Nguyên Dũng, Nguyễn Ngọc Ngạn, Lê Văn Lân, Ngọc Khôi, Nguyễn Tấn Hưng, Thái Văn Kiểm, Võ Kỳ Điền, Nguyễn Văn Ba, Trần Long Hồ, Phan Ni Tấn, Luân Hoán, Lâm Hảo Dũng, Diệu Tần, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Đức Bạt Ngàn... đem đến cho Làng Văn những độc giả trung thành trường kỳ. Những năm 84-89 thời kỳ cực thịnh, Làng Văn thành công rực rỡ, số bán vượt xa các tạp chí khác. *Người Làng đông như trẩy hội* như nhà báo Nguyễn Hữu Nghĩa nhận xét.

Cùng thời gian đó, 1985 Võ Phiến tục bản Văn Học Nghệ Thuật bộ mới, rời từ tháng giêng 86 đổi tên là tạp chí Văn Học do Nguyễn Mộng Giác điều hành có thể xem là tạp chí uy tín nhất của giai đoạn 85-88. Đa số những bài viết xuất sắc đều xuất hiện trên diễn đàn này và bên cạnh những nhà văn cộng tác trụ cột thường xuyên Nhật Tiến, Võ Đình, Lê Tất Điều, Định Nguyên, Tường Năng Tiến, Võ Phiến, Nguyễn Bá Trạc, Hà Thúc Sinh, Nguyễn Tất Nhiên, Thế

Uyên, Hoàng Khởi Phong, Trần Hoài Thư, Hoàng Ngọc Tuấn, Nguyễn Xuân Hoàng xuất hiện vô số người viết mới: Khế Lâm, Ngu Yên, Phạm Việt Cường, Phan Tấn Hải, Kiệt Tấn, Thường Quán, Cao Xuân Huy, Trịnh Y Thư, Nguyễn Đức Lập, Nguyễn Ý Thuần, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Mạnh Trinh, Trần Trúc Giang, Trần Thị Kim Lan, Trần Thị Lai Hồng, Trần Sa, Lê Bi, Vũ Huy Quang, Trương Vũ, Thế Giang, Trần Vũ, Đỗ Kh., Mai Kim Ngọc, Vũ Quỳnh Hương, Nhược Thủy (Y Chi)... Cũng chính trên diễn đàn này khởi đầu nền phê bình ngoài nước qua các bài viết đầu tiên của Thụy Khuê, Bùi Vĩnh Phúc và Nguyễn Hưng Quốc. Như thế đã ra đời trong hoàn cảnh vô cùng thuận tiện, với một nguồn nhân lực mới mẽ hùng hậu đang trong giai đoạn khởi viết.

Trường hợp Hợp Lưu khác hẳn. Hợp Lưu ra đời khi đa số những tác giả kể trên, một số đã bỏ cuộc, một số đông khác các sáng tác hay nhất của họ đã viết xong. Giống Mai Thảo nhận xét phở hải ngoại *ít nước, mau nguội*. Lý do quá nhiều bánh, quá nhiều thịt, nhưng *ít nước*. Nhận định đó đúng cho giới sáng tác Việt sống ngoài tổ quốc. Đã nhiều bài viết lý giải những khó khăn của người sáng tác bị cách ly khỏi quê hương. Chất liệu sáng tác sáo cũ, ngôn ngữ mẹ đẻ mỗi ngày một nghèo đi, kinh nghiệm quê nhà thiếu cập nhật, sự hội nhập dần dần tính hoài niệm hao mòn dần căn cước gốc, không nhuận bút, không độc giả, ít sinh hoạt chung đưa đến tình trạng băng giá. Đó là những nguyên nhân nội tại, nguyên do bên ngoài nhiều hơn nữa: Tranh sống kiếm cơm, viết văn tay trái tối chủ nhật, biến động Đông Âu đưa đến hoang mang, văn chương trong nước.. bất ngờ đổi mới cạnh tranh bất chính, khủng hoảng kinh tế thất nghiệp khiến mãi lực mua bán của độc giả giảm... Hợp Lưu chào đời trong hoàn cảnh tăm tối đó.

Năm 91 là năm khởi đầu của nhiều bài viết cảnh giác thái độ nhàn nhả cảm chùng trong sáng tác, tranh cãi hay kết án *những vòng tường ghetto* bao vây. Điều đó chứng minh sau một thập niên khởi sắc, sáng tác hải ngoại gặp khủng hoảng. Trong tình trạng thụt lùi như vậy, *làm báo chỉ từ chết đến bị thương* giống họa sĩ Khánh Trường than. Nhưng đó chỉ mới là khó khăn riêng của một bộ môn sáng tác, những sáng tác mà Khánh Trường luôn luôn rất cần cho những số Hợp Lưu nối tiếp. Còn nhiều khó khăn khác.

Buổi tối ra mắt Hợp Lưu trong hiệu phở Thu là một buổi tối thành công kỳ lạ. Đông đến mức quán hết chỗ, mọi người phải đứng và lần đầu tiên tôi thấy Mai Thảo bị dịch giả Kim Lefèvre quay. Đông, vui, như cơn say quên trời đất của Kiệt Tấn, như ánh mắt hấp háy lạc quan sau lớp kính ve chai của nhà nhạc học Nguyễn Thiên Đạo; nhưng nụ cười tươi của chị Thụy Khuê không khỏa lấp những lo lắng cho ngày mai. Hơn ai hết chị Khuê biết rõ khả năng tài chánh của Hợp Lưu. Hơn ai hết chị hiểu rõ áp lực của hội đoàn đảng phái. Họa sĩ Khánh Trường hùng dũng trấn an: Chị cứ yên tâm, tôi không thua đâu.

*Tôi không thua đâu*. Có lẽ đây là câu trả lời chính xác nhất vì sao và tại sao chuyển động Hợp Lưu thành công và tạp chí đứng vững suốt 12 năm. Câu trả lời này xác định cá tính đặc biệt của người chủ biên tạp chí.

Để hiểu quyết tâm của Khánh Trường, phải sống trở lại bối cảnh của cộng đồng VN đầu thập niên 90. Chưa khi nào áp lực của hàng trăm hội đoàn mạnh đến như vậy. Việc cướp máy bay, rải truyền đơn rồi nhảy dù xuống Việt Nam của Lý Tống (xảy ra sau vài số Hợp Lưu) biểu trưng tất cả tinh thần quang phục đất nước lúc đó. Phải đọc tất cả các báo Việt ngữ xem *affaire* Lý Tống là một thiên anh hùng ca, phải đi giữa đường phố Bolsa rợp lá cờ vàng để hiểu hành động làm tạp chí Hợp Lưu của Khánh Trường là một hành động can đảm. Phải trông thấy cảnh cuốn sách Trăm Hoa Vãn Nở Trên Quê Hương bị lôi trên đất và đốt cháy để hiểu bầu không khí quá khích bao trùm nặng nề lúc đó. Điện thoại chửi bới nửa đêm, fax văng tặc, mail hăm dọa, thư nặc danh, đập kính xe là thực đơn hằng ngày. Cùng với Hợp Lưu, tạp chí Trăm con của Trần Sa và Tư Đồ Tuệ cũng trong chiều hướng giao lưu đã không chịu nổi áp lực phải đình bản. Áp lực đến nỗi, khi cho xuất bản Cánh Cửa, nhà văn Nhật Tiến trả lời phỏng

vấn đã thẳng thừng chua chát: Nhà văn VN ngoài nước không có tự do sáng tác! Trước đó, chỉ với Mùa Biển Động với một chương tả người lính VNCH say rượu đeo râu tai xác chết cắt quanh người, Nguyễn Mộng Giác đã bị chê trách «Bôi nhọ quân lực» và áp lực đến mức chủ bút Văn Học Nghệ Thuật Võ Phiến phải mời trị sự của mình là Nguyễn Mộng Giác từ chức. Nguyễn Mộng Giác không từ chức, tạo nên sự cố Văn Học không dễ *tuỳ nghi* lúc đó. Chưa một tạp chí nào ra đời khó khăn như vậy. Không chỉ một mình chủ biên Khánh Trường chịu búa rìu dư luận, tất cả những nhà văn, nhà thơ chấp nhận đăng bài trên Hợp Lưu đều mặc nhiên bị xem là Việt Cộng, hoặc lịch sự hơn: nổi giáo cho giặc. Nhà văn Nhật Tiến, người cha tinh thần đỡ đầu cho Hợp Lưu, người chủ trương giao lưu sớm nhất từ Mồ Hôi Cửa Đá, đã gánh chịu không biết bao nhiêu phỉ báng, một trong những lý do khiến ông buộc lòng rời khỏi ban chủ biên. Không ai có thể trách tác giả Thềm Hoang, giải thưởng văn chương phủ tổng thống VNCH là một nhà văn thiên tả, không ai có thể trách Nhật Tiến là một nhà giáo không gương mẫu, hay một người thiếu đạo đức. Nhưng cũng không ai chịu hiểu tinh thần quang phục đất nước chỉ là một tinh thần hoang tưởng đầy ảo vọng. Nên khi Hợp Lưu, tạp chí thuần văn học đầu tiên đưa ra cái nhìn khác — *Đã đến lúc người Việt phải đối xử với nhau như những con người cho dù khác chính kiến và Việt Nam hôm nay phải không còn hận thù, một văn bản nếu mang giá trị văn học là một văn bản có giá trị, dù tác giả của nó sống trong hay ngoài nước* — Cái nhìn mới này đã tạo ra một cơn sốt ý thức rất lớn trong tâm hồn của rất nhiều những kỹ sư tâm hồn.

Thời gian đó, với các văn, thi sĩ được chủ biên Hợp Lưu gọi thư mời, chọn lựa không dễ. Với mỗi người đã là một  *bước qua lời nguyện* vô cùng khó khăn, với tất cả rủi ro trấn áp kết án tù bạn bè, các báo  *quốc gia* đang cộng tác và cả với lương tâm của chính mình, lương tâm nào đã quyết định rời bỏ quê cha đất tổ ra đi vì không chấp nhận chính quyền Cộng Sản đương nhiệm và lương tâm nào ý thức không thể phân ly chia đôi đất nước mãi mãi? Nhưng thật kỳ lạ, nếu mở lại những số Hợp Lưu đầu tiên, thành phần ban chủ biên tăng dần rất nhanh sau mỗi số báo cho đến khi hầu hết các tác giả thường xuyên viết trên các báo  *Cộng Hoà* đều lần lượt xuất hiện trên Hợp Lưu. Đó là dấu hiệu mà Khánh Trường nhận ra anh đã đi đúng hướng, và đó cũng là dấu hiệu cho thấy những nhà văn Việt đã tự chất vấn mình từ rất lâu. Chắc chắn trong thâm tâm, Khánh Trường cảm tạ rất nhiều tấm lòng của những người bạn Phan Tấn Hải, Ngu Yên, Phạm Việt Cường, Cao Đông Khánh, Nguyễn Mạnh Trinh, Trần Mộng Tú, Du Tử Lê, Thường Quán, Khế Iêm, Lê Bi, Lê Thứ, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Trần Long Hồ, Trần Phục Khắc, Vũ Huy Quang, Võ Đình, Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Chi Lan, Chân Phương, Đỗ Kh., Hoàng Mai Đạt, Trương Vũ, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Nguyễn Hương, Lê Thị Thắm Vân, Trần Sa, Vũ Quỳnh Nh., Thụy Khuê, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Thị Khoa Phương, Phan Thị Trọng Tuyền.. đã tham dự hết mình ngay từ những ngày đầu, và hơn nữa cảm tạ dân tộc Việt hãy còn biết đến tha thứ, nhân hoà. Khó khăn vẫn chưa hết. Ai đã làm báo hiểu rõ khó khăn kinh khủng nhất vẫn là khó khăn tài chánh. Bao nhiêu tờ báo Việt ngữ đã sập tiệm. Hồn Việt chết theo với Thanh Nam, Nhân Văn của nhóm Nguyễn Thượng Văn và Tường Năng Tiến, Tân Văn của Hà Thúc Sinh, Văn Lang của Nguyễn Mộng Giác, Văn Xã của Nguyễn Hữu Nghĩa, Ý Thức của Viên Linh, Chân Nguyên của Phạm Công Thiện, Tập Hợp của nhóm trẻ Úc, Đối Thoại của Lê Bi, Việt của Nguyễn Hưng Quốc đều phải đình bản. Võ Phiến cũng chết đi sống lại hai lần với Văn Học Nghệ Thuật, và tạp chí Thơ của Khế Iêm trong tình trạng khắc khoải thường trực của một cái chết được dự báo. Đó là chỉ kể những tạp chí tên tuổi. Khác với Thế Kỷ 21 được công ty Người Việt hỗ trợ, Hợp Lưu chỉ sống bằng công quả của bằng hữu, bằng công sức và lợi tức thu nhập cá nhân của chính chủ biên Khánh Trường. Sự sống sót của Hợp Lưu liên tục suốt 12 năm qua, đều đặn gửi đến tay bạn đọc bao nhiêu số chủ đề, bao nhiêu biên khảo, phỏng vấn và sáng tác thơ, văn, kịch chính là sự thành công riêng của Khánh Trường và sự sống sót tinh thần của chính cá nhân anh.

Để hiểu khó khăn tiền bạc của chủ biên Hợp Lưu túng thiếu nhường nào, tôi có một kỷ niệm đẹp về tình bạn giữa Mai Thảo và Khánh Trường. Mùa đông năm 96, tôi hay thích đến căn lầu xép trai phòng của Mai Thảo. Không có gì thú bằng ngồi dưới chân giường Mai Thảo nhìn ra hàng hiên trồng những đợt chuối xanh, nghe im lặng của buổi trưa nắng hơi nóng nhẹ nhàng xâm chiếm chậm rãi căn phòng. Nhất là căn phòng đầy những chai lọ cognac tôi ưa thích, chỉ cần với chân cũng khều được dăm chai. Buổi trưa sâu thẳm yên tĩnh trong con hẻm Song Long, tôi vừa bị Mai Thảo lừa cho uống cognac có ngâm cu con hải cẩu thổi hoắc, thử rượu thuốc Nguyễn Xuân Quang tác giả Người Cắm Thủ Ruồi tặng ông uống chống lạnh, thì Khánh Trường ập vào, giọng anh hỏi hả:

- Anh có tiền cho em mượn, Hợp Lưu in xong rồi mà em chưa có tiền lấy.

- Bao nhiêu? Nhiều thì không có, ít thì có thể.

Mai Thảo điềm nhiên lắc lắc ly rượu vàng lóng lánh. Màu vàng của buổi trưa loang đến cườm tay ông đọng lại thành vệt lỏng. Giá Khánh Trường có thể ngồi xuống uống rượu thưởng thức sự im lặng của trưa không có những phiền hà nợ nần của đời sống. Đâu ai biết gông Hợp Lưu thường đặng như con hải cẩu chết tiệt.

- Một ngàn đô, anh.

- Hà hà.. tưởng bao nhiêu, một ngàn thì nhà băng lớn nhất nước Mỹ này cho vay.

Mai Thảo, người thầy tinh thần của Hợp Lưu, bạn nhậu của tôi với anh, lặng lẽ lục tìm ví đưa tiền cho Khánh Trường mang ra nhà in ông Đào Văn Ngoạn lấy báo.

- Vẽ được mấy cái bìa sách em sẽ gửi trả anh.

- Không hứa, không hẹn gì cả, có tiền thì trả thế thôi!

Mai Thảo gắt, ông ghét nói chuyện tiền bạc. Ông đưa tay quơ tìm bật lửa, đốt điếu thuốc Winston. Hành động của ông vừa nãy thật đẹp. Cho vay vô điều kiện, không thắc mắc dù ông cũng rất nghèo. Bác Thảo lúc đó còn mạnh, cười móm mém:

- Tiền thì không có, nhưng rượu thì không khi nào thiếu. Và không bao giờ thiếu, không thể thiếu được! *C'est inadmissible, insolent!*

Mai Thảo đập mạnh tay xuống mặt đệm. Tôi biết ông không bao giờ thiếu rượu. Tôi đã từng chờ một cốc xe 30 chai cognac quà tặng cho ông đêm sinh nhật 63 tuổi. Mai Thảo là người giàu cognac và giàu tình bằng hữu nhất trần gian.

Mấy ngày sau, rời quán Song Long sau điểm tâm với Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy, Du Tử Lê, tôi và người bạn làm báo văn học liên mạng trên internet Phạm Chi Lan đến chơi với Khánh Trường. Tôi với Phạm Chi Lan không giúp gì được anh trong công tác tòa soạn, nhưng vẫn thích ngồi quanh quẩn xem anh làm việc. Chúng tôi ngỡ ngàng nhìn 1200 cuốn Hợp Lưu chất đầy mặt đất.

- Sao anh chưa gọi bưu điện, trễ hạn rồi mà? Lan hỏi.

- Ờ hớ, để anh vẽ xong mấy cái bìa băng, bìa sách có tiền rồi gọi.

Khánh Trường thản nhiên, không có vẻ gì cấp bách, nhưng tôi biết, đã 6 tây là trễ một tuần. Và từ hôm vay tiền bác Thảo cũng gần cả tuần, có nghĩa anh chưa có tiền. Phạm Chi Lan với tôi đi lạc quyen các anh chị Lê Thứ, Lê Bi, Nguyễn Hương, nhà xuất bản Hồng Lĩnh, và Trương Vũ từ miền Đông qua chơi, cuối cùng được vài trăm phụ với anh tiền cước phí bưu điện.

Những ai còn thắc mắc nguồn tài trợ Hợp Lưu thì thực tế là như vậy. Và thực tế tài chánh này triển miên dằng dặc từ số đầu cho đến nay. Hai tháng một số báo qua thoãn thoắt, 66 số Hợp Lưu của 12 năm là 66 lần họa sĩ Khánh Trường xoay tiền chóng mặt.

Một lần Hợp Lưu được Viện Vận Động Dân Chủ của quốc hội Hoa Kỳ đề nghị trợ cấp \$10.000 một năm, vì tạp chí được xem có đóng góp cho chuyển động dân chủ. Những ai đã sống ở Âu Úc Mỹ biết rõ, những tài trợ của chính phủ, trường đại học, hay hiệp hội tư nhân cho những hoạt động văn hóa, nhân văn vô cùng bình thường. Ban chủ biên điều hành tạp chí lúc đó, Nguyễn Hương, Lê Bi, Phan Tấn Hải, Khánh Trường, Đỗ Hữu Tài, và nhà văn Nhật Tiến đã thảo luận cân nhắc việc nhận số tiền này. Giảm mối âu lo tài chánh để rồi tai tiếng như tạp chí Sáng Tạo của Mai Thảo đã nhận trợ cấp của phòng thông tin Hoa Kỳ? Nhận tài trợ nhưng nhất quyết giữ vững độc lập của tạp chí? Cho thì lấy nhưng không dính gì đến Hoa Kỳ? Nhưng ai

cho tiền dễ dàng vô điều kiện như vậy? Trong cuộc đời có vay, có trả. Nhật Tiến cương quyết và dứt khoát nhất. Nhưng làm sao gồng triền miên trong tình trạng thị trường chữ nghĩa khánh kiệt như vậy? Ban chủ biên quyết định biểu quyết qua cách bỏ phiếu kín. Mọi lá phiếu đều đã ghi một chữ duy nhất: NO! Tôi ở xa không rõ vụ việc, chỉ biết như vậy. Cá nhân tôi tiếc mãi số tiền này, thêm tiền thêm nhiều khả năng mới, tăng trang, phụ bản tranh màu, đẩy mạnh nhà xuất bản Hợp Lưu, có thể trả nhuận bút cho các tác giả nghèo trong nước, đỡ chật vật cho Khánh Trường. Nhưng tôi hiểu nhân cách và lòng tự trọng không cho phép Nhật Tiến chấp nhận điều này. Và tôi cũng hiểu ông muốn tạp chí Hợp Lưu giữ linh hồn trong sạch. Nhật Tiến là một người thầy, một nhà văn đúng nghĩa, quyết định của ông được toàn ban chủ biên theo tuyệt đối. Quyết định đó, về sau, ngay cả những lúc khánh tận nhất, ban biên tập không ai hối tiếc. Trừ tôi - vẫn nghĩ, tất cả sinh sống ở Âu Mỹ, nhưng suy nghĩ giống quân tử Tàu. Nước Mỹ là một nước Dân Chủ và có quy chế Dân Chủ. Chúng ta có quyền hưởng quy chế xây dựng trên lá phiếu của từng công dân và trích từ tiền thuế tất cả cùng đóng. Nếu áp lực đến từ cơ quan nào đó của quốc hội Hoa Kỳ, chỉ cần viết một bài báo đăng trên New York Times, áp lực đó sẽ biến mất tức khắc. Các quân tử đã không chịu hành xử quyền công dân Hoa Kỳ của chính mình, thử quyền công dân mà tất cả đã bỏ nước đi tìm. Quân tử, nên những ngày Khánh Trường bệnh nặng, không bảo hiểm y tế, không tiền túi, bạn bè phải chạy lo thuốc thang, các tác giả bác sĩ chạy giầy nhập viện, rồi anh xuất viện, tôi đến thăm, quần vẫn còn ướt đẫm máu, lại nhập viện. Hay những khi túng thiếu, ban biên tập khát thực từng tác giả, nhưng không phải ai cũng có tấm lòng của anh chị Trương Vũ, anh chị Lê Tất Luyện, anh chị Hoàng Chính Nghĩa. Khát thực một lần, lần thứ nhì, ni cô chê. Quân tử Tàu, nên Khánh Trường phải viết dăm thư kiếm tiền nuôi Hợp Lưu. Không một quân tử nào khác chịu viết Kim Bình Mai chung với anh. Thê thảm là vậy, cho Khánh Trường, kẻ ôm hoài bão văn chương. Nhưng kỳ diệu, Khánh Trường không xuống bùn, bạn đọc, văn hữu vẫn dành cho anh những tình cảm quý mến vì tất cả hiểu, anh bán mạng cho Hợp Lưu.

Trong thư từ biệt của chủ biên, Khánh Trường nhìn nhận sự bảo bọc của độc giả và nhiệt tâm đóng góp của văn hữu. Nhưng anh quên mất: Chính anh xứng đáng được nhận sự bảo bọc và nhiệt tâm đó. Không phải ngẫu nhiên nhà phê bình Thụy Khuê thường xuyên giúp đỡ anh, lo bài vở cho các số chủ đề, phỏng vấn định kỳ, hỗ trợ anh trong những quyết định khó khăn. Cũng không ngẫu nhiên mà mỗi lần anh kêu cứu, nhà tiểu luận Trương Vũ bay từ Washington DC sang cứu nguy, cũng không ngẫu nhiên mà chị Thụy Khuê, rồi Trần Sa, rồi Mai Ninh, rồi Miêng, rồi Phan Huy Đường và nhiều bằng hữu nữa đứng ra lạt quyên *cứu trợ bảo lụt miền Trung* cho Hợp Lưu mỗi lần... thiên tai hạn hán. Chuyển động Hợp Lưu là một chuyển động dài, không ai có thể đơn thương độc mã gánh vác, và như Khánh Trường khẳng định: Tạp chí Hợp Lưu không thuộc cá nhân ai, là một diễn đàn cấp tiến chung cho tất cả - thì việc mọi người góp công, góp của là bình thường và chính đáng.

\*\*\*

Đã trình bày ba khó khăn lớn nhất của Hợp Lưu: Sự lão hoá của bộ môn sáng tác. Trấn áp từ đập từ các hội đoàn quá khích. Tài chánh eo hẹp. Cũng đã trình bày sự đứng vững của tạp chí suốt 12 năm. Hôm nay, giờ phút thay đổi chủ biên, bước ngoặt lớn cho những ngày sắp tới, bạn đọc đã có đủ thời gian để nhìn lại chặng đường Hợp Lưu vừa đi qua. Mục tiêu ban đầu - Giao lưu văn hoá - có thật đạt được hay không ?

Mở lại số Hợp Lưu 1, chưa có bài trong nước gởi ra, chỉ đăng lại các sáng tác quốc nội, dù việc đăng tải những văn phẩm của những *nhà văn quốc doanh* lúc đó ở ngoài nước là kỳ huỷ, vẫn chưa thể xem là đã có dấu hiệu giao lưu thật sự trong số ra mắt. Tuy vậy, điểm son chính là bài phỏng vấn Mai Thảo.

Nguyễn Đăng Quý, bút hiệu Mai Thảo, sinh tại Nam Định di cư vào Nam năm 54. Chỉ một dòng chữ này, một con người này thôi đủ biểu trưng cho tinh thần quốc gia, sức đề kháng chống đối mọi tràn lấn đến từ miền Bắc. Mai Thảo không bao giờ thoả hiệp. Mai Thảo luôn vinh danh cho

*Tự Do Ở Ta* như chữ ông thường dùng trong mục Sổ Tay trên Văn. Nhưng ông chấp nhận trả lời phỏng vấn đăng trên Hợp Lưu. Chấp nhận tên tuổi mình hiện diện trên một tạp chí đang bị khủng bố, và phi báng theo giặc. Có thể giải thích vì tình bằng hữu với Khánh Trường là người ông quý mến. Như thế quá dễ dàng vì Mai Thảo không bao giờ khiên cưỡng, ông biết quyết liệt và biết mắng thẳng vào mặt những điều ông khinh bỉ. Phải xem bài phỏng vấn ông trên Hợp Lưu số 1 ở vào thời điểm gay gắt nhất của cộng đồng là thái độ tôn trọng tự do của Mai Thảo, một nhà văn bảo vệ quyền tự do. Bằng hình thức đó, Mai Thảo chống đối những báo chí hội đoàn đảng phái quá khích, và cũng bằng hình thức này ông thừa nhận khuynh hướng giao lưu, và sau hết khi cho phép Khánh Trường đem tên tuổi mình lên tạp chí, ông gián tiếp giải thoát sự cô lập cho Hợp Lưu. Đây là một nghĩa cử hiệp sĩ mà ban chủ biên không thể quên. Trong số ra mắt, Mai Thảo, thủ lĩnh của văn nghệ miền Nam đã làm công tác giao lưu trước nhất.

Tôi bước chân vào quán Monge quận 5 lần đầu tiên một buổi sáng tháng 4 năm 92. Ba số Hợp Lưu đã ra, vẫn chưa có bài trong nước gởi đăng và lần đầu tiên 13 năm sau khi vượt biên tôi bước chân vào nơi lui tới của những người tả khuynh. Định nghĩa Tả khuynh dưới thời VNCH rất đơn giản: Thân Cộng. Định nghĩa hữu khuynh: Tư Bản. Định nghĩa Tư bản: Chống Cộng. Khi vượt biển đến các nước Nam Dương, Thái Lan, Mã Lai, Phi Luật Tân, các thuyền nhân mang theo định nghĩa này làm nền móng cho nền Cộng Hoà Pulau Bidong, trại đảo tự nạn nổi tiếng khổ cực nhất lúc đó. Sang định cư ở các quốc gia đệ tam, cộng đồng tự nạn với tất cả đau đớn hy sinh của thân phận thuyền nhân, với xấp định nghĩa giản lược thẳng tay gạt bỏ những gương mặt tả khuynh có quá khứ phản chiến và chống chánh quyền miền Nam. Tả khuynh hàm nghĩa loài hủi, nổi cộm lên nghĩa trốn lính vừa nhận học bổng của tổng thống Thiệu vừa đâm sau lưng quân lực. Ngược lại, giới tả khuynh phản ứng bằng cách không giao tiếp với hữu khuynh, bỏ thừ những thuyền nhân chạy theo Hoa Kỳ, đóng cửa xây pháo đài. Trong một thời gian vô cùng dài, tả và hữu khuynh hành xử với nhau như tả đồ đốc Vũ Văn Nhậm kinh chống với hữu đồ đốc Nguyễn Hữu Chinh dưới thời Tây Sơn, chỉ chực hãm hại lòng giết nhau.

Trả lời phỏng vấn trên Hợp Lưu số 17, Nina McPherson dịch giả của Dương Thu Hương, Trần Vũ, Bảo Ninh, Ngọc Khôi, Nguyễn Thị Âm, Đỗ Kh., Đỗ Phước Tiến, Võ Đình nhận xét: *Văn chương Việt Nam toát lên một nỗi ám ảnh quá khứ. Người Việt bị quá khứ nhập tràng. Nhà văn Việt Nam để tang cho quá khứ đánh mất, làm như với cuộc ly tán, cùng những vết thương sâu đậm của chiến tranh, quá khứ của người Việt bị cướp mất. Và thiếu quá khứ chung, tương lai trở nên khó hiểu.*

Quá khứ nhập tràng hay thiếu quá khứ chung, tương lai người Việt trở nên mù mờ khó hiểu. Chưa có lời nhận xét nào văn chương và chính xác cho bằng và cũng là lời giải thích cho mối xung đột tả hữu, Nam - Bắc, trong - ngoài. Buổi sáng tôi bước chân vào quán Monge, nền trời âm xám, hơi nước bốc lên mù các tấm kính. Buổi sáng lạnh yên tĩnh nhưng tâm hồn tôi xáo động. Tôi sắp gặp những gương mặt tả khuynh chống chiến tranh Việt Nam, tiếp tay cho Mặt Trận góp phần làm sụp đổ Sài Gòn khiến gia đình tôi ly tán. Tôi tiến đến chiếc bàn trong góc có nhiều người chờ với mặt cảm phản bội bố mẹ đã bỏ hết nhà cửa của cải ở phố Sinh Tử và Hàng Đào di cư vào nam. Tôi rửa tổng biên tập Khánh Trường đã nhờ tôi thay anh ở xa, gặp nhóm chủ biên Diễn Đàn, hậu thân ly khai của tờ Đoàn Kết hội Việt Kiều Yêu Nước. Ban chủ biên Hợp Lưu quyết định mời ban biên tập Diễn Đàn viết bài đăng trên Hợp Lưu và ngược lại. Tôi không rõ vì sao Khánh Trường nhờ mình đại diện, có phải vì tôi nhỏ nhất, chưa kịp có quá khứ để tương lai bớt mù mờ?

Chủ nhiệm Hà Dương Tường mời ăn bún bò. Tôi từ chối để giữ thể giá của người Cộng Hoà. Ngoài biên tập viên Trần Hải Hạc, phụ trách trang khoa học Bùi Mộng Hùng, phụ trách trang



văn học Đặng Tiến, chủ bút Nguyễn Ngọc Giao, còn có cựu «chính ủy» Phan Huy Đường bắc kỳ di cư.

- Làm gì nghiêm trọng thế? Hà Dương Tường vỗ vai.

- Chúng tôi mời Vũ dùng bún bò ở quán này vì không tệ lắm.

Nguyễn Ngọc Giao khuyến khích. Mọi người cùng ăn, ngồi không tất kỳ, tôi cất *thế giá* của người Cộng Hoà vào *cartable*. Chưa kịp gấp móng giò heo trắng muốt, mềm như bàn tay một đứa bé, người Marxiste Phan Huy Đường đã kiểm tra kiến thức :

- Vũ nghĩ gì về cuốn sách của Lê Ngọc Trà?

Tôi chẳng nghĩ gì hết. Giản dị vì tôi không quan tâm đến biên khảo, lý luận phê bình. Tôi chỉ đọc truyện ngắn, tiểu thuyết và tùy bút. Sau kiểm tra vấn đáp điểm zéro, sau...ba ly *grand vin de Bordeaux cuvée du patron*, tôi mạnh dạn đặt điều kiện:

- Hợp Lưu sẽ đăng các bài viết của các anh, ngược lại những sáng tác của ban biên tập Hợp Lưu đăng trên Diễn Đàn đừng viết *chapeau* kiểu những đứa con làm lạc đi hoang đã trở về nhà và đây là điều kiện tiên quyết!

Tất cả mọi người cười ồ cho đến khi chủ bút Nguyễn Ngọc Giao trấn an:

- Chúng tôi đâu đến nỗi thế!

An tâm, nhưng tôi vẫn lập lại điều kiện một lần nữa, dù Khánh Trường không dặn, vì lý do giản dị những người bạn sáng tác trên Hợp Lưu thích đi hoang, chưa chịu về, còn đi chơi tiếp. *Còn khuya Sa mới về*, giống Trần Sa ưa nguyệt. Giống Vũ Quỳnh Nh. đủ khả năng uống cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất rồi đón máy bay đi Prague chỉ để ăn sáng, trưa về lại Paris và tối bay đi San José tìm một thiên đường khác.

Chuyển động Hợp Lưu với giới tả khuynh bắt đầu như thế, trước tô bún bò Huế. Rất nhanh Diễn Đàn số tháng 7/1992 làm chủ đề giao lưu văn hoá giới thiệu trang trọng các sáng tác của Phạm Việt Cường, Lê Bi, Phan Tấn Hải, Thế Uyên, Thụy Khuê, Đỗ Kh., Trần Vũ với minh họa của Khánh Trường. Từ số này về sau tiểu luận Thế Uyên, thơ Thường Quán, truyện ngắn Mai Ninh, Miêng, Phan Thị Trọng Tuyền sẽ đăng đều đặn bình thường. Ngược lại đồng đảo các gương mặt *khét tiếng tả khuynh* sẽ xuất hiện ồ ạt trên Hợp Lưu ngay trong năm đầu tiên và sau đó: Trần Đạo, Đặng Tiến, Đơn Hành, Phạm Trọng Luật, Tạ Trọng Hiệp, Nam Dao, Phan Nguyên, Huỳnh Mạnh Tiên, Lê Bá Đăng, Lê Thứ, Huỳnh Hữu Ủy... Chuyển động Giao Lưu không chỉ ngừng ở trao đổi bản thảo giữa hai tạp chí Diễn Đàn - Hợp Lưu, mà còn bình thường hóa quan hệ giữa những người tả khuynh với cộng đồng thuyền nhân tỵ nạn. Trên Thông Luận, Nguyễn Gia Kiểng lãnh tụ tổng hội sinh viên Sài Gòn - Paris, viên chức cao cấp chánh phủ cuối cùng trước ngày thất thủ, giới thiệu trân trọng trường thiên tiểu thuyết Gió Lửa của Nam Dao, một tiểu thuyết gia không cùng chung quá khứ. Phan Huy Đường, qua nhà xuất bản Philippe Piquier, lập *collection* truyện Việt Nam dịch sang tiếng Pháp. Lần đầu tiên một *collection* bao gồm các tác giả trong ngoài nước gồm nhiều tiểu thuyết và truyện ngắn được giới thiệu đến thế giới.

Hợp Lưu số 6 đăng một bài tiểu luận nhức nhối của Đặng Tiến. Ngoài tài hoa mà Đặng Tiến thể hiện qua biết bao nhiêu bài bình thơ như Lưu Trọng Lư, Đoá Mộng Đầu hay Hoàng Cầm Cây Tam Cúc, nhà phê bình thâm niên này đặt một câu hỏi: *Thế nào là Dân Chủ?* rồi ông thông dong giảng: *Hồ Chí Minh xưng Bác với đồng bào là không dân chủ!* Bài tiểu luận đã làm phiên lòng không ít những độc giả *báo hoàng*.

Hợp Lưu số 15 đăng một bài tiểu luận nẩy lửa khác của Trần Đạo phê phán gay gắt quan niệm tiểu thuyết của Nguyễn Khải, một nhà văn hàng đầu trong nước. Đọc lại một lần nữa phần nhập *Gặp Gỡ Cuối Năm, Khi Lập Trường Thất Hạng Văn Chương* để thấy suy nghĩ của người tả khuynh từ cuối thập niên 80 không khác suy nghĩ của những thuyền nhân hôm qua:

*«Với những người khác họ chủi Cộng Sản hay bênh Cộng Sản, tôi đều không quan tâm mấy, họ chủi cũng chả hại được mình, họ bênh cũng chẳng làm mình sang trọng hơn. Viết được về*

*họ kể ra cũng vui vui, không viết gì về họ cũng chẳng ai nở trách tại sao lại thiếu... Người ta chỉ say mê có những con người của hôm nay thôi.»*

«Ai thế?

Tài đức bao nhiêu mà ngạo mạn đến vậy?

Nếu là một bạo chúa thời Trung cổ thì đã đáng buồn: Chúng ta thừa kế quá khứ của nhân loại, một phần nhân phẩm của ta đúc kết bằng di sản đó. Nếu là một nhà chính trị, thật đáng lo: trong lịch sử cận đại, quan điểm đó về đồng loại đã đào khá nhiều hố chôn tập thể khổng lồ, trong đó không thiếu gì người Cộng Sản. Khủng khiếp thay! Đây là câu văn của một nhà văn có tiếng, có miếng, có tác phẩm được đăng, được khen, và có quyền hành, tác giả tiểu thuyết Gặp Gỡ Cuối Năm, Nguyễn Khải, một con họa mi trong cao trào 'đổi mới' văn học.» (*trích Trần Đạo, HL15 trg 185*).

Không thể kể hết 12 năm trong một vài trang giấy, chỉ có thể ghi nhận, tuy ít sáng tác (thơ Huỳnh Mạnh Tiên, truyện ngắn Nam Dao, Dã Tượng, Phan Nguyên...) nhưng rất nhiều tiểu luận sắc nét cùng với biên khảo, hiệu đính công phu của Tạ Trọng Hiệp, Phạm Trọng Luật, Lê Thứ, Đơn Hành, Huỳnh Hữu Ủy,... đã chứng minh những đóng góp nhiệt tâm, nhiệt tình của giới tả khuynh trên Hợp Lưu. Chỉ với vài số báo, Khánh Trường đã xoá đi bức tường ngăn cách, giàn hoà Vũ Văn Nhậm với Nguyễn Hữu Chính. Không còn tả, không còn hữu, chỉ có con người Việt Nam mà phẩm giá duy nhất để đo lường là nhân cách. Chỉ vài số báo việc hợp lưu những con người dị biệt quá khứ sống ngoài tổ quốc đã được thực hiện. Đây là một thành công.

Hợp Lưu số 8 chủ đề Văn Cao, đánh dấu một bước ngoặt. Lần đầu tiên tín hiệu công khai giao lưu với trong nước được thể hiện rõ qua bài viết của Hoàng Cầm trách Phạm Duy hiểu *chệch choạc* (chữ của Hoàng Cầm) về thi ca ông. Trong cùng số báo Phạm Duy viết bài trả lời Về Những Cái Gọi Là Hoàng Cầm Ca! Những số báo sau, cả hai sẽ có thư trao đổi làm hoà. Trong chủ đề Văn Cao còn có hai bài viết khác trực tiếp gọi từ trong nước ra theo lời mời của Đặng Tiến, một của Dương Tường và một của Hoàng Phủ Ngọc Tường, cả hai đều viết về Văn Cao. Hoàng Phủ sẽ là người tham dự Hợp Lưu hết mình cho đến ngày ông ngã quy. Bạn đọc ngoài nước rất bất ngờ khi khám phá Hoàng Phủ Ngọc Tường — *tên đồ tể Huế* như hội đoàn cộng đồng kết tội — biết viết những trang tùy bút diễm ảo lạ thường. Đường lên núi Bạch Mã với đôi chim phượng bay về núi mỗi chiều qua rừng tùng tím thẫm, rặng bạch đàn xanh ngút ngát biết thôn thức dọc Trường Sơn, giải đất đá khô cằn nứt nẻ ngoài Bình Trị Thiên mỗi mùa cát lấp mắt đi tiếng khóc của trẻ nhỏ chào đời. Khó mà tin một tên đồ tể thảm sát chôn người tập thể ngoài Huế lại nhạy cảm và nhiều cảm xúc như vậy. Tôi không rõ Hoàng Phủ Ngọc Tường có thật trách nhiệm thảm kịch Mậu Thân 68 hay không, nhưng tôi biết tòa chưa tuyên án chưa ai có tội, và tôi cũng biết: Sau Nguyễn Tuân, Mai Thảo, Võ Phiến, Hoàng Phủ là người viết tùy bút tài hoa nhất của đất nước. Lần cuối về thăm ông bại liệt trong ngôi nhà cũ của Trịnh Công Sơn ở Phú Cam, Hoàng Phủ Ngọc Tường còn hỏi thăm từng người trong ban biên tập Hợp Lưu. Ông không còn đi đứng được để dẫn tôi đi chơi lăng, để cùng ngồi uống rượu đế Làng Truồi ở lăng Gia Long. Lăng mộ đẹp nhất trong các lăng mộ vương triều Nguyễn. Ngồi bên cạnh Hoàng Phủ, dưới gió núi hoang vu, trước lăng tẩm của vị vương tử đầy quyền uy và quyết tâm Nguyễn Ánh, tôi không bao giờ tìm ra câu trả lời Vì sao ngày xưa ông *nhảy núi*? Nhưng tôi hiểu tại sao ông yêu Huế, chính vì Hoàng Phủ Ngọc Tường thương nỗi buồn trong từng con người Việt Nam và Huế là thành phố buồn bã nhất. Ngắm bạc tam cấp còn uốn các chú rồng nhỏ, ngắm viên quan chấp tay cụt đầu, con ngựa cung đình thui chột, tôi nhớ Phan Nhật Nam trong Dựa Lưng Nổi Chết kể chuyện nhân vật lính lên lăng Gia Long uống bia không đá và lấy súng M-16 bắn ngựa mù mắt trong một buổi chiều cuối năm sông Hương bốc mờ sương khói. Phan Nhật Nam, cũng là người viết bút ký chiến trường hay nhất Việt Nam. Phan Nhật Nam đã mở ra trong tôi bao nhiêu khu rừng thông có cánh chim trắng bay chậm rãi, cánh chim tinh khiết như tâm hồn các tân khoa sinh sĩ quan võ bị quốc gia Đà Lạt. Phan Nhật Nam, thần tượng của một trời tuổi thơ, và bây giờ tôi ngồi cạnh Hoàng Phủ,

tên đồ tể đang bại liệt còn thăm hỏi Hợp Lưu. *Thiếu quá khứ chung khiến tương lai trở nên khó hiểu?* Phải thế không Nina? Nhưng làm sao McPherson, dịch giả trẻ khả ái này có thể hiểu và nắm bắt nhanh như vậy nguồn gốc ung thư của chứng bệnh trầm kha chia rẽ của dân tộc này? Chỉ bằng xuyên qua dịch thuật mưòi truyện ngắn và ba cuốn tiểu thuyết? Câu trả lời nằm trong khả năng kỳ diệu huyền hoặc vô biên của văn chương.

Kỳ diệu và không biên giới, nên Hợp Lưu số 18 đánh dấu mốc vô cùng quan trọng. Tháng 8-1994, trong thư ngỏ, Khánh Trường chính thức công bố hai bài viết gởi ra từ trong nước của các giáo sư Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Huệ Chi thuộc viện Văn Học Hà Nội. Nếu bài viết Sức Mạnh Văn Hoá và Sự Phát Triển Văn Minh của Hoàng Ngọc Hiến phân tích tổng quát tiến trình giao lưu không thể tránh khỏi trong khuynh hướng *tương thụ* (chữ của Hoàng Ngọc Hiến hàm nghĩa theo chiều ngang, đa quốc gia, đa văn hoá), và phân tích chi tiết sâu sắc những đòi hỏi văn hóa ở con người, ở một quốc gia, ở một dân tộc; thì bài viết của Nguyễn Huệ Chi, Vài Cảm Nhận Văn Học Việt Nam Hải Ngoại, tập trung khoanh vùng một thực tế đã khiến ông ray rức: Đòi sống tinh thần của người Việt xa xứ. Bằng uy tín cá nhân, bằng nghiên cứu cẩn trọng, Nguyễn Huệ Chi công khai tuyên bố sự hiện hữu của một dòng văn chương ngoài nước và đặc biệt — bài viết của ông toát ra khát khao chân thành tìm hiểu những sáng tác bên này biển. Tuy thiếu tài liệu tham khảo, giáo sư Nguyễn Huệ Chi đã làm công việc nghiêm túc của người làm văn học: Xác định và đánh giá khách quan không thành kiến, không quan điểm, không lập trường, chỉ bằng chính tấm lòng ngay thẳng của mình. Bài viết của ông là một trong những bài viết đầu tiên mở đường cho những nhận định khác xây dựng trên cùng một giá trị vừa kể, chẳng hạn Một Cách Nhìn 18 Năm Văn Học Nước Ngoài của Lê Hoài Nguyên, đăng trên Hợp Lưu số 14.

Tất nhiên, Khánh Trường và toàn ban chủ biên, cùng các tác giả có hay không tham dự Hợp Lưu không chờ đợi Nguyễn Huệ Chi trích lục khai sinh. Cũng không chờ đợi ông đóng một nhãn hiệu cầu chứng, hay cấp bằng chất lượng ISO, cấp thẻ lưu hành cho xe máy văn chương trên 100 phân khối. Tất cả đều hiểu văn học hải ngoại hiện hữu bằng chính khả năng sáng tạo đã có và không cần bất kỳ một thị thực nhập cảnh nào, cho dù bị xem là Văn chương Việt kiều. Điểm son trong bài viết của Nguyễn Huệ Chi nằm ở đây. Giáo sư không hề có tham vọng cấp hộ khẩu văn chương, nhưng khát khao tìm hiểu sáng tác của những nhà văn không có chứng minh nhân dân. Hợp Lưu số 18 đánh dấu một cách nhìn mới ở trong nước, một phần thưởng quý giá đối với ban chủ biên, mà tất cả đã quý trọng lòng dũng cảm vô biên không chỉ với riêng Nguyễn Huệ Chi mà còn với cả nhà phê bình Hoàng Ngọc Hiến đã can trường gởi bản thảo, và trách nhiệm hành động ý thức này.

Cùng trên Hợp Lưu 18, Phạm Thị Hoài gởi đăng hai truyện ngắn mới nhất chưa hề xuất hiện trong nước, hai truyện ngắn kinh dị của văn chương Việt Nam. Tiệm May Sài Gòn miêu tả đời sống tâm lý kinh hoàng của bầy thợ may mang tên âm trầm, yêu dễ dãi và chết dễ dãi trong u tối văn hoá. Thực Đơn Chủ Nhật liệt kê thức ăn đối chọi của hai thời đại xưa/nay, thời đại cơm bát bửu bị nhốt vào trong xó nhà chết sinh thối không ai biết, và thời đại đái vào nồi rau muống luộc diễn ra trên vỉa hè của những hàng cơm tập thể thờ ơ với cái vừa chết. Phạm Thị Hoài, nhà văn duy nhất của giai đoạn Đổi Mới bùng nổ còn giữ lại phẩm chất sắc sảo trong tác phẩm, vẫn không gian *milimètre*, vẫn chuốt nhọn từng chữ, cân từng *gramme* dấu phẩy, đo từng đường kính mỗi dấu chấm, và xếp suy nghĩ thành hình khối thách đố trí tuệ. Truyện ngắn Âm Thị gần đây đăng trên Việt chứng tỏ tài năng nguyên vẹn này. Phạm Thị Hoài, *trên sinh lộ mới của văn học* như Thụy Khuê phân tích trong một bài phê bình cùng tên (Hợp Lưu 11). Nhưng Phạm Thị Hoài không ngừng ở đó. Bằng hoàn cảnh sống, bằng những tham dự dần thân, bằng thái độ sống, và đặc biệt bằng phong cách diễn đạt qua tác phẩm, Phạm Thị Hoài đã chiến thắng cụm từ Hải Ngoại - Trong Nước. Không ai dám nhận vợ Phạm Thị Hoài là nhà văn hải ngoại, và cũng thật khó khăn xếp Hoài vào nhà văn trong nước, khi Hoài sinh sống tại Bá Linh, chủ biên Talawas. Phạm Thị Hoài, một nhà văn Việt Nam, không trong, không ngoài.

12 năm không biên giới đã cho phép Hợp Lưu đăng tải vô vàn những sáng tác, biên khảo, phỏng vấn của các tác giả trong nước. Không thể liệt kê hết 16500 trang của 66 số báo, chỉ có thể nhắc lại những ấn tượng chính:

Quả Vườn Ôi (Hoàng Cầm), Dị Mộng, Qua Sông (Cung Tích Biền), Đàn Sẻ Ri Bay Ngang Rừng (Võ Thị Xuân Hà), Giác Ngủ Nơi Trần Thế (Nguyễn Thị Ấm), Đảo Ngụ Cư (Đỗ Phước Tiến), Vũ Điệu Cửa Cái Bô (Nguyễn Quang Thân), Phù Thủy, Hậu Thiên Đường (Nguyễn Thị Thu Huệ), Lão Khổ (Tạ Duy Anh), Một Chuyện Phải Gió (Nguyễn Quang Lập), Gió Đại, Khắc Dấu Mạn Thuyền (Bảo Ninh), Mùa Hoa Cải Bên Sông, Người Đàn Bà Xóm Trại (Nguyễn Quang Thiều), Bảy Trích Đoạn Mùa Xuân Vùng Da Cam, Phòng Bốn Giường (Bùi Hoàng Vị), thơ Thanh Thảo, Nguyễn Đỗ, Hoàng Hưng, Bùi Chí Vinh, Nguyễn Quyến, Nguyễn Quốc Chánh, Nguyễn Duy, Nguyễn Trọng Tạo, Trần Vàng Sao, Lâm Thị Mỹ Dạ, Triệu Từ Truyền, Lê Đạt. Truyện ngắn Nhật Tuấn, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Ngô Thị Kim Cúc, Phan Thị Vàng Anh, Trần Thủy Mai, Trung Trung Đĩnh, Lý Lan, Võ Thị Hảo, Trần Thị Trường, Hoà Vang, Nguyễn Bản, Lê Minh Khuê, Ma Văn Kháng, v.v.. Biên khảo lý luận của Nguyễn Kiến Giang, Lại Nguyên Ân, Bùi Thiết, Đào Thái Tôn, Vương Trí Nhàn, Tiêu Dao Bảo Cự, Lê Ngọc Trà, Phong Lê, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Huệ Chi, Phạm Xuân Nguyên, Lê Hoài Nguyên, v.v..

Ở mỗi bộ môn đều có rất nhiều bản thảo gửi ra từ trong nước như trường hợp Thăng Bất Quỷ (Cung Tích Biền), Xuân Hồng (Nguyễn Huy Thiệp), Từ Man Nương đến AK (Phạm Thị Hoài), Không Đền (Trần Vàng Sao), Chia (Nguyễn Trọng Tạo), Người Thuận Tay Trái, Chạy Đạn, Dặm Trường (Trần Thị Ngh.), Tụ Bạch, Tiểu thuyết Vô Đền (Dương Thu Hương), Ngọn Núi Áo Ảnh, Tuyệt Tình Cốc (Hoàng Phủ Ngọc Tường), Tầng Trệt Thiên Đường, Nghiệp, Dị Mộng, Khu X Nội Quang (Bùi Hoàng Vị), Truyện Của Chíp, Bụi Nắng (Phan Huyền Thư), Văn Học và Xã Hội VN (Phạm Thị Hoài), Nhìn Chung Một Bức Tranh Hoàn Chỉnh Về Văn Học Dân Tộc (Phạm Xuân Nguyên), thơ Hoàng Hưng, Nguyễn Đỗ, Nguyễn Quốc Chánh, nghiên cứu ngôn ngữ Nguyễn Bạt Tụy, tiểu luận Trần Độ, v.v.. Sau hết, trận bút chiến kinh thiên giữa Hoàng Ngọc Hiến, Phạm Xuân Nguyên, Thường Quán với Nguyễn Hưng Quốc, Hoàng Ngọc Tuấn trong chủ đề Trí Thức-Phản-Trí Thức bắt nguồn từ Phê Bình Văn Học Của Hoài Thanh (Hoàng Ngọc Hiến) và ngay sau khi Lê Đạt cao tuổi trượt chân. Phạm Xuân Nguyên, nhà nghiên cứu thuộc viện Văn Học Hà Nội đã đóng lại đúng lúc cuộc tranh luận bắt đầu *nghe ra tiếng sấm, tiếng vàng lẫn nhau* đó. Nhiều bạn đọc lo sợ cho không khí căng thẳng có thể đổ bể bao công sức giao lưu, nhưng tôi tin: Một nền văn học khoẻ mạnh là một nền văn học phải có bút chiến, chỉ cần giữ được tinh thần bút chiến Phan Khôi. Các *trận Cốc, Phản Trí Thức* càng chứng minh hiện tượng giao lưu văn hoá là có thật.

Như vậy, mục tiêu ban đầu — Giao lưu văn hoá — có thật đạt được hay không? Khánh Trường có thể trả lời khiêm tốn: Thành công mỹ mãn! Hôm nay, bước vào năm thứ 12, tiểu thuyết Chốn Vắng của Dương Thu Hương, qua đại diện tại Pháp Phan Huy Đường, tác giả cho phép đăng từng kỳ trên Hợp Lưu. Chốn Vắng, cuốn tiểu thuyết chưa bao giờ xuất hiện dưới dạng gốc Việt ngữ dù đã được phiên dịch sang Anh, Pháp. Chốn Vắng, mà mỗi trang in là mỗi trang thành tựu của chuyển động hợp lưu. Tôi bước chân vào nghĩa trang Gò Vấp một tối vừa dứt mưa. Phần còn lại của nghĩa trang đã di dời, cải tạo chỉ là những vũng cây um tùm lá. Một góc tường đổ, chằng ngang sợi kẽm gai rỉ, đây đó lác đác vài gốc mã hoang không thân quyến nằm lẫn những hố sinh. Buổi tối đen như mực. Càng bước vào sâu càng tối ám. Nhật Tuấn biến đâu mất. Tôi không biết anh ngồi ở đâu, cảm giác mình đi lạc. Tối quá, tôi mảy mò cố tránh những vũng nước bẩn và những bụi mía, đám trúc đâm tua tua. Ai trông mía ở đây? Bóng thiếu nữ vụt hiện ra.

- Anh tới mà em!

Những cánh tay trắng bất ngờ chập chờn vẫy. Những lùm cây lạo xạo. Ánh đèn cầy leo lét ở đâu cháy trong các hốc mã. Một tim đèn dầu phụt lên ma trời.

- Anh ơi, mà em đang này!

- Em ở mà này anh!

Tôi bắt đầu nhận rõ những chiếc bóng mảnh khảnh đang vây quanh vò vập. Tiếng cười của các cô gái khiến khu mà vụt trở nên sinh động. Đám con gái ăn sương cười rú chọc ghẹo.

- Anh tới mà em.

Tôi chọn cô gái đã mời đầu tiên. Thiếu nữ dốt tôi ra sau tấm bia. Các ngọn nến phụt tắt.

Những chấm tim dầu đỏ cũng tắt ngấm. Khu mà trở lại tối tăm lạnh lẽo.

Cô gái trắng nhờ nhờ, chậm rãi bóc nhãn, rót bia. Lúc đi ra sau mộ tìm chỗ tiểu, tôi bật quẹt để nhìn gương mặt người chết: Nguyễn Thị Thanh Hương, hưởng dương 21 tuổi, không có ảnh.

Ngọn gió chao khiến diêm quẹt tắt. Ý nghĩ cô gái ngồi cạnh cũng đang nằm phía trước, nhưng Thanh Hương đã đứt nhãn, xé mực, mời bia. Đêm nghĩa địa giống đêm trong bất cứ một quán bia ôm nào. Tôi đứng lên khi nghe tiếng Nhật Tuấn tìm. Thanh Hương chìa tay:

- Hoá vàng đi anh.

- Hoá vàng? Tôi không hiểu. Cô gái cười khúc khích:

- Tám lăm ngàn, tổng đạt cho em đi.

Tôi đưa tiền, cô gái dặn với:

- Mà em ở lô 12/40, rảnh ghé chơi em.

Gò Vấp buổi tối khuya khoắc, đường về phía bệnh viện Cộng Hoà cũ vắng vẻ. Tôi rủ Nhật Tuấn đi ăn cháo Nhà Xác, nhưng anh nói xa lắm, tối quá không chắc còn bán. Chúng tôi ăn cháo rần ở sạp Á Oai. Ánh điện néon xanh murót. Gương mặt cô bán cháo tím tái tựa xác chết, vô cảm trước những lời chòng ghẹo của vài khách nhậu. Tôi nghĩ đến cô gái bán bia ôm lúc nãy. Nhật Tuấn trách :

- Mà nhát quá. Đi chơi, chơi cho đáng tiền!

- Không thể nào làm giữa bãi tha ma như vậy. Với phải có tình cảm, trở lại nhiều lần thành bạn gái thân thì mới có thể...

Tôi không biết giải thích sao cho anh hiểu, cũng không sao phân biệt được trứng rần với hạt sen trắng nõn trong tô cháo bốc khói nghi ngút.

- Mà lãng mạn công tử máy lạnh quá! Ăn cháo đi, ở đây rất ngon và rất rẻ.

Tôi húp cháo, vẫn nghĩ đến Thanh Hương. Làm sao cô gái biết sử dụng ngôn ngữ hay đến vậy? Hoá vàng? Tổng đạt? Phải rồi vì đồng tiền tiêu ở quán bia ôm là đồng tiền ma quỷ. Đồng tiền Việt kiều đổi ra bạc triệu như giấy cũng không có thật. Tất cả chỉ là vàng mã. Làm sao người viết ở ngoài nước với *bill, voucher* có thể nghĩ ra một câu gọi tính tiền văn chương hay hơn? Làm sao Thanh Hương, một cô gái trẻ bỏ học rất sớm, quê quán Cần Thơ chưa bao giờ đọc tiểu thuyết có thể nghĩ ra điều đó? Đồng tiền đang tiêu trên đất nước này là đồng tiền ma quỷ. Không phải tiếng lóng của giới son phấn, chưa cô gái bia ôm nào nói với tôi ngôn ngữ đó và đồng nghiệp của Thanh Hương không đòi Nhật Tuấn trả tiền giống vậy. Hỏi Nhật Tuấn chuyên viên Đi Về Nơi Hoang Dã, hỏi Cung Tích Biền tác giả Cái Chết Của Một Con Đĩ Ngựa, hỏi Nam Dao tác giả Người Minh, Phạm Xuân Nguyên, Phan Nguyên, nhị nguyên rất rành, rất am tường cũng chưa bao giờ nghe...

Sáng hôm sau, tôi bước chân vào quán bia-rượu-cà phê của thi sĩ Triệu Từ Truyền, chủ biên tạp chí thơ Gieo Mỡ. Sài Gòn tháng 7, nắng gay gắt. Đường Phan Thanh Giản-Điện Biên Phủ giữa trưa hầm hơi thiêu đốt. Càng tiếp xúc, tôi càng nhận ra cuộc đời tinh thần của giới sáng tác diễn ra nơi hàng quán. Tôi đã lê la bao nhiêu quán với Mai Thảo, Khánh Trường ở Cali, đã ngồi chiếu thịt cây Nhật Tân với Nguyễn Huệ Chi, ăn bún chả Hàng Mành với Dương Thu Hương, uống cà phê Hồ Xuân Hương với Bảo Ninh, chui dưới gầm cầu Gia Hội ăn bánh khoai với Hoàng Phủ, leo dốc Nam Giao ăn bún dấm nuốt với Ngụy Ngữ, bar Thiên Đường, Guns n' Roses với Cung Tích Biền, cá sấu chám chao, trúc, cheo, nhím, rần, cóc, dơi, khỉ ở quán Tri Kỷ, Quê Hương, Thuyền Quang, Hàng Xanh, Hoàng Ty... Kể lại kỷ niệm hàng quán ở câu lạc bộ Triệu Từ Truyền trưa đó để giải thích thêm hiện tượng bản thảo trong nước đến tay chủ biên Hợp Lưu đôi khi vòng vo tam quốc thật tình cờ. Trưa nóng, tôi với Cung Tích Biền đánh cờ. Tôi thử đánh liên tiếp pháo trùng, pháo lồng, song pháo, thua xiềng liêng... Cung Tích Biền

tác giả Ngoại Ô Dĩ An đánh cờ cũng huyền ảo như ông viết Dị Mộng. Tôi loay hoay cố nhớ truyện ngắn tâm lý Ván Cờ của Vĩnh Hào để tìm lối thoát. Triệu Từ Truyền dẫn một thanh niên to, cao đến giới thiệu:

- Đây là Bùi Chí Vinh, đây Trần Vũ viết trên Hợp Lưu.

- Ai cho đăng bài thơ Con Ngựa trên Hợp Lưu?

Bùi Chí Vinh đầy bia bọt, da sạm, đẹp trai, và du côn.

- Mà phải hỏi thẳng Khánh Trường, hỏi chi ở đây. - Anh Cung Tích Biền đỡ hộ.

- Chính Vũ chép lại gửi cho Khánh Trường bài thơ Con Ngựa. - Tôi trả lời.

- Ai cho? Sao không xin phép? - Bùi Chí Vinh đã ngồi xuống, hát hăm.

- Anh Nam Dao sang Pháp đọc cho nghe, rồi chép lại.

Tôi kể lại chuyện những buổi tối cùng Nam Dao lê la các hầm rượu Paris, Nam Dao ngâm bao nhiêu bài thơ Bùi Chí Vinh đã đọc cho nghe năm 80. Tôi chép bài Con Ngựa ưng ý nhất gửi cho Khánh Trường.

- Hà, hà.. tay Nam Dao. Nam Dao thì toàn quyền...

Bùi Chí Vinh cười rung người, rồi lại bực bội:

- Nhưng sao không trả nhuận bút?

- Trên Hợp Lưu ai cũng viết chùa. Khánh Trường rất nghèo, không có tiền trả nhuận bút, nhưng nếu Vinh đòi thì trả.

- Trả một chai Whisky đi. - Bùi Chí Vinh đề nghị.

- Rồi.

Triệu Từ Truyền đem ra một chai Johnnie Walker nắp đỏ. Tôi đếm 180.000 đồng trả. Không khí tưng bừng trở lại. Cung Tích Biền dẹp cờ tướng, Triệu Từ Truyền ngâm thơ, đãi rượu rần, cả đám cạn thêm két bia, khai chai rượu nhuận bút uống cho hết một buổi chiều hoang vu nữa trên mặt đất.

Đã điếm qua giai đoạn hình thành lịch sử, những khó khăn triền miên, những thành tựu nhất định, không thể không tiếp tục dàn bài mà các giáo viên văn chủ nhiệm không ngừng nhắc nhở: Đã có thành tựu, phải có giới hạn và truy xét kinh nghiệm bản thân... những tiêu chuẩn đòi hỏi của văn học chính quy. Giới hạn của Hợp Lưu nằm ở đâu?

Mở lại các trang báo cũ, bạn đọc nhận ra ngay từ Hợp Lưu số 3, chủ đề Văn chương nữ đương đại, Khánh Trường đã tham vọng... khai phá, vung lựu đạn đòi hỏi quyết liệt cách tân, đổi mới sáng tác. Hiện đại hoá văn chương Việt, hậu hiện đại hoá, hay đương đại hoá sẽ là khẩu hiệu, lá cờ Quyết chiến - Quyết thắng, quyết tử cho văn chương quyết sinh của chủ biên mặc dù anh không thể định nghĩa thế nào là Hậu hiện đại. Điều kỳ lạ, rất đồng đảo giới sáng tác đã đồng loạt lên đường trong giai đoạn đầu, đồng loạt khởi phát một phong trào sẽ để lại nhiều tiếng tăm lẫn tai tiếng: Phong trào *Sinh dục hoá thi ca*. Song song, nảy sinh một hiện tượng khác: Các sáng tác trên Hợp Lưu (và tạp chí Thơ, một tạp chí đồng hành, chuyên ngành, đồng tâm huyết) thường rất khác lạ, trên hình thức, trong kỹ thuật, với đầy liều lĩnh.

Nhưng làm sao tổng biên tập Hợp Lưu, Khánh Trường, chưa khoác lên mình áo hoàng bào trường thượng, chưa đội vương miện thi bá, chưa xuống tay đao phủ văn xuôi, chưa lập thuyết có thể triệu tập tinh hoa của sáng tác ngoài nước? Và tại sao tất cả cùng đi tìm dâm tính, *noa tính* trong văn chương như Trương Vũ nhận xét? Tôi không tin Khánh Trường có khả năng giao tế đến mức quy tụ hào kiệt, anh đôi lúc rất vụng về miền viễn Tây, khiến một số sáng tác first choice như trường hợp truyện ngắn xuất sắc Trong Buốt Pha Lê, kịch Câm, Treo Đầu Dây Quan Họ của Nam Dao, do tôi chuyển đến Hợp Lưu trước nhất, cuối cùng vì Khánh Trường chậm trễ đã xuất hiện trên Văn Học. Có thể giải thích, bằng ý chí quyết tâm khai phá, bảo vệ môi sinh hoang dã, hỗ trợ tối đa mạch văn không chính quy, giao hấn mấy chục *hectare* đất trên Hợp Lưu cho các tác giả trẻ muốn làm gì làm, Khánh Trường đã lôi kéo về anh sức mạnh của sáng tác. Chính tự do tuyệt đối trong sáng tác, trên Hợp Lưu, không bài vị, không kỵ húy, không Khổng Mạnh, không quốc cấm, «no care» như Khánh Trường thường hãnh diện, đã tạo

cơ hội mới cho sáng tác. Nguyễn Hưng Quốc nhận xét hiện tượng đó một cách tổng quan và đại cương hơn trên Hợp Lưu số 40:

«*Nếu quan sát kỹ sinh hoạt văn học hải ngoại từ trước đến nay, chúng ta sẽ thấy hiện tượng thú vị: thỉnh thoảng, có lúc, hình như, tự dưng một số nhà văn, nhà thơ (đặc biệt là các nhà thơ), một cách hoàn toàn tự phát nhưng lại gần như đồng loạt, từ giả tờ báo này để cộng tác với một tờ báo khác. Sự 'chuyển luồng' ấy thú vị ở chỗ: nó tự phát nhưng lại khá đồng loạt. Và nó để lại dấu ấn không nhỏ trên diện mạo của cả tờ báo trước lẫn tờ báo sau. (Theo tôi, những hiện tượng 'chuyển luồng' như thế thể hiện rõ hơn đâu hết quá trình vận động lạng lẽ của ý thức văn học của từng thời kỳ). Những sự chọn lựa âm thầm ấy của giới cầm bút góp phần quan trọng, chắc chắn còn quan trọng hơn cá tính của người chủ biên, trong việc định hình diện mạo và giá trị của tờ báo, từ đó, dẫn đến hiện tượng có thể có hai tờ báo có những cộng tác viên chính tương đối giống nhau mà chất lượng vẫn khác hẳn nhau: một tờ khá, một tờ kém; một tờ cấp tiến, một tờ bảo thủ; một tờ trần trụi đi tìm cái mới, một tờ tiếp tục ầu ơ những bài ca cũ. Đại khái, cũng chỉ chừng ấy người viết chính.*» (trích Vài Ý Nghĩ Thoảng Về Báo Văn Học, Nguyễn Hưng Quốc, Hợp Lưu 40).

Nhà phê bình chụp bắt chính xác điều mà giới sáng tác đã cảm nhận từ rất lâu. Phân tích đó đặc biệt đúng với Hợp Lưu, một tạp chí chia sẻ người viết với các báo bạn, Văn, Việt, Văn Học, Diễn Đàn.. nhưng sự 'chuyển luồng' đó khác thường ở chỗ tập trung vào mặt hình thức, đậm tính hoá văn chương cùng cực dưới tên gọi: *Khai Phá* — mục tiêu chánh thức thứ nhì của Hợp Lưu.

Có thể chia lớp người viết trẻ — hiểu theo nghĩa *trung niên trẻ* mà Thế Uyên định nghĩa — tham dự trên Hợp Lưu làm hai nhóm. Nhóm phá phách nổi: Đỗ Kh., Nguyễn Hoàng Nam, Đinh Linh, Trần Sa, Trần Vũ, Vũ Quỳnh Nh., Lê Thị Thắm Vân, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Hoàng Bắc (trong thơ), Huỳnh Mạnh Tiên, Thế Uyên, Nam Dao, Chân Phương, Mai Ninh, Nguyễn Hoàng Nam... và nhóm nghịch ngợm: Khê lêm, Ngu Yên, Hoàng Mai Đạt, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Phan Tấn Hải, Dã Tượng, Ngọc Khôi, Phạm Việt Cường, Lê Thị Huệ, Nguyễn Hương, Lê Bi, Thuận Ánh,... Những tác giả khác, hoặc thậm kín như trường hợp Hồ Đình Nghiêm, hay tách bạch trầm tĩnh, tĩnh mịch riêng rẽ và độc lập tiếp tục văn nghiệp đã định hướng như Võ Đình, hoặc thu gọn trong trường phái nhất quyết không phát vãng trình tiết: Lê Minh Hà, Phạm Hải Anh, Đặng Thơ Thơ, Hồ Minh Dũng, Phan Thị Trọng Tuyền, Vĩnh Hào, Miêng, Trần Thị Diệu Tâm, Sông Phố, Song Thao, Trần Mộng Tú, Quỳnh Giao... Nếu Chân Phương, Khê lêm nhanh chóng chiếm chức lý thuyết gia của phong trào, trên mặt thi ca, trong văn xuôi chưa ai lý thuyết hoá những điều mình muốn viết. Tất cả chỉ biết ra đầu trường giác đầu với một chủ biên *no care*, với một tinh thần hung hãn của Mai Thảo.

*Khai phá* — phải hiểu là một cách nói đoạn tuyệt lịch sự. Giống Mai Thảo đã đoạn tuyệt với Tự Lực, chấm dứt một thời đại văn học, khai sinh một thời kỳ Sáng Tạo nguy nga mới ngay khi ông vào Nam. Đoạn tuyệt với Đoạn Tuyệt của Khái Hưng, Nhất Linh. Đoạn tuyệt với cái Tôi xã hội, Tôi chung của mùa thu Tiền Chiến. Lên đường, chất nổ đã ném vào, cò đã phát lên, dù chưa biết đi về đâu. Có thể xem đây là nền tư tưởng chính của ban chủ biên Hợp Lưu cùng hai nhóm nổi - chìm trong suốt giai đoạn vừa qua. Một lập lại tư tưởng đoạn tuyệt của Mai Thảo, nhưng với chính ...Mai Thảo. Đoạn tuyệt với các bạn bè ông: Vũ Khắc Khoan, Nghiêm Xuân Hồng, Mặc Đỗ, Thanh Nam, Võ Phiến, Túy Hồng, Tô Thủy Yên, Nhã Ca, Dương Nghiễm Mậu, Trần Dạ Từ, v.v... Đoạn tuyệt với cái Tôi Trí Tuệ của Thanh Tâm Tuyền! Đoạn tuyệt luôn với hai thập niên hải ngoại thừa kế vừa qua. Lớn lao, khổng lồ, đầy tham vọng nếu đọc lại những gào thét của chủ biên Khánh Trường trong những lá thư toà soạn, nhưng đằng sau tư tưởng đó, là cả một vực thẳm sương mù trùng điệp mê mông dài sâu hun hút, không đáy, không tiếng động, không hình dáng, không có gì rõ rệt. *Vùng tuyệt Mù*, như Thụy Khuê sẽ thật nhanh nắm bắt.

Trong đấu trường mờ mịt ở Châu Âu, Úc và Bắc Mỹ, trong *chốn vắng tư duy* đó, các tác giả hung hãn nhất, nhất quyết ra khơi. Phải nhìn nhận, trong những số Hợp Lưu đầu tinh thần ra trận của Phạm Tiến Duật đã có. *Những binh đoàn kéo nhau ra trận tuyến... trường sơn Đông hú gọi trường sơn Tây...* Tất cả đã đồng loạt cùng một lúc thay đổi bút pháp, hình thức, câu chữ và đăng tập trung trong vài số báo. Nếu đại đa số chọn khuynh hướng biểu trưng đậm đặc, một số khác chọn trường phái dã thú, nhưng tất cả đều đã ùa đi tìm ẩn tượng. Truyện ngắn Sắc Màu của Vũ Quỳnh Nh. đã mở đầu bằng ba câu nhập hết sức khiêu khích:

- Gái tơ, trẻ đẹp đủ cỡ, ông thích không?
- Gái trẻ đẹp biết cách chiều chuộng, mời ông vô?
- Gái,...

(trích Vũ Quỳnh Nh, Sắc Màu, Hợp Lưu số 3)

Chỉ với ba chữ Gái rao mời sáng tác *khai phá*, Vũ Quỳnh Nh. đã khẳng định mình không thuộc trường phái Chim Hót Trong Lồng của Nhật Tiến, vút trả hết cho thầy Trần Trọng Kim những tâm huyết của nghề văn. Cùng trên Hợp Lưu số 3, Trần Sa viết truyện tình Thời Nàng Còn Điền và chứng tỏ Sa biết điền. Bốn số sau, Bản Chính trên Hợp Lưu 7, kể lại những ám ảnh hốt hoảng của một thiếu nữ chạy đuổi bắt chính mình thời nhỏ đang lao xuống vực thẳm của đời sống. Hốt hoảng trước những vuốt ve si mê của Vũ Anh, một người bạn gái, hốt hoảng trước những ngón tay mảnh dẻ cời cúc xoa êm dịu làn da trần dịu mát của buổi chiều vừa chấm nắng. Sau ân ái, Trần Sa lặng lẽ bước ra vườn, tắt đèn ngồi ở bậc tam cấp lắng nghe những im lặng của lòng mình. Truyện ngắn đã có dây lên một luồng gió.

Trước 75, Trần Thị Ngh, Tuý Hồng, Nguyễn Thị Hoàng, Lê Hằng cũng táo bạo, nhưng chủ yếu ở suy nghĩ, thường *chay tịnh* ở mặt hình thức. Trần Thị Ngh vẫn bám cúc mặc áo dài ra đường sau mỗi trận làm tình ẩm ướt mồ hôi trong căn nhà hẹp có cửa khoá trái. Tuý Hồng nhìn lên vách chiếc bóng sinh lý của đời sống vợ chồng. Nguyễn Thị Hoàng nằm suốt đêm trên đất, giữa căn biệt thự vắng vẻ Đà Lạt, chỉ với những ngón tay xoắn xít trong tóc, chỉ dám mơn trớn cườm tay của cậu học trò dậy thì tên Minh. Lê Hằng loạn luân trong bản Tango cuối cùng và yêu rất nhiều cha xứ, nhưng chưa làm vị linh mục nào xuất tinh. Trần Sa, Vũ Quỳnh Nh, Phạm Thị Ngọc trong văn xuôi, Lê Thị Thắm Vân, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Hoàng Bắc trong thơ không vậy. Nguyễn Thị Hoàng Bắc vén áo dài thả nhiên ngồi tiêu, *nghe tiếng nước đá nhỏ giọt trong bồn cầu tí tách, thứ nước ấm sóng sánh vàng hổ phách trong người tôi tuôn ra* (HL35). Phạm thị Ngọc không mặc lại áo lót sau khi làm tình nằm trần truồng nghĩ ngợi miên man, cho phép các nữ sinh chơi trò cô dâu-chú rể, cho phép trò Ngà đưa tay mân mê vú của trò Uyên giữa trưa nắng đứng ngọc giữa đồng (HL15). Lê Thị Thắm Vân năm *15 tuổi ngực dậy thì con gái, đầu vú nở bung* (HL13), *liếm sạch những giọt mồ hôi tình*, sau Cuộc Tình (HL40) và Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Sa thích *trần truồng dấy dựa như con nhộng* đưa ngực cho người tình... điếm tâm không chút nuối tiếc (HL18). Các tác giả nam còn táo bạo hơn nữa, Đỗ Kh, Nguyễn Hoàng Nam nhanh chóng khiến các độc giả cao niên phải đội mũ bảo hộ mỗi khi đi xe ô-mô văn chương trên Hợp Lưu. Có thể nói, phong trào sinh dục hoá văn chương đã đem đến cách ân ái mới trong thơ văn ở ngoài nước. Mai Ninh, một tác giả chuyên trị nhục thể đến sau với Mây Một Ngày, với những tấm màn trắng phớt phập phồng trên thân thể hai người đàn bà xiết chặt đùi ướt đẫm cùng giao hợp thân xác trong căn phòng xanh xao trông xuống cảnh vườn chùa u uẩn. Đêm Rượu Đợi của cùng tác giả này, đăng ngay sau đó trên Hợp Lưu, đánh dấu một cách nhìn tâm sinh lý khác. Lần đầu tiên, trong văn xuôi, nhân vật nữ chính xưng tôi yêu mê đắm một người đàn ông, chờ đợi suốt buổi chiều người tình lỗi hẹn, rồi quyết định làm tình với ông lão gác đàn để thoả mãn dục vọng. Lê Hằng, Nguyễn Thị Hoàng, Tuý Hồng, Trưng Dương, Trần Thị Ngh, Nguyễn Thị Thụy Vũ thời *lao vào lừa* đã chưa bao giờ cho phép sinh lý lấn lướt tình yêu đến như thế. Các truyện ngắn khác, Apocalypse Now của Vũ Quỳnh Nh., truyện ngắn dâm dật chủ ý Thầy Giáo và Cô Bé Gù của Thế Uyên, Không Khí Thời Chưa Chiến của Đỗ Kh. với đối thoại sinh dục trắng trợn trong một căn phòng khách sạn Hồng Kông, hoặc Chỗ Trọ Trong Vườn Chuối của Ngọc Khôi, một tác giả bình thường không phát vãng trình tiết,



bất ngờ miêu tả những dòng nước lạnh chảy trên thân thể đàn ông hâm hấp rần chắc trong một vựa chuối của hai mẹ con chuyên nuôi bệnh nhân trốn khỏi nhà thương điên, hưởng dương vật của người bệnh rồi lấy đá đập đầu cho đến chết! Với những miêu tả rõ ràng không giấu giếm, truyện ngắn đã đi tìm trận gió kinh thiên. Góp mặt của tôi giai đoạn đó, không khác bạn bè cùng đến với Hợp Lưu, nếu Giác Mơ Thổ không nằm ngoài phong trào sinh dục, Mùa Mưa Gai Sắc là nỗ lực đoạn tuyệt với Nguyễn Huệ trong Sông Cồn Mùa Lũ của Nguyễn Mộng Giác. Nhưng chính các thi sĩ mới là những kẻ đã lên đường quyết liệt nhất. Cùng trên Hợp Lưu số 3, số của *Thời năng còn điên*, số có *gái tơ trẻ đẹp chiều chuộng đủ cỡ, ông thích không?* Đỗ Kh. chính thức lập khai sinh cho phong trào sẽ in đậm bằng quang anh: *Âm đạo rung rinh có động cơ điều khiển, Âm hạch xèo luôn cho mày hết đường động cốn, Tôi kiếm con nào chừng mươi ba mươi lăm, Vừa lú nhú li ti lông xoắn, trả Cash!* Chân Phương thừa nhận và lập thuyết: Trong thơ phải có vú... Rất nhanh, Linda Mặt Ngang, Trong Túi Việt Kiều Cái Gì Tôi Cũng Có của Đỗ Kh, thơ rách toạc slip, soutien, mông, đít của Nguyễn Hoàng Nam, thơ yêu chồng cho chồng sờ mó của Lê Thị Thắm Vân làm thay đổi hẳn hình ảnh quý phái của thi ca.

Võ Phiến, một thời, đã định giá thơ một cách tôn nghiêm sùng bái: *Thơ, con đường vương giả trong văn chương*. Mai Thảo, cuối nghiệp văn, bỗng dưng quên hết những Chuyến Tàu Trên Sông Hồng, Đêm Giã Từ Hà Nội, những Viên Đạn Đồng Chữ Nổi, những Hạnh Phúc Đến Về Đêm, quên hết gia sản của ba mươi năm viết tiểu thuyết, gia sản có Karen, người tình của Viễn, người đàn bà Thụy Điển tóc vàng nở nang, dâm đấng, khoả thân tự do đi lại trong căn appartement đường Catina mở tung cửa cho mọi người cùng nhìn ngắm.. quên hết những ngày ông Gàn Mười Bảy Tuổi để tự định nghĩa lại mình: *Thơ là tiếng nói tận cùng và chung quyết của văn chương! Tôi. Thơ.*

Cuối nghiệp văn, có lẽ, Mai Thảo lẫn Võ Phiến đã ngỡ ngàng nhìn con đường chung quyết trở thành bãi tắm trường, và thi sĩ mua dâm đứng phóng uế nhan nhản ở mỗi ngã năm bùng binh vương giả. «*Chúng mày không đi ngã tất vào văn chương, thơ không phải là chỗ cho chúng mày bôi bẩn, chúng mày không được bựa! Phát phơ hồn của bông hường, nghe trong phiêu bạt còn vương máu hồng.. Thơ của người ta biển trời, trí tuệ, chúng mày không bao giờ có thể cắt cánh được, thơ của chúng mày ở dưới đất!*» Mai Thảo, sinh thời hay bần gắt, cáu giận mỗi khi nghe bàn đến thơ hải ngoại. Ông xứng đáng.. làm trường thượng của lớp người muốn đoạn tuyệt với ông. Trường thượng mắng lúc nào cũng nặng, nhưng thi sĩ tình bơ, như Chân Phương vẫn *giả vờ cười hoát ngộ, nghe ma quỷ vỗ tay* (Hợp Lưu 18).

Nhưng nếu Lê Thị Thắm Vân, Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Sa còn giữ được chiếc quần tằm nhỏ xíu xinh xắn dù mỏng manh của các nhà thời trang Elisabeth Arden, Prada, Hermès, Valentino; Đỗ Kh., Nguyễn Hoàng Nam, thêm Âm Hộ Địt của Trần Minh Quân, đã khơi khơi phóng xe máy thơ tốc độ cao với thân thể tô hồ tổng ngồng không mảnh vải của họ. Chưa có thời nào thi sĩ làm thơ ngon lành vậy, và cũng chưa giai đoạn văn học nào bạn đọc thơ ngã xe gấn máy vỡ óc chết tươi nhiều như vậy. Nguyễn Hoàng Nam nhanh chóng tìm ra niêm luật của thơ *khai phá*. Dành đường, lẩn trái, phóng nhanh, vượt ầu bỗng nhiên, chỉ qua dăm bài thơ, một sớm chiều vụt trở thành tám bảng chỉ đường của cả một nền thi ca *hậu hiện đại*.

Phản ứng của độc giả dữ dội, chắc chắn. Phản ứng của các đồng nghiệp tiết hạnh sôi nổi, qua Trần Mộng Tú, một thi nhân trong sạch, gởi bạch thư kháng cáo. Hồi (hiếp) (d)âm tức khắc ân cần của Đỗ Kh., Nguyễn Hoàng Nam. Trong Tổng Tập 20 Năm Văn Học Hải Ngoại, Nguyễn Hoàng Nam tự giới thiệu: *Phục vụ tận tâm, giá cả phải chăng*, giao tận nhà... Tận tâm đến mức Phạm Trọng Luật, ngài bút tiểu luận Phật tử thuần hành khúc chiết của tạp chí, phải nhảy bổ vào làm Đường Tăng phá vây cho Trần Mộng Tú sắp... bị khai phá. Đường Tăng chưa kịp lần chuỗi hạt, Phạm Thị Hoài đã tiếp ứng Dương-Quá Đỗ Kh. bằng ngọc nữ tâm kinh Sờ Linda, sờ luôn Đường Tăng. Vương Trùng Dương của Toàn Chân phái Hoàng Nguyên Nhuận dùng nhứt dương chỉ điểm mặt, và phái Võ Đang chính giáo Mộc Hương, Ngô Nhựt Tân lao vào tiếp chiến với Ý thiên kiếm. Tây Độc Âu Dương Phong Thương Nguyên cứu Dương-Quá hạ độc thủ hàm

mô công: *Nguyễn Du bây giờ sống lại có thể viết Linda mặt ngang!* Hợp Lưu các số 31, 33, 36, chủ đề tranh luận Thanh-Tục, bỗng chốc trở thành sân tinh võ, đấu chưởng hay hơn phim bộ. Giữa những tuyệt chiêu và giữa những đường gươm nguyên bá, Võ Đình trầm tĩnh lập lại lời một họa sĩ Nhật Bản: *Tôi không vẽ con két, tôi chỉ vẽ không gian két vừa bay qua.* Võ Đình muốn nhắc khéo tất cả: Trong thơ, văn, không gian mới là quan trọng, hơn sự vật. Đỗ Kh đã có thể trả lời Trần Mộng Tú: *Tôi không miêu tả bộ phận sinh dục, tôi chỉ tả không gian bộ phận sinh dục vừa đi qua...* Duy phản ứng khác, trầm trọng hơn, nhà giáo Nhật Tiên có lẽ đã nghĩ lớp viết trẻ dâm bôn ưa phá phách, không coi trọng chuyển động tâm huyết Hợp Lưu, xa rời dần tờ báo. *Nói sao cho thấy hiểu, về người tình dễ thương bao ngày bọn em say đắm...* Nhưng tư tưởng chính đằng sau những bộ phận sinh dục treo, móc, dán, ướp, xâm trong thơ nằm ở đâu? Và thế nào là nền thẩm mỹ mới? Chân Phương, Khế Iêm, Hoàng Ngọc-Tuấn đã viết nhiều bài lý thuyết đăng trên Hợp Lưu, Việt, Thơ, nhưng với rất đông, hổ thảm sương mù vẫn sâu thẳm thẳm. Tất cả đã cố gắng bơi về những bến bờ cận đại của thế giới. Sương mù phủ trùm lấp khó phân biệt đâu là bến Hậu hiện đại, bến Đa Đa, bến Lập thể, bến Hiện thực huyền ảo.. Mặc, mù vẫn ra khơi. Không thấy đường vẫn cứ lên đường. Đi đâu chưa biết, tách bến, nhổ neo, sửa soạn chèo, chỗ nào có viện bảo tàng thì ném vào! Không gìn giữ tiếng mẹ đẻ, phải phá bẻ tiếng mẹ đẻ. Không bảo tồn di sản văn hoá, phải sửa thêm cho văn hoá theo đúng thời trang thế giới, áo thun hở rún, quần xệ có đinh, slip string, piercing mũi, lưỡi, môi, rốn, văn chương ăn nhịp chuyển động toàn cầu, hết rồi thần tượng Che, hết rồi Marx, xa rồi Jane Fonda, phải bắt cho kịp dòng nhạc Kim Khí Đen Black Metal, căn bệnh u trầm của Kurt Cobain và phơi bày cho bằng được cái đẹp sinh dục trần trụi lỏa thể không phân biệt giới tính... Có thể tóm lược nền thẩm mỹ hình thức nỗ lực tối đa trên Hợp Lưu qua những dòng trên. Một nền thẩm mỹ giao (hợp) lưu như tên gọi bản hiệu tạp chí. Giao hợp trong nghĩa bóng lẫn nghĩa đen với thế giới, với nhân loại, với những người đồng tính, với tất cả những gì có thể giao hợp. Nhưng cũng có thể tóm lược một cách nghiêm túc như Thụy Khuê đã nhạy cảm nắm bắt: *Vùng Tuyết Mù.*

*Vùng Tuyết Mù?* Phê bình thơ Nguyễn Thị Thanh Bình, một gương mặt khai phá cấp tiến trên Hợp Lưu, Thụy Khuê trích dẫn định nghĩa của Vũ Khắc Khoan: *Cái đó, cái mà cho đến hôm nay, chưa một vị thiện-trí-thức, chưa một vị bồ tát nào mô tả được hình tướng, xác định được thể chất, cái đó có thể giản dị như mưa và nắng, hiện hữu rất tự nhiên -mặt trời lại mọc lúc đêm tàn- nhưng cũng lại có thể vô cùng phức tạp, ẩn hiện khôn lường.. Cái đó -chính nó- đôi khi vẫn thấp thoáng trong tôi, hoá trang thành những lời tra vấn trở trêu, những tại sao ray rứt, lằng đằng quanh tôi, tưởng như dễ dàng nắm bắt, bỗng lại xa vời, nhòa dần, biến hẳn, tuyết mù.* (Đọc Kinh, Vũ Khắc Khoan, nxb An Tiêm & Sóng Từ Trường 1, Thụy Khuê, nxb Văn Nghệ). Vùng tuyết mù của con hùm xám Vũ Khắc Khoan, cách đây nửa thế kỷ đã vô cùng phức tạp. Ngắn gọn và trực tiếp hơn: Camille Claudel, nữ điêu khắc gia nổi tiếng của Pháp, viết thẳng: *Il y a toujours quelque chose d'absence qui me tourmente. Luôn có điều gì đó vắng mặt tra khảo tôi.* Thú nhận đau đớn của nữ điêu khắc gia đầu tiên đã tạc tượng bộ phận sinh dục đàn ông. Điều gì đó vắng mặt, chính là *vùng tuyết mù* hay *vùng sân khuất*, mà tất cả nghệ sĩ trên thế giới lòng kiếm. Đổi mới sáng tác trên Hợp Lưu, do đó, trước tiên và sau hết, là đổi mới hình thức ghi khắc vùng tuyết mù này. Chính trước những tra khảo của bản thân, Đỗ Kh. viết: *Tôi rất thích đi.* Chính trước những dằn vặt mà Camille Claudel hứng chịu đưa đến cái chết trong điên loạn lúc cuối đời, khiến Đỗ Kh. tra vấn: *Đàn bà là đồ chơi của đàn ông?* Nguyễn Thị Thanh Bình làm thơ trả lời: *Đàn bà không là đồ chơi của đàn ông*, cùng lúc thú nhận những tra khảo của chính mình -và tham dự khai phá- Thanh Bình vô tình chấp nhận làm đồ chơi, chơi chung trò chơi mới: Trò chơi thân xác của ngôn ngữ. Những dòng thơ xối xả của Lê Thị Huệ, những dòng thơ say mê không dứt gợi cảm của Lê Thị Thắm Vân, những dòng thơ nghịch ngợm trong trẻo tràn đầy phung phá của Trần Sa tiếp tục đi tìm điều gì vắng mặt đang xâu xé hay chưa biết đến. Bằng diễn đạt hình thức, đặt trọng tâm thể xác, những nhà thơ sinh dục hoá thi ca đã đi tìm sự chuyển hoá cái Tôi Trí Tuệ của Thanh Tâm Tuyền sang cái Tôi Thân Xác. Một tiếp nối bất

buộc và không tránh khỏi trong thời đại tín ngưỡng cơ thể Âu Mỹ. Nhưng nếu Sinh dục hoá thi ca là thành công duy nhất, trong *khai phá*, cái Tôi Thân Xác là một thất bại đậm nét.

Lý do? Khám phá và gìn giữ cái Tôi thuần *thân xác* vô cùng khó. Đa số các nhà thơ muốn cách điệu nâng cao thân xác, nhưng càng thăng hoa họ càng lìa xa thân xác, đến gần với cái Tôi trí tuệ mà những thi sĩ giác đầu muốn đoạn tuyệt. Tất cả thơ của Thường Quán, Khê Iêm, Chân Phương, Thẩm Vân, Thanh Bình, Trần Sa, Trầm Phục Khắc, Nguyễn Mạnh Trinh, Phạm Việt Cường.. đều mang dấu ấn của Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên - ngay cả trong những lúc cách tân đoạn tuyệt nhất. Cái Tôi *thân xác* như thế cứ lấp lửng giữa trí tuệ và thể xác, hờn không rõ hờn, xác không hoàn xác, *hờn xiêu phách lạc*. Hiện tượng đó thấy rõ trong tâm trạng của những cây viết nữ được xem bạo dạn, phá phách, hay thách đố nhục cảm. Ở họ, những bản khoán chia cách phần trí tuệ và thân xác thể hiện rõ qua hai thể loại thơ và truyện ngắn, làm như đến với thể loại này là một chọn lựa ma quỷ, đến với thể loại kia là hướng thượng thiên thần. Lê Thị Thẩm Vân, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Hoàng Bắc chỉ dậm trong thơ, bước sang truyện ngắn họ là phụ nữ có chồng con ngăn nắp, thao thức cho đất nước, xã hội, con người. Trần Sa, Mai Ninh ngược lại, trong truyện ngắn, nếu cả hai ư làm tình sôi nổi, thêm những cơn trốn chấy bỏng, thích vuốt ve dịu dàng người cùng phái, bước vào thơ họ hốt hoảng sợ hãi hoá thân thành nữ tu thánh thiện. Chính hai mặt ác quỷ và thiên thần này đã gieo hỏa mù, không cho thấy rõ nỗ lực khai phá. Đâu là quỷ, đâu là ma, đâu là trí tuệ, đâu *lời buồn thánh*...? Chính phần đối trọng *thân xác*, về sau nhiều thêm lên, đã đè nặng cán cân trí tuệ, dẫn đến thất bại sau này. Thi ca trở về ngắm liên đêm mặt trời với Thanh Tâm Tuyền, nhổ tóc bạc cho Tô Thùy Yên, sau vài số báo đi hoang làm tình mệt mỏi. Đến năm thứ 12, Đỗ Kh., Nguyễn Hoàng Nam là những thi sĩ lãng mạn cuối cùng trong *cõi nhân gian bé tí*.

Nỗ lực khai phá thơ trên Hợp Lưu không chỉ ngừng ở sinh dục. Chân Phương đã thay nốt ả dụ, Khê Iêm xoay cylindre ngữ nghĩa, Thường Quán thay mặt nạ cấu trúc, Phạm Việt Cường tăng sên câu chữ, Nguyễn Đăng Thường thay búng, Diễm Châu lấp bạc đạn nhạc tính, Ngu Yên đổi phuộc nhún nhạc điệu, Huỳnh Mạnh Tiên gạt chống ngang, Nguyễn Mạnh Trinh so cãm, Lê Bi đổi lớp, Du Tử Lê chỉnh/ga/nhịp/lục/bát. Chiếc xe máy thi ca được thay đổi mẫu mã hoàn toàn, kiểu dáng VN, lắp ráp tại Úc, Mỹ, Gia Nã Đại, Pháp, toàn bộ do thợ VN, giá thành rẻ và thường xuyên khuyến mãi. Các thi sĩ chỉ chưa thay động cơ hai thì của Thanh Tâm Tuyền, bốn thì của Tô Thùy Yên, và tất nhiên vẫn tiếp tục chạy xăng *super* của các hãng xăng dầu phương tây: Paul Valéry, Paul Celan, Pablo Neruda, Nicanor Parra, Johannes Bobrowski, Cavafy... cung cấp.

Trường hợp văn xuôi không khác.

\*\*\*

Văn xuôi không đợi Đỗ Kh. phát động sinh dục mới viết bạo. Trước đây Ngô Nguyên Dũng với tiểu thuyết Đêm, Hồ Trường An với truyện dài Hợp Lưu, Diệu Tần trong Mùa Xuân Và Hồ Thắm, Nguyễn Xuân Quang với Hái Thận đã vô cùng bạo liệt những lúc làm tình và Vũ Quỳnh Hương đã cho những cụ già hút xì gà bằng âm hộ trong Miền Vĩnh Phúc. Khai phá táo bạo mạnh tay trên Hợp Lưu chỉ nhấn mạnh thêm nữa, xã hội không còn chạy tịnh. Lối viết tiết hạnh khả phong tránh né, không đề cập, không bản khoán, không đi hết tận cùng hố thẳm con người, đã không phản ảnh lối sống tự do tình dục của xã hội Âu Mỹ, nơi tuyệt đại đa số di dân VN sinh sống. Giống thi ca, khai phá văn xuôi tập trung vào hình thức, cố gắng cách tân, cập nhật kỹ thuật của Châu Âu, Bắc và Nam Mỹ vào truyện ngắn Việt Nam. Điều đó thấy rõ ở Phạm Thị Hoài, dù Hoài đã tự định hướng ngay khi khởi nghiệp văn. Điều đó thấy rõ trong loạt truyện Nhà Cho Thuê (chủ đề văn học lạ lùng, mà tiêu đề lẽ ra.. phải nằm trong mục rao vặt của nhật trình Người Việt). Trong 12 truyện ngắn đăng trên Hợp Lưu số 54, 12 tác giả đã nỗ lực sắp xếp dàn bài, chỉnh trang cấu trúc, chuyển hoá nhân vật và hệ thống kết cấu. Kỹ thuật lộ liễu trông thấy ở các truyện ngắn Trăng Thuê Ảo Ảnh (Nam Dao), Phép Lạ, Venezia (Dã Tượng), Vách Mặt Trắng (Mai Ninh), Già Rossy Và Hương Cô Quạnh (Phan Nguyên). 12 tác giả, chỉ một thành

công duy nhất: Eric Nguyễn Việt, một tác giả trẻ thuộc Hội y sĩ Không Biên Giới, công tác tại Sierra Leone, đã nhún chìm kỹ thuật vào trong sáng tác, đã lôi cuốn bạn đọc vào không khí bất an loạn lạc với một người đàn bà nóng bỏng dữ dội không buông tha, yêu chết chóc, yêu đến ghiền, đến nhớ mùi, để cuối cùng thổ lộ: Người đàn bà ấy, không ai khác hơn «Chiến Tranh» đã ăn nằm bao ngày với vùng đất nghèo khổ lạc hậu này. Văn chương Việt Nam cần thật nhiều những Eric Nguyễn Việt.

Một số khai phá khác, đi tìm cái Tôi Lịch Sử, cái Tôi Dân Tộc trách nhiệm, thể hiện rất nhiều trong tác phẩm Nam Dao, đặc biệt qua hai bộ trường thiên Gió Lửa và Đất Trời. Nam Dao thổi suốt 1500 trang tiểu thuyết một cái nhìn mới: Không chỉ nhìn lại các nhân vật lịch sử ở góc độ con người tầm thường như Nguyễn Huy Thiệp đã làm, nhưng nhìn lại chính bản sắc của dân tộc u mê và tăm tối đã đưa đến thảm kịch của quá khứ. Nam Dao không chỉ phán xét anh hùng, nhưng phán xét cả đất nước, đồng loại và văn hoá Á Đông. Đây là một tinh thần mới trong văn xuôi Việt Nam, nhưng hãy còn là một cố gắng cá nhân biệt lệ. Mai Ninh, tác giả nổi bật của hai năm sau cùng, tác giả ngoài phóng đăng còn chở mang một tâm hồn, đã cố gắng trau chuốt hình thức, mỗi chữ là một viên ngọc, mỗi dấu chấm là một hạt trai, và mỗi dấu ngã là giải lụa mỏng hiếm quý. Mai Ninh không ngừng đào bới cốt truyện, tìm kiếm những âm, những chữ mới, thật hợp, thật trùng, cách điệu cho câu văn. Truyện ngắn Mai Ninh giống một tấm gương quý phái, đặt trên chiếc bàn phấn cổ xưa có chiếc lược bạc, còn vương những lọn tóc rối của một người đàn bà đẹp, vừa vắng mặt, mới vừa chải tóc. Tất cả không gian của bàn phấn im lặng chỉ tấm gương còn phản chiếu những hình ảnh thác loạn điên cuồng vừa xảy ra trước mặt kiếng. Mai Ninh, cây bút nổi nhất của năm 2000, thành công với nỗ lực thẩm mỹ hóa tới đa câu văn, nhưng cùng lúc đánh mất sự tự nhiên không thể thiếu trong văn xuôi. Nguyễn Thị Ngọc Nhung là một trường hợp ngược hẳn, không chải văn, không đi tìm thẩm mỹ trong câu chữ, giữ sự tự nhiên ở giọng văn, tìm cái đẹp trong đời sống năng động của xã hội phố diễn vây quanh nhân vật. Văn Nguyễn Thị Ngọc Nhung mạnh, cốt truyện chắc, tuy thời gian đơn điệu, tuyến tính, không đa chiều và tỏa ra từ nhân vật thay vì nhân vật phải mọc ra từ mạch suy nghĩ chủ đạo của truyện. Cốt truyện, nhân vật do đó làm nền chính. Còn nhiều tác giả khác, Nguyễn Hương với kiến trúc mới lạ trong hai truyện ngắn Mô-Tô Bay và Cải Táng, Thuận Ánh thông minh nghịch ngợm chịu nhiều ảnh hưởng của Phạm Thị Hoài trong các truyện A & B, Vô Va, Đinh Linh thích giác hơi xã hội Hoa Kỳ...

Khai phá văn xuôi như thế đã đặt nặng vấn đề kỹ thuật, cốt truyện, và nhìn toàn cảnh, là một thất bại. Truyện ngắn đã đi tìm trận gió kinh thiên, nhưng chỉ thổi lên được luồng gió mát, làm giật mình bất chợt các độc giả đang thiu thiu ngủ. Thất bại ở thực tế không gây thành phong trào. Song Thao, Sông Phố, Ngự Thuyết, Hồ Minh Dũng, Trần Doãn Nho, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Trần Mộng Tú, Phan Thị Trọng Tuyền, Phạm Chi Lan, Trần Thị Diệu Tâm, Miêng, Đặng Thơ Thơ, Lê Minh Hà, Phạm Hải Anh, Vĩnh Hào.. không hề chịu tác động của khai phá, vẫn tiếp tục lối viết cũ của họ, không mảy may bận tâm luồng gió kinh thiên đang réo bên ngoài. Phạm Chi Lan tiếp tục viết truyện hoà bình, yêu cỏ cây thiên nhiên, biển cả, vạn vật. Phan Thị Trọng Tuyền tiếp tục viết hài kịch không đối thoại, thiên nhiên về chính trị Đông Âu. Hồ Đình Nghiêm tiếp tục những bút rứt thắm kín của những mối tình lặng lẽ trong khuya khoát của một xã hội không lối thoát. Trần Doãn Nho, sau Vết Xước Đầu Đồi, một truyện ngắn tâm lý xuất sắc, bớt sôi nổi. Song Thao đi tìm những mối tình bình nhạt. Miêng thủ thường với các truyện ngắn của mình. Trần Thị Diệu Tâm quá hài lòng những truyện đã viết. Đặng Thơ Thơ, Lê Minh Hà, Phạm Hải Anh, lớp người viết trẻ cuối cùng, qua sáng tác đã chứng tỏ họ có giọng văn gãy gọn, truyền cảm, xúc tích, nhưng cả ba, cho đến bây giờ đều thiếu liều lĩnh trong cách dựng truyện, không nổi loạn trong suy nghĩ, chưa dứt khoát Tự Lực. Đây là những người viết đều tay nhất, chuyên cần và mẫn cán, chính những nhà văn này đã sáng tác không ngơi nghỉ, đã lấp đầy 66 số Hợp Lưu. Điều đó cho thấy rõ, phong trào cải cách ruộng đất trong văn xuôi, trên Hợp Lưu, hoàn toàn thất bại, ít ai hưởng ứng.

Tại sao? Quá chú trọng vào kỹ thuật chỉ là một nguyên nhân. Chọn lựa khai phá nhục cảm, khiến... tô phở ít *nước* của Mai Thảo đầy *thịt*, chóng ngán, mau nguội? Có thể. Ai cũng biết, nhiều tình dục dễ đưa đến ít lý trí. Dành nhiều chỗ cho sạp bán thịt, khiến truyện ngắn, một thể loại không rộng bằng chợ Bà Chiểu, phải giải tỏa các sạp hàng khác. Nhưng đó vẫn chỉ là những lý do kỹ thuật, mà mọi tác giả tài hoa đều có thể vượt qua. Không thiếu những tác phẩm đầy đậm tính văn chớ mang triết lý con người.

Với hai nhóm chìm-nổi khai phá trên Hợp Lưu, ngoài vài truyện ngắn hay, nỗ lực cách tân thất bại. Kỳ lạ là với các tác giả không tham gia cách tân, các sáng tác của họ cũng thất bại, không chỉ trên Hợp Lưu mà cả trên các báo bạn Văn, Văn Học, Thế kỷ 21. Chính sự thất bại chung của sáng tác đã khiến không khí văn học trở nên đưa đám, cáo phó, u trầm, mất hẳn sinh khí, buồn chán đến thờ ơ lạnh lùng. Không ai còn dám khen văn xuôi đang khởi sắc và tất cả vụt trở nên thích đọc... bút chiến hơn sáng tác! Chúng ta có quyền tiếc một số đông tác giả đã không khai thác hết khả năng của truyện ngắn, đã không đi tìm « *điều khác thường* » trong văn chương, dù không nhất thiết đậm bốn, không nhất thiết phải đổi mới. Mỗi khi được hỏi về tình hình sáng tác ở ngoài nước, tổng biên tập Khánh Trường than vãn: *Cứ viết làng nhàng mãi!* Với tôi, đây là lý do khiến anh đánh mất đam mê làm báo, và quyết định buông tay.

« *Làng nhàng* », như thế, là tên gọi của một giai đoạn văn học. Chắc chắn, không phải đánh giá riêng của Khánh Trường, các chủ bút khác, Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng qua một số bài viết, cũng nhận định như vậy và đa số người viết đều đồng ý. Đến đây, có một sự trùng hợp nghiêm trọng: Sáng tác quốc nội sau giai đoạn rực rỡ 87-92, giai đoạn của Thiên Sứ, Những Trận Gió Hua Tát, Những Mảnh Đồi Đen Trắng, Đi Về Nơi Hoang Dã, Nỗi Buồn Chiến Tranh, Mảnh Đất Lắm Người Nhiều Ma, Bến Không Chông, Ác Mộng, Dị Mộng, Đảo Ngụ Cư, Giác Ngủ Nơi Trần Thế, v.v.. bỗng ngưng tất phụt trong nhiều năm, và nếu sự xuất hiện của Nguyễn Bình Phương, Bùi Ngọc Tấn, Nguyễn Ngọc Tư mới đây cứu vãn phần nào, nhìn chung với dân số 80 triệu, vẫn là một đám ma văn chương lê thê, im phắc, không kèn trống. Và ở tất cả mọi bộ môn nghệ thuật, *làng nhàng* đã biến thành tình trạng chính, một tình trạng kinh hoàng cho đám con rồng cháu tiên có bốn ngàn năm văn hiến. Ở thời điểm hôm nay, chưa thấy có dấu hiệu thay đổi.

Tại sao? Câu trả lời nằm trong « chôn vểng tư duy », mà nguồn gốc khởi sinh từ sự thất lạc ở trong từng người Việt, đặc biệt, trong từng người viết. Không ngẫu nhiên Văn Cao, lúc sinh tiền trả lời phỏng vấn của Nguyễn Châu Phong, nghiêm khắc nhận xét: « *Ngoài Hoàng Hưng không còn ai cả. Tôi ít đọc, nhưng thỉnh thoảng đọc thơ trên báo Văn Nghệ cứ nghe chuỗi chuỗi, có một vài câu thơ ngô ngộ vui vui, nhưng không có tư tưởng mà con chữ cứ sến sệt xút xít nối đuôi nhau* » (HL13). Không ngẫu nhiên Lê Đạt thích chơi chữ, chỉ đùa giỡn với bóng chữ, xác chữ. Không ngẫu nhiên Khế Lêm, Chân Phương bày cuộc chơi tung ném tự vị bách khoa rồi xếp lại theo sức hút của trọng lực. Không ngẫu nhiên Đỗ Kh, Nguyễn Hoàng Nam thích nhìn âm hộ, mộng, vú phụ nữ. Không ngẫu nhiên mà phẩm chất trong sáng tác Nguyễn Huy Thiệp, từ Sang Sông, Thiên Văn, hát bội Xuân Hồng, giảm sút đến mức không hiếm bạn đọc phải mua thêm hợp đồng bảo hiểm văn chương đọc kèm với tác phẩm mới của ông. Trường hợp Nguyễn Duy, Lê Minh Khuê tương tự. Không ngẫu nhiên Phan Thị Vàng Anh im lặng sau khi đi Hoa Kỳ và Châu Âu... Không ngẫu nhiên văn học hải ngoại lạnh dần rồi băng giá. Không phải tất cả không còn tài hoa, ngược lại, chưa bao giờ giới sáng tác kinh nghiệm và tự do như bây giờ. Tất cả chỉ cùng một lúc thất lạc với chính mình. Phân tích sự thất lạc đó, đòi hỏi cả một viện nghiên cứu tâm thần.

Thất lạc vì nhân loại đổ xô đi đào vàng? thế giới lao vào kỷ nguyên khoa học kỹ thuật? Thất lạc vì sức tàn phá hung hãn của kinh tế thị trường lên người viết văn trong nước? Thất lạc vì cánh cửa bất chợt mở toang khiến nắng ập vào nhà chói chang loá mắt? Thất lạc vì phải hưởng tác phẩm đến nhân loại nhưng không sao hiểu thấu đáo nhân loại vì chưa kịp trang bị đầy đủ? Đó

chỉ là những lý do nổi. Cũng nổi như giải thích đánh mất căn cước cá nhân của người viết ngoài nước. Sau đánh mất căn cước chính trị, sau đánh mất căn cước lưu vong, người viết ngoài nước trở về nhà, kinh ngạc nhận ra mình không còn giống người Việt ở trong nước, không giống suy nghĩ, không giống cung cách sống, và kinh khủng hơn, nhà văn Việt kiêu khâm phá mình không muốn trở về sinh sống tại quê nhà. Muộn mất rồi, con trùng hội nhập đã cắn nát trái tim. Sự chọn lựa lưu vong lần thứ nhì, đầy đau đớn vì là hành động tự nguyện. Lần đầu tiên, người Việt ngoài nước sau trở về, ý thức mình không còn Việt. Đánh mất căn cước cá nhân khởi đầu từ lúc này. Một đánh mất khác hẳn buổi chiều 30-04-1975 chôn thẻ bài, đốt giấy tờ tùy thân, khác hẳn mất mát lý lịch khi mua khai sanh gốc Hoa vượt biên bán chánh thức, lên trại đảo khai trệt tuổi, lấy một cái tên nào đó của anh em họ hàng trong gia đình. Chắc chắn, trong tiềm thức của những kỹ sư tâm hồn, những kẻ vô cùng nhạy cảm, đã trỗi dậy vô số câu hỏi cần xé: *Tại sao mà không đủ can đảm trở về sống với dân tộc mà, lúc này, cùng chia sẻ vận mệnh của đất nước mà đang bước vào thế kỷ 21? Đất nước mà sẽ đi lên, hoặc sẽ lụi tàn trong những thập niên sắp tới, mà bám víu tiện nghi ở đây để làm gì? Không. Đất nước không xem tôi là người Việt, mà là Việt kiều. Đất nước bắt tôi gia hạn khai sinh mỗi ba tháng, không cho mua nhà, mọi thứ bắt trả giá gấp đôi mọi người. Đất nước không cho tôi viết văn tự do...* Lý trí trả lời. Và tình cảm trấn an: *Mày là công dân quốc tế.* Nhưng tình cảm ăn gian, công dân quốc tế, một thứ thông hành chưa bao giờ có trên trái đất. Một bước, tất cả khởi đầu hành trình thất lạc. Nhưng đó cũng chỉ là khía cạnh nổi. *Chốn vắng tư duy* nằm trong sự thất lạc thâm sâu hơn nữa: *Hội chứng Babylone.*

Nhà văn Việt bắt đầu leo lên ngọn tháp ngất ngưỡng đó. Sau một trăm năm đô hộ, chiến tranh, phong tỏa, vượt biển, ngọn tháp hiện ra sừng sững ám ảnh. Lần đầu tiên người Việt trông thấy thật sự ngọn tháp nhân loại nhắc đến trong kinh thánh. Với trong nước, cửa tháp mở toang sau hủy cấm vận. Với ngoài nước, đồng đảo bắt đầu chuyến hành hương ngay khi an cư. Thật ra, chỉ một số can đảm mua vé, rất mắc, và tự túc leo lên, đa số còn ngồi ăn hột vịt lộn ở ngoài bãi giữ xe. Ngọn tháp nhân loại mà những tầng cao chìm trong mây, vẫn vũ tiếng gào của gió xoáy bên trong cầu thang tròn ốc trơn trượt, lạnh lẽo. Tất cả đã ý thức, phải lên đến đỉnh, để có cái nhìn xuyên suốt trái đất, để tiếp xúc với tất cả nhân loại. Nhưng số đông, đã đi thang máy. Số đông đã muốn mình là người lên trước nhất, nhanh nhất, để... chụp hình. Không ai chịu hiểu năm ngàn năm nhân loại, hai ngàn năm văn minh phương Tây có nền, có nếp, có thang, bậc, không thể lên tầng Kant trước tầng Aristode, không thể đứng ở bao lơn Trừu Tượng không qua đại sảnh Cổ Điện, không thể viếng tầng Hiện Sinh chỉ đứng ở quầy giải khát hành lang, chụp ảnh lưu niệm chỗ Sartre đã ngồi với Camus. Và kinh khủng hơn, hai ngàn năm tư tưởng và học thuật Tây phương chia làm trăm triệu đại sảnh mênh mông, bát ngát, đầy cửa, đầy ngõ ngách, những sảnh đường thăm thẳm, những tả hữu trường lang bất tận không chấm dứt, bắt nối nhau, chông chéo, chập chùng san sát nhau, không bảng chỉ đường, không mũi tên hướng dẫn... Chính trong những tầng lầu không thể đếm hết của tháp Babylone khổng lồ, nhà văn ngoài nước đã bắt gặp Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Duy, Lê Đạt, Lê Minh Khuê, Hồ Anh Thái, Phan Thị Vàng Anh... cũng đang thất lạc. Trong-Ngoài gặp nhau bất ngờ ở tầng trệt, cùng đi lên, và tứ tán. Tất cả chỉ biết tầng cuối cùng mang tên Hậu Hiện Đại, đa số không biết mình ở đâu, muốn gì. Nhà văn Việt đã khó khăn định vị trí mình trên tháp. Tầng nào cũng dừng lại nhìn ngắm chụp đèn trần, bước tránh tẩm thảm sang trọng ở lối vào, lật vài pho sách, trả lời phỏng vấn của nhân loại, rồi tiếp tục... Tham quan, nhưng không rõ giá trị thực sự, vì thiếu kinh nghiệm thế giới. Những người quyết chí, tinh táo nhất, biết mình tìm gì, nhưng lại không biết mình cần gì. Lên thẳng tầng lựa chọn rồi bán khoản trước mặt mã văn hoá. Không biết mình muốn gì, tìm gì, và cần gì ở nhân loại nên thất lạc, đưa đến « chốn vắng tư duy » trong sáng tác. *Chốn vắng tư duy* khiến tập trung đổi mới vào hình thức và kỹ thuật. Nhưng cũng chính *Chốn vắng tư duy* khiến kỹ thuật và hình thức không đủ sức vực dậy văn chương. Rất hiếm tác phẩm Việt Nam nào chở mang tư tưởng rõ rệt làm xương sống chủ đạo cho toàn truyện, và các nhân vật mọc ra từ xương sống đó như những xương sườn của xương sống đó.

Gabriel Garcia Marquez, trong Trăm Năm Cô Đơn, miêu tả sự thất lạc của linh hồn tuyệt đẹp: José Arcadio Buendia bị xích trên giường mập ra rất nhiều lần sức nặng bình thường, không thể cử động được. Mỗi tối Buendia mơ thấy mình rời khỏi giường, mở cửa đi sang một căn phòng khác, cũng giống y như căn phòng có chiếc giường bệnh, ông lại mở một cánh cửa khác dẫn sang một căn phòng khác, cũng bài trí y như căn phòng ông đang đứng. Cứ thế Buendia đi hết từ căn phòng này sang căn phòng khác, mở cánh cửa này đến cánh cửa khác, tiếp nối vô tận, cho đến lúc ông bất ngờ gặp lại Prudencio Aguilar, người bạn thời trẻ mà do ghen tuông ông đã tự tay phóng lao thọc cổ giết chết. José Arcadio Buendia đi ngược trở lại tất cả những căn phòng đã đi qua, và chỉ tỉnh dậy khi Prudencio Aguilar đập tay lên vai trong căn phòng thực tế đầu tiên. Nhưng đến một đêm, Aguilar đập tay trong một căn phòng trung gian và Buendia đã ở lại đó mãi mãi vì tin đã trở về căn phòng thực. Đám táng José Arcadio Buendia diễn ra dưới trận mưa hoa vàng. Những cánh hoa nhỏ rơi suốt đêm, đến sáng các phu đòn phải lấy xẻng xúc hoa dọn đường khiêng linh cữu.

Không phải chỉ có nhà văn Việt thất lạc trên tháp Babylone, mở hết những cánh cửa này sang cánh cửa khác, đi từ phòng này sang phòng khác, tiếp nối vô tận. Thế giới cũng có rất đông, rất nhiều nhà văn thất lạc. Nhưng người Việt đánh mất phương hướng cùng một lúc, đồng loạt. Hậu quả của đóng cửa, đò hộ, nội chiến, phong tỏa và tự cấm vận. Đó là lý do vì sao sáng tác trong-ngoài nước rất thanh bần. Sáng tác Việt Nam mạnh khi ghi lại kinh nghiệm đau thương bản thân, nhưng yếu khi đi tìm thẩm mỹ và sáng tạo. Bùi Ngọc Tấn chứng minh sự thành công của vé đầu, Nguyễn Huy Thiệp, từ Thiên Văn, chứng minh khó khăn của vé sau. Ngày nào José Arcadio Buendia tìm được lối ra khỏi tháp Babylone, hắn sẽ trở thành nhà văn đích thực, có quyền vứt bỏ nhãn « nhà văn Việt Nam » do các chủ báo phong vương. Đám ma hắn không chỉ có trận mưa hoa vàng, mà sẽ rất đông độc giả đi đưa, không như bây giờ.

\*\*\*

Thay lời “Hậu” lộ

Hợp Lưu như thế, mang trên thân thành công giao lưu và thất bại của sáng tác. Công bằng phán xét: Không có tạp chí Hợp Lưu, chuyển động giao lưu vẫn xảy ra, ở thời điểm 93-94 khi du lịch bùng nổ. Hợp Lưu chỉ đi trước chuyển hoá tâm lý cộng đồng 3 năm. Đó là một thành công không nhỏ, của Khánh Trường, và tất cả các tác giả trong-ngoài nước đã tham dự, đã hoàn thành một chức năng ngành phê bình hay đòi hỏi: Tính dự báo trong văn chương. 12 năm, rất dài, nhưng vô cùng ngắn ngủi, tựa một sát na trong đạo Phật, khi tất cả mọi người cùng một lúc ngộ ra không chỉ có Quốc với Cộng, không chỉ có đen với trắng, nhưng còn có Con Người đằng sau khẩu hiệu. 12 năm Hợp Lưu, tựa một trang tôn kinh huyền hoặc, đã ghi lại dấu vết của những đổi thay trong lòng người Việt. Sao không huyền hoặc khi hôm nay, khách du lịch và dân chúng chứng kiến mỗi ngày cảnh tượng Chúa Nguyễn Hoàng, Chúa Nguyễn Phúc Chu, Chúa Nguyễn Phúc Loan của Đàng Trong hàn huyền thân ái với Chúa Trịnh Kiểm, Trịnh Tùng, Trịnh Bồng của Đàng Ngoài, huyền náo ăn sò huyết trên vỉa hè Phú Nhuận, tâm đắc nhậu thịt chó ở Quảng Bá, Nhật Tân. Chỉ có chúa Trịnh Sâm vắng mặt vì Tuyên Phi Đặng Thị Huệ, viết cho báo Phụ Nữ chống say xỉn, không cho đi. Các Chúa nhậu xong cùng quàng vai nhau đi *karaoké* ôm người con gái Việt Nam da vàng yêu quê hương như yêu đồng lúa chín của Trịnh Công Sơn... Sao không huyền hoặc khi mình đã nghĩ đánh mất vĩnh viễn Sài Gòn, bỗng đứng trước ngôi nhà nơi mẹ đã sinh ra ở phố Hàng Đào.

Ngày mai đi tu, Khánh Trường có quyền hãnh diện, và biết đâu anh chẳng bị sự trụ trì từ chối: Đến cửa Phật phải có duyên. *Con chưa có duyên với nhà Phật, con chỉ có duyên với Hợp Lưu. Thôi con về trị sự và layout tiếp.* Giống sự trụ trì đã từ chối Nghiêm Xuân Hồng hai mươi năm trước, khi ông nhất quyết xuất gia. Ngày xuống tóc, Nghiêm Xuân Hồng đau ruột dư phải vào bệnh viện, một chữ *duyên* tan thành mây khói. Trở về Cali, Nghiêm Xuân Hồng cho xuất bản Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc, làm thơ, viết truyện ngắn, đăng trên Văn kể lại ngày Võ Phiến tiến

ông ở phi trường, tưởng đã không gặp lại nhau, hay gặp lại một bên Bạch Thầy, một bên Bàn Tăng đã thọ trai giới không còn uống được nữa... Ngày mai, ở lưng chừng núi Big Bear, bị sự trụ trì từ chối, Khánh Trường sẽ buồn vô hạn, anh đã vượt qua bao khó khăn để gầy dựng Hợp Lưu, cuối cùng không vượt nổi cửa Phật. Họa sĩ Khánh Trường sẽ trở xuống chân núi, nhìn những áng mây đỏ thắm ráng chiều đang ào ạt trôi qua đầu về phía mái chùa còn vàng cong cánh sen đẹp rực rỡ. Khánh Trường sẽ ra parking lấy xe về lại Garden Grove, anh còn nghe tiếng gió đuổi xô trên vách núi, đuổi bắt tiếng gọi với của Thượng Tọa: *Con nhớ chăm lo nỗi buồn 'chín tã' và gửi báo tặng, nghe đâu số tới chủ đề truyện tình hậu hiện đại, thầy cũng trông lắm...*

Cuối cùng, gửi đến anh chị, bạn bè, bằng hữu lời tạ lỗi đã đem hết tất cả nhúng lẫu, xay sinh tố. Hy vọng món lẫu vừa ăn, không quá cay, đã bảo hành khả ái và bao trọn gói. Cùng gửi đến đương kim tổng biên tập Phùng Nguyễn lời chúc: Sẽ xuất hiện trên Hợp Lưu Đồi Long Dao và Lục Mạch Thần Kiếm...

## Làn da Kim Khánh



Nude - Tranh Khánh Trường

### 1.

Làn da tôi sáng trắng. Sáng như làn da làm bằng cát. Làn da của thiếu nữ khô và nhám tựa một trang sách cũ chứa thứ chữ vô hình. Chúng tôi yên lặng thụ động. Hai thân thể đối diện trong khách sạn làm thành một điều gì đó đầy kích thích mà chính chúng tôi muốn hiểu vì sao mình bị kích thích. Làn da của Khánh dưới lớp áo kimono ngăm một cách chậm rãi, sẫm dần theo bóng râm hắt vào phòng. Giống chúng muốn biến mất sau khi tôi vừa nhìn ngăm. Giống chúng đã khô đi ở lớp vỏ ngoài dù vẫn hô hấp bằng hơi thở trẻ thơ. Tôi biết thiếu nữ vẫn còn là một đứa trẻ dù đã làm đàn bà. Làn da của nàng duy nhất.

“Làn da của tôi bảo tồn từ sau 75.”

“Làn da của tôi thay đổi rất nhiều từ ngày ấy.”

Chúng tôi nằm đối diện, nhưng không trò chuyện, mà chính làn da của chúng tôi trao đổi với nhau. Chúng tôi nghe tiếng thở của chúng, đều đều, qua lại, khi phả một lượng không khí ẩm, khi bài tiết nhẹ nhàng những giọt mồ hôi. Tôi không thể dừng ngắm nhìn làn da quá khứ của Khánh. Đã lâu lắm tôi chưa từng chiêm ngưỡng một làn da khô, nhám, nhưng sạch như vậy. Một sự sạch sẽ tế bào mà tôi biết, không còn hiện diện ở đây. Bây giờ nơi tôi sinh sống, con người của thời đại được sản sinh như giống bắp đã thay gien, trợ trợ với tất cả. Thân thể tôi được sản sinh trước mùa bắp thế kỷ, nên được xem là một di vật. Chính sự tồn tại của quá khứ trên làn da của tôi đã mở khoá tế bào để gắn vào làn da của nàng.



Chúng tôi vẫn nằm đó, bất động. Bốn con mắt gọi lên một ham muốn. Những ngón tay tôi muốn khám phá, và những ngón tay Khánh muốn khám phá, chúng tôi đọc được ước muốn của nhau trên những đầu ngón tay yên lặng mà chúng tôi biết, sự yên lặng của nóng nẩy. Chúng tôi vẫn đối diện, gương mặt kề sát, chỉ cần tôi nhích đến một chút nữa, là chúng tôi có thể hoà nhập vào nhau, Khánh hoà vào tôi và tôi nhập vào Khánh. Làn da chúng tôi đã được tạo ra để nối kết với nhau, chỉ cần chúng tôi vươn tay, chúng sẽ bắt lấy đan vào nhau, Khánh sẽ mang làn da cát biển và tôi sẽ được bao phủ bởi làn da khô như gió sa mạc của nơi nàng sinh sống.

## 2.

“Las Vegas khác Quy Nhơn lắm không?”

“Khác, nếu mình nghĩ mình là người Việt và không khác, nếu mình nghĩ mình là người Mỹ.”

Làn da của cả hai vẫn tiếp tục trao đổi. Chúng tâm sự như những bạn gái nhiều chuyện lâu ngày gặp lại, dù chúng chỉ thực sự tiếp giáp với nhau lần đầu. Chúng tôi ngắm nhau. Chúng tôi đã đánh mất tuổi thanh xuân nhưng vẫn mang vóc dáng của thanh xuân. Chúng tôi đã đánh mất tuổi trẻ nhưng vẫn mang hình hài của tuổi trẻ. Chúng tôi như một ảo ảnh thâm kín. Hay một sự hư hỏng kỹ thuật số của màn ảnh. Đúng hơn, chúng tôi chính là sự lấp rập của quá khứ vào thực tại. Làn da thiếu nữ đã bảo vệ chúng tôi trong chiến tranh và hãy còn lưu trữ những tồn tại của một thời đại mà cả hai chúng tôi ngỡ đã đánh mất. Từ Quy Nhơn đi gặp Khánh, tôi đã sống cảm giác sung sướng vừa tìm ra một báu vật.

“Cuộc sống bên đó ra sao?”

“Tâm hồn mình ảnh hưởng nhiều từ xứ sở mình sinh sống. Quan niệm, tình cảm, phong cách không còn Việt nữa, chỉ còn quá khứ là chung.”

Làn da của tôi với Khánh tiếp tục tìm hiểu chúng. Đôi khi chúng bất lịch sự đến mức bất ngờ nhú lên khỏi bộ đồ ngủ bằng tơ tằm màu tím nhạt của tôi, hay bất ngờ cử động dưới áo ngủ kimono màu kem của Khánh, làm như chúng tôi không còn sở hữu được chính làn da của mình. Đôi khi chúng tự do quấy rầy bằng cách bày tỏ khát khao được chạm vào nhau để nghe tiếng động hô hấp bên trong. Chúng tôi đã phải cương quyết ngăn cấm đòi hỏi khiếm nhã này, nhưng không thể ngăn câu chuyện của chúng vang vang trong căn phòng.

“Quê hương không xem là người của quê hương, xứ người không xem là dân mình. Vậy mình là ai?”

“Mình biết mình không phải là dân Mỹ, mà rồi mình nghĩ mình như là dân Mỹ. Mình là một bào thai đổi.”

Tôi ngắm làn da của Khánh. Kỳ quặc, nàng ngăm và tôi trắng, trong khi đáng lẽ tôi phải ngăm và nàng trắng, nhưng chúng tôi là sự hư hỏng của kỹ thuật số, sự đánh tráo số phận của kẻ ở, kẻ ra đi và cả sự tiếm xưng người Việt. Vì tôi cảm nàng rất Việt. Làn da nàng toát ngời điều ấy, chúng ngăm và trơn láng như da cá chình ở đây. Chỉ cần thả chúng xuống nước, chúng sẽ vẫy vùng với điều kiện cho chúng tự do. Nhưng Quy Nhơn khác nghiệt, khiến da tôi trắng, trắng bạch vì không dám chứa nhiễm sắc tố, vì sợ, sợ tất cả và cả những điều chưa biết. Da nàng ngăm, vì nơi nàng sống nhiều màu sắc. Khánh tắm trong sự pha trộn của màu sắc, đủ màu, đủ sắc. Tôi ngắm nàng mềm mại như một lời chào đón. Làn da của nàng hiểu, chúng ngăm ngượng, rồi cất tiếng:

“Ước mơ của Kim là gì?”

Ước mơ của tôi là gì? Tôi sừng sốt, chưa thiếu nữ nào hỏi tôi như vậy. Nhưng làn da của tôi đã chen vào giữa.

“Ước mơ của tôi từng là thoát ra ngoài. Giờ tôi chỉ mơ ước làm một người bình thường, sống cho hết cuộc đời, đi cho trọn kiếp người. Nghĩ là vậy, nhưng dường như lúc nào tôi cũng như đang trông chờ một điều gì đó. Tôi biết tôi vẫn mơ ước, nhưng không biết rõ điều gì nữa. Một lần tôi mơ thấy trôi giữa thành phố ngập nước, nước trôi ra biển và sóng hất ngược, lần khác là những con sông chết làm tôi ước đất nhả phù sa...”

“Khánh cũng mơ thấy mình trở về giữa những lòng đường ngập nước, đi tìm những con đường cũ đã mất dấu vết khiến Khánh than khóc ước tìm lại ngôi nhà cũ... Mình hay mơ ước, biết sau này có còn mơ gì nữa?”

Làn da của chúng tôi quyến luyến, chúng thân mật tựa tri kỷ. Tựa làn da của hai ca kỹ đã hành nghề hát xướng với nhau nhiều đêm. Giống chúng tâm sự với nhau hằng đêm và ăn nằm với nhau suốt sáng. Chúng làm chúng tôi ngỡ ngàng khi phơi bày các bí mật. Chúng tôi đỏ mặt khi nghe chúng xưng hô bằng chính tên tuổi của mình, như chúng không còn là vỏ bọc nữa mà đã chiếm đoạt và trở thành chúng tôi. Đến nỗi khi chúng tôi suy nghĩ, chúng tôi đang nằm cạnh nhau như hai kỹ nữ, thì một trong hai làn da đã tự động cải chính:

“Chúng tôi nằm như hai công dân, không phải hai kỹ nữ. Xin đừng sàm sỡ!”

Tôi giật mình vì tiếng nói phát ra đầy tự tin. Tiếng nói mạnh như gió sa mạc. Tôi thấy nàng cười thâm lặng. Tôi hiểu Khánh muốn nói, từ sa mạc nơi Khánh trở về, mỗi tế bào được hưởng quyền công dân. Làn da của Khánh đang phát biểu quyền làm tế bào và chúng không cho phép ai sai khiến. Khánh chỉ có thể chấp nhận vì chúng là số đông.

Nàng cười nhẹ nhàng như muốn xin lỗi. Tôi yêu nụ cười trong bóng tối của nàng. Nụ cười vầng nét xa xôi, từ thật xa xưa, tựa Khánh vừa lớn. Nàng cười giữa vũng âm của buổi chiều. Ánh nắng lui dần lên thân thể nàng, giống cơ thể nàng hãy còn phát sáng màu cát nhuộm Quy Nhơn mà nàng đã hút từ tôi hay tôi đang hắt nắng Quy Nhơn sang người nàng. Tôi cố hiểu, mà vẫn thấy Khánh phản chiếu thân thể của mình. Giống Khánh sống trong thân thể tôi và tôi ẩn trong thân thể Khánh. Một nửa của mỗi bên bị chặt đứt tìm nơi trú ẩn trong một cơ thể khác.

### 3.

Làn da của chúng tôi lại động đậy. Chúng nhú lên khiêu khích. Chúng tôi đỏ mặt mà không tắt được tiếng nói của chúng muốn nối vào nhau, vì chúng vừa nhận ra chúng tôi là hai chị em song sinh hoặc hơn thế nữa, cùng một cô bé sinh ra ở Quy Nhơn rồi bị chiến tranh tách ra, xé ra, quăng đi mỗi nơi một khúc. Chúng muốn ráp lại. Chúng muốn so tay, hai cánh tay dài bằng nhau. Chúng lại so các ngón tay, các đốt tay vừa nhau. Từ tay đến vai, không có gì khác. Mặt mũi chúng cũng giống nhau, từ ánh mắt xuống đến cằm, rồi xuống đến lồng ngực chứa cùng một hơi thở. Không khí đậm muối mà tôi nghĩ thấy đang hô hấp trong lồng phổi của Khánh, chẳng khác làn hơi thở của tôi, tựa xuất phát từ một lồng phổi mà mỗi lá đập trong một thân riêng. Lá hô hấp, lá chứa thần khí.

“Lá phổi của mình chứa nhiều thần khí.”

Làn da của tôi nói.

“Mình nghĩ mình hít thở tự do.”

Làn da của nàng khăng quyết.

Hai lá phổi trao đổi, mặc kệ chúng tôi đã kè sát. Sát đến mức phát sinh ham muốn. Tôi khát khao làm nàng và ngược lại. Tôi biết chúng tôi không cưỡng được nữa, ước muốn nhập vào làm một. Tôi đặt lên môi Khánh nụ hôn thương mến. Giống tôi hôn chính môi mình. Khánh hôn trả tôi say đắm. Tiếng kêu của da thốt lên sung sướng. Chúng đón nhận những nụ hôn như nhận những lượn triều bất ngờ tràn lên từ lòng biển khơi. Nụ hôn của Khánh ướt nước, nước của sóng vỗ vô hình lên môi khiến tôi đờ đẫn. Chưa ai hôn tôi như Khánh. Không phải Khánh đang hôn mà truyền qua tôi sức mạnh của ký ức. Tôi uống vị nhẵn nhẵn của cả tương lai từ môi Khánh. Tôi cảm ra vị của quá khứ trinh bạch và tương lai ít ám tối. Chúng tôi rời ra, bắt chột, giữa tiếng kêu của da. Tiếng kêu thảng thốt, đau đớn. Chúng phản đối. Chúng bắt tôi hôn nàng thêm lần nữa. Truyền cho nàng cát từ miệng tôi, cát của Quy Nhơn cháy nắng. Tôi mớ m từng bụm cát cho nàng. Tôi hôn trả mãi miết, mãi miết cho đến khi môi Khánh mềm như cát. Chúng tôi dán sát nhau đến không thể tách rời, cho đến khi Khánh thì thầm để Khánh cởi áo, tôi khám phá da nàng đang từ từ sáng và da tôi đã bắt đầu ngăm. Chúng tôi trông thấy chính chúng tôi bằng da bằng thịt. Một thiếu nữ khỏe mạnh ở Quy Nhơn. Một thiếu nữ chưa bị chiến tranh hắt ra biển. Hai thiếu nữ khám phá cơ thể của mình lần đầu với mười ngón tay của chính mình mà không phải tự vuốt ve hay tự mơn trớn mà bằng cách ôm lấy mình vào lòng. Mình, ở thân thể khác, mà vẫn là mình. Sự sung sướng lên đến chát ngất vì có thể yêu lấy chính mình. Khánh cho tôi thật nhiều tương lai và tôi cho Khánh tất cả quá khứ từ lúc Khánh ra đi. Tôi níu lấy tóc Khánh, cắn từng lượn triều đang dâng không ngớt làm thành sóng tắm mát thần trí. Biển dậy sóng của Quy Nhơn và gió của Las Vegas. Tôi nghe tiếng gió thốc ở màng tang. Nghe cả tiếng những kim xương rỗng gãy tích tách giữa những sa mạc Khánh đã đi qua và hút vào mình nàng trận gió kinh thiên. Chúng thổi thốc qua châu thân tôi mát rượi, càng lúc càng mạnh đến phần phật làm tôi không ngớt rung mình. Tôi nắm níu đầu tóc Khánh, tìm một chiếc neo, để cắm thân tôi vào, để gió khởi thổi bay, để trận bão không hắt tung tôi lên đến trần. Tôi rung mình lúc Khánh cắm người nàng vào người tôi. Không phải một sự đau đớn mà một mặt đại dương êm dịu vì chỉ một người đàn bà mới biết ban sự êm dịu. Khánh cắm lên tôi thân thể của nàng để chúng tôi neo vào nhau, cùng phát sáng. Chúng tôi kêu tên của lẫn nhau, Khánh kêu tên tôi và tôi kêu tên Khánh cho đến lúc chúng tôi nhận ra đang kêu tên của chính mình. Khánh thêu tên của Khánh lên da tôi và tôi thêu tên của mình lên da nàng. Tên của lá kim khánh giát vàng. Lá kim khánh chưa gỉ sét, còn phát sáng. Lá kim khánh quý giá vì hãy còn sáng mượt từ làn da mỏng tanh như hơi thở của cả hai. Cửa Khánh khi phá vào môi tôi hay của tôi khi hôn lên mắt nàng. Chúng tôi neo trận hồng thủy vào thân thể mình như neo sóng vào mặt cát khô đã lâu lắm cần cỗi. Tôi níu cứng lấy môi nàng trao những tế bào tươi trẻ còn sót trên lưới mình. Chúng lỏng như nước, chúng trong như bọt biển. Chúng ngoan ngoãn trôi vào miệng Khánh rồi đến phiên Khánh nhả vào miệng tôi các tế bào nhuộm của nàng hâm hấp nóng như trận gió còn hực nắng đã thổi qua Las Vegas bao buổi chiều vừa bắt đầu dập dìu, của những đôi tình nhân, của những mối tình thơ mộng hay của cả những lần cô độc Khánh đã trải qua, nàng cho tôi với đầy ầu yếm. Các tế bào của nàng cũng sáng trong như bọt biển. Tôi uống chúng chậm rãi, mê mãi rồi hồi hả. Chúng làm thành bày sữa quắt tôi tới tấp bằng đầu lưỡi rồi quán siết không cho vũng vầy cho đến khi chúng hóa thành một trận bão cuồng.

#### 4.

Mặt đem co lại như da chúng tôi thâu lại. Tôi cảm được làn da mình thôi còn căng. Chúng tôi như lượn sóng đã soải dài còn tươm trên cát. Khánh là ngọn triều lui dần, còn tôi là cát đã thấm ướt. Chúng tôi đã nối vào nhau rồi buông nhau trong tiếng nấc, không phải của chúng tôi

mà từ làn da của cả hai. Da nàng êm như điệu múa của lụa, da tôi khô như cát mặn, một trái ngược, vì nàng đã khô và tôi lụa, tôi ý thức có một sự hoán vị mà tôi chưa lường hết tầm mức. Chúng tôi đã giao vào nhau như biển và cát. Cát của quá khứ và biển của tương lai, của những chân trời xa, của sự giao thoa đẹp như một lời hứa, của chúng tôi muốn xóa lịch sử. Vì sao lịch sử bám vằm làm đôi, đầy tàn khốc? Chúng tôi chưa hiểu mà ý thức phải hàn gắn. Gắn cho bằng được vết chặt của đồ tể đã làm tôi bể xương, đã làm Khánh rách thịt. Tôi muốn nói Tôi yêu Khánh, yêu làn da nhuộm của nàng, vì đã là da tôi mà Khánh đem đi. Đã là da tôi mà Khánh nhập về. Tôi muốn nói, Tôi vừa ý thức Khánh trao tự do trong suốt giúp không còn phải giấu trận bão dưới đáy thân, giúp tôi nhìn thấy chính mình, của ham muốn và lý trí.

Khánh trôi dần vào giấc ngủ, hơi thở nàng ban nãy như trận mưa sa giờ đã êm như lớp sương mỏng. Tôi ngắm nàng, tôi nằm nghiêng ngắm nàng ngủ say mà vẫn cảm giác sao như tôi đang nằm thẳng. Có phải vì tâm hồn tôi lệch nghiêng hay tâm tư tôi bất định. Ân ái với một thiếu nữ, ngay cả khi thiếu nữ ấy không còn trẻ, vẫn là ân ái với thành kiến cổ hủ, của những quy trình bất di bất dịch, hay đúng hơn là đang tát vào mặt chúng với những điều chúng cấm cản. Ân ái với Khánh, là nhận sự dịu dàng của đời sống, là nuông chiều cơ thể mình, là trông chờ một văn hóa khác, khác cái cổ xưa nghìn đời kềm hãm. Yêu, như thế, mang hành động phản loạn. Nhưng khác thường nào không bị dày vò, xem phản loạn một khi là khác thường tinh thần.

Tôi muốn hôn lên khoe môi Khánh, đặt nụ hôn tôi mơ màng lên nét cong từ vai xuống ngực nàng. Tôi muốn hôn nguồn suối nàng vừa trao, nhưng tôi biết, phải tôn trọng quyền công dân của những tế bào trên da nàng vì chúng đã trưởng thành. Tôi nằm im, vẫn mơ suy nghĩ, không biết chúng đã sang người tôi chưa, khi nãy, tôi đã uống thật nhiều từ môi Khánh, từ bụng Khánh, từ những giấc mơ Khánh gửi gắm. Còn những tế bào của tôi, chúng ở đâu bây giờ, chúng đang gom thu lại trên da tôi hay đã đầy kín dạ con nàng.

Mỗi con người là một trận bão, mà khi lốc xoáy không thể cưỡng lại trận bão mình đã giấu trong da, trong ký ức và những hoài niệm. Thân bão của tôi giờ bốc lên trần, xoay theo cánh quạt phả từng làn gió. Tôi thật muốn Khánh thức dậy trò chuyện, thật muốn nàng làm sóng hòa vào cát lần nữa. Thật muốn yêu thêm lần nữa phần da thịt mình đã mất, đã tui phận khi Khánh ra đi. Tôi muốn hỏi vì sao nàng trở về. Vì sao nàng tâm sự ban nãy, lần nào về Khánh cũng ở khách sạn này, Khánh muốn về chỗ cũ vì Khánh đi tìm mặt đất cũ...

“Kim nhìn chậu hoa bên kia, giống chậu hoa trước sân nhà Khánh, là vật cuối cùng Khánh trông thấy sáng 30 tháng 4, Khánh cứ nhớ cái chậu hoa ấy vì mẹ Khánh khóc khi ra khỏi nhà, Khánh bút trụ các bông sứ vì không muốn ai khác ngắm chúng nữa. Lâu rồi mà các vết mủ vẫn còn in. Chúng thâm đen trong lòng... Khánh trở về nghĩ mình đi tìm điều gì to tát lắm, thật ra chỉ là một vết mủ.”

Tôi thương Khánh vô cùng khi làn da nàng kể lể. Làn da nàng giờ im thin thít. Chúng ngủ say bên lớp chăn không đắp. Cánh quạt vẫn quay như cánh trực thăng ngày cũ. Ngày rời Quy Nhơn theo gia đình chạy vào Sài Gòn, khi chiến sự khốc liệt, tôi đã trông thấy bao cánh trực thăng hy vọng bốc bay đem theo sự sống rời xa, bỏ chúng tôi giữa đất bầm miền Trung. Chạy làm gì khi đất bầm không thể chạy... Tôi ngắm rắng chiều tà còn loáng trên trần đã ngả vàng, màu vàng của tôi, của Quy Nhơn, không hiểu vì sao mình hoài niệm. Vì sao quá khứ chen chân vào thực tại. Vì sao đám tế bào trong tâm tư tôi nhiều thêm lên, chúng đông đúc và bắt tôi suy nghĩ. Chúng mang trong mỗi tế bào một ý nghĩ mà một nửa hướng về quá khứ. Tôi ngắm cánh trực thăng thổi tung mù bụi ở Tuy Hòa, tôi ngắm cánh trực thăng lồng lộng gió ở Phan Rang, quay tít hàng dương làm dậy cát như cát đã hóa thành tay cổ vươn lên níu càng. Tôi là cát. Cát của Quy Nhơn nhào đến Phan Rang rồi bẽ bàng nhận ra Phan Rang bỏ ngõ.

Tôi là cát mà Khánh vừa thấm ướt, tôi làm cát níu càng trực thăng cho đến khi cánh quạt trần lảo đảo đưa tôi vào ảo giác.

Cảnh một người đàn ông nào đó sắp xuống tàu làm phụ bếp diễn ra. Tôi thấy thật rõ, từng nét. Không phải ảo ảnh mà lịch sử sống động trong phòng. Ánh mắt người đàn ông lạnh, vô tình. Sức ịch kỷ của đôi mắt thâm đoạt cùng với tiếng bước chân xăm xăm giúp tôi biết người phụ bếp rất tàn nhẫn, sẽ dẫm lên chúng tôi không chút xót thương. Bước chân vang vang như ông ta đã bước vào phòng, ngay cạnh chúng tôi. Tôi muốn lay Khánh mà không thể cử động. Tôi muốn hỏi Khánh nghĩ gì, Khánh có trông thấy mà miệng tôi câm. Người đàn ông dừng lại mua vật dụng gì đó, tôi vụt kỳ vọng bước chân ông ta sẽ bị ngăn, bị chặn, bị tai nạn, rồi bị đâm ngã... Tôi ý thức thân phận của gia đình mình có thể được định đoạt trong một tắc gang, quá khứ – hiện tại – tương lai của một con người, của một dân tộc, tất cả đều có thể thay đổi, hoán chuyển trong một tắc gang. Vài ba phút trước hay vài ba phút sau một người đàn ông nào đó không kịp xuống tàu làm bồi bếp và số phận chúng tôi đã khác.

Số phận nàng đã khác. Nàng vẫn là tôi.

## 5.

Đêm. Kim đồng hồ gỗ khô khan từng khắc nhịp. Tôi thức giấc từ giấc ngủ chập chờn cánh trực thăng. Ba mẹ tôi đã níu càng rồi rơi ngã. Tôi đã khóc ngất, tuổi mười hai biết chia gì ngoài nước mắt. Mộng mị phủ ngập từ tĩnh lặng và bóng tối. Rồi tan, như tôi đã tan trên mình Khánh, tan vào các thớ da của nàng mềm mại đón chào khi chúng tôi cùng cởi áo. Khánh nói Kim đẹp như một bức vẽ. Tôi lắc đầu: Khánh mới là bức vẽ còn Kim là tượng đá. Nàng cười nhẹ nhàng: Tượng là thật, bức vẽ là mộng ảo. Tôi như thế, là thực tế của mặt đệm sản xuất nơi này, trên trũng đất này, một trũng đất đang ngập nước mà chúng tôi khô hạn vì thiếu sinh khí. Cửa đất trời bao la, cửa tự do sắp đặt những vì sao soi bước chân mình. Đêm im như sắp bão, giấc kiệt cùng trước khi gió thổi mây và những lần chớp lóe. Chúng tôi hầm bức nhể nhại, da thịt Khánh và mồ hôi. Tôi thêm nghe tiếng nước rĩ từ gốc đa trong các hòn non bộ, tiếng nước loang trên mặt lục bình thắm xanh có vài trái sung trĩu cành và những vết bèo trôi. Tôi thêm nước, ứa từ vách trần hay ứa từ mạch gang bàn chân Khánh, từ sự im lặng đến cảm của căn phòng, từ vài nốt nhạc xưa, từ đâu đó một nụ cười hay từ sự ẩm ướt của nàng ban nãy, lúc này tất cả khô cạn, tất cả im, thênh vẳng như nền trời không một triền mây. Tôi ngấm bức rèm không rung, không động đậy, cánh quạt trần đã tắt từ lâu đứng dừng trong tư thế của bức tượng vẫy tay. Tôi thức giấc giữa đêm yên tĩnh. Ngột ngạt quá, không một tiếng động. Cả làn da của chúng tôi cũng ngừng hô hấp, rịn ẩm mà không bài tiết, dù chúng tôi nhể nhại nhưng không phải là bài tiết. Bài tiết là chu kỳ sinh thái của da, của sự sống, chúng tôi hầm mà không sống, giống bầy cá hết nước vẫn còn thoi thóp mà không thể nhảy, ngộp hơi, ngộp không khí vì thiếu nước, thu thán khí vào mang và càng thu càng nhận ra cái chết đến gần... Tôi thức giấc với cảm giác kỳ lạ này, lý trí còn cố gắng phân tích hành động luyến ái với người cùng phái lần đầu tiên gây ra dị tính của thần kinh. Tôi cố gắng chấn chỉnh thần kinh, thu xếp, sắp đặt, gạt đi những chuẩn mực bình thường để tạo lập một chuẩn khác, chuẩn của đồng tính. Tôi biết cần đồng minh. Tôi xoay sang nàng. Nàng là tình yêu, là lý lẽ và cứu cánh. Nhưng Khánh có vẻ mệt nhọc, hơi thở nàng đầy phù sa. Nàng trở mình, phờ bày lồng ngực đầy cát. Tôi hốt hoảng vì thân thể nàng không còn sống, đã cạn những lượn triều và ngập cát. Nàng thở khó khăn như người bệnh phổi. Tôi lay Khánh. Tôi kêu: “Khánh, Khánh, thức mau! Nói cho Kim biết Khánh bị gì.” Nàng bật lên. Nàng như chiếc cần câu bị giật khỏi mặt nước. Gương mặt nàng tái xanh, nhợt nhạt. Khánh hét: “Kim! Khánh ngộp quá! Khánh không nghe gì nữa. Sao Khánh không nghe gì nữa, chắc chúng bị ngộp chết.” Rồi Khánh ngã bật. Tôi đau màn tang, tôi từng đau như vậy. Tôi chồm đến: “Khánh! Khánh! Cần Kim làm gì?” Nhưng nàng đã vùng vẫy, cầu xé. Khánh xé chăn, xé drap, xé toang mặt đệm mỏng bằng chính móng tay nàng. Khánh gào

liên tục: “Chúng câm rồi, tế bào của Khánh câm rồi, chúng không nói nữa. Khánh không nghe thấy gì nữa, chúng mất tiếng nói. Im lặng quá! Im vỡ đầu! Khánh muốn vỡ thái dương, Khánh cần nghe tiếng nói!” Nàng lặn lộn tự cào cấu, như thể Khánh muốn cào vỡ tung lồng ngực cho các tế bào của nàng thở, cho chúng hết ngộp, cho chúng lấy lại sức. Tôi đè nghiêng nàng. Tôi chặn không cho nàng tự hủy thân, cho đến khi Khánh lại rơi chìm vào vô thức. Nàng ngất đi bằng chính bàn tay tôi đã kèm nàng, đã xoa cho nàng dịu, đã ru cho nàng vào mộng mị. Khánh là đi như một giải mây chạm núi rồi tan rồi loãng vào hư không trước khi sa xuống đồng cát. Cát là tôi thấm thấu vết nước của trời, đã giúp mây về đất. Tôi lắng nghe trận bão ngoài khung kính và cả những thỉnh không trong lòng mình.

Đồng hồ lại gõ thêm một tiếng nữa. Tôi nằm xuống cạnh nàng, vừa trông chừng nàng vừa nghe ngóng chính bản thân mình. Làn da nàng vẫn cầm bắt như đã làm quen với sự cầm nín của làn da tôi, hay chính làn da tôi đã bao lấy nàng, vì nàng đã bao lấy tôi. Hoán vị là cơ giống ủ trong thân, một khi giải thoát, lan tỏa khắp mình, chúng tôi biết mà vẫn bàng hoàng trước phản ứng của cơ thể mình. Đêm đẹp như một sự gặm nhấm. Mà mỗi phút giây ăn vào từng tế bào hay chính mỗi phút giây đánh thức từng tế bào. Tôi không rõ mà chỉ có thể cảm như tất cả những người đàn bà biết cầm sau ân ái. Cơ thể mình không bao giờ còn như trước nữa, chúng đổi thay hay dị dạng, có thể đẹp lên hoặc xấu đi. Yêu là trao, mà trao là nhận, mà nhận là chấp nhận phần đem đến tốt hay xấu. Nhưng yêu một người đồng phái là một thách thức. Thách thức gia đình và xã hội và cả chính bản thân. Chúng tôi đang sống phản ứng đầu tiên của thân, bên cạnh phản ứng của tương lai đang phải nhập vào quá khứ. Lý trí tôi rạn vỡ, phân định được hết, vì chính tôi muốn tương lai, cần tự do Khánh đem đến, từ nơi nàng trở về. Song thân thể không phải là lý trí mà một khối vật chất, chịu ràng buộc vào chu kỳ kinh nguyệt cũng như tập quán của xã hội. Lý trí không cần nhai, thân thể cần ăn, lý trí không cần hưởng, thân thể cần tiêu thụ, lý trí muốn nổi loạn, thân thể cầu an và lý trí đạo đức, thân thể dục vọng. Chúng tôi, hai thiếu nữ Quy Nhơn nhập một đôi chọi với mình. Mà mình phân hai, tinh thần và thể xác. Tôi rơi vào sự hỗn độn của tư duy cho đến khi đêm mất bóng.

Không phải đêm mất bóng mà bóng tối chấm dứt. Căn phòng sáng choang như thấp đèn. Triệu con mắt mở trừng trừng. Chúng thao láo đầy khắp mình tôi. Chúng sáng choang soi mói. Chúng nhìn khắp châu thân tôi không chừa một ngõ ngách. Chúng lục lợi bằng ánh mắt pha đèn vào chỗ sâu kín nhất. Chúng đầy như triệu hạt bắp vụn mọc khắp châu thân, vụn nhúc nhích cử động, di chuyển chậm chạp bằng những chiếc chân li ti đầy lông và vẩy. Chúng bò rập rình giữa hai đùi tôi lên đến bụng, lên đến hai bầu ngực và nhảy nhót trên miệng. Tôi ú ớ, tôi rú lên hãi hùng nhưng cùng lúc là triệu triệu tiếng nói cất vang. Chúng đồng ca vang vang trước khi trăm triệu tuyên ngôn, lập ngôn, phát biểu vọng vang lên từ mỗi tế bào ồn ào âm ĩ. Chúng lấn át tiếng tôi thét vang cầu cứu. Chúng nhảy múa trên mình tôi bằng triệu ngón chân bầu sâu vào da rồi từ da bật lên như sóng. Cả mình tôi là một sóng kiến bò, một sóng ong vo ve, một sóng chấy rận lúc nhúc hay một sóng bò sát không ngớt cử động. Tôi rú lên gọi Khánh mà nàng không nghe thấy, Khánh ngủ vui ngất lim như chết rồi. Tôi rú lên kêu cứu mà chúng vẫn thay nhau phát biểu đòi quyền công dân. Chúng nhắc đạo luật này, hiến pháp kia và cả những công ước mà tôi từng lướt mắt qua một lần. Chúng đòi hỏi thực thi và đình công bãi thị ngăn cấm cơ thể tôi sinh sống. Chúng như một bày mối ăn đục khắp thịt da làm vỡ tung từng mảng thịt. Chúng viết tằm tấp hàng vạn hiến chương trên lưng tôi, cho đến lúc tôi bưng tai muốn hóa điên, phải dần xé giành giật từng mẩu thịt của mình với chúng và vụn hiểu tôi sẽ vỡ tan thành triệu mảnh nếu không trả cho Khánh những tế bào của nàng.

Nụ hôn của đêm khuya là nụ hôn khước từ nguồn sống. Tôi nhả vào miệng Khánh cách sống nàng đem đến. Tôi hút lại từ miệng nàng sự câm lặng an phận của mình. Tôi giành lại quyền cầm nín, quyền tê liệt kháng thể. Chúng tôi luyến ái với nhau lần cuối, trong tường mộ, vì hiểu

việc phối giao của cả hai thất bại. Tình yêu không đủ giúp hàn gắn. Chúng tôi ân ái cầm và đem mang dấu vết của sự đồng lõa.

## 6.

Buổi sáng, Khánh trong như một nhành lys không vết bão. Nàng trong như trời mây. Tôi ưa hương lạnh của lys, ưa sự giản dị của nàng, cả nếp sống phóng khoáng nàng đem về, nhưng tôi biết dị vô cùng trên đất này, kể cả tự do. Không ai tuyên ngôn quyền công dân tế bào... Nàng chặn tôi bằng một khoe môi kín đáo. Chúng tôi đứng trong góc khuất. Hành lý đã kiểm tra, phi trường rộn ràng, nhìn Khánh ít ai đoán nàng vừa qua cơn vật vã. Chúng tôi sắp chia tay, tiếng loa gọi những chuyến bay và cả tiếng lòng chúng tôi từ giã. Tôi muốn hôn phớt lên sống mũi Khánh, hôn lên má nàng, hôn vào chính giữa hai cúc áo trên Khánh quên cài còn lộ chút da. Da của đêm hầy còn tinh nghịch... Chính Khánh hôn tôi trước, đầu lưỡi nàng còn ẩm vị mật của đêm. Tôi bậm môi, vì hiểu nhau chưa sẵn sàng, không vì chúng tôi không muốn nhưng vì môi trường đã tập nhiễm vào da. Da chúng tôi như da thú trên đất với da thú dướn nước, lông mao vũ và vẩy cá, không còn gì chung nữa. Ngay cả khi ráp lại, dáng hai người đàn bà yêu nhau dị trên xứ này. Tôi xin lỗi đã làm Khánh thất vọng. Nàng lắc đầu:

“Một khi xã hội nhiều người như Kim với Khánh, sẽ hết dị. Rồi sẽ phải hàn gắn vì những người như Khánh là những dòng sông đổ ra biển, biển luân lưu rồi lại quay về; những người như Kim làm đất, đất cần hoa trái biển, cần bến đỗ cho tàu viễn dương; Khánh làm thuyền, Kim làm bến, như vậy sẽ lại có cái chung. Rồi một khi nhiều người nối da, sẽ hết dị.”

Khánh từ giã. Phút biệt ly, chúng tôi trao những ngón tay vội vã. Tôi muốn nói mà chỉ kịp bấu vào da nàng vết móng tay tôi buồn bã. Trong thâm tâm tôi biết, Khánh hiểu sự im lặng nội tâm của đất này, nàng hiểu sự im lặng miệt mài của những con người đã mất quyền nơi đây. Tôi muốn nói Còn sự im lặng đáng sợ nữa, là sự im lặng của thép, của xà lim, nhưng Khánh hiểu, nàng thì thâm, và sự im lặng của đất trời thình không.

2010